

Agatha Christie[®]

NGÔI NHÀ QUÁI DỊ CROOKED HOUSE

ANH TRẦN dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Agatha
Christie[®]

NGÔI NHÀ
QUÁI DỊ
CROOKED HOUSE



Anh Trần dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

epub©vctvegroup
06-01-2018

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Lời tựa

Quyển sách này là một trong những quyển tôi đặc biệt yêu thích. Tôi đã ấp ủ nhiều năm, nghĩ về nó, hình dung ra nó và tự nhủ: “Một ngày nào đó, khi mình có nhiều thời gian và muốn thưởng thức chính mình – mình sẽ bắt đầu.” *Ngôi nhà quái dị* là niềm vui đơn thuần. Tôi thường tự hỏi người đọc sách có thể biết đó là một công việc gian khổ hay là niềm vui sáng tác? Nhiều người nói với tôi: “Bà hẳn đã thích thú khi viết như thế!” Quyển sách này không theo cách mà các bạn mong muốn, tính cách nhân vật không ly kỳ, âm mưu không cần phức tạp, đối thoại quá bình thường – nếu bạn nghĩ như thế. Nhưng có lẽ, tác giả không phải là quan tòa đánh giá tác phẩm của mình tốt nhất. Tuy nhiên, thực tế mọi người đã yêu thích *Ngôi nhà quái dị*, tôi xác nhận lòng tin của mình đây là một quyển hay nhất của tôi.

Tôi không biết điều gì đã đưa gia đình Leonides vào đầu tôi – họ chợt đến. Sau đó giống như Topsy^[1] ‘họ lớn dần lên’.

Tôi cảm thấy mình chỉ là thư ký của họ.

• **Agatha Christie**

Tôi quen Sophia Leonides lần đầu tiên tại Ai Cập lúc chiến tranh sắp kết thúc. Nàng giữ chức vụ hành chánh khá cao trong một cơ quan cấp vụ thuộc Bộ Ngoại giao ở đó. Tôi biết nàng trước tiên qua công việc, rồi nhanh chóng đánh giá cao năng lực đã đưa nàng đến vị trí ấy mặc dù nàng còn rất trẻ (lúc đó, nàng chỉ mới hai mươi hai).

Bên cạnh dáng vẻ rất ưa nhìn, nàng còn có bộ óc minh mẫn và khiếu hài hước tinh queo tôi vô cùng yêu thích. Chúng tôi kết bạn với nhau. Nàng là người đặc biệt dễ bắt chuyện. Chúng tôi thường xuyên ăn tối và thỉnh thoảng lại khiêu vũ cùng nhau.

Đó là tất cả những gì tôi biết. Và đến lúc được lệnh trở về Miền Đông khi chiến tranh châu Âu chấm dứt thì tôi còn biết thêm một điều nữa – tôi yêu Sophia và muốn cưới nàng.

Tôi nhận ra điều ấy khi chúng tôi ăn tối tại khách sạn Shepheard. Không phải tiếng sét ái tình mà là tình cảm mưa dầm thấm lâu. Tôi nhìn nàng với cái nhìn mới mẻ – nhưng những gì tôi trông thấy thì từ lâu đã thân quen. Tôi thích mọi thứ mình đang nhìn thấy. Mái tóc sậm màu lượn sóng buông lơ lửng trên vầng trán, đôi mắt xanh long lanh sáng, chiếc cằm thuôn nhỏ như thách thức và sống mũi thẳng. Tôi thích chiếc áo veston màu xám nhạt may rất khéo cùng áo sơ mi trắng tinh ủi phẳng phiu. Trông nàng đậm chất Anh, và nhìn nàng sau ba năm xa nhà khiến cho tôi nhớ da diết quê hương xứ sở. Tôi nghĩ, không ai có thể là người Anh hơn nàng – và thậm chí khi đang nghĩ vậy thì tôi lại đột nhiên tự hỏi nàng quả thật có chất Anh như dáng vẻ bên ngoài không, hay đó chỉ là màn trình diễn hoàn hảo?

Tôi nhận thấy nhiều lần nói chuyện thoải mái với nhau, tranh cãi ý tưởng, những điều chúng tôi thích và không thích, về tương lai, bạn bè thân và không thân – Sophia không hề nói về gia thế của mình. Nàng biết tất cả về tôi (nàng là người chịu lắng nghe, tôi nhận thấy thế) nhưng tôi lại không biết

gì về nàng cả. Tôi cho rằng lai lịch nàng cũng bình thường như bao người, có điều nàng không bao giờ kể. Và cho đến bây giờ tôi chẳng biết bất cứ điều gì.

Sophia hỏi tôi đang nghĩ gì.

Tôi thành thật đáp: “Nghĩ về em.”

“Em biết,” nàng nói, cứ như thể nàng biết thật.

“Có thể trong một vài năm nữa chúng mình sẽ không gặp nhau,” tôi nói. “Anh không biết bao giờ mới trở về Anh Quốc. Nhưng ngay khi anh về thì việc đầu tiên anh làm là đến tìm em và cầu hôn.”

Nàng nghe tôi nói mà không một lần chớp mắt. Nàng ngồi đó, hút điếu thuốc, không nhìn tôi.

Tôi nóng ruột vì nghĩ có thể nàng không hiểu ý tôi.

“Em nghe này,” tôi nói. “Có một điều anh quyết *không* làm, là cầu hôn em ngay bây giờ. Làm vậy không giải quyết được gì. Trước hết nếu em từ chối, anh sẽ rất đau lòng, và để khỏi lấp tụt ái anh có thể cưới một phụ nữ tồi tệ nào đó. Còn nếu như em không từ chối anh thì chúng ta sẽ làm gì đây? Cưới xong là anh đi ngay? Hứa hôn rồi chờ đợi mãi mòn? Anh không thể chịu đựng nếu em chấp nhận như thế. Em có thể gặp một người khác nhưng buộc lòng phải ‘trung thành’ với anh. Chúng ta đang sống trong một thời đại sôi động, biến đổi nhanh chóng. Chung quanh ta đầy rẫy chuyện yêu đương, cưới xin rồi đổ vỡ. Anh mong muốn thấy em về nhà, tự do và độc lập, em nhìn chung quanh em, nắm bắt thế giới đổi mới sau chiến tranh và quyết định điều mình sẽ làm. Những gì đã có giữa đôi ta sẽ là *vĩnh cửu*, Sophia ạ. Anh không cần bất cứ kiểu hôn nhân nào khác.”

“Em cũng thế,” Sophia nói.

“Mặt khác,” tôi nói thêm, “anh nghĩ anh được quyền cho em biết anh đang – à – cảm thấy thế nào.”

“Nhưng không phải là câu nói trữ tình thái quá đấy chứ?” Sophia thủ thỉ.

“Em yêu – em có hiểu không? Anh cố *không* nói là anh yêu em.”

Nàng chặn lời tôi. “Em hiểu chứ Charles. Và em thích anh ở cách làm cho mọi việc trở nên vui vẻ. Khi anh trở về, anh có thể tìm đến em – nếu anh vẫn

còn muốn...”

Đến lượt tôi ngắt lời nàng. “Điều ấy thì chắc chắn rồi.”

“Không thể chắc chắn mọi việc đâu, Charles ạ. Có thể có đôi điều không lường trước làm hỏng kế hoạch của chúng ta. Trước tiên là anh không biết chi nhiều về em, đúng không?”

“Thậm chí anh còn không biết em sống ở đâu tại Anh nữa.”

“Em sống ở Swinly Dean.”

Tôi gật đầu khi nghe nói đến vùng ngoại ô nổi tiếng của London, nơi tự hào có ba sân golf dành cho giới tài phiệt thủ đô.

Nàng nói tiếp, giọng trầm ngâm: “*Trong một ngôi nhà nhỏ quái dị...*”

Tôi hơi ngạc nhiên vì có vẻ như nàng đang đùa, nhưng nàng lặp lại rõ ràng trích đoạn ấy. ‘*Và họ đã sống cùng nhau trong ngôi nhà quái dị nhỏ.*’ Đó là nhà em. Thật ra nhà không nhỏ, nhưng đúng là quái dị vì có nhiều đầu hồi và tường bằng đá với khung cột gỗ.”

“Nhà có đông người không? Em có anh chị em chứ?”

“Một em trai, một em gái, mẹ, cha, bác trai và bác gái, ông nội, bà di và bà nội kế.”

“Ôi trời!” tôi kinh ngạc thốt lên.

Nàng bật cười.

“Dĩ nhiên, mọi người sống chung một nhà là không bình thường, nhưng vì giặc già và bom đạn mà ra thế. Tuy nhiên em không biết có phải về mặt tâm linh gia đình em phải luôn sống chung – dưới sự trông nom và bảo vệ của ông nội em không,” nàng chau mày suy nghĩ. “Ông em đúng là một Con Người. Ông đã ngoài tám mươi, cao khoảng một mét sáu, và mọi người khác đều mờ nhạt khi đứng cạnh ông.”

“Ông có vẻ đặc biệt nhỉ?” tôi nói.

“Rất đặc biệt. Ông là người Hy Lạp đến từ Smyrna, tên Aristide Leonides.” Nàng nháy mắt nói thêm, “Cực kỳ giàu có.”

“Sau chiến tranh thì còn ai giàu nữa chứ?”

“Ông em vẫn giàu đấy,” Sophia quả quyết. “Các thủ đoạn trưng thu tài

sản người giàu chẳng hề hấn gì với ông cả. Có khi ông móc túi lại họ ấy.”

“Em tự hỏi không biết anh có thích ông em không?” nàng nói thêm.

“Thế còn em?”

“Em quý ông hơn bất cứ ai trên đời này,” nàng đáp.

Hơn hai năm sau tôi mới trở về Anh Quốc. Hai năm ấy thật không dễ chịu chút nào. Tôi viết thư cho Sophia và được nàng hồi âm khá đều đặn. Thư chúng tôi gửi cho nhau không phải là thư tình mà là trao đổi giữa hai người bạn thân về suy nghĩ và quan niệm sống cũng như bàn luận chuyện đời. Tuy nhiên tôi biết tình cảm giữa chúng tôi ngày càng bền bỉ và sâu đậm, và tôi tin rằng Sophia cũng nghĩ thế.

Tôi trở về nước Anh vào một ngày tháng 9 khá u ám. Bầu trời xao xác gió, lá trên cây ứng vàng trong ánh sáng chiều hôm. Từ phi trường, tôi gửi điện tín cho Sophia.

Vừa về tới. 9 giờ tối nay mình dùng bữa tại nhà hàng Mario nhé. Charles.

Khoảng hai tiếng sau, khi đang đọc tờ *Times*, lướt qua mục Chào đời, Kết hôn và Cáo phó, mắt tôi bỗng chạm phải cái tên Leonides:

Vào ngày 19 tháng 9, tại nhà Ba Đầu Hôi ở Swinly Dean, ông Aristide Leonides, phu quân bà Brenda Leonides, đã từ trần thọ 88 tuổi. Trân trọng báo tin.

Ngay phía dưới có một tin khác:

Con cháu nhà Leonides vô cùng đau đớn báo tin: Ông Aristide Leonides bất ngờ từ trần tại nhà Ba Đầu Hôi, Swinly Dean. Tang lễ được tổ chức tại nhà thờ Saint Eldred, Swinly Dean.

Tôi thấy hai bản cáo phó này khá kỳ lạ. Dường như do lỗi của tòa soạn mà tin bị trùng lặp. Nhưng mối quan tâm chính của tôi là Sophia. Tôi vội gửi cho nàng bức điện thứ hai:

Vừa hay tin ông nội em từ trần. Thật đau buồn. Cho biết bao giờ anh có thể gặp em. Charles.

Tôi nhận điện tín của Sophia lúc 6 giờ tại nhà thân phụ tôi. Điện tín viết:
Sẽ đến Mario lúc 9 giờ. Sophia.

Ý nghĩ gặp lại Sophia khiến tôi bồn chồn lo lắng. Thời gian trôi qua chậm chạp đến bức mình. Tôi đến nhà hàng Mario sớm hơn giờ hẹn hai mươi phút, còn nàng chỉ đến trễ năm phút.

Khi gặp lại một người xa cách đã lâu nhưng hình bóng họ luôn hiện diện trong tâm trí ta, bao giờ ta cũng thấy xúc động. Lúc Sophia bước qua cánh cửa xoay, cuộc gặp giữa chúng tôi dường như chỉ là hư ảo. Nàng mặc bộ đồ đen, và lạ lùng thay điều đó lại làm tôi giật mình. Hầu hết phụ nữ khác cũng mặc trang phục đen – nhưng tôi luôn định ninh trong lòng đó là màu tang chế – và tôi ngạc nhiên vì Sophie cũng mặc trang phục đen để thể hiện sự buồn đau – thậm chí cho người thân của mình.

Chúng tôi dùng cocktail – sau đó đi tìm bàn cho mình. Chúng tôi luống cuống nói huyên thuyên – hỏi thăm sức khỏe những người bạn cũ hồi còn ở Cairo. Một cuộc trao đổi không tự nhiên nhưng lại giúp chúng tôi vượt qua những phút ban đầu ngỡ ngàng nghịu lúng túng. Tôi chia buồn về việc ông nàng qua đời, và Sophia lặng lẽ trả lời cái chết đó ‘quá đột ngột’. Sau đó chúng tôi trở về trạng thái hồi tưởng. Tôi băn khoăn vì cảm nhận có điều gì đó khác hơn là sự ngỡ ngàng của lần gặp lại theo lẽ thường. Có gì đó không ổn, dứt khoát là không ổn với Sophia. Có khi nào nàng sắp nói mình đã tìm được người đàn ông khác, rằng tình cảm nàng dành cho tôi ‘hoàn toàn là nhầm lẫn’?

Không hiểu sao tôi vẫn nghĩ chuyện đó sẽ không xảy ra – mà tôi cũng không biết là chuyện gì nữa, tuy vậy chúng tôi vẫn tiếp tục nói chuyện gượng gạo.

Thình lình, khi người bồi bàn mang cà phê đặt lên bàn và cúi đầu rút lui thì mọi việc nhanh chóng trở lại như xưa.

Nơi đây Sophia và tôi đang ngồi cạnh nhau, như chúng tôi từng ngồi bên chiếc bàn nhỏ trong nhà hàng ngày ấy.

Những năm xa cách dường như chưa bao giờ hiện hữu.

“*Sophia,*” tôi gọi.

Nàng đáp ngay, “Charles!”

Tôi hít một hơi thật sâu mà thấy nhẹ cả người.

“Tạ ơn Chúa, mọi việc đã qua rồi,” tôi nói. “Có chuyện gì giữa chúng mình vậy em?”

“Có thể do lỗi của em. Em quá ngốc nghếch.”

“Nhưng giờ thì ổn rồi chứ?”

“Vâng, giờ đã ổn rồi.”

Chúng tôi nhìn nhau mỉm cười.

“Em yêu!” Tôi nói. Rồi tiếp: “Bao giờ thì em đồng ý kết hôn với anh?”

Nụ cười nàng vụt tắt. Cái gì đó không ổn quay trở lại.

“Em không biết,” nàng đáp. “Em không dám chắc lúc nào có thể kết hôn với anh, Charles ạ.”

“Sophia! Sao vậy em? Có phải vì em cảm thấy anh là người xa lạ? Em có cần thời gian để làm quen lại với anh không? Phải chăng em đã có người khác? Không,…” Tôi ngưng bật. “Anh là một gã khờ. Anh chẳng là gì cả.”

“Không phải thế đâu.” Nàng lắc đầu.

Tôi chờ. Rồi nàng khẽ nói:

“Là cái chết của ông nội em.”

“Chỉ vì ông em qua đời à? Nhưng tại sao? Có gì khác đâu cơ chứ? Không phải ý em muốn nói – chắc là em không nghĩ vậy – vấn đề tài sản chứ? Ông không để lại tí nào, phải không? Nhưng em yêu, chắc chắn…”

“Không phải chuyện tiền bạc đâu anh.” Nàng thoáng hé nụ cười. “Em nghĩ anh muốn ‘đi guốc trong bụng em’ như người xưa thường nói. Suốt đời mình, ông em không để tài sản của mình suy suyển một đồng nào anh ạ.”

“Thế thì là gì?”

“Charles, em nghĩ ông em không phải là qua đời. Em cho rằng có thể ông bị giết…”

Tôi trở mắt nhìn nàng.

“Nhưng – em nói gì mà lạ! Sao em lại nghĩ thế?”

“Em đâu có nghĩ. Là do từ đầu bác sĩ đã nghi ngờ. Ông ấy không chịu ký giấy chứng tử. Sắp tới sẽ có cuộc khám nghiệm tử thi. Rõ ràng họ thấy có gì đó không ổn anh ạ.”

Tôi không tranh cãi với nàng. Sophia là người thông minh, mọi kết luận của nàng đều có thể tin cậy. Thay vào đó, tôi sốt sắng nói:

“Các nghi vấn của họ có thể sai bét. Nhưng giả sử họ đúng thì điều đó ảnh hưởng gì đến anh và em nào?”

“Trong một số hoàn cảnh nào đó thì có đấy anh. Anh ở trong ngành ngoại giao, nên về việc vợ con cũng có điều khác người ta đấy. Thôi, đừng nói nữa, em xin anh. Em biết thế nào anh cũng nói chuyện này và em hiểu anh đã nghĩ chín chắn – và về lý thuyết thì em hoàn toàn đồng ý với anh. Nhưng em là người rất kiêu hãnh. Em muốn cuộc hôn nhân này sẽ tốt đẹp cho cả hai ta chứ không bên nào phải chịu thiệt thòi hay hy sinh vì tình yêu. Và như em đã nói, *có thể* mọi chuyện sẽ ổn...”

“Em muốn nói ông bác sĩ – có thể đã sai lầm?”

“Ngay cả khi ông ta không nhầm lẫn thì cũng không thành vấn đề – đằng nào cũng có người giết ông nội.”

“Em định nói gì vậy Sophia?”

“Thật là tởm khi nói thế. Nhưng suy cho cùng thì nên trung thực anh ạ.”

Nàng chặn không cho tôi nói. “Thôi nhé, Charles, em sẽ không nói gì thêm nữa. Em đã nói quá nhiều. Nhưng tối nay em quyết đến gặp anh là để anh hiểu cho em. Chúng ta không thể yên tâm làm gì cho đến khi sự việc được sáng tỏ.”

“Ít ra em cũng nói cho anh biết chuyện đó chứ.”

Nàng lắc đầu. “Em không muốn.”

“Nhưng – Sophia...”

“Không đâu, Charles. Em không muốn anh quan tâm gia đình em từ góc độ *của em*. Em muốn anh nhìn gia đình em với cái nhìn khách quan không thiên vị.”

“Vậy anh phải làm thế nào?”

Nàng nhìn tôi, một cái nhìn tinh quái với đôi mắt xanh long lanh sáng.

“Anh sẽ có được cái nhìn đó từ cha anh,” nàng đáp.

Lúc ở Cairo tôi đã nói cho Sophia biết cha tôi là Trợ lý ủy viên cảnh sát

của Scotland Yard, và giờ ông vẫn còn làm ở đó. Nghe nàng nói mà tôi thấy lạnh cả sống lưng.

“Sự việc tệ hại đến thế cơ à?”

“Em nghĩ vậy. Anh có thấy người đàn ông ngồi một mình ở bàn gần cửa không – cái anh chàng bánh trai trông giống một cựu chiến binh đang ra vẻ thản nhiên ấy?”

“Có, anh có thấy.”

“Tối nay khi em lên tàu ở Swinly Dean thì anh ta cũng ở trong sân ga.”

“Ý em là anh ta theo em đến đây?”

“Vâng. Em cho rằng cả hai chúng ta đều bị – nói thế nào nhỉ? – bị theo dõi anh ạ. Họ đã nói bóng gió là chúng em không nên ra khỏi nhà. Nhưng em đã quyết đi gặp anh.” Nàng hát nhẹ chiếc cầm thanh tú như thách thức. “Em đi ra bằng cửa sổ buồng tắm và tụt xuống theo đường ống nước.”

“Em yêu!”

“Nhưng cảnh sát thì tinh nhuệ lắm, và tất nhiên lại có bức điện tín em gửi cho anh. Không sao cả – giờ chúng ta đang ở bên nhau... Nhưng từ nay trở đi hai chúng ta phải tự mình xoay sở.”

Nàng dừng lời rồi lại nói thêm:

“Không còn nghi ngờ gì – tình yêu của chúng ta thật bất hạnh.”

“Không có gì nghi ngờ cả,” tôi nói, “em đừng nói bất hạnh. Anh và em đã từng trải qua thế chiến, đã thoát qua cái chết cận kề – và anh không gì lạ khi thấy cái chết bất thần của một ông lão – vậy, ông bao nhiêu tuổi?”

“Tám mươi bảy.”

“Báo *Times* có đăng. Ông mất ở cái tuổi già, và bất cứ bác sĩ đa khoa đáng kính nào cũng sẽ chấp nhận.”

“Nếu như anh biết ông em, anh sẽ phải ngạc nhiên về cái chết *bất thường* của ông,” Sophia nói.

Tôi ít khi đề ý đến công việc cảnh sát của cha tôi, vì thế tôi chưa sẵn sàng lúc nào thì nên trực tiếp quan tâm đến công việc ấy.

Tôi chưa gặp Ông Già. Ông đi ra ngoài khi tôi về đến, và sau khi tắm rửa, cạo râu, thay áo quần, tôi phải đi ra ngoài để gặp Sophia. Khi tôi trở về nhà, Glover báo cho tôi biết ông ở trong phòng làm việc.

Ông ngồi tại bàn làm việc, cau có trước một đống giấy tờ. Ông chồm đứng lên khi thấy tôi vào.

“Charles! Tốt, tốt, đã lâu không gặp.”

Sau năm năm chiến tranh, cuộc gặp gỡ giữa hai cha con có thể làm cho một người đàn ông Pháp thất vọng. Thực ra mọi cảm xúc về sự sum họp đều ổn. Ông Già và tôi rất thương yêu và hiểu ý nhau.

“Cha vừa mới uống chút whisky,” ông nói. “Xin lỗi, cha đã ra ngoài khi con về đến đây. Cha đang ngập đầu với công việc. Lại một vụ mới, quý tha ma bắt!”

Tôi ngả người tựa vào lưng ghế và đốt một điếu thuốc.

Tôi hỏi: “Vụ án Aristide Leonides phải không cha?”

Cặp chân mày của ông nhanh chóng sụp xuống. Ông phóng nhìn tôi, một cái nhìn nhanh, đánh giá. Giọng nói nghiêm nghị, lạnh tanh.

“Điều gì khiến con nói thế, Charles?”

“Con nói đúng, phải không?”

“Làm sao con biết chuyện đó?”

“Do nhận được thông tin.” Ông Già chờ lắng nghe.

“Tin tức của con, đến từ nguồn vững chắc,” tôi đáp.

“Tiếp đi, Charles, nói cho cha biết đi.”

“Cha có thể không thích điều đó. Con đã gặp Sophia Leonides hỏi ở

Cairo. Con đã yêu cô ấy. Con sẽ cưới cô ấy. Tối hôm nay con đã gặp cô ấy. Cô ấy ăn tối với con.”

“Ăn tối với con? Tại London? Cha tự hỏi cô ta đã làm cách nào? Cả gia đình ấy – nói cho dễ nghe – bị buộc phải ở tại nhà.”

“Đúng vậy, cô ấy tuột ống nước từ cửa sổ phòng tắm.”

Đôi môi Ông Già hơi nhếch một nụ cười. Ông nói:

“Cô nàng này có vẻ là một cô gái trẻ có bản lĩnh.”

“Nhưng cảnh sát rất có năng lực,” tôi nói. “Một viên cảnh bị đã theo dõi nàng đến nhà hàng Mario. Con nghĩ cha đã có những báo cáo. Cao khoảng một mét bảy, tóc nâu, mắt xanh, mặc áo xanh sẫm có sọc nhỏ, v.v...”

Ông Già nhìn tôi nghiêm khắc. Ông hỏi:

“Chuyện này – nghiêm túc đây chứ?”

“Vâng. Rất nghiêm túc, thưa cha.”

Có một lúc im lặng.

Tôi hỏi: “Cha phản đối sao?”

“Cách đây một tuần thì cha sẽ không phản đối. Họ là một gia đình nề nếp... cô gái sẽ có một số tiền – và cha biết con. Con không dễ đánh mất lý trí. Có phải thế không?”

“Vâng, thưa cha.”

“Chuyện đó có thể tốt thôi, nếu như...”

“Nếu như, sao?”

“Nếu như có đúng người làm điều đó.”

Đây là lần thứ hai tôi nghe câu này. Tôi bắt đầu chú ý.

“Nhưng ai là đúng người?”

Ông nhìn tôi một cái nhìn sắc bén.

“Con biết được bao nhiêu về tất cả chuyện đó?”

“Không gì hết.”

“Không gì hết à?” Ông có vẻ ngạc nhiên. “Cô gái không nói cho con biết gì hết à?”

“Thưa không. Cô ấy nói con nhìn toàn bộ – từ một cái nhìn khách quan – là tốt hơn cả.”

“Cha tự hỏi tại sao thế?”

“VẬY còn chưa rõ ràng sao?”

“Không, Charles, cha không nghĩ như thế.”

Ông cau mày, đi qua đi lại. Ông đã đốt một điếu xì gà và bây giờ điếu xì gà đã hết. Điều đó cho tôi thấy Ông Già vô cùng bối rối.

“Con đã biết được bao nhiêu về gia đình đó?” ông hỏi hàm hồ.

“Khôn khở cho con! Con chỉ biết có một ông già, một số con và cháu, một số quyền thuộc qua hôn nhân. Con không biết rõ nhánh nhóc của họ.” Tôi ngưng lại rồi tiếp. “Cha nên đặt con vào hoàn cảnh đó thì tốt hơn cha ạ.”

Ông ngồi xuống. “Được rồi. Rất tốt. Cha sẽ bắt đầu từ đầu – Aristide Leonides. Ông ta đến Anh khi hai mươi bốn tuổi.”

“Một người Hy Lạp từ Smyrna.”

“Con biết gì nhiều hơn không?”

“Đó là tất cả những gì con biết.”

Cánh cửa bật mở, Glover bước vào, báo Chánh thanh tra Taverner đã đến.

“Anh ta phụ trách vụ án này.” Cha tôi nói. “Có thêm anh ta rất tốt. Anh ta đang rà soát gia đình Leonides. Anh ta hiểu biết về họ hơn cha.”

Tôi hỏi cảnh sát địa phương có yêu cầu Scotland Yard trợ giúp không.

“Việc này thuộc thẩm quyền của chúng ta. Nhưng Swinly Dean thuộc Greater London.”

Tôi cúi chào Chánh thanh tra Taverner khi anh bước vào phòng. Tôi quen biết Taverner nhiều năm về trước. Anh nồng nhiệt chào mừng tôi và khen ngợi tôi về nước được an toàn.

Cha tôi nói: “Tôi cho Charles tham gia vụ án. Taverner, hãy chỉnh sửa nếu tôi nói sai. Leonides đến London năm 1884. Ông ta khởi đầu sự nghiệp với một nhà hàng nhỏ tại Soho. Thành công. Ông mở thêm một nhà hàng khác. Sau đó ông sở hữu bảy hay tám nhà hàng. Tất cả đều thành công.”

“Trong thời gian ông ta quản lý, không có gì sai sót,” Taverner nói.

Cha tôi nói: “ Ông ta có khiếu bẩm sinh. Đến tận sau này ông ta sở hữu nhiều nhà hàng nổi tiếng tại London. Sau đó ông tiến sâu vào công nghiệp cung cấp suất ăn quy mô lớn.”

“Ông ta có sau lưng một số công việc kinh doanh khác cũng rất thành công,” Taverner nói. “Như buôn bán quần áo đã qua sử dụng, cửa hàng nữ trang rẻ tiền, nhiều thứ khác nữa. Dĩ nhiên,” Taverner trầm ngâm, “ông ta luôn là kẻ gian gian.”

“Ý anh là lừa bịp ư?” tôi hỏi.

Taverner lắc đầu.

“Không, không phải thế. Gian gian – đúng, nhưng không phải kẻ lừa bịp. Không làm gì vi phạm pháp luật. Nhưng ông ta là loại người biết lách kẽ hở pháp luật. Ông ta biết rửa sạch tay trong trận chiến và khi già vẫn thế. Ông ta không làm điều gì mang tiếng bất hợp pháp – nhưng khi ông ta đạt được điều gì, anh phải có ngay điều luật liên quan đến hành vi đó, anh hiểu ý tôi muốn nói chứ? Nhưng lúc này đây ông ta đã ra đi khi công việc còn dang dở.”

“Nghe nói ông ta không có tính cách hấp dẫn.”

“Ông ta cũng hấp dẫn, đủ gọi là hơi kỳ kỳ. Con người có cá tính. Anh sẽ cảm nhận điều ấy. Nhìn kỹ không có gì đặc biệt. Đó là một gã lùn – một kẻ nhỏ con xấu xí – nhưng có sức hút – nhiều phụ nữ mê ông ta.”

“Tuy vậy ông ta có một cuộc hôn nhân gây ngạc nhiên,” cha tôi nói. “Cưới được con gái một điền chủ – một ông chủ nuôi chó săn.”

Tôi nhướn mày. “Vì tiền?”

Cha tôi lắc đầu.

“Không phải, đó là một cuộc tình ngẫu nhiên. Cô gái gặp ông ta trong một vụ phục vụ đám cưới của một cô bạn – và mê đắm ông ta. Cha mẹ cô gái chống đối quyết liệt, nhưng cô gái quyết tâm lấy ông ta. Như cha đã nói, người đàn ông có sức quyến rũ – có cái gì là lạ và mạnh mẽ khiến cô gái say đắm. Cuộc sống trước đó khiến cô nàng buồn chán cực độ.”

“Thế cuộc hôn nhân đó có hạnh phúc không?”

“Rất hạnh phúc, thật khá kỳ lạ. Dĩ nhiên bạn bè thân thiết của họ không vừa ý (đó là những ngày sự phân biệt giai cấp không còn quá lệ thuộc vào

đồng tiền), nhưng họ không phiến lòng. Họ gạt bạn bè qua một bên. Họ xây dựng một ngôi nhà kỳ lạ tại Swinly Dean, sống ở đấy và có tám đứa con.”

“Lịch sử gia đình đó thực sự như thế nào?”

“Ông lão Leonides khá khéo chọn Swinly Dean. Ông ta chỉ mới bắt đầu cải thiện nơi đây. Sân golf thứ hai và thứ ba chưa kịp làm. Đó là sự phối hợp giữa những cư dân cũ, họ ưa thích những mảnh vườn và bà Leonides – và những người giàu có của thành phố thích đến với ông Leonides, họ đến để chọn bạn bè. Tôi nghĩ rằng ông bà sống rất hạnh phúc cho đến khi bà Leonides mất vào năm 1905 vì bệnh viêm phổi.”

“Để lại tám đứa con?”

“Một đứa chết lúc còn nhỏ. Hai con trai chết trong trận chiến vừa qua. Một cô con gái lấy chồng đi Úc và chết ở đó. Một cô không chồng chết vì tai nạn xe mô tô. Một người chết một hai năm về trước. Hai người con trai còn sống. Roger là người con lớn, có vợ nhưng không có con. Còn người kia, Philip, có vợ là một nữ diễn viên nổi tiếng và có ba đứa con: cô bé Sophia của con, Eustace và Josephine.”

“Và họ cùng sống ở – tên gì nhỉ? Ba Đầu Hôi?”

“Đúng. Nhưng bà Roger Leonides bị trúng bom chết hồi đầu chiến tranh. Philip và gia đình của ông ta sống ở đó từ năm 1937. Nơi đây còn có bà dì già, bà cô de Haviland, em của bà Leonides đầu tiên. Bà này luôn khinh ghét ông anh rể ra mặt, nhưng khi chị bà mất, bà thấy có bổn phận nhận lời mời của anh rể về sống ở nhà ông ta và nuôi dạy các con của chị mình.”

“Bà rất tận tình với bổn phận,” thanh tra Taverner nói tiếp. “Nhưng bà không thuộc loại người dễ thay đổi quan niệm sống. Bà luôn bất đồng với Leonides và phong cách sống của ông.”

Tôi nhận xét: “Có vẻ là một gia đình hòa thuận. Thế thì anh nghi ai đã giết ông ta?”

Taverner lắc đầu: “Còn quá sớm để nói điều đó.”

“Thôi mà Taverner. Tôi cược anh nghĩ anh biết ai làm chuyện đó. Chúng ta có đang ở tòa án đâu,” tôi nói.

Taverner trầm ngâm: “Không đâu. Có thể chúng ta không bao giờ biết.”

“Ý anh là ông ta có thể không bị giết?”

“Không đâu, đúng là ông ta bị giết. Bị đầu độc. Như anh đã biết, những vụ đầu độc đều giống nhau. Rất nhiều thủ đoạn để đạt kết quả. Rất nhiều thủ đoạn. Rất nhiều khả năng có thể đạt mục tiêu...”

“Chính là tôi muốn biết những chuyện đó. Anh đã có trong đầu mọi khả năng, đúng không?”

“Đây là một trường hợp có khả năng rất lớn. Một trong những vụ hiển nhiên. Âm mưu hoàn hảo. Nhưng tôi không biết, chắc chắn. Rất thủ đoạn.” Tôi nhìn cha tôi cầu cứu.

Ông chậm rãi nói: “Con biết rồi đó, Charles, trong những trường hợp giết người, cái hiển nhiên thường là đáp án đúng. Mười năm về trước, ông Leonides lấy vợ lần nữa.”

“Lúc ấy, ông bảy mươi bảy tuổi?”

“Đúng, ông ta cưới một phụ nữ trẻ hai mươi bốn tuổi.”

Tôi huýt sáo.

“Một cô gái trẻ từ một quán trà. Một cô gái trẻ hoàn hảo, ngon lành.”

“Vậy cô ta có khả năng là nghi can số một?”

“Tôi xin hỏi,” Taverner nói. “Giờ cô ta chỉ mới ba mươi bốn tuổi – đó là một cái tuổi nguy hiểm. Cô ta sống dễ dãi. Và lại có một người đàn ông trẻ ở trong nhà. Là gia sư của lũ cháu. Đã không ra chiến trận – do bị bệnh tim hay cái gì đó. Số người này đông như lũ trộm.”

Tôi trầm ngâm nhìn anh. Đây rõ là kiểu cổ điển, quen thuộc. Một kiểu lặp đi lặp lại. Và như cha tôi nhấn mạnh, bà Leonides sau là người đáng kính trọng. Dưới cái danh xưng đáng kính trọng, nhiều vụ giết người đã xảy ra. “Thuốc gì? Có phải arsenic không?” tôi hỏi.

“Không phải. Chúng tôi đã nhận được bản phân tích – nhưng bác sĩ cho rằng đó là eserine.”

“Đó là thứ ít được dùng, đúng không? Vậy chắc dễ tìm được người mua.”

“Không phải. Đó là thuốc riêng của ông ta. Thuốc nhỏ mắt.”

“Ông Leonides bị bệnh tiểu đường,” cha tôi nói. “Ông ta thường xuyên

phải tiêm insulin. Insulin được cho vào những chai nhỏ có nắp bằng cao su. Một kim tiêm đâm xuyên qua nắp cao su và rút insulin ra.”

Tôi suy đoán: “Nhưng trong chai không phải insulin, mà là eserine?”

“Đúng như vậy.”

“Nhưng ai tiêm cho ông ấy?” tôi hỏi

“Vợ ông ta.”

Giờ tôi đã hiểu ý của Sophia khi nói ‘đúng người’. Tôi hỏi: “Gia đình có đôi xử tốt với bà vợ hai không, bà Leonides ấy?”

“Không. Tôi đã thu thập được nhiều lời nặng nề về bà ta.”

Dường như càng lúc càng rõ. Tuy nhiên rõ ràng là Chánh thanh tra Taverner không vui về điều đó.

Tôi hỏi anh: “Tại sao anh có vẻ không vui?”

“Nếu bà ta làm chuyện đó, Charles à, bà ta dễ dàng đổi chai insulin thật sau khi thực hiện. Nói đúng ra, nếu bà ta gây án, tôi không thể nghĩ tại sao bà ta không đổi lại thuốc.”

“Đúng, có vẻ như ‘lạ ông tôi ở bụi này’. Có rất nhiều chai insulin kia mà.”

“Nhiều chai insulin và nhiều chai không. Nếu bà ta đổi, rất có khả năng bác sĩ cũng không nhận ra. Qua khám nghiệm tử thi, khó có khả năng nhận ra đầu độc bằng eserine. Nhưng nếu ông ta kiểm tra kỹ việc dùng insulin (trong trường hợp có trục trặc về sức khỏe hay có cái gì giống như thế) dĩ nhiên ông ấy sẽ nhận ra ngay *không phải* insulin.”

“Vậy dường như bà Leonides,” tôi trầm ngâm, “hoặc là rất ngu dại – hoặc có thể rất khôn khéo.”

“Ý anh là...”

“Bà ta chơi trò đưa anh đến kết luận không có ai dại dột làm chuyện như bà ta đã làm. Thế còn những khả năng khác? Những kẻ – ‘khả nghi’ khác?”

Ông Già nói nhẹ nhàng: “Trên thực tế, mọi người trong nhà đều có thể làm điều đó. Luôn có khối lượng lớn insulin dự trữ – ít ra đủ cho nửa tháng. Một trong những chai thủy tinh nhỏ đã được tìm thấy và đặt vào chỗ sắp dùng đến.”

“Và, có ai đó, ít nhiều đã thấy chúng?”

“Chúng đâu bị khóa. Chúng được đặt trong một ngăn đặc biệt của tủ thuốc trong phòng tắm của ông ấy trong nhà. Mọi người trong nhà đều có thể tự do vào ra.”

“Có ai có động cơ?”

Cha tôi thở dài: “Charles con ơi. Aristide Leonides rất, rất giàu. Ông ta đã làm ra rất nhiều tiền bạc cho gia đình, đúng vậy đấy, nhưng có thể ai đó muốn có nhiều hơn nữa.”

“Nhưng người muốn nhiều nhất là bà vợ hiện nay. Chàng trai trẻ của bà hai đó có nhiều tiền không?”

“Không. Y nghèo kiệt xác.”

Có gì đó bỗng hiện lên trong đầu tôi. Tôi nhớ đến lời nói của Sophia. Bỗng nhớ đến âm điệu của bài hát hồi còn ở nhà trẻ:

Có một con người kỳ dị đi trên một dăm dài kỳ dị.

Y lượm được một đồng 6 penni kỳ dị bên cạnh một bạc thêm kỳ dị.

Y có một con mèo kỳ dị, nó bắt được một con chuột kỳ dị,

Và tất cả bọn họ cùng sống trong một ngôi nhà nhỏ bé kỳ dị.

Tôi hỏi Taverner:

“Bà Leonides đối phó với anh thế nào? Anh nghĩ sao về bà ta?”

Taverner chậm rãi trả lời:

“Rất khó nói – rất là khó nói. Bà ta không dễ bắt chuyện. Rất giữ mồm giữ miệng – do vậy, anh không biết bà ta đang nghĩ gì. Nhưng bà ta sống dễ dãi – tôi thề với anh là tôi nói đúng. Anh biết không, khiến tôi nghĩ đến một con mèo, một con mèo to lớn, thuần chủng... Không phải tôi không ưa mèo. Mèo cũng hay đấy chứ...” Thanh tra thở dài.

“Cái chúng ta muốn là,” anh nói, “*chứng cứ.*”

Đúng, tôi nghĩ, tất cả chúng tôi đều muốn chứng cứ xác định bà Leonides đầu độc chồng mình. Sophia muốn điều đó, tôi muốn và Chánh thanh tra Taverner cũng muốn.

Như thế mọi việc sẽ dễ chịu!

Nhưng Sophia không chắc, tôi không chắc và tôi cho rằng Thanh tra Taverner cũng không chắc.

Ngày hôm sau, tôi đi theo Taverner đến Ba Đầu Hôi.

Vai trò của tôi là một vai trò kỳ lạ. Nói thật ra, đó không phải là vai trò chính quy. Cha tôi cũng chưa hề là một người chính quy cao cấp.

Tôi đã có một chỗ đứng nào đó. Tôi đã từng làm việc với một Chi nhánh Đặc biệt của Scotland Yard thời trước chiến tranh.

Dĩ nhiên, chuyện này thì hoàn toàn khác – nhưng nói cách nào đó, những thành tích trước kia của tôi đã cho tôi một vai trò chính thức.

Cha tôi nói: “Nếu chúng ta sắp giải quyết vụ án này, chúng ta phải có tay trong. Chúng ta phải biết mọi người trong nhà đó. Chúng ta phải biết bọn họ từ *bên trong* – chứ không phải từ bên ngoài. Con là người thích hợp cho công việc của chúng ta.”

Tôi không thích làm việc đó. Tôi ném điều thuốc vào gạt tàn và nói:

“Con sẽ làm gián điệp cho cảnh sát ư? Phải vậy không? Con phải làm gián điệp bên cạnh Sophia, người mà con yêu thương, là người yêu thương con và tin tưởng con, và là người con tin tưởng.”

Ông Già nổi giận đùng đùng. Ông nói nghiêm khắc:

“Ôi trời, con đừng dùng nhãn quan thông thường xử lý công việc. Trước hết, con có nghĩ cô bạn gái của con giết chết ông nội cô ta không, con không tin chứ gì?”

“Dĩ nhiên là không. Đó là một ý tưởng tuyệt đối vô lý.”

“Rất tốt – chúng ta cũng không tin. Cô gái đã ra khỏi nhà nhiều năm, cô luôn trao đổi thân thiết với ông lão. Cô có thu nhập cao và ông nội cô cũng thế. Cha có thể nói, cha sung sướng khi biết cô bé hứa hẹn với con và có thể có một cuộc hôn nhân tốt đẹp với con. Chúng ta không nghi ngờ cô bé. Tại sao? Con có thể tin chắc một điều. Nếu sự việc mà không được làm rõ, cô bé sẽ không lấy con. Qua những gì con nói với cha, cha thực sự tin thế. Và nên

biết, vụ án này có thể không bao giờ sáng tỏ. Về lý, chúng ta có thể chắc rằng người vợ và gã bạn trai của bà ta thông đồng với nhau – nhưng chứng minh được chuyện đó là một vấn đề khác. Mà thậm chí đây không phải loại vụ án đưa lên đến Viện trưởng Viện công tố. Trừ phi chúng ta có chứng cứ xác đáng chống lại bà ta, bằng không thì sẽ luôn là một nghi ngờ bực mình. Con có thấy thế không?” Vâng, tôi đã thấy.

Lúc này cha tôi nhẹ giọng:

“Tại sao con không hỏi cô bé?”

“Ý cha là – hỏi Sophia...” tôi ngập ngừng.

Cha tôi gật mạnh đầu.

“Đúng, đúng, cha không muốn con là một kẻ bạc nhược không dám hỏi cô gái điều con ấp ủ. Hãy xem cô ấy nói gì về chuyện đó.”

Do vậy vào ngày hôm sau, tôi đi cùng Chánh thanh tra Taverner và Trung sĩ thám tử Lamb đến Swinly Dean.

Từ một con đường nhỏ chạy ngoài sân golf, chúng tôi rẽ vào ngõ, tôi tưởng tượng nơi đây trước chiến tranh nó có đôi cánh cửa uy nghi. Chủ nghĩa yêu nước hay sự trung dụng tàn bạo đã lấy chúng đi. Chúng tôi đi qua một con đường hình vòng cung hai bên trồng hoa đỗ quyên, đến một con đường lát sỏi trước một ngôi nhà.

Thật kỳ lạ! Tôi thậm chí hỏi sao lại gọi là *ba đầu hồi*. Mười một đầu hồi nằm đối nhau. Điều kỳ lạ là nó có vẻ bề ngoài méo mó – tôi nghĩ tôi có thể hiểu. Thật ra nó có dáng một túp lều, một túp lều có kích thước mở rộng. Nó trông giống một túp lều quê mặc dù làm bằng kính khổng lồ, tuyệt đẹp. Những thanh xà lệch, cây gỗ chống nghiêng, những đầu hồi làm cho ngôi nhà kỳ dị lớn lên như cây nấm trong đêm!

Lúc đó, tôi chợt có ý nghĩ. Đây là ý tưởng kiểu Anh của một chủ nhà hàng người Hy Lạp. Tức đây là ngôi nhà của một người Anh – được xây dựng với kích thước của một lâu đài. Tôi tự hỏi có phải bà Leonides đã nghĩ ra ý tưởng đó không. Tôi cho rằng bà không được tham khảo hay cho xem bản thiết kế. Rất có thể ông chồng ngoại quốc của bà mang đến cho bà sự ngạc nhiên. Tôi thậm chí không biết bà nhún vai hay mỉm cười.

Dường như bà sống rất hạnh phúc nơi đây.

“To lớn thật, phải không?” Chánh thanh tra Taverner nói. “Quý lão ông này đạt được nhiều thứ – biến thành ngôi nhà riêng rẽ có nhà bếp và mọi thứ. Bên trong là đồ đạc hạng nhất, hết như một khách sạn sang trọng.”

Sophia ra trước cửa nhà. Nàng không đội mũ, mặc áo sơ mi xanh lam và váy bằng vải tuyết.

Nàng đứng sững khi trông thấy tôi.

“*Anh?*” nàng kêu lên.

Tôi nói: “Sophia, anh có chuyện cần nói với em. Chúng ta có thể đi đâu?”

Tôi nghĩ nàng thoáng lưỡng lự, sau đó, quay lưng và nói: “*Lối này.*”

Chúng tôi đi qua bãi cỏ. Tầm nhìn đẹp số một của Swinly Dean – xa hẳn là đám thông trên đồi, và xa hơn nữa là cảnh nông thôn mờ mờ sương khói.

Sophia đưa tôi đến một khu vườn đá tảng, giờ đã bị bỏ hoang, có một chỗ ngồi bằng gỗ cũ kỹ, gồ ghề và chúng tôi ngồi lên đó.

“Chuyện gì vậy anh?” nàng hỏi, giọng không thôi thúc.

Tôi nói – nói tất cả.

Nàng lắng nghe, rất chăm chú. Mặt nàng trầm xuống chứng tỏ nàng đang suy nghĩ. Nhưng sau khi tôi thôi nói, nàng thở dài. Một cái thở dài sâu lắng.

“Cha anh,” nàng nói, “là một người rất tài tình.”

“Ông Già có quan điểm của ông. Anh nghĩ đó là một ý tưởng vô giá trị – nhưng...”

Nàng ngắt lời tôi: “Không đâu, ý tưởng đó không hề vô giá trị. Chắc chỉ có làm vậy mới được việc. Cha anh, Charles à, biết đúng điều em sắp nghĩ trong đầu. Ông ấy hiểu rõ hơn anh.”

Đột nhiên xúc động mạnh mẽ, nàng đưa một nắm tay này vào lòng bàn tay kia.

“Em *phải* biết sự thật. Em phải *biết*.”

“Vì chúng ta? Nhưng, em yêu à...”

“Không phải chỉ vì chúng ta, Charles. Em phải biết thì mới được yên lòng. Charles ơi, tôi qua em đã không nói với anh – nhưng sự thật là – em rất

sợ.”

“Em sợ à?”

“Vâng – em sợ – sợ – sợ. Cảnh sát nghĩ, cha anh nghĩ, anh nghĩ, mọi người nghĩ – chính bà Brenda đã đầu độc ông em.”

“Có khả năng thôi...”

“Đúng đó, hoàn toàn có khả năng. Có thể. Nhưng khi em nói, ‘Brenda có thể đã làm,’ em hoàn toàn ý thức đó chỉ là một suy tưởng. Bởi vì, *em không thật sự nghĩ thế.*”

“Em không *nghĩ* thế à?” tôi nói chậm rãi.

“Em *không biết*. Anh đã nghe tất cả những điều đó từ bên ngoài như em mong muốn. Giờ thì em cho anh biết từ bên trong. Em chỉ cảm thấy Brenda không phải là loại người đó – bà không phải là loại người làm gì để dính líu vào nguy hiểm. Bà ta rất cẩn trọng.”

“Còn chàng trai trẻ thì sao?”

“Anh ta đúng là con thỏ đế. Chẳng có gan đâu.”

“Anh lấy làm ngạc nhiên.”

“Chúng ta hoàn toàn không biết, đúng không? Ý em: người ta có thể làm người khác hoảng sợ bằng sự bất ngờ. Một người có thể nắm được ý tưởng của những người khác, đôi khi ý tưởng đó tuyệt đối sai trái. Không thường xuyên – nhưng đôi khi. Nhưng dù sao đi nữa, Brenda” – Sophia lắc lắc đầu – “bà ta luôn hành động nhất quán một kiểu. Em gọi bà ta là loại sống trong hậu cung. Thích ngồi đâu đó, ăn kẹo, có quần áo và nữ trang đẹp, đọc những cuốn tiểu thuyết rẻ tiền và đi xem chiếu bóng. Và điều kỳ lạ cần nói, dù ông đã tám mươi bảy tuổi, nhưng em thật sự nghĩ bà ta rất sợ ông em. Anh biết đấy, ông rất có uy quyền. Em tưởng tượng ông có thể làm cho một người đàn bà cảm thấy – mình giống như một nữ hoàng – ái phi của đấng quân vương! Em nghĩ – lúc nào cũng nghĩ – ông đã làm cho Brenda cảm thấy bà là một người sôi nổi, lảng mạn. Suốt cả đời mình, ông đối xử rất khéo với mọi phụ nữ – và điều đó là một loại nghệ thuật – dù anh già đến mấy, đừng bỏ qua nghệ thuật này.”

Tôi tạm để qua một bên vụ Brenda và trở lại câu nói của Sophia đã làm

cho tôi thắc mắc.

Tôi hỏi: “Tại sao em nói em sợ?”

Sophia hơi rùng mình, nàng siết chặt hai tay.

“Bởi vì đó là sự thật,” nàng xuống giọng. “Điều đó rất quan trọng, Charles. Em sẽ nói cho anh biết. Gia đình em là một gia đình kỳ lạ... có rất nhiều sự *nhẫn tâm* giữa những người cùng sống – và – những kiểu *nhẫn tâm* khác nhau. Vô cùng rắc rối. Những kiểu khác nhau!”

Có lẽ nàng thấy vẻ khó hiểu trên mặt của tôi. Nàng tiếp tục nói, giọng sôi nổi.

“Em sẽ cố gắng làm rõ ý em. Ví dụ như ông em. Có lần đang kể về thời tuổi trẻ ở Smyrna, ông buột miệng nói ông đã đâm hai người. Đó là một cuộc cãi vã – có sự lảng mạn không thể bỏ qua – em không biết – nhưng đã xảy ra hoàn toàn đương nhiên. Ông thực sự đã quên chuyện đó. Tuy nhiên, ở nước Anh, đột nhiên nghe một chuyện như thế thật là rất kỳ.”

Tôi gật đầu đồng ý.

Sophia nói tiếp: “Đó là một kiểu tàn bạo, và đây là chuyện của bà em. Em chỉ mang máng nhớ về bà, nhưng em nghe rất nhiều chuyện về bà. Em nghĩ bà cũng có những sự tàn bạo không thể tưởng được. Vì là dòng dõi của những người săn cáo – những vị tướng già kiểu bắn chết bỏ. Chính trực và kiêu hùng, không hề sợ chịu trách nhiệm về chuyện sống chết.”

“Có cường điệu quá không?”

“Không đâu, em dám nói như thế – nhưng em luôn sợ loại người đó. Rất ngay thẳng nhưng *lại* nhẫn tâm. Và rồi cả mẹ em – mẹ là một nữ diễn viên – mẹ rất dễ thương, nhưng mẹ tuyệt không có chút ý thức nào về sự vừa phải. Mẹ là một trong những người ích kỷ vô thức, những người này chỉ có thể nhìn sự việc theo kiểu nó ảnh hưởng thế nào đến *họ*. Anh thấy đấy, đôi khi, cũng đáng sợ. Nói về Clemency, vợ bác Roger. Bác gái là một nhà khoa học – bác đang làm một nghiên cứu rất quan trọng – bác cũng tàn nhẫn, loại người có máu lạnh, không bị tình cảm cá nhân chi phối. Bác trai Roger thì hoàn toàn ngược lại – bác là người tử tế và đáng mến nhất trên đời nhưng tính khí bác đáng sợ lắm. Bác mà sôi máu lên thì hết biết mình đang làm gì. Còn cha em...”

Nàng im lặng một lúc lâu, đoạn chậm chậm nói:

“Cha em – hầu như rất khéo tự kiềm chế. Anh không hề biết ông đang nghĩ gì. Ông không bao giờ biểu lộ xúc cảm. Đó có thể là một dạng tự vệ vô thức chống lại với xúc cảm vô bờ của mẹ. Nhưng điều đó đôi khi làm em hơi lo lắng..”

“Cô bé của anh ơi,” tôi nói, “em đang làm mình lo lắng không cần thiết rồi. Điều đó đưa đến kết cục là mọi người, có lẽ, đều có thể là kẻ sát nhân.”

“Em cho rằng đúng là vậy. Ngay cả em...”

“Em thì không!”

“Không đâu, Charles, anh không nên đặt em vào trường hợp ngoại lệ. Em cho rằng em cũng *có thể* giết ai đó...” Nàng lại im lặng một lúc, rồi nói thêm, “Nhưng nếu thế, thì phải vì một cái gì thực sự đáng!”

Tôi cười to. Không thể nói gì hơn. Và Sophia cười mỉm. Nàng nói:

“Có thể em là một con điên, nhưng chúng ta phải tìm ra sự thật về cái chết của ông em. Chúng ta cần làm thế. Nếu như đó là Brenda...”

Tôi bỗng cảm thấy khá thương hại cho bà Brenda Leonides.

Một thân người cao gầy đang bước nhanh trên lối dẫn đến chỗ chúng tôi. Người đó đội cái mũ bằng nỉ đã cũ lại rách, mặc cái áo sơ mi xộc xệch bên trong một cái áo len đan vụng về.

“Bà dì Edith,” Sophia kêu lên.

Thân người đó dừng lại một hai lần, cúi xuống các hàng rào hoa, sau đó đi về chỗ chúng tôi. Tôi vội đứng lên.

Sophia giới thiệu: “Dì Edith, đây là Charles Hayward. Còn đây là dì em, cô de Haviland.”

Edith de Haviland là một bà khoảng bảy mươi tuổi. Mớ tóc màu xám hơi rối, gương mặt nhăn nheo, cái nhìn sắc sảo và soi mói.

“Cậu đây à?” bà ta hỏi. “Ta có nghe nói về cậu. Từ Miền Đông trở về. Cha cậu khỏe không?”

Hết sức ngạc nhiên, tôi đáp rằng cha rất khỏe.

“Ta biết y lúc y còn là đứa trẻ,” cô de Haviland nói. “Ta biết rõ mẹ y. Cậu khá giống bà ta. Cậu đến đây để giúp đỡ chúng ta – hay vì việc gì khác?”

“Cháu mong đến để giúp đỡ,” tôi đáp hơi lùng khùng.

Bà lão gật đầu: “Chúng ta cần sự giúp đỡ. Nơi đây nhưng nhúc cảnh sát. Nhảy xổ vào người ta khắp chốn này. Không ưu vài đứa trong đám đó. Một cậu trai từng học một trường tử tế thì không nên vào làm cảnh sát. Cứ trông cậu con trai của bà Moyra Kinoul, cả ngày chỉ đứng điều khiển giao thông tại Marble Arch. Làm cho người ta cảm thấy không biết mình đang ở nơi nào nữa!”

Bà quay sang Sophia: “Sophia, cháu cưng, bà vú đang kiếm con, chuyện cá tôm gì đây.”

“Chán thật,” Sophia nói. “Cháu sẽ đi gọi điện thoại trả lời.”

Nàng bước nhanh về hướng ngôi nhà. Bà dì de Haviland cũng quay lưng

và đi chậm chậm về hướng đó. Tôi bước đi bên cạnh bà.

“Cậu biết không, nếu không có người ăn kẻ ở, chúng ta phải làm hết mọi việc. Gần như ai cũng có một bà vú già. Họ đến giặt ủi quần áo, nấu ăn và làm mọi việc trong nhà. Họ đáng tin cậy. Ta chọn người này cho ta – nhiều năm trước.” Bà dừng lại nhổ những cọng cỏ xanh ghim vào quần bà. “Thật đáng ghét – cái loại cỏ bìm bìm dại này! Loại cỏ tệ hại nhất! Chúng bám vào, đâm vào – và cậu không thể gỡ sạch hết, chúng mọc tùm lum.”

Bà dùng gót giẫm mạnh lên bụi cỏ xanh mọc dại dưới chân bà.

“Cậu Charles Hayward, đây là một sự việc tồi tệ,” bà nhìn về hướng ngôi nhà và nói, “Thế cảnh sát nghĩ sao? Có lẽ ta không nên hỏi cậu. Có vẻ rất kỳ cục khi cho rằng ông Aristide bị đầu độc. Về vấn đề này, cái chết của ông ta dường như không bình thường. Ta không hề ưa ông ta – không hề! Nhưng ta không hề có ý nghĩ giết ông ta... Làm cho ngôi nhà dường như – thật là trống vắng.”

Tôi không nói gì. Với những lời lẽ cộc lốc, có vẻ như Edith de Haviland đang trong tâm trạng hồi tưởng.

“Sáng nay, ta nhớ lại – ta đã sống ở đây lâu lắm. Hơn bốn chục năm. Ta đến đây khi chị gái ta chết. Ông ấy yêu cầu ta. Bảy đứa con và đứa nhỏ nhất chỉ mới một tuổi... Có thể nào bỏ chúng cho một kẻ không cùng máu mủ nuôi dạy? Một cuộc hôn nhân mới không thể không có. Ta luôn cảm thấy Marcia – rất quyến rũ. Một kẻ xa lạ xấu xa! Aristide cho ta toàn quyền. Làm vú em, quản gia, lo ăn học. Chăm lo toàn bộ chuyện ăn uống – nhưng không phải những đĩa cơm nhiều gia vị *ông ta* thường ăn.”

“Và bà đã ở đây từ khi ấy?” tôi lẩm bẩm.

“Đúng. Thật là kỳ lạ... *Đáng lẽ* ta nên ra đi khi bọn trẻ lớn lên và yên bề gia thất. Thực ra, có lẽ ta lưu luyến khu vườn. Và còn có Philip. Khi một người đàn ông lấy một nữ diễn viên, y không thể trông mong có cuộc sống gia đình. Nữ diễn viên có con làm chi không biết. Đứa con vừa ra đời là chúng đi mất và đến diễn tại nhà hát kịch Edinburg hay ở đâu đó càng xa càng tốt. Philip đã làm một việc sáng suốt, nó trở về đây với những quyển sách của nó.”

“Thế bác Philip Leonides làm gì?”

“Nó viết sách. Không biết tại sao. Không ai thèm đọc sách của nó. Toàn những chi tiết lịch sử mù mờ. Cậu chưa bao giờ nghe nói đến chúng, phải không?” Tôi thừa nhận.

“Tốn rất nhiều tiền, nhưng mà nó lại có tiền,” bà dì de Haviland nói. “Hầu hết mọi người đều ngưng chơi trò lập dị và kiếm sống.”

“Sách của bác Philip có ai mua không?”

“Dĩ nhiên là không. Nó cho rằng nó là một tác giả lớn của một thời kỳ nào đó và sẽ là mãi mãi. Nó không làm gì để bán sách. Ông lão Aristide đã bỏ ra – đâu chừng hàng trăm ngàn bảng – quả thật là kỳ lạ – cho nó! Để tránh trách nhiệm sau khi chết! Ông để bọn con tự chủ về tài chính. Roger quản lý việc kinh doanh thực phẩm – Sophia có một số tiền phụ cấp rất đáng kể. Tiền của con cháu được ông gửi ủy thác cho chúng.”

“Như vậy sau cái chết của ông, không riêng một ai được nhận thêm tiền?”

Bà lão đưa mắt nhìn tôi một cái nhìn kỳ lạ.

“Có chứ. Tất cả đều có thêm tiền. Nếu bọn chúng yêu cầu, biết đâu, chúng có thể có thêm.”

“Dì de Haviland, bà có nghĩ ai đầu độc ông Aristide không?”

Bà chậm rãi trả lời:

“Không, dĩ nhiên là không. Sự việc đó làm ta đau đầu biết chừng nào. Thật tội tệ khi nghĩ có một kẻ phản phúc trong nhà. Ta cho rằng cảnh sát sẽ tóm ả Brenda tội nghiệp.”

“Bà cho rằng họ có lý khi làm thế hay sao?”

“Ta chỉ có thể nói thế. Đối với ta, ả luôn có vẻ là một con đàn bà trẻ đặc biệt nông nổi, bình thường – khá tầm thường. Ta không cho ả là kẻ đầu độc. Tuy nhiên, nói cho cùng, khi một cô gái trẻ hai mươi bốn tuổi lấy một ông già gần tám mươi, thì rõ mồn một cô ta lấy chồng vì tiền. Theo lẽ thường, cô ta có thể hy vọng trở thành một góa phụ giàu có sớm hơn. Nhưng Aristide là một lão già đặc biệt khỏe mạnh. Bệnh tiểu đường của ông ta không trầm trọng hơn. Ông ta có vẻ sẽ sống đến một trăm tuổi. Ta cho rằng ả chờ đợi mồi mồn...”

“Trong trường hợp đó,” tôi ngừng lời, không nói thêm.

“Trong trường hợp đó,” bà dì de Haviland nói nhanh, “ít nhiều gì cũng đúng. Dĩ nhiên, sẽ tạo dư luận. Suy cho cùng, ở đâu phải là người trong gia đình.”

“Bà còn có những ý khác à?”

“Những ý khác nào?”

Tôi trầm nghĩ. Tôi nghi ngờ dưới cái mũ rách còn chứa một cái gì nữa.

Đằng sau cái vẻ tươi tỉnh, lời lẽ thiếu mạch lạc, tôi nghĩ, có một bộ óc rất sắc sảo đang hoạt động. Vào ngay lúc ấy, ngay cả tôi cũng tự hỏi phải chăng chính bà dì de Haviland đã đầu độc ông Aristide Leonides...

Ý tưởng đó dường như không thể nào. Trong đầu tôi bỗng hiện lên cái cách bà lão dùng gót chân nghiền lên đám cỏ bìm bìm nằm trên mặt đất với một vẻ bạo tàn không khoan nhượng.

Tôi chợt nhớ đến lời của Sophia. *Nhẫn tâm.*

Tôi trộm nhìn nghiêng Edith de Haviland.

Lý lẽ thuyết phục và đầy đủ... Nhưng chính xác điều gì khiến cho lý lẽ của bà Edith de Haviland có vẻ thuyết phục và đầy đủ?

Để trả lời câu hỏi này, tôi cần phải tìm hiểu bà rõ hơn.

Cửa trước đã mở. Tôi và bà Edith đi vào xuyên qua một đại sảnh rất rộng. Nơi này trang trí toàn bằng gỗ sồi đánh rất bóng và bằng đồng thau sáng loáng. Phía sau là một bức tường ghép panen trắng, tường có một cánh cửa hé lộ một cầu thang.

“Trên đó là nơi ở của anh rể tôi,” de Haviland nói. “Dưới nhà là nơi ở của Philip và Magda.”

Tôi và bà Edith đi vào cửa về hướng bên trái và đến một phòng khách rộng. Tường ghép panen màu xanh nhạt, bàn ghế phủ gấm thêu kim tuyến trông nặng nề và các bức tường đều treo ảnh chụp hoặc tranh vẽ các diễn viên, vũ công, các màn trình diễn trên sân khấu và tranh trang trí. Một bức tranh của họa sĩ Degas vẽ các vũ công ballet treo trên bệ lò sưởi. Có rất nhiều hoa, hoa cúc nâu không lồ và những bình lớn cắm hoa cắm chướng.

Bà dì de Haviland nói: “Ta cho rằng cậu muốn gặp Philip?”

Tôi muốn gặp Philip? Tôi chưa có ý đó. Điều mà tôi muốn làm hơn cả là gặp Sophia. Tôi đã làm như thế. Nàng đã mạnh mẽ khuyến khích tôi làm theo kế hoạch của cha tôi – nhưng giờ đây nàng bỏ cuộc, rút lui đâu đó để nói chuyện điện thoại về việc cá tôm, không một lời chỉ dẫn tôi phải làm gì. Tôi tiếp cận với Philip Leonides với danh nghĩa một chàng trai rụt rè hỏi cưới con gái ông ta hay như một người bạn đến thăm mà không thông báo trước (chắc chắn không đúng lúc!) hay là một cộng tác viên của cảnh sát?

Bà dì de Haviland không cho tôi có thời gian suy nghĩ. Thật ra, đó không là câu hỏi mà là quyết đoán. Tôi cho rằng, bà dì de Haviland thiên về quyết đoán hơn là đặt câu hỏi.

“Chúng ta đi vào thư viện.”

Bà lôi tôi ra khỏi phòng khách, đi dọc theo hành lang, và băng qua một cánh cửa khác.

Đó là một căn phòng rộng, đầy sách. Sách không sắp xếp trên cái kệ sách cao đến trần nhà. Chúng nằm trên ghế ngồi, trên bàn và cả trên sàn nhà. Không có cảm giác ngăn nắp.

Căn phòng nghe lạnh lẽo. Có cái mùi mà tôi cho rằng chúng không thể thiếu. Đó là mùi mốc meo của những quyển sách cũ và một ít mùi sáp ong. Trong giây lát tôi nhận thấy tôi đã bỏ qua mùi gì. Mùi thuốc lá. Philip Leonides không phải là người hút thuốc.

Khi tôi và bà dì de Haviland bước vào, ông đứng dậy ngay phía sau bàn – một người đàn ông cao ráo, tuổi độ năm mươi, một người đàn ông rất đổi đẹp trai. Ai nấy đều nói nhiều về sự xấu xí của ông Aristide Leonides, do vậy tôi cũng đã cho rằng con ông cũng xấu xí như vậy. Tôi không chuẩn bị gặp một con người có vẻ đẹp hoàn hảo như thế – cái mũi thẳng, cái cằm đường nét tuyệt mỹ, mái tóc hơi ngả màu xám chải gọn ra sau để lộ vàng trán khô ngô.

“Philip, đây là Charles Hayward,” bà dì de Haviland giới thiệu.

“À, cậu có khỏe không?”

Tôi không biết ông có nghe nói về tôi không. Bàn tay ông đưa ra bắt rất lạnh. Mặt ông hoàn toàn không lộ vẻ tò mò. Làm tôi hơi bối rối. Ông đứng đó, kiên trì và lãnh đạm..

“Mấy tên cảnh sát quái đản đó đâu rồi?” bà dì de Haviland hỏi. “Bọn chúng đến đây chưa?”

“Cháu cho rằng Chánh thanh tra – (ông liếc nhìn tấm danh thiếp để trên bàn) – ở – Taverner sắp đến trao đổi với cháu.”

“Giờ hẳn ở đâu?”

“Cháu không để ý, dì Edith. Có lẽ trên lầu.”

“Cùng với Brenda?”

“Cháu thật sự không biết.”

Nhìn Philip Leonides, tôi có cảm giác dường như không thể có một tên sát nhân nào quanh quần ở nơi đây.

“Magda đã về chưa?”

“Cháu không biết. Cô ấy thường không về trước mười một giờ.”

“Nghe như tiếng cô ta,” Edith de Haviland nói.

Giọng nói của bà Philip Leonides cao, rất nhanh và đến rất lạ. Cánh cửa sau lưng tôi mở ào và một người đàn bà bước vào. Tôi không rõ bằng cách nào bà cho tôi có cảm tưởng là ba người đàn bà bước vào chứ không phải một người.

Bà ta hút thuốc bằng một ống tẩu dài, mặc *váy ngủ* bằng satin màu hoa đào khá dài khiến bà phải dùng một tay nâng nó lên. Một suối tóc dày thả gọn lăn tăn xuống lưng. Mặt bà gằn như để trơn giống như các phụ nữ ngày nay không trang điểm gì cả. Mắt bà xanh và to, bà nói thật nhanh với cái giọng khàn khàn khá quyền rũ và dài từ rất rõ.

“Anh yêu, em không thể chịu nổi – em tuyệt không thể chịu nổi – khi nghĩ đến các thông báo – tuy chưa có công văn, nhưng rồi cũng sẽ có – em tuyệt không thể quyết định được phải mặc gì lúc thăm vấn – rất, rất khó chịu – không phải màu đen, có thể màu tím sẫm – em chưa có phiếu mua vải đó – em đã làm mất địa chỉ của gã bán vải chó chết đó. Anh biết không, đó là một garage gần đại lộ Shaftesbury – và nếu như em đi xe hơi đến đó, cảnh sát sẽ theo em và có thể hỏi em nhiều câu ngớ ngẩn, phải thế không? Ý em, ta phải nói gì? Sao anh lại im lặng thế, Philip! Sao anh lại có thể quá lặng im? Anh không nhận thấy chúng ta có thể rời căn nhà quái quỷ này ngay bây giờ sao? Tự do – tự do. Ô, thật là không phải – tội cho lão già thân yêu đó – nếu ông ta còn sống, dĩ nhiên, chúng ta không rời bỏ ông ta. Ông ta rất yêu mến chúng ta, đúng thế không – mặc dù mẹ đàn bà trên kia cố gây mọi điều rắc rối giữa ông và chúng ta. Em tin chắc nếu chúng ta sớm ra đi và để ông lão lại cho mẹ, thì ông đã cắt hết mọi thứ dành cho chúng ta rồi. Con mẹ khủng khiếp! Nói tóm lại, ông lão tội nghiệp đã gần tuổi chín mươi – cả gia đình không thể đứng lên chống lại một con mẹ đáng sợ đang ra tay. Philip, anh biết không, em thật sự tin đây là cơ hội tuyệt vời để đóng vai Edith Thompson. Tên sát nhân đã giúp cho chúng ta cơ hội quảng cáo trước. Đạo diễn Bildenstein bảo ông ta có thể cho diễn vở Thespian – một vở bi kịch thơ về những người thợ mỏ không phải sắp diễn ngay thôi – đó là một vai tuyệt vời – tuyệt vời. Em biết họ luôn nói em nên đóng kịch hài vì cái mũi của em – nhưng anh biết đấy, trong vai Edith Thompson có rất nhiều chất hài – em không nghĩ tác giả nhận ra – tính hài luôn nâng cao sự căng thẳng hồi hộp.

Em biết em sẽ diễn như thế nào – bình dị, ngờ nghếch cho đến phút chót và rồi...”

Bà dang hai tay ra – điều thuốc rút khỏi cái tẩu roi trên chiếc bàn gỗ gụ đánh bóng của Philip và bắt đầu bốc cháy. Philip thản nhiên nhặt lấy điều thuốc và ném vào giỏ giấy rác.

“Và sau đó,” bà Magda Leonides thì thào, mắt bà bỗng mở to, mặt bà cứng đờ ra, “đúng là *kinh khủng*...”

Cái sợ rõ ràng hiện lên trên mặt bà khoảng hai mươi giây, sau đó giãn ra, nhăn nhó như một đứa bé hoang mang chực khóc òa.

Rồi bỗng mọi cảm xúc tan biến như bọt biển, sau đó bà quay sang tôi, hỏi tôi bằng giọng công việc:

“Cậu có nghĩ đó là cách thể hiện vai Edith Thompson?”

Tôi đáp tôi cho rằng chính xác đó là cách diễn vai Edith Thompson. Vào lúc ấy tôi chỉ mơ hồ nhớ Edith Thompson là ai, nhưng tôi ngại khởi đầu với mẹ của Sophia không tốt. “Khá giống mẹ Brenda, phải không?” bà Magda lại hỏi. “Cậu biết không, tôi chưa bao giờ nghĩ ra. Rất thú vị. Tôi có nên chỉ ra điều đó với ông thanh tra không?” Người đàn ông ngồi sau bàn hơi cau mày.

“Thật sự là không cần đâu, Magda,” ông nói, “em không cần phải gặp ông ta. Anh có thể nói cho ông ta biết mọi điều ông ta muốn biết.”

“Không gặp ông ta à?” Bà lên giọng. “Nhưng em phải gặp ông ta *chứ*! Anh yêu, anh quả thật là người thiếu óc tưởng tượng kinh khủng. Anh không ý thức tầm quan trọng của các *chi tiết*. Ông ta muốn biết chính xác bằng cách nào và khi nào mọi sự xảy ra, tất cả các chi tiết nhỏ mà người ta ghi nhận và thắc mắc vào thời điểm đó...”

“Mẹ,” Sophia kêu lên, nằng đi qua cánh cửa đã mở, “mẹ đừng nói với ngài thanh tra những điều dối trá.”

“Sophia – *con thân yêu*...”

“Con biết, mẹ ơi, mẹ đã sắp đặt sẵn mọi thứ và sẵn sàng biểu diễn một màn rất tuyệt vời. Nhưng mẹ làm vậy không được đâu. Hoàn toàn không đúng.”

“Vô lý. Con không biết...”

“Con biết chứ. Mẹ phải diễn khác hẳn. Về chịu đựng – nói rất ít – giấu kín mọi điều – rất cảnh giác – nhằm bảo vệ gia đình.”

Mặt bà Magda Leonides hiện lên vẻ bối rối ngây thơ của một đứa trẻ. Bà nói:

“Con yêu, con nghĩ thế thật à?”

“Vâng, đúng, con nghĩ thế. Thôi bỏ đi. Đó là ý kiến của con.” Sophia nói thêm trong khi một nụ cười hài lòng bắt đầu hiện lên trên gương mặt mẹ cô:

“Con đã làm cho mẹ chút sôcôla. Để trong phòng khách.”

“Ồ – tốt – mẹ đang đói...”

Bà ngừng lại ở lối đi ra cửa.

“Cậu biết không,” bà nói, dường như không biết nói với tôi hay với những kẻ sách phía sau tôi, “có con gái yêu thật đấy!”

Nói xong, bà đi ra ngoài.

“Có trời mới biết, cô ta sẽ nói gì với cảnh sát!” bà dì de Haviland nói.

“Mẹ sẽ ổn thôi,” Sophia nói.

“Cô ta có thể nói *đủ thứ*.”

“Bà dì đừng lo,” Sophia khuyên. “Mẹ sẽ diễn theo cách nhà sản xuất bảo. Mà *con* là nhà sản xuất!”

Nàng đi theo mẹ ra ngoài, sau đó chạy nhanh trở vào:

“Cha ơi, Chánh thanh tra Taverner cần gặp cha. Charles sẽ ở lại đây được không cha?”

Tôi cho rằng gương mặt của ông Philip Leonides mơ hồ hiện lên vẻ bối rối. Có vẻ thế! Nhưng cái tính cách bất cần của ông làm tôi yên lòng. Ông lẩm bẩm:

“Ồ được chứ – được chứ,” bằng giọng khá lơ lửng.

Chánh thanh tra bước vào, dáng vẻ vững vàng tự tin, với cung cách như một doanh nhân nhậm lẹ có phần dễ chịu.

“Phiền một chút vậy,” phong thái của anh dường như nói thế, “rồi chúng tôi sẽ ra khỏi đây không trở lại nữa – và mọi người cũng sẽ hài lòng như tôi.

Tôi không muốn làm khó dễ ai, tôi có thể đảm bảo...”

Tôi không biết anh ta xử lý thế nào, không nói một lời, chỉ kéo ghế đến bên bàn, truyền đạt điều anh cần, nhưng hiệu quả. Tôi kín đáo ngồi hơi cách xa anh.

“Nào, ngài chánh thanh tra?” ông Philip mở lời.

Bà dì de Haviland đột ngột chen ngang:

“Ngài thanh tra, ngài có cần tôi không?”

“Không phải ngay lúc này, thưa cô de Haviland. Lát nữa, tôi cần trao đổi đôi lời với cô...”

“Được. Tôi sẽ lên tầng trên.” Bà bước ra, đóng cửa lại.

“Nào, ngài thanh tra?” ông Philip lặp lại.

“Tôi biết ông là một quý ngài rất bận rộn, tôi sẽ không làm phiền ông lâu. Nhưng tôi có thể tâm sự với ông sự nghi ngờ của chúng tôi đã được xác định. Cái chết của cha ông không phải một cái chết bình thường. Đó là một cái chết do dùng quá liều thuốc trị bệnh – thường gọi dưới tên eserine.”

Ông Philip cúi đầu. Ông không bộc lộ một cảm xúc gì cụ thể.

“Tôi không biết điều đó có gọi cho ông chuyện gì không?” Taverner tiếp tục.

“Gọi chuyện gì cơ chứ? Quan điểm của tôi là cha tôi chết do dùng nhầm thuốc.”

“Ông thật sự nghĩ thế à?”

“Vâng, theo tôi điều đó hoàn toàn có thể. Ông cụ tuổi đã gần chín mươi, nên nhớ thị giác của ông rất không ổn định.”

“Do vậy ông ấy đổ thuốc chứa trong chai thuốc nhỏ mắt vào chai đựng insulin. Ông thực sự thấy ý kiến đó đáng tin sao, ông Leonides?”

Philip không trả lời. Gương mặt của ông càng trở nên dửng dưng.

Taverner tiếp tục: “Chúng tôi đã tìm thấy chai thuốc nhỏ mắt, không có dấu vân tay trên đó. Thế mới lạ. Thông thường thì phải có dấu vân tay. Nhất định phải có dấu vân tay của cha ông, của vợ ông ấy, hoặc của người hầu...” Philip Leonides ngẩng đầu lên.

“Người hầu sao?” ông hỏi. “Johnson à?”

“Ông đang cho rằng Johnson có thể là thủ phạm? Anh ta chắc chắn là có cơ hội. Khi chúng tôi đi tìm động cơ thì thấy không phải thế. Thường cha ông mỗi năm đều thưởng cho anh ta – mỗi năm tiền thưởng lại tăng thêm. Cha ông đã nói rõ cho anh ta biết số tiền anh ta sẽ nhận đã được ghi trong di chúc. Số tiền thưởng, giờ đây, sau bảy năm phục vụ, mỗi năm đã lên đến một con số đáng kể và đang tiếp tục tăng lên. Rõ ràng cha ông càng sống lâu, Johnson càng có lợi. Hơn thế nữa, họ rất ăn ý, thành tích phục vụ của anh ta thời gian qua không có gì phải phàn nàn – Johnson là một người hầu siêng năng và trung thực.” Taverner dừng lời. “Chúng tôi không nghi ngờ Johnson.”

Philip đáp, giọng tế nhị: “Tôi hiểu.”

“Thưa ông Leonides, bây giờ ông có thể cho chúng tôi biết chi tiết hoạt động của ông vào ngày cha ông mất chứ?”

“Được thôi, ngài chánh thanh tra. Tôi đã ở, trong căn phòng này, suốt cả ngày – dĩ nhiên, trừ các bữa ăn.”

“Ông có gặp cha mình không?”

“Như thường lệ, tôi nói với ông chào buổi sáng sau bữa ăn điếm tâm.”

“Sau đó ông có ở lại lâu với ông cụ không?”

“Mẹ... mẹ kế cũng có ở trong phòng.”

“Ông cụ trông như bình thường?”

Philip đáp, giọng hơi giễu cợt:

“Ông cụ tỏ ra không hay biết trước rằng mình sẽ bị giết ngày hôm đó.”

“Nơi ở của cha ông hoàn toàn cách biệt với phòng này?”

“Đúng, muốn đến đó phải đi qua cửa đại sảnh.”

“Cửa đó có khóa không?”

“Không.”

“Không bao giờ khóa?”

“Tôi không hề biết chi về chuyện đó.”

“Mọi người có thể tự do đi từ phòng này qua phòng đó?”

“Chắc thế. Chỉ có từ phòng vệ sinh trong nhà thì không nhìn thấy được phòng đó thôi.”

“Lần đầu tiên ông biết về cái chết của cha là như thế nào?”

“Anh trai tôi, anh Roger, ở cánh trái tầng trên, đã chạy vội xuống và báo cho tôi biết cha chúng tôi bỗng bị tai biến. Ông cụ rất khó thở và dường như rất yếu.”

“Thế ông làm gì?”

“Tôi gọi điện thoại cho bác sĩ, dường như không ai biết phải làm gì. Bác sĩ đi vắng nhưng tôi đã gửi tin nhắn báo ông đến ngay khi có thể. Sau đó tôi đi lên trên lầu.”

“Và rồi?”

“Rõ là cha tôi rất yếu. Ông mất trước khi bác sĩ tới.”

Giọng nói của Philip không thể hiện một chút cảm xúc nào. Chỉ như kể một sự kiện.

“Những người còn lại trong gia đình ở đâu?”

“Vợ tôi ở London. Cô ấy trở về nhà gần như ngay sau đó. Sophia cũng không có nhà, tôi cho rằng thế. Hai đứa nhỏ nhất, Eustace và Josephine, thì ở nhà.”

“Tôi mong ông không hiểu lầm tôi, thưa ông Leonides, nếu như tôi hỏi ông cái chết của cha ông ảnh hưởng đến vị trí tài chính của ông chính xác như thế nào?”

“Tôi hoàn toàn hiểu ông thanh tra muốn biết mọi sự kiện. Từ rất nhiều năm trước cha đã cho chúng tôi độc lập về tài chính. Ông cho anh tôi nắm cổ phần chủ yếu và là chủ tịch Công ty Cung cấp thực phẩm, công ty lớn nhất của ông, và giao cho anh quyền quản lý hoàn toàn. Ông chuyển giao cho tôi một số tiền mà ông cho là tương đương với anh tôi – hiện nay tôi cho rằng nó độ một trăm năm mươi ngàn bảng Anh bằng trái phiếu và chứng khoán – để tôi có thể chọn sử dụng số vốn đó theo ý tôi muốn. Ông cũng để lại những số tiền đáng kể cho hai chị gái tôi, lúc đó đã qua đời.”

“Nhưng ông ấy vẫn là người rất giàu với số tiền ông để lại cho mình?”

“Không đâu, hiện nay ông chỉ giữ lại cho mình một số tiền tương đối

khiêm tốn. Ông nói nó sẽ đem lại cho ông lợi tức đủ sống. Kể từ đó,” – lần đầu tiên đôi môi Philip mỉm nhẹ một nụ cười – “ông ấy trở nên, như kết quả của các vụ làm ăn, một người còn giàu có hơn trước.”

“Anh của ông và ông cùng đến đây sống. Không phải do hậu quả của những khó khăn – về tài chính chứ?”

“Chắc chắn là không. Đó chỉ là vấn đề về sự thuận tiện. Cha tôi luôn bảo chúng tôi ông rất hoan nghênh chúng tôi về ở cùng ông. Vì rất nhiều lý do mang tính gia đình mà tôi thấy nên làm theo ý cha.”

Ông cố ý nói thêm: “Tôi rất yêu mến cha tôi. Tôi đến đây cùng với gia đình vào năm 1937. Không trả tiền thuê nhưng trả tiền thuế theo tỷ lệ.”

“Còn anh của ông?”

“Anh tôi đến đây vì tai họa chiến tranh, nhà anh ấy ở London bị trúng bom năm 1943.”

“Thưa ông Leonides, ông có ý kiến gì về việc phân chia tài sản theo di chúc của cha mình?”

“Rất rõ. Ông cụ làm lại di chúc vào năm 1946. Cha tôi không phải là người thích giấu giếm. Ông rất yêu thương gia đình. Ông đã mở cuộc họp gia đình, luật sư của ông cũng có mặt. Theo yêu cầu của cha tôi, ông luật sư này đã đọc cho chúng tôi nghe nội dung của chúc thư. Nội dung đó, tôi cho rằng ngài thanh tra đã biết. Luật sư Gaitskill chắc đã báo với ngài. Đại khái là, một trăm ngàn bảng không phải chịu thuế được chia cho mẹ kế ngoài khoản tài sản đám cưới vốn đã cực kỳ hào phóng. Tài sản còn lại được chia làm ba phần, một cho tôi, một cho anh tôi, còn phần thứ ba cho ba đứa cháu. Mỗi phần khá lớn nhưng thuế đóng sẽ rất nặng.”

“Không có tiền để lại cho người hầu hay cho từ thiện sao?”

“Không có phần tiền nào để lại. Tiền lương trả cho người hầu đã được tăng hàng năm nếu họ tiếp tục phục vụ.”

“Thưa ông Leonides, xin thứ lỗi cho câu hỏi của tôi, hiện tại ông có đang cần tiền không?”

“Ngài chánh thanh tra, như ngài biết đấy, thuế thu nhập hiện khá nặng – nhưng thu nhập gia tăng của tôi đủ cho nhu cầu của tôi – và cả của vợ tôi.

Hơn nữa, cha tôi thường cho chúng tôi rất nhiều quà tặng hào phóng, và nếu có phát sinh chuyện gì khẩn cấp thì ông đến cứu ngay.”

Philip nói thêm một cách lạnh nhạt và rõ ràng:

“Tôi có thể đoán chắc với ngài rằng tôi không vì lý do tài chính mà mong muốn cha tôi chết, ngài thanh tra ạ.”

“Tôi rất lấy làm tiếc, thưa ông Leonides, nếu ông cho rằng tôi đã có ý đó. Nhưng chúng tôi cần phải thu thập mọi sự kiện. Giờ tôi thấy e ngại khi phải hỏi ông vài câu khá tế nhị. Liên quan đến mối quan hệ giữa cha của ông và bà vợ. Họ chung sống có hạnh phúc không?”

“Theo chỗ tôi được biết, rất hạnh phúc.”

“Không cãi cọ?”

“Tôi nghĩ không có chuyện đó.”

“Dù có cách biệt... lớn về tuổi tác?”

“Đúng vậy.”

“Xin lỗi – ông có chấp nhận cuộc hôn nhân thứ hai của cha mình không?”

“Tôi không được hỏi có chấp nhận hay không.”

“Đó không phải là một câu trả lời, ông Leonides ạ.”

“Do ngài nhấn mạnh điểm này, tôi sẽ nói tôi cho rằng đó là một đám cưới thiếu sáng suốt.”

“Ông có can gián cha ông không?”

“Khi tôi biết chuyện thì mọi sự đã rồi.”

“Thế ông có bị sốc không?” Philip không trả lời.

“Ông có cảm giác không hay về chuyện này?”

“Cha tôi hoàn toàn tự do làm điều mà ông thích.”

“Quan hệ giữa gia đình ông và bà Leonides có dễ chịu không?”

“Hoàn toàn dễ chịu.”

“Ông và bà ấy nói chuyện với nhau có thân thiết không?”

“Tôi và bà ấy ít khi gặp nhau.”

Chánh thanh tra Taverner đổi đề tài.

“Ông có thể nói đôi điều về ông Laurence Brown?”

“Tôi e rằng không thể. Ông ta do cha tôi thuê.”

“Nhưng ông ta được thuê để dạy con ông, thừa ông Leonides.”

“Đúng vậy. Con trai tôi lúc nhỏ bị mắc bệnh bại liệt – nhưng may chỉ nhẹ thôi – và được khuyên không nên cho đến học trường công. Cha tôi gợi ý: nó và em gái nó nên có một gia sư – việc chọn lựa vào lúc ấy hơi bị hạn chế – vì gia sư được chọn phải không đủ chuẩn để phục vụ quân đội. Phẩm chất của chàng trai trẻ này đáp ứng, cha tôi và dì tôi (bà là người luôn chăm sóc bọn trẻ) bằng lòng, thế thì tôi đồng ý. Tôi có thể nói thêm là tôi không có gì phải phàn nàn về chuyện dạy dỗ của anh ta, anh ta có lương tâm và xứng đáng.”

“Anh ta sống ở bên phần nhà của cha ông, chứ không phải ở đây?”

“Có một căn phòng ở trên chỗ này.”

“Ông có khi nào nhận thấy – tôi rất lấy làm tiếc khi hỏi câu này – dấu hiệu thân mật nào giữa Laurence Brown với bà mẹ kế của ông?”

“Tôi không có dịp để nhận thấy chuyện gì như thế.”

“Ông có nghe ai xầm xì hoặc nói bóng gió về chuyện này?”

“Tôi chẳng nghe xầm xì hay bóng gió gì cả, thưa ngài thanh tra.”

“Thật đáng khen,” Thanh tra Taverner nói. “Vậy là ông không thấy, không nghe bất cứ chuyện xấu xa nào cả, và cũng không nói bất cứ điều xấu xa nào.”

“Nếu như ngài muốn nói thế, ngài thanh tra.” Thanh tra Taverner đứng dậy. Anh nói: “Thôi được. Cám ơn ông nhiều, ông Leonides.”

Tôi từ tốn bước theo anh ra khỏi phòng.

“Hừm,” Taverner nhận xét, “ông ta là một kẻ máu lạnh.”

“Giờ thì,” Taverner nói, “chúng ta sẽ đi gặp và trao đổi với bà Philip, tức Magda West, là nghệ danh của bà ta.”

“Bà ta diễn hay không?” tôi hỏi. “Tôi biết tên bà ấy, và tôi chắc mình đã xem bà ta biểu diễn một vài lần, nhưng không nhớ ở đâu và khi nào.”

“Bà ta là một trong những người thuộc Đợt Sóng Mới,” Taverner nói. “Bà diễn một đôi lần ở West End, tạo nên tên tuổi ở Nhà hát kịch – diễn ở một vài sân khấu dành cho trí thức và các câu lạc bộ ngày chủ nhật. Sự thật thì – theo tôi biết – bà không thành công trong nghề bởi không phải kiếm sống bằng nghề. Bà ta có thể nhận và chọn kịch bản, và đi nơi nào bà ưa thích, đôi khi bỏ tiền vào một vở diễn mà bà thích vai nào đó – thường là vai cuối cùng trên đời này thích hợp với bà. Tóm lại, bà có phần giống một kẻ chơi tài tử hơn là nghệ sĩ chuyên nghiệp. Bà ta diễn hay, anh nên biết, đặc biệt là hài kịch – nhưng các nhà quản lý không ưa thích bà ta lắm – họ nói bà ta quá sung túc, và là một kẻ gây rối – kích động đám đông, hơi thích chơi trò lấu cá. Tôi không biết trong đó có bao nhiêu là sự thật – nhưng bà ta không hòa đồng lắm với các bạn diễn.”

Sophia bước ra ngoài phòng khách và nói: “Ngài chánh thanh tra, mẹ tôi đang ở trong này.”

Tôi đi theo Taverner vào gian phòng khách rộng. Trong khoảnh khắc tôi không nhận ra người đàn bà ngồi trên tràng kỷ phủ gấm thêu kim tuyến.

Mái tóc màu hung sáng uốn cao theo kiểu Edward, mặc áo vét màu xám sậm cắt may rất khéo, áo sơ mi màu hoa cà nhạt có những nếp gấp rất nhã, cổ áo cài kín bằng chiếc kim cài nạm một viên đá chạm nhỏ. Đây là lần đầu tiên tôi nhận thấy nét hấp dẫn ở cái mũi nhọn của bà. Tôi mơ hồ nhớ đến Athene Seyler^[2] – và dường như hoàn toàn không thể tin rằng đó là con người gây giông bão trong bộ váy ngủ màu hoa đào.

“Ngài thanh tra Taverner?” bà nói. “Mời vào và ngồi xuống. Ngài có hút

thuốc không? Đây là một nghề đáng sợ. Ngay lúc này đây tôi chỉ cảm thấy tôi không thể làm việc đó.”

Bà nói chậm rãi và không một mảy xúc động, giọng nói của một kẻ xác định bằng mọi giá phải thể hiện sự tự chủ.

Bà tiếp tục:

“Xin cho tôi biết tôi có thể giúp ngài thế nào?”

“Cám ơn bà Leonides. Lúc xảy ra thảm kịch bà đang ở đâu?”

“Tôi nhớ mãi mãi tôi lái xe từ London đi. Ngày đó tôi dùng bữa trưa với một người bạn tại nhà hàng Ivy. Sau đó chúng tôi đến một buổi trình diễn váy dạ hội. Chúng tôi đã uống nước với một số bạn bè khác tại quán Berkeley. Sau đó tôi về nhà. Khi tôi về đến đây mọi việc đang trong tình trạng rối bời. Dường như cha chồng tôi bị tai biến. Ông đã – chết.” Giọng bà hơi run run.

“Bà có yêu mến cha chồng không?”

“Tôi đối xử với ông rất tận tụy...”

Giọng bà cất cao hơn. Sophia chỉnh nhẹ bức tranh của Degas. Giọng bà Magda hạ nhẹ xuống như lúc ban đầu.

“Tôi rất yêu mến ông ấy,” bà nói bằng giọng êm ả. “Chúng tôi đều thế. Ông – rất tốt đối với chúng tôi.”

“Bà có hòa hợp với bà Leonides không?”

“Chúng tôi ít khi gặp bà Brenda.”

“Tại sao thế?”

“Chúng tôi không có nhiều việc để làm chung. Tôi cho bà Brenda. Cuộc sống của bà ấy đôi lúc cũng gay go.”

Sophia một lần nữa lại chỉnh bức tranh của Degas.

“Thật vậy ư? Như thế nào?”

“Ồ, tôi không biết,” bà Magda lắc đầu, với một nụ cười hơi buồn.

“Bà Leonides sống với chồng có hạnh phúc không?”

“Tôi nghĩ rằng có.”

“Không cãi cọ?”

Bà lại lắc đầu với một nụ cười nhẹ,

“Ngài thanh tra, tôi thật sự không biết. Chỗ ở của cha mẹ chồng tôi hoàn toàn cách biệt với chỗ ở của chúng tôi.”

“Bà ta và ông Laurence Brown rất thân thiết, đúng không?”

Mặt bà Magda đanh lại. Đôi mắt bà mở to nhìn Taverner, vẻ oán trách.

Bà trình trọng nói: “Tôi nghĩ ngài không nên hỏi tôi những việc như thế. Bà Brenda rất thân thiết với tất cả *mọi người*. Bà là loại người thật sự rất dễ mến.”

“Bà có thích ông Laurence Brown không?”

“Ông ta rất kín tiếng. Rất tử tế, nhưng ngài khó biết ông ta ở đó. Tôi không gặp ông ta nhiều lắm.”

“Bà có hài lòng về việc dạy học của ông ta?”

“Tôi cho rằng có. Thật ra tôi không biết rõ. Philip có vẻ hoàn toàn hài lòng.”

Taverner thử dùng chiến thuật gây sốc.

“Tôi rất tiếc phải hỏi bà điều này, nhưng theo quan điểm của bà thì giữa ông Brown và bà Brenda Leonides có tình ý gì không?”

Bà Magda đứng dậy. Bà chứng tỏ mình là một *mệnh phụ* chính hiệu.

“Tôi chưa bao giờ thấy bất kỳ chứng cứ nào về việc đó,” bà nói. “Ngài thanh tra, tôi trộm nghĩ ngài không nên hỏi tôi một câu hỏi như thế. Bà ta là vợ của cha chồng tôi.”

Tôi suýt nữa đã vỗ tay.

Chánh thanh tra cũng đứng dậy.

“Tôi muốn hỏi thêm các gia nhân,” anh đề nghị.

Bà Magda không trả lời.

“Cám ơn bà, bà Leonides,” thanh tra nói, rồi đi ra.

“Mẹ yêu, mẹ làm rất tốt,” Sophia phấn khởi nói với mẹ.

Bà Magda nhẹ xoắn búp tóc phía sau tai phải và nhìn vào trong gương.

“Ừ-ừ,” bà nói. “Mẹ *nghĩ* đó đúng là cách nên làm.”

Sophia nhìn tôi. Nàng hỏi:

“Anh không phải đi theo ngài thanh tra à?”

“Xem nào, Sophia, vai trò của anh là...”

Tôi ngưng nói. Tôi không thể nói toạc móng heo trước mặt mẹ của Sophia vai trò thật sự của tôi. Cho đến giờ bà Magda tỏ ra không chú ý đến sự có mặt của tôi chút nào, ngoài việc là kẻ theo đuôi con gái bà. Tôi có thể là một phóng viên, hôn phu của con gái bà, theo đóm ăn tàn cảnh sát, hay thậm chí là kẻ lãnh thầu đám tang – với bà Magda họ sẽ là một và là tất cả khán giả của một đám tang đình đám.

Bà Leonides nhìn xuống chân, vẻ không hài lòng:

“Đôi giày này quá tệ. Đồ lừa đảo.”

Tuân theo cái hất đầu ra lệnh của Sophia, tôi vội vã chạy theo Taverner. Tôi bắt kịp anh ở bên ngoài đại sảnh đúng ngay chỗ cửa đi lên thang lầu. Anh giải thích:

“Chúng ta đi lên gặp ông anh lớn.”

Không chần chừ gì cả tôi đặt vấn đề với anh. “Này anh Taverner, vai trò của tôi ở đây là gì?”

Anh có vẻ ngạc nhiên.

“Vai trò của anh à?”

“Đúng, tôi làm gì trong ngôi nhà này? Nếu có ai hỏi tôi, tôi phải nói sao?”

“À tôi hiểu rồi.” Anh ngẫm nghĩ giây lâu. Sau đó mỉm cười: “Đã có ai hỏi anh chưa?”

“Chưa.”

“Vậy thì cứ kệ đi. *Không bao giờ giải thích.* Đó là phương châm tuyệt nhất. Đặc biệt trong ngôi nhà rối bời như ngôi nhà này. Tâm trạng của mỗi người đầy rẫy những nghi vấn, lo âu và sợ sệt. Họ sẽ xem anh là mặc nhiên miễn anh có vẻ tự tin. Sẽ là một sai lầm lớn nếu như anh nói ra điều gì không cần nói. Giờ ta đi qua cánh cửa này và lên trên lầu. Không khóa khiếc gì cả. Như anh thấy đấy, tôi hy vọng, những câu hỏi mà tôi đặt ra toàn nhằm nhí. Ai đang ở trong nhà, ai không, hay bọn họ đã ở đâu trong cái ngày đặc biệt đó...”

“VẬY TẠI SAO...”

Taverner tiếp tục: “Bởi vì ít ra cũng cho tôi cơ hội xem xét tất cả bọn họ, nắm bắt họ, và nghe những điều họ nói, hy vọng qua đó, hoàn toàn tình cờ, không chừng ai đó có thể cung cấp cho tôi một gợi ý có ích.” Anh im lặng một lát đoạn nói nhỏ: “Tôi cho rằng bà Magda có thể mở miệng nếu bà muốn.”

“CÓ ĐÁNG TIN CẬY KHÔNG?” TÔI HỎI.

“Ồ, không,” Taverner đáp, “không đáng tin cậy. Nhưng có thể mở ra một đầu mối cho cuộc điều tra. Mọi người trong ngôi nhà đáng nguyên rủa này đều có phương tiện và cơ hội. Điều tôi muốn là động cơ.”

Ở trên đầu cầu thang, một cánh cửa đóng không cho vào hành lang bên tay phải. Có một vòng gõ bằng đồng thau trên cửa. Thanh tra Taverner trịnh trọng gõ.

Cánh cửa bất thần mở ra, do một người đàn ông có thể đã đứng sẵn bên trong. Ông ta có vóc dáng to lớn thô kệch, đôi vai rộng, tóc sậm rối nùi, một con người rất xấu xí nhưng lại có bộ mặt vui vui. Đôi mắt ông nhìn chúng tôi, đoạn quay đi nhanh như đã nhìn lén, cái cách bối rối của người hay biểu lộ sự hổ thẹn nhưng trung thực.

Ông nói: “Tôi đã nghe báo. Xin mời vào. Vâng tôi sắp đi – nhưng đó không phải là vấn đề. Mời vào phòng khách, tôi sẽ đi gọi Clemency – ô, bà ấy đây rồi. Đây là Chánh thanh tra Taverner. Ngài có dùng thuốc điều không? Xin chờ một chút. Nếu như ngài không cần.” Ông ta đụng vào tấm bình phong, và nói: “Tôi xin lỗi” và vẫn cái cung cách bối rối, đi ra khỏi phòng.

Ông biến đi như một con ong nghệ, không để lại một tiếng động nhỏ.

Bà Roger Leonides đang đứng bên cửa sổ. Tôi chột kinh ngạc về phong cách của bà ta và không khí của gian phòng chúng tôi đang đứng.

Các vách tường sơn màu trắng, thật trắng, không một tí gì là màu ngà voi hay màu kem nhạt, những màu mà người ta thường gọi khi nói tới ‘màu trắng’ trong trang trí nhà cửa. Không có một bức tranh nào trên tường ngoại trừ một bức treo trên lò sưởi, một bức vẽ hình học với các hình tam giác màu

xám sậm và một tàu chiến màu xanh dương. Đồ đạc không nhiều – chỉ những gì cần thiết, ba hay bốn ghế dựa, một bàn có lót kiếng, một tủ sách có ngăn nhỏ. Không có trang trí gì cả. Chỉ có ánh sáng, không gian và không khí.

Hoàn toàn khác hẳn phòng khách to lớn trang trí găm thêu kim tuyến và đầy hoa dưới tầng trệt. Và bà Roger Leonides cũng khác hẳn bà Magda. Trong khi người ta cảm thấy bà Magda có thể, mà thường như thế, giống như nửa tá con người khác nhau thì bà Clemency Leonides, tôi tin chắc, không bao giờ là con người nào khác hơn chính mình. Bà là một phụ nữ có tính cách mạnh mẽ và rõ ràng.

Bà khoảng năm mươi tuổi, tôi đoán thế, tóc màu xám, cắt ngắn, chải đẹp trên cái đầu nhỏ nhắn, cân đối. Tôi luôn có cảm tình với lối cắt tóc đặc biệt này. Bà có gương mặt thông minh, biểu cảm với đôi mắt màu xám nhạt có vẻ thấu đáo lạ kỳ. Bà mặc chiếc váy dài đơn giản bằng vải len màu đỏ sậm thích hợp hoàn hảo với thân hình thon thả của bà.

Ngay tức khắc tôi cảm nhận bà là một người đàn bà đáng ngại... Đánh giá các tiêu chí bà đang sống, tôi cho rằng đó không phải các tiêu chí của một người đàn bà bình thường. Tôi liền hiểu tại sao Sophia đã dùng từ nhấn tâm để liên hệ về bà. Gian phòng lạnh lẽo và tôi hơi rùng mình. Clemency Leonides nói với cái giọng êm dịu, nhẹ nhàng:

“Mời ngài ngồi, ngài chánh thanh tra. Có tin gì mới không?”

“Chết vì eserine thừa bà Leonides.”

Bà nói về trầm ngâm:

“Như thế đây là một vụ giết người. Có thể nào là tai nạn không?”

“Không, thưa bà Leonides.”

“Xin ngài đối xử với chồng tôi nhẹ nhàng một tí. Sự việc đó ảnh hưởng đến anh ấy thật nhiều. *Anh* rất tôn thờ cha và cảm nhận sự việc rất sâu sắc. *Anh* là một người rất dễ xúc động.”

“Bà và cha chồng có hòa thuận không, bà Leonides?”

“Hoàn toàn hòa thuận.” Bà bình thản nói thêm: “Tôi không thích ông ta lắm.”

“Tại sao vậy?”

“Tôi không thích các mục tiêu trong cuộc sống – và các phương pháp để đạt mục tiêu của ông ấy.”

“Thế còn bà Brenda Leonides?”

“Brenda à? Tôi ít gặp bà ta.”

“Bà có nghĩ có thể có điều gì giữa bà ta và ông Laurence Brown không?”

“Ý ngài là – về cái chuyện yêu đương? Tôi không nghĩ đến. Tôi thật sự không biết gì về chuyện đó.” Giọng bà nghe hoàn toàn vô cảm.

Roger Leonides nhanh chóng trở lại, cũng với cái cách của con ong nghệ.

“Tôi mắc chút chuyện,” ông nói. “Điện thoại. Nào, ngài thanh tra? Ngài có tin gì? Cha tôi chết vì lý do gì?”

“Bị đầu độc bằng eserine.”

“Chúa ơi! Thật vậy sao? Vậy thì chính là người đàn bà đó. Bà ta không thể chờ! Ít nhiều gì cha cũng đã lôi bà ta ra khỏi vũng lầy, giờ đây là phần thưởng cho ông. Bà ta máu lạnh đã giết chết ông! Chúa ơi, nghĩ đến điều ấy là tôi sôi máu lên.”

“Ngài có lý do gì cụ thể khi nghĩ như vậy không?”

Taverner hỏi Roger đi qua đi lại, hai tay cào mạnh vào mái tóc.

“Lý do à? Ai, còn ai khác ngoài bà ta có thể làm điều đó. Tôi không bao giờ tin cậy *bả* – không bao giờ thích *bả*! Chúng tôi không một ai thích *bả* hết. Philip và tôi đều phản đối khi một ngày nọ cha về nhà và bảo chúng tôi ông đã làm gì! Vào cái tuổi của ông! Thật là điên khùng – *điên khùng*. Ngài thanh tra, cha tôi là một người kỳ lạ. Về mặt trí lực, ông ấy trẻ trung và tỉnh táo như người bốn mươi. Mọi thứ tôi có trên đời này đều do ông cho. Ông làm mọi điều cho tôi – không bao giờ để tôi thất vọng. Chính tôi mới để *ông* thất vọng – khi tôi nghĩ đến điều đó...”

Ông nặng nề buông mình xuống ghế. Vợ ông lặng lẽ đến bên ông.

“Roger, thôi đủ rồi. Đừng tự làm khổ mình nữa.”

“Anh biết, em yêu,” ông nắm lấy tay bà. “Nhưng làm sao anh có thể bình tĩnh – làm sao anh có thể không cảm thấy...”

“Roger à, nhưng tất cả chúng ta phải giữ bình tĩnh. Chánh thanh tra Taverner muốn giúp chúng ta.”

“Đúng thế, thưa bà Leonides.” Ông Roger gào lên: “Các người có biết tôi muốn làm gì không? Tôi muốn bóp cổ mẹ đàn bà ấy bằng chính đôi tay của mình. Ông già thân yêu còn sống bao lâu nữa đâu. Nếu mẹ ấy có mặt ở đây...” Ông bật dậy. Người lấy bẫy vì giận dữ. Đưa đôi bàn tay run rẩy ra xa. “Đúng, tôi sẽ siết cổ mẹ, siết cổ mẹ...”

“Roger!” bà Clemency gất lên.

Ông nhìn bà, lộ vẻ ngượng.

“Xin lỗi, em yêu.” Ông xoay qua chúng tôi. “Tôi xin lỗi.

Cảm xúc đã lấn át con người tôi. Hãy thứ lỗi cho tôi...” Ông lại đi ra khỏi phòng. Clemency Leonides nói với một nụ cười nhẹ:

“Các ngài biết đấy, ông ấy thật sự không hại đến một con ruồi.”

Taverner lễ độ đồng ý lời giải bày của bà.

Sau đó anh tiếp tục với cái gọi là những câu hỏi thông lệ.

Bà Clemency đối đáp rõ ràng và chính xác.

Ông Roger Leonides đã ở London vào ngày cha ông chết, tại Box House, trụ sở chính của Công ty Cung cấp thực phẩm. Xế trưa ông trở về nhà sớm và như thường lệ gặp cha mình một lúc. Bà, cũng như thường lệ, làm việc tại Viện Lambert đường Gower. Bà trở về nhà đúng trước sáu giờ.

“Bà có gặp cha chồng?”

“Không. Lần cuối tôi gặp ông là ngày hôm trước. Chúng tôi dùng cà phê với ông sau bữa ăn tối.”

“Vậy bà không gặp ông vào ngày ông ấy mất?”

“Không. Tôi có đi ngang qua phòng của ông vì Roger cho rằng anh ấy đã để quên ống điếu của *anh* – một ống điếu rất quý giá – trong phòng ông cụ, nhưng thực ra anh ấy để quên ống điếu trên bàn ở đại sảnh, do vậy tôi không cần phải quấy rầy ông cụ. Ông cụ thường ngủ gà ngủ gật vào khoảng sáu giờ.”

“Bà nghe ông ấy bệnh lúc nào?”

“Bà Brenda chạy vội đến báo. Lúc đó sau sáu giờ rưỡi đúng một hai phút.”

Tôi biết những câu hỏi đó không quan trọng, nhưng tôi cho rằng Thanh tra Taverner ranh mãnh biết chừng nào khi dùng câu hỏi để tìm hiểu tỉ mỉ người đối diện.

Anh hỏi thêm vài câu hỏi về tính chất công việc của bà ở London. Bà cho biết bà nghiên cứu tác động phóng xạ của phân hủy nguyên tử.

“Bà chế tạo bom nguyên tử, đúng thế không?”

“Công việc không có tính hủy diệt. Viện thực hiện các thử nghiệm về tác dụng chữa bệnh.”

Khi Taverner đứng lên, anh tỏ ý muốn tham quan gian nhà. Bà Clemency có vẻ hơi ngạc nhiên, nhưng cho anh thấy bà cũng sẵn sàng. Phòng ngủ với hai chiếc giường giống nhau, trải drap trắng; trang bị phòng vệ sinh đơn giản khiến tôi nghĩ đến phòng của bệnh viện hay gian phòng nhỏ của tu viện. Phòng tắm cũng thế, rất trống trải, đặc biệt không có gì cao sang và không chỗ để mỹ phẩm. Nhà bếp trông rộng, rất sạch, trang bị những dụng cụ thiết thực. Sau đó chúng tôi đến bên cánh cửa do bà Clemency mở: “Đây là căn phòng đặc biệt của chồng tôi.”

“Mời vào,” tiếng ông Roger. “Mời vào.”

Tôi hít một hơi thở nhẹ để chịu. Có gì đó trong sự khắc khổ sạch sẽ ở chỗ khác đã làm cho tôi bất ổn. Còn đây đúng là một căn phòng mang tính cách cá nhân đặc biệt. Có một cái bàn mặt xoay bề bộn giấy tờ, ống điều cũ và tàn thuốc lá. Những ghế dựa to, giản đơn, ọp ẹp. Sàn trải thảm Ba Tư. Trên các vách tường treo ảnh những nhóm: nhóm học tại trường, nhóm chơi cricket, nhóm quân nhân; ảnh chủ yếu đã mờ. Những phác họa màu nước vẽ sa mạc và các tháp, những chiếc thuyền buồm, sóng biển và cảnh hoàng hôn. Nhìn chung, đây là một căn phòng dễ nhìn, căn phòng của một người đàn ông dễ mến, thân thiện, dễ kết bạn.

Ông Roger, vụng về rót nước uống từ một cái bình, đẩy sách và giấy tờ ra khỏi một trong những chiếc ghế.

“Chỗ này khá lộn xộn. Tôi đang sắp xếp. Loại bỏ các giấy tờ cũ.”

Taverner từ chối uống rượu. Tôi nhận lời. Ông Roger tiếp: “Các ngài hãy thứ lỗi cho tôi.” Ông đưa rượu cho tôi, mặt quay sang nói chuyện với Taverner câu đã nói: “Cảm xúc đã lấn át tôi.”

Ông nhìn quanh vẻ như phạm lỗi, nhưng bà Clemency không vào phòng cùng với chúng tôi.

“Cô ấy thật tuyệt vời,” ông Roger nói. “Ý tôi là vợ tôi rất tuyệt. Suốt chuyện này, cô ấy tuyệt hảo – *tuyệt hảo!* Tôi không thể nói tôi đã thán phục cô ấy thế nào. Cô ấy đã có một thời khó khăn – khó khăn khủng khiếp. Tôi muốn kể cho các ngài nghe chuyện đó. Chuyện là trước khi chúng tôi lấy nhau, người chồng trước của cô ấy là một người tốt – ý tôi nói là một người đàng hoàng – rất tinh tế – nhưng lại mắc bệnh lao. Anh ta làm công việc tìm tòi nghiên cứu về tinh thể học rất có giá trị. Bị trả thù lao thấp và công việc đòi hỏi cao nhưng anh ta không chịu bỏ nghề. Cô ấy làm lưng vắt vả để lo cho anh ta, chống đỡ cho anh ta dù luôn biết rằng anh ta sẽ chết. Và không một lời than van – không cảm rảm về nỗi khó nhọc. Cô ấy luôn nói mình đang hạnh phúc. Sau khi anh ta mất, cô ấy hoàn toàn suy sụp. Sau cùng cô ấy đồng ý lấy tôi. Tôi rất vui được giúp cô ấy một chút yên lòng, một chút hạnh phúc. Tôi muốn nhà tôi nghỉ làm việc. Nhưng cô ấy cảm thấy nhiệm vụ của mình trong thời chiến, do vậy cô ấy cho rằng cần phải tiếp tục làm việc. Cô ấy là một người vợ tuyệt vời – một người vợ tuyệt vời nhất mà đàn ông chưa hề gặp. Chúa ôi, tôi rất hạnh phúc! Tôi làm mọi việc cho cô ấy.”

Taverner biểu lộ sự đồng tình. Sau đấy, một lần nữa, anh lại đề cập đến những câu hỏi thường lệ quen thuộc: “Ông đã nghe cha ông phát bệnh lúc nào?”

“Brenda chạy vội đến báo cho tôi. Cha bị bệnh – bà ta nói – cha bị đột quy gì đó.”

“Mới chỉ nửa giờ trước đó tôi còn ngồi với ông già thân yêu. Lúc ấy ông hoàn toàn mạnh khỏe. Khi nghe tin, tôi vội chạy đến. Mặt ông tái xanh, thờ hỏn hỏn. Tôi chạy xuống chỗ Philip. Nó gọi điện thoại cho bác sĩ. Tôi – chúng tôi không thể làm gì. Dĩ nhiên tôi chưa bao giờ nghĩ có lúc xảy ra chuyện ông khó ở như vậy. Khó ở? Tôi đã nói khó ở? Chúa ôi, tôi đã dùng từ khó ở!”

Với một chút ngại ngùng, chúng tôi đi ra khỏi căn phòng mang không khí đầy xúc cảm của Roger, và thấy mình lại ở ngoài cửa chỗ đầu cầu thang.

“Ái chà!” Taverner nói. “Thật là trái ngược với người em!” Anh nói thêm, không che giấu: “Những căn phòng, những điều kỳ lạ. Chúng cho ta biết rất nhiều điều về những con người đang sống trong đó.”

Tôi đồng ý và anh tiếp tục:

“Những người kết hôn với nhau cũng kỳ lạ luôn, phải thế không?”

Tôi không chắc ý anh ám chỉ Clemency và Roger hay Philip và Magda. Câu nói của anh có thể áp dụng cho cả hai cặp. Với tôi, dường như cả hai cuộc hôn nhân đều được xếp loại có hạnh phúc. Cuộc hôn nhân giữa Clemency và Roger chắc chắn là hạnh phúc.

“Tôi không cho rằng ông ta là kẻ đầu độc, còn anh?” Taverner hỏi. “Không đủ bản lĩnh. Tất nhiên anh không bao giờ hiểu. Bà vợ thì có thể. Loại đàn bà nhẫn tâm. Có thể hơi thần kinh.”

Tôi lại đồng ý. “Nhưng tôi không cho rằng,” tôi nói, “bà ta giết một ai đó chỉ vì bà ta không đồng tình với các mục tiêu và cung cách sống. Có thể, bà ta thực sự ghét ông lão – nhưng có kẻ nào giết người chỉ vì ghét thôi ư?”

“Hiếm lắm,” Taverner thừa nhận. “Chính tôi chưa bao giờ gặp. Thôi, tôi cho rằng tốt hơn giờ ta đi gặp bà Brenda. Biết đâu Chúa giúp chúng ta có được một chứng cứ nào đấy.”

Một cô hầu mở cánh cửa căn phòng đối diện với chúng tôi. Cô ta có vẻ sợ sệt nhưng hơi khinh khỉnh khi thấy Taverner.

“Hai ông muốn gặp bà chủ?”

“Đúng thế, xin vui lòng.”

Cô ta đưa chúng tôi vào một phòng khách rộng lớn và đi ra ngoài.

Kích thước của phòng này ngang bằng với kích thước của phòng khách ở tầng trệt tầng dưới. Trang trí những vải bọc dày, màu sắc rực rỡ, rèm lụa có sọc. Trên lò sưởi là một bức chân dung khiến tôi chú ý – không phải chỉ vì do một bậc thầy họa sĩ vẽ nên mà còn là gương mặt có thần của người trong tranh.

Đó là chân dung một ông lão nhỏ bé có đôi mắt màu xám, cái nhìn soi mói. Ông đội mũ nhung đen và đầu ông rụt xuống đôi vai nhưng vẻ hoạt bát và uy lực của ông lão thể hiện rõ trên bức vẽ. Cặp mắt lấp loáng như hút hồn đôi mắt tôi.

“Đó là ông ấy,” Chánh thanh tra Taverner thản nhiên nói. “Do Augustus John vẽ. Vẽ đúng tính cách, phải không?”

Giờ tôi mới hiểu ý bà dì Edith de Haviland nói ngôi nhà dường như trống vắng khi không có ông ta. Đó là Con Người Nhỏ Bé Nguồn Gốc Kỳ Lạ đã xây Ngôi Nhà Nhỏ Bé Kỳ Lạ – và nếu thiếu vắng ông ta Ngôi Nhà Nhỏ Bé Kỳ Lạ sẽ mất ý nghĩa.

“Kia là chân dung bà vợ đầu của ông ta, do họa sĩ Sargent vẽ,” Taverner nói.

Tôi nhìn bức tranh trên tường giữa hai cửa sổ. Có cái gì hơi hoang dã giống như nhiều bức chân dung do Sargent vẽ. Chiều dài gương mặt hơi bị phóng đại, tôi nghĩ, nó khá giống mặt ngựa – chính xác không thể tranh cãi. Đó là chân dung của một Quý bà nước Anh – trong xã hội nông thôn (không

phải xã hội thanh lịch). Đẹp nhưng hơi vô hồn. Bà không có vẻ giống vợ của một lão già chuyên chế cười ngạo nghễ và đầy quyền lực treo trên lò sưởi.

Cửa phòng chợt mở, trung sĩ Lamb bước vào. Anh nói:

“Tôi đã làm hết khả năng với các gia nhân, thưa sếp. Nhưng không được gì.”

Taverner thở dài.

Trung sĩ Lamb lấy ra một cuốn sổ tay và lùi về cuối phòng, ngồi xuống tại đó để không làm phiền.

Cánh cửa lại mở và bà vợ hai của ông Aristide Leonides bước vào.

Bà mặc bộ đồ đen – đen tuyền và rất đắt tiền. Áo cao đến cổ và phủ đến cổ tay. Bà bước chậm rãi và nhẹ nhàng. Màu đen chắc chắn phù hợp với bà. Mặt bà đẹp, vẻ hòa nhã, mái tóc nâu được chải công phu. Mặt đánh phấn khéo, môi dùng son đỏ, nhưng đánh không khéo. Bà đeo một chuỗi ngọc trai lớn, một chiếc nhẫn nam viên ngọc lục bảo to tướng trên một tay, còn tay kia là chiếc nhẫn đính viên hồng ngọc cực lớn.

Có một điều khác mà tôi nhận thấy ở bà. Trông bà có vẻ hoảng sợ.

“Chào bà, bà Leonides,” Taverner nói giả lả. “Tôi xin lỗi lại làm phiền đến bà.”

Bà ta nói giọng nhạt nhẽo:

“Tôi cho rằng không thể giúp được gì thêm.”

“Bà Leonides, bà có biết nếu bà muốn có mặt luật sư, bà hoàn toàn có thể cho gọi không ạ?”

Tôi thầm nghĩ không biết bà ta có hiểu ý nghĩa của các từ này không. Rõ ràng là không. Bà chỉ đáp với cái giọng hơi khó chịu:

“Tôi không thích ông Gaitskill. Tôi không chọn ông ấy.”

“Bà có thể chọn luật sư theo ý bà, thưa bà Leonides.”

“Cần phải có họ ư? Tôi không thích luật sư. Họ làm tôi rối.”

“Điều đó hoàn toàn do bà quyết định,” Taverner nói, anh nở một nụ cười rất tự nhiên. “Giờ, chúng ta tiếp tục nhé?”

Trung sĩ Lamb liếm cây bút chì. Bà Brenda Leonides ngồi trên tràng kỷ

đôi diện với Taverner.

“Ngài đã khám phá ra điều gì?” bà hỏi.

Tôi nhận thấy các ngón tay của bà xoắn lại rồi buông ra dải nếp gấp bằng lụa chiffon trên áo bà một cách bồn chồn lo lắng.

“Giờ chúng tôi có thể xác định chồng bà mất vì bị đầu độc eserine.”

“Ý ngài là thuốc nhỏ mắt giết chết ông ấy?”

“Gần như chắc chắn khi bà tiêm thuốc ông ấy lần cuối. Đó là eserine chứ không phải insulin.”

“Nhưng tôi không biết điều đó. Tôi không có làm gì với nó. Thật sự tôi không làm, ngài thanh tra.”

“Vậy có ai đó cố tình thay insulin bằng thuốc nhỏ mắt.”

“Một việc làm khủng khiếp!”

“Vâng, thưa bà Leonides.”

“Ngài có nghĩ – ai đó đã làm có chủ ý? Hay do tai nạn? Có thể do một trò – một trò nghịch dại – không?”

Taverner nhẹ nhàng nói:

“Tôi không nghĩ đó là một trò nghịch, bà Leonides ạ.”

“Có thể đó là do một trong số người hầu.”

Taverner không đáp.

“Chắc vậy rồi. Tôi không thấy ai khác có thể làm điều đó.”

“Bà chắc chứ? Hãy suy nghĩ kỹ, bà Leonides. Bà có ý kiến nào nữa không? Không cãi cọ? Không hận thù? Không cảm thấy bất mãn bất cứ chuyện gì?”

Bà vẫn nhìn Taverner chằm chằm với đôi mắt to thách thức.

“Tôi không có ý kiến nào cả.”

“Buổi xế chiều hôm ấy bà đi xem chiếu bóng, bà nói thế phải không?”

“Đúng – tôi về lúc sáu giờ ba mươi – đó là giờ tiêm thuốc insulin – tôi – tôi tiêm thuốc như thường lệ và ông ấy kêu choáng váng. Tôi hoảng sợ, vội chạy đến chỗ Roger – lần trước tôi đã kể cho ngài nghe tất cả. Tôi phải kể bao nhiêu lần nữa?” Bà cao giọng một cách dữ tợn.

“Xin lỗi bà Leonides. Giờ tôi có thể nói chuyện với ông Brown được không?”

“Với Laurence à? Vì sao? Anh ta không biết tí gì về chuyện này.”

“Tôi lại muốn trao đổi với ông ấy.”

Bà ta nhìn Taverner vẻ nghi ngờ.

“Eustace đang học tiếng Latinh với anh ta trong phòng học. Ngài có muốn anh ta đến đây không?”

“Không – chúng tôi sẽ đến chỗ ông ta.”

Taverner bước nhanh ra khỏi phòng. Trung sĩ Lamb và tôi đi theo.

“Ngài đã làm cho bà ta hoảng, thưa sếp,” trung sĩ Lamb nói.

Taverner nhăn nhó. Anh đi như bay lên các bậc thang, đoạn đi dọc theo hành lang đến một căn phòng rộng nhìn ra vườn. Trong phòng có một người còn trẻ khoảng độ tuổi ba mươi có mái tóc sáng đẹp, và cậu bé tuổi độ mười sáu, đẹp trai, da sạm đang ngồi tại bàn.

Cả hai nhìn lên khi chúng tôi bước vào. Eustace, em trai của Sophia, nhìn tôi, Laurence nhìn Chánh thanh tra Taverner với cái nhìn lộ vẻ lo âu.

Tôi chưa bao giờ thấy một người có vẻ tê liệt hoàn toàn vì sợ. Anh ta đứng lên rồi lại ngồi xuống. Anh ta nói, giọng gằn như rít:

“Ô – ồ – xin chào, ngài thanh tra.”

“Xin chào.” Taverner cộc lốc. “Tôi có thể trao đổi với ông?”

“Dĩ nhiên được. Rất vui lòng. Ít nhất...”

Eustace đứng lên.

“Thưa ngài thanh tra, ngài có muốn tôi đi chỗ khác không?” Giọng Eustace thích chí phảng phát kênh kiệu.

“Chúng ta – chúng ta có thể tiếp tục học sau,” vị gia sư nói.

Eustace lững thững đi ra cửa. Dáng đi cứng đờ. Ngay khi đến cửa, thấy tôi nhìn theo, cậu ta đưa ngón tay trở tẻo trước cổ họng và nhăn răng cười. Rồi đóng cánh cửa lại.

“Nào, ông Brown,” Taverner nói. “Việc phân tích đã xác định rõ. Chính chất eserine gây ra cái chết của ông Leonides.”

“Tôi – ý ngài là – ông Leonides thật sự đã bị đầu độc ư? Tôi đã hy vọng...”

“Ông ấy bị đầu độc,” Taverner nói ngắn gọn. “Ai đó đã đổi insulin bằng thuốc nhỏ mắt eserine.”

“Tôi không thể tin... Không thể tin được.”

“Vấn đề là, ai có động cơ làm thế?”

“Không một ai. Không ai cả!” Giọng chàng trai cất cao, xúc động.

“Ông có muốn có mặt luật sư của ông không?”

“Tôi không có luật sư. Tôi không muốn có một người nào. Tôi không có gì phải giấu giếm – không có gì...”

“Và ông nên hiểu rõ rằng những gì ông nói đều được ghi chép?”

“Tôi vô tội – tôi đảm bảo với ngài, tôi vô tội.”

“Tôi không gợi ý thêm gì khác.” Taverner dừng lời. “Bà Leonides quá trẻ so với chồng, không đúng thể sao?”

“Tôi – tôi cũng cho là thế – ý tôi, vâng đúng thế.”

“Hắn có khi bà ta cảm thấy cô đơn?”

Laurence Brown không nói nữa. Anh ta đưa lưỡi liếm đôi môi khô khốc.

“Có một người bạn sành sành tuổi bà ta sống ở đây hẳn rất dễ chịu đối với bà ta.”

“Không – không có – ý tôi là – tôi không biết.”

“Theo tôi, một sự gắn bó nảy nở giữa hai người là điều hoàn toàn tự nhiên.”

Chàng trai phản đối quyết liệt.

“Không có! Không có! Không hề có kiêu đó! Tôi hiểu ngài đang nghĩ gì, nhưng mà không phải thế. Bà Leonides luôn rất tử tế với tôi và tôi rất, rất kính trọng bà – ngoài ra không còn gì khác – không có gì hơn thế, tôi đảm bảo với ngài. Thật là vô lý khi ám chỉ chuyện như thế. Hết sức vô lý! Tôi không giết *ai cả* – tôi không đổi các chai thuốc – hay làm bất cứ chuyện gì như thế. Tôi rất nhạy cảm và dễ bị xúc động. Ý tưởng về việc giết người là một *ác mộng* đối với tôi – ở tòa rất hiểu điều đó – tôi theo tôn giáo cấm giết

người. Tôi đã làm trong bệnh viện – đun thùng chứa nước cho nóng – một công việc rất nặng nhọc – tôi không thể làm tiếp – thế là họ cho tôi làm công việc dạy học. Tôi đến đây dạy Eustace và Josephine hết sức mình – một đứa trẻ rất thông minh nhưng khó bảo. Và mọi người ở đây hầu hết đều tử tế với tôi – ông Leonides và bà Leonides và cô de Haviland. Và bây giờ chuyện khủng khiếp này xảy ra... Và ngài nghi ngờ tôi – *tôi* – là kẻ giết người!”

Thanh tra Taverner nhìn Brown với cái nhìn chậm chậm, xét đoán.

“Tôi không nói thế,” anh lưu ý.

“Nhưng ngài nghĩ thế! Tôi biết ngài nghĩ thế! Tất cả mọi người nghĩ thế! Họ nhìn tôi. Tôi – tôi không thể tiếp tục nói chuyện với ông. Tôi không khỏe.”

Anh ta vội vàng ra khỏi phòng. Taverner từ từ quay sang nhìn tôi.

“Sao, anh nghĩ thế nào về anh ta?”

“Y sợ điếng người.”

“Tôi biết, nhưng y có phải là một kẻ giết người không?”

“Nếu ngài hỏi tôi,” trung sĩ Lamb nói, “y không bao giờ dám làm.”

“Y sẽ không bao giờ đập hay bắn vào đầu ai,” Taverner đồng ý. “Nhưng trong vụ giết người đặc biệt này, người ta làm gì? Chỉ cần đổi hai cái chai... Giúp một ông lão lia trần bằng cách tương đối không đau đớn.”

“Thực hiện cái chết êm ái,” anh trung sĩ kêu lên.

“Và sau đó, có thể, sau đám tang trọng thể, là một đám cưới với người thừa hưởng một trăm ngàn bảng mà không phải nộp thuế thừa kế, một người vốn đã có sẵn số tiền như thế, và thêm vào đó là ngọc trai, hồng ngọc, ngọc lục bảo to bằng quả trứng!”

Taverner thở dài: “Ôi, tất cả đều là giả thuyết và phỏng đoán! Tôi tìm cách để dọa y, nhưng điều đó không chứng minh được gì cả. Y vẫn cứ sợ nếu y vô tội. Mà dù sao, tôi khó tin anh ta là người thực sự đã làm chuyện đó. Khả năng nhiều hơn là người đàn bà – chỉ có điều thế quái nào mà bà ta không vứt cái chai insulin đi hay súc cho sạch chứ?” Anh quay sang viên trung sĩ: “Không có chứng cứ gì từ những người hầu?”

“Cô hầu bàn ăn nói họ rất ngọt ngào với nhau.”

“Ra sao?”

“Cái cách anh ta nhìn bà khi bà rót cà phê cho anh ta.”

“Chúng cứ chẳng ích lợi gì trước tòa! Không còn gì nữa sao?”

“Không ai thấy gì thêm.”

“Tôi cho rằng nếu có bất cứ chuyện gì để thấy thì họ đã thấy rồi. Anh biết không, tôi bắt đầu tin rằng thật sự không có gì giữa họ.” Anh nhìn tôi. “Hãy quay lại và nói chuyện với bà ta. Tôi muốn lấy cảm tưởng của anh về bà ta.”

Tôi miễn cưỡng đi, nhưng tôi cũng muốn biết.

Tôi thấy bà Brenda Leonides vẫn ngồi đúng cái chỗ lúc chúng tôi đi ra. Bà khó chịu nhìn lên khi thấy tôi bước vào.

“Thanh tra Taverner đâu? Ông ta có trở lại không?”

“Thưa chưa.”

“Anh là ai?”

Sau cùng, tôi đã bị hỏi câu hỏi mà tôi chờ đợi suốt buổi sáng.

Tôi trả lời với sự thật vừa phải.

“Tôi làm việc với cảnh sát, nhưng tôi cũng là một người bạn của gia đình.”

“Gia đình! Một lũ khốn! Tôi ghét bọn chúng.”

Bà mím môi, nhìn tôi. Trông bà có vẻ rầu rĩ, sợ hãi và giận dữ.

“Chúng luôn đối xử tồi tệ với tôi – luôn luôn. Ngay từ ngày đầu tiên. Tại sao tôi lại lấy ông bố quý báu của chúng? Chuyện đó có vấn đề gì với *chúng*? Bọn chúng đã nhận rất nhiều tiền. Ông đã cho chúng. Chúng chẳng có đầu óc để làm điều gì cho bản thân!”

Bà tiếp tục: “Tại sao một người đàn ông lại không được lấy vợ lần nữa – dù ông ta hơi già? Nhưng ông ấy thật sự không già tí nào – ngay chính trong con người ông ấy. Tôi rất yêu ông ấy. *Đã* rất yêu.” Bà nhìn tôi bướng bỉnh.

“Tôi hiểu,” tôi nói. “Tôi hiểu.”

“Tôi cho rằng anh không tin – nhưng đó là sự thật. Tôi đã chán đàn ông, Tôi muốn có một ngôi nhà – tôi muốn có một người làm cho tôi vui và nói với tôi những điều tử tế. Aristide nói cho tôi nghe những lời yêu thương – ông có thể làm cho tôi cười – và ông rất khéo léo. Ông nghĩ ra đủ mọi cách khôn ngoan lách luật. Ông rất, rất khéo. Ông ấy mát, tôi rất buồn, rất tiếc.”

Bà ngả người trên tràng kỷ. Bà có cái miệng khá rộng; môi hơi nhếch lên

nở một nụ cười buồn.

“Tôi đã sống hạnh phúc ở đây. An toàn ở nơi đây. Tôi đến tất cả những hiệu may vá áo sang trọng – những nơi tôi đọc thấy quảng cáo. Tôi đã là người tốt đẹp như mọi người. Và Aristide đã cho tôi những báu vật dễ thương.” Bà đưa bàn tay ra, nhìn viên hồng ngọc trên ngón tay.

Chính khoảnh khắc đó tôi thấy bàn tay và cánh tay của bà giống như móng vuốt vươn dài của một con mèo và giọng nói của bà nghe như tiếng gừ gừ. Bà vẫn đang mỉm cười với chính mình.

“Có gì không đúng chứ?” bà hỏi. “Tôi tử tế với *ông*. Tôi làm cho ông ấy hạnh phúc.” Bà nghiêng người tới trước.

“Anh có biết tôi gặp *ông* thế nào không?”

Bà tiếp tục nói, không chờ tôi trả lời,

“Là tại nhà hàng Gay Shamrock. *Ông* kêu món trứng đánh với bánh mì nướng và lúc tôi đem ra cho ông ấy thì tôi đang khóc. Ông bảo: “Ngồi xuống, và nói cho ta nghe chuyện gì đã xảy ra.” Tôi nói: “Tôi không thể. Nếu nói tôi sẽ bị đuổi.” Ông bảo: “Không, cô sẽ không bị đuổi đâu. Ta là chủ nơi này.” Bấy giờ tôi mới nhìn ông, một lão già nhỏ con! Lúc đầu tôi nghĩ như thế – nhưng ông ta có vẻ quyền uy. Tôi nói cho ông nghe tất cả... Anh sẽ nghe tất cả chuyện đó từ *bọn họ*, tôi nghĩ vậy, khiến tôi là một cô gái xấu xa tầm thường – nhưng tôi không có xấu xa. Tôi đã được dạy dỗ đàng hoàng. Chúng tôi đã có một gian hàng thuê may cao cấp. Tôi không phải là loại gái có cả lô cả lốc bạn trai và biến mình thành loại gái rẻ tiền. Nhưng Terry thì khác. Anh ta là người Ireland – anh ta ra nước ngoài... Anh ta không hề viết thư hay gửi về cái gì – tôi cho rằng mình điên. Giờ thì như thế này đây, anh thấy đó. Tôi gặp rắc rối – y như một con hầu gái xấu xa...” Giọng bà khinh khỉnh trịch thượng.

“Aristide là người kỳ diệu. Ông nói mọi chuyện rồi sẽ ổn. Ông nói ông cô đơn. Chúng ta phải cưới ngay, ông nói. Thật giống như giấc mộng. Sau đó tôi phát hiện ông ấy là ngài Leonides vĩ đại. Ông sở hữu rất nhiều cửa hàng, nhiều nhà hàng và nhiều câu lạc bộ đêm. Như chuyện cổ tích, đúng không?”

“Đúng là chuyện cổ tích,” tôi nói khô khan.

“Chúng tôi làm lễ cưới tại một nhà thờ nhỏ trong thành phố – sau đó đi

nước ngoài.”

Bà nhìn tôi với đôi mắt dường như từ xa xôi quay lại.

“Dầu sao đâu phải là trẻ con. Đó là một sai lầm.”

Bà mỉm cười, một nụ cười kỳ lạ, khóe môi hơi nhếch.

“Tôi nguyện với lòng sẽ là người vợ thật sự tốt đối với ông ấy và tôi đã làm như thế. Tôi bảo làm các món ăn mà ông thích, chọn những màu sắc ông chuộng và tôi đã làm tất cả những gì có thể làm để ông hài lòng. Và ông đã rất sung sướng. Nhưng tôi không bao giờ tổng khứ được gia đình của ông ấy. Lúc nào cũng đến và bòn rút và sống bằng tiền của ông ấy. Tôi nghĩ bà cô già de Haviland nên đi nơi khác khi chúng tôi lấy nhau... Tôi đã nói thế. Nhưng Aristide bảo, “Bà ấy ở đây đã lâu rồi. Giờ, đây là nhà bà ấy.” Sự thật là ông ấy thích có tất cả mọi người và họ phải nằm dưới quyền hành của ông. Bọn họ đối xử tồi tệ với *tôi*, nhưng dường như ông không thấy và không để ý. Roger ghét tôi – anh đã gặp Roger chưa? Y luôn ghét tôi. Y ganh tị. Còn Philip, y tự cao tự đại, không bao giờ nói chuyện với tôi. Giờ đây, bọn chúng cố gán tội tôi giết người – chuyện mà tôi không làm. *Tôi không làm!*” Bà chồm về phía tôi. “Làm ơn tin tôi không làm.”

Tôi thấy bà rất xúc động. Cái vẻ khinh miệt mà gia đình Leonides nói về bà, sự hăm dọa của họ trong việc tin rằng bà đã phạm tội giết người – và, giờ đây, vào lúc này, tất cả có vẻ như là một sự đối xử vô nhân đạo. Bà ta đơn độc, vô phương tự vệ, bị săn đuổi.

“Và nếu không phải tôi, họ lại cho đó là Laurence,” bà tiếp tục.

“Thế Laurence thì sao?” tôi hỏi.

“Tôi thật buồn cho Laurence. Y là người thanh nhã, chẳng biết chống đỡ. Chẳng phải y hèn nhát. Nhưng vì y nhạy cảm. Tôi đã cố gắng cổ vũ y và giúp cho y cảm thấy hạnh phúc. Y phải dạy hai đứa trẻ khó bảo. Eustace luôn cười nhạo y, còn Josephine – anh đã gặp Josephine. Anh trông nó thế nào?”

Tôi nói tôi chưa gặp Josephine.

“Đôi lúc tôi cho rằng đầu con bé có vấn đề. Nó có cái kiểu lén lút xấu xa, và có vẻ đáng ngờ... Đôi khi nó làm tôi rùng mình.”

Tôi không muốn nói về Josephine. Tôi quay trở lại chuyện Laurence Brown.

“Laurence là ai?” Tôi hỏi. “Anh ta từ đâu tới?”

Tôi hỏi hơi vụng về. Mặt bà ửng đỏ.

“Anh ta không có gì đặc biệt. Chỉ thích tôi thôi... Chúng tôi có cơ may nào để chống lại tất cả *bọn họ*?”

“Bà có nghĩ bà có hơi thích anh ta không?”

“Không. Bọn họ muốn Laurence hoặc tôi thể hiện điều đó. Họ có viên cảnh sát đó đứng về phía họ. Tôi còn có cơ may nào chứ?”

“Bà đừng bực tức,” tôi nói.

“Tại sao không là người trong bọn họ giết chết ông ấy? Hay là một người bên ngoài? Hay là một người làm?”

“Do thiếu một động cơ nào đó.”

“Ôi! *Động cơ*! Tôi thì có động cơ gì? Hay Laurence?”

Tôi cảm thấy hơi khó chịu:

“Tôi cho rằng, họ có thể nghĩ bà – và – Laurence yêu nhau – và bà muốn lấy anh ta.”

Bà ngồi thẳng người lên.

“Thật là một sự nghi ngờ độc địa! Và không đúng sự thật! Chúng tôi không hề nói với nhau một lời nào kiểu đó. Tôi chỉ thương hại y và động viên y. Chúng tôi chỉ là bạn, thế thôi. Anh có tin tôi không?”

Tôi tin bà. Tức là, tôi tin bà ấy và Laurence, như bà nói, chỉ là bạn. Nhưng tôi cũng tin rằng, có thể bà không hiểu rõ mình, bà thật sự đang yêu chàng trai trẻ Laurence.

Tôi đi xuống tầng dưới tìm Sophia với ý nghĩ đó trong đầu.

Lúc tôi sắp sửa đi vào phòng khách, Sophia thò đầu ra từ một cánh cửa đằng xa trên hành lang.

“Chào,” nàng nói. “Em đang giúp vú Nannie làm bữa trưa.”

Tôi định đến chỗ nàng, nhưng nàng đi ra hành lang, đóng cửa lại, nắm tay tôi lôi vào phòng khách, lúc này không có người.

“Nào,” nàng hỏi, “anh gặp bà Brenda chưa? Anh nghĩ thế nào về bà ấy?”

Tôi đáp: “Thẳng thắn mà nói, anh thấy tội nghiệp cho bà ấy.”

Sophia lộ vẻ thích thú.

“Em biết mà,” nàng nói, “anh bị bà ta làm xiêu lòng.”

Tôi cảm thấy hơi tung túc. Tôi nói:

“Vấn đề là – anh thấy được một khía cạnh của bà ấy. Rõ ràng là em không thấy.”

“Khía cạnh nào?”

“Nói thật nhé, Sophia, có ai trong gia đình này đối xử tử tế với bà ấy, hoặc thậm chí đối xử phải lẽ với bà ấy từ khi bà ấy về nhà này không?”

“Đúng, nhà em không tử tế với bà ấy. Vậy chứ nên làm thế nào?”

“Dem lòng lành của Thiên Chúa, nếu không còn cái gì khác.”

“Charles, giọng của anh nghe cao đạo làm sao. Bà Brenda hẳn đã giờ chiều rất tốt.”

“Thật ư, Sophia, em dường như – anh không biết điều gì đã tác động em.”

“Em chỉ trung thực và không giả bộ. Như anh nói, anh đã thấy khía cạnh đó của Brenda. Giờ anh hãy nhìn khía cạnh của em đi. Em không ưa loại phụ nữ trẻ tạo ra câu chuyện bất hạnh và nhờ đó mà lấy một ông già giàu có. Em hoàn toàn có lý khi không ưa loại đàn bà trẻ đó và không có lý do nào trên đời này khiến em giả bộ làm khác đi. Nếu các sự kiện đó được viết ra trên giấy một cách khách quan, *anh* sẽ không ưa người đàn bà trẻ đó tí nào.”

“Câu chuyện đó là bịa đặt?” tôi hỏi.

“Chuyện chàng trai à? Em không biết. Cá nhân em, em nghĩ thế.”

“Và em công phần chuyện ông em mắc mưu?”

“Ông em không mắc mưu đâu,” Sophia cười to. “Ông em không bao giờ mắc mưu ai. Ông muốn có bà Brenda. Ông muốn đóng vai vua Cophetua với cô hầu nghèo^[3]. Ông rất biết mình đang làm gì và thành công mỹ mãn theo kế hoạch. Theo quan điểm của ông, hôn nhân là một thành công trọn vẹn – giống như các hoạt động khác của ông.”

“Có phải ký hợp đồng với Laurence Brown làm gia sư là một thắng lợi

khác của ông em không?” tôi hỏi một cách mỉa mai.

Sophia cau mày.

“Anh biết không, em không chắc có phải thế không. Ông muốn cho Brenda vui và hạnh phúc. Ông cho rằng nữ trang và quần áo là không đủ. Không chừng ông đã nghĩ bà ta muốn có một sự lãng mạn dịu dàng trong cuộc sống. Có thể ông cho rằng một kẻ như Laurence Brown, một kẻ thật sự *dễ bảo*, nếu như anh hiểu ý em, là đúng người để thực hiện trò lừa đó. Một tình bạn đẹp nặng về tâm hồn cùng với sự u buồn sẽ khiến cho Brenda không có quan hệ thật sự với ai khác bên ngoài. Lẽ ra em không nên để cho ông làm những việc như thế. Nội em là một ông già quái gở, anh biết đấy.”

“Hắn là thế,” tôi nói.

“Dĩ nhiên, ông không thể thấy trước điều đó đưa ông ông đến cái chết... Và cũng chính vì đó,” giọng Sophia sôi nổi hẳn lên, “mà em, dù rất muốn, thật sự không tin bà ấy làm thế. Nếu bà ấy lập kế hoạch giết ông – hay cả hai, Brenda và Laurence, cùng lập kế hoạch – thì ông em phải biết rồi. Em dám chắc là với anh điều đó có vẻ hơi cường điệu...”

“Anh phải công nhận là đúng,” tôi nói.

“Anh không hiểu ông. Ông chắc chắn không nhắm mắt làm ngơ kẻ giết hại ông! Do đó các anh đến đây! Đụng một bức tường trống rỗng.”

“Bà ấy hoảng sợ, Sophia à,” tôi nói. “Bà ấy rất sợ.”

“Chánh thanh tra Taverner và những tay chân lưng danh? Vâng, em dám nói họ hơi hoảng. Em cho rằng Laurence bị mất kiểm soát?”

“Anh nghĩ, trên thực tế, anh ta tỏ ra hổ thẹn về bản thân. Anh không hiểu có sao một người đàn bà lại phải lòng người như anh ta.”

“Còn anh thấy sao, Charles? Thực ra Laurence rất gợi tình.”

“Một kẻ yếu đuối,” tôi nói một cách ngờ vực.

“Tại sao đàn ông lúc nào cũng nghĩ rằng người hang động mới là kiểu hấp dẫn phái nữ? Laurence đúng là gợi tình – nhưng em không nghĩ anh nhận ra điều đó.” Nàng nhìn tôi. “Brenda đã làm anh xiêu lòng hoàn toàn.”

“Đừng nghĩ bậy. Bà ta thật sự còn không dễ nhìn. Và chắc chắn bà ấy...”

“Phô diễn sức quyến rũ ư? Không đâu, bà ấy chỉ muốn làm anh thương

hại. Bà ấy không thật sự đẹp, không một chút tinh tế – nhưng có một tính cách rất khác thường. Bà ấy gây trở ngại, đã gây trở ngại giữa em và anh.”

“Sophia!” tôi kêu hoảng.

Sophia đi ra cửa.

“Thôi quên đi, anh Charles. Em phải đi lo bữa ăn trưa.”

“Anh đến giúp em.”

“Không, anh ở lại đây. Có “quý ông trong bếp” sẽ làm cho Nannie lúng túng.”

“Sophia,” tôi gọi, khi nàng đi ra.

“Vâng, gì thế?”

“Chỉ là vấn đề về người làm. Tại sao em không có người hầu nào ở bên dưới và trên này mang tạp dề và đội mũ mở cửa cho chúng ta?”

“Ông có người nấu ăn, người dọn nhà, người phục vụ bàn, người hầu phòng. Ông thích có nhiều người làm. Ông trả lương cao và ông có người ăn kẻ ở. Clemency và Roger có một người làm công nhật đến lau chùi. Họ không thích có người làm – Clemency không thích thì đúng hơn. Nếu hàng ngày bác Roger không có bữa ăn ngon lành trong thành phố, thì bác ấy chết đói rồi. Bữa ăn lý tưởng của bác Clemency là rau diếp, cà chua và cà rốt tươi. Nhà em đôi khi cũng có người làm nhưng mẹ có lúc nổi cơn, thế là họ bỏ đi. Nhà em cũng có người làm công nhật nhưng rồi cũng đầu vào đấy. Nannie là người ở thường trực, bà lo mọi việc cần thiết. Giờ anh biết rồi đó.”

Sophia đi ra. Tôi thả người xuống chiếc ghế dựa rộng lớn có bọc vải thêu kim tuyến và bắt đầu suy nghĩ.

Ở trên lầu, tôi đã nhìn thấy một khía cạnh của bà Brenda. Giờ đây tại chỗ này tôi lại thấy một khía cạnh của Sophia. Tôi hoàn toàn thấu hiểu quan điểm của Sophia – có thể gọi là quan điểm của gia đình Leonides. Họ thù ghét một người lạ mà họ cho là lọt vào nhà họ bằng phương cách đê tiện. Họ hoàn toàn có quyền đó. Như Sophia đã nói: trên giấy tờ trông chẳng hay...

Nhưng còn có khía cạnh con người – khía cạnh tôi thấy mà họ không thấy. Họ đã, họ đã luôn luôn giàu sang và rất có tiếng tăm. Họ không có khái niệm về sự cảm động với kẻ yếu thế. Brenda Leonides ham muốn giàu sang,

những của cải quý giá, sự an toàn – và một ngôi nhà. Bà nói rằng đôi lại, bà đã làm cho ông chồng già hạnh phúc. Tôi thông cảm với bà ta. Chắc chắn, trong lúc nói chuyện với bà, tôi đã thấy thông cảm cho bà... Giờ phải chăng tôi thông cảm nhiều hơn?

Hai mặt của vấn đề – hai góc nhìn khác nhau – đâu là góc nhìn đúng... góc nhìn đúng...

Đêm qua tôi ngủ rất ít. Tôi dậy sớm để đi cùng với Taverner. Giờ đây, bên trong phòng khách ấm cúng, thoang thoang mùi hoa của bà Magda Leonides, cơ thể tôi thả lỏng bên trong cái ghế dựa lớn có đệm êm, mí mắt tôi sụp xuống...

Nghĩ đến Brenda, đến Sophia, đến bức chân dung của ông lão, các ý tưởng của tôi trôi vào một bức màn sương đẹp đẽ.

Tôi ngủ thiếp đi...

Tôi trở lại với ý thức một cách từ từ đến mức thoát tiên không nhận ra mình đã ngủ quên.

Hương hoa thoang thoảng trong mũi tôi. Trước mặt tôi một vật trắng tròn hiện ra trong không gian. Chỉ trong vòng vài giây tôi nhận ra đó là một gương mặt người – một gương mặt cách mặt tôi khoảng chừng non một mét. Khi giác quan tôi trở lại, cái nhìn của tôi chính xác hơn. Gương mặt tạo một cảm giác ghê ghê – gương mặt tròn với lông mày cong, mái tóc chải ra sau, đôi mắt đen, tròn nhỏ. Điều đáng quan tâm là cơ thể – một tấm thân xương xẩu, nhỏ bé. Nó đang chăm chú nhìn tôi hết sức nghiêm túc.

“Chào,” nó nói.

“Chào,” tôi chớp chớp mắt, trả lời.

“Em là Josephine.”

Tôi đã đoán ra rồi. Đây là Josephine, em gái của Sophia. Tôi đoán cô bé khoảng độ mười một, mười hai tuổi. Cô bé là một đứa trẻ cực xấu xí rất giống ông nội cô. Tôi thậm nghĩ có thể cô bé có bộ óc giống ông nội.

“Anh là người yêu của chị Sophia,” Josephine nói.

Tôi thừa nhận câu nhận xét không sai của cô bé.

“Nhưng anh đến đây với Chánh thanh tra Taverner. Tại sao anh đến đây với Chánh thanh tra Taverner?”

“Ông ấy là bạn của anh.”

“Thật không? Em không thích ông ấy. Em sẽ không nói gì với ông ấy hết.”

“Những việc gì?”

“Những việc mà em biết. Em biết rất nhiều việc. Em thích biết nhiều việc.”

Cô ngồi lên thành ghế dựa và tiếp tục ngắm soi tìm hiểu gương mặt tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy khó chịu.

“Ông nội bị giết, anh biết chứ?”

“Đúng,” tôi đáp, “anh biết.”

“Ông bị đầu độc. Với e-se-rine.” Con bé phát âm cẩn thận từng từ một. “Hấp dẫn đấy chứ?”

“Anh cho rằng thế.”

“Eustace và em rất quan tâm. Chúng em thích truyện trinh thám. Em luôn muốn trở thành thám tử. Giờ em đang làm thám tử. Em đang thu thập manh mối.”

Tôi cảm thấy cô bé là một đứa trẻ táo tợn.

Josephine quay lại vấn đề:

“Người đi theo chánh thanh tra cũng là một thám tử, phải không? Sách viết người ta có thể nhận biết trang phục của thám tử qua đôi giày ống. Nhưng tay thám tử đó lại mang giày da.”

“Kiểu cũ đó thay đổi rồi,” tôi nói.

Josephine diễn dịch câu nói đó theo suy nghĩ riêng của con bé.

“Đúng,” nó nói, “giờ em hy vọng sẽ có nhiều sự thay đổi ở nơi đây. Chúng em sẽ đi và sống trong ngôi nhà ở London nằm trên Đường Đê. Mẹ em đã ao ước từ lâu. Mẹ sẽ rất vui. Em không hy vọng cha sẽ phiền nếu số sách của cha có cùng đi được không. Cha không có đủ tiền để làm chuyện ấy. Cha đã mất rất nhiều tiền cho Jezebel^[4].”

“Jezebel?” tôi hỏi

“Đúng, anh có xem vở kịch đó chưa?”

“Ồ, đó là một vở kịch sao? Anh chưa xem. Anh đã ở nước ngoài.”

“Vở không diễn được lâu. Thực sự đó là một vở thất bại tệ hại nhất. Em không nghĩ mẹ em thật sự là người thích hợp diễn vai Jezebel, phải không anh?”

Tôi đối chiếu các cảm tưởng của tôi về Magda. Không phải cái váy ngủ màu hoa đào cũng không phải chiếc áo vét may khéo đã khiến tôi nghĩ tới

Jezebel, nhưng tôi sẵn lòng tin rằng có một Magda khác mà tôi chưa nhìn ra.

“Có lẽ không hợp,” tôi nói thận trọng.

“Ông nội luôn nói vở đó sẽ thất bại thảm hại. Ông bảo ông không thể bỏ tiền vào một trong những vở kịch lịch sử tôn giáo. Ông nói vở diễn sẽ không bao giờ là một thành công phòng vé. Nhưng mẹ lại hào hứng phát sợ. Bản thân em cũng không thích cho lắm. Vở kịch chỉ giống một tí với câu chuyện trong Kinh Thánh. Ý em là, Jezebel không xấu xa như trong Kinh Thánh. Bà ta yêu nước và thật sự hoàn toàn đứng đắn. Kinh Thánh đã đổi trắng thay đen. Đoạn kết thì được. Họ ném bà ra ngoài cửa sổ. Có điều không một con chó nào đến ăn thịt bà. Em nghĩ đó là một sự thương hại, phải không? Em thích đoạn bọn chó ăn thịt bà ta hơn cả. Mẹ nói không thể đem chó lên sân khấu nhưng em không hiểu tại sao. Có thể có chó diễn xuất mà.” Con nhỏ đọc to, tràn đầy nhiệt tình: *“Và bọn chúng ăn hết cơ thể bà ngoại trừ hai lòng bàn tay.”*

“Tại sao chúng không ăn hai lòng bàn tay?”

“Anh thật sự không biết.”

“Anh không chịu nghĩ, bọn chó đó rất đặc biệt. Bọn chó của chúng em thì không. Chúng ăn mọi thứ.”

Josephine suy nghĩ vài giây về sự khó hiểu trong Kinh Thánh.

“Anh rất tiếc về việc vở kịch thất bại,” tôi nói.

“Vâng. Mẹ đau khổ khủng khiếp. Các thông báo thực là đáng sợ. Khi mẹ đọc chúng, mẹ bật khóc và khóc suốt cả ngày và ném khay điếm tâm vào Gladys vì Gladys đưa cho mẹ bản thông báo. Thật là hết biết!”

“Josephine, anh thấy em thích kịch tính,” tôi nói.

“Họ đã cho khám nghiệm tử thi ông nội,” Josephine nói. “Phát hiện ông chết vì A.P.M., họ gọi thế, nhưng em thấy khó hiểu quá, phải không anh? Vì P.M. có nghĩa thủ tướng và buổi chiều^[5],” cô bé trầm ngâm.

“Em có buồn vì ông chết không?” tôi hỏi.

“Không nhiều lắm. Em không mấy thích ông. Ông ngăn không cho em đi học múa ballet.”

“Em thích học múa ballet?”

“Vâng, mẹ muốn cho em học, cha thì không quan tâm, nhưng ông bảo em không có khiếu.”

Cô bé tụt xuống khỏi thành ghế, đá văng đôi giày ra, đoạn cố gắng làm động tác gọi là kỹ thuật, tôi tin thế, đứng trên đầu các ngón chân.

“Dĩ nhiên, phải có đôi giày thích hợp,” cô bé giải thích, “và đôi khi phải chịu đau tê cứng các đầu ngón chân.”

Cô bé mang giày trở vào và hờ hững hỏi:

“Anh thích ngôi nhà này?”

“Anh không chắc lắm,” tôi đáp.

“Em giả sử nó bị bán đi ngay lúc này. Trừ khi bà Brenda tiếp tục sống ở đây. Mà em cho rằng hai bác Roger và Clemency sẽ không đi ngay.”

“Họ sắp đi à?” tôi hỏi với một chút quan tâm mơ hồ dấy lên.

“Vâng. Họ sẽ đi vào thứ ba. Đi đâu đó ở nước ngoài. Đi bằng máy bay. Bác Clemency đã mua một cái vali gọn nhẹ mới.”

“Anh không nghe chuyện họ sắp đi nước ngoài.”

“Đúng rồi,” Josephine nói. “Không ai biết cả. Đó là bí mật. Họ không nói cho ai biết cho đến khi họ đã ra đi. Họ sẽ gửi lại cho ông giấy báo tin.” Cô bé nói thêm: “Không phải là cái thư lên gói đầu. Đó là cách làm xưa cũ trong sách và các bà vợ làm khi họ bỏ chồng. Giờ thì không ai làm cái cách ngốc nghếch đó nữa.”

“Dĩ nhiên họ sẽ không làm thế, Josephine, em có biết tại sao bác Roger – lại ra đi?”

Cô bé liếc tôi một cái ranh mãnh.

“Em nghĩ em biết. Đã xảy ra việc gì đó tại văn phòng của bác Roger ở London. Em nghĩ – nhưng em không chắc lắm – bác ấy đã *biến thủ* cái gì ấy.”

“Điều gì khiến em nghĩ thế?”

Josephine đến gần tôi hơn và tôi nghe hơi thở mạnh phả vào mặt tôi.

“Vào ngày ông bị đầu độc, bác Roger vào phòng ông rất lâu. Ông và bác nói với nhau nhiều, nhiều lắm. Và bác Roger nói bác không hề là người tốt,

bác làm ông thất vọng – và rằng không phải là vì số tiền quá nhiều – mà là bác cảm thấy bác không đáng tin cậy. Bác đang trong tình trạng tồi tệ.”

Tôi nhìn Josephine với những cảm giác lẫn lộn.

“Josephine này,” tôi nói, “có ai bảo cho em biết rằng đứng ngoài cửa nghe lén là không tốt chưa?”

Josephine gật đầu lia lịa:

“Dĩ nhiên là có chứ. Nhưng nếu như anh muốn tìm biết điều gì, anh phải nghe lén ngoài cửa. Em cá ông Chánh thanh tra Taverner cũng làm thế, phải không?”

Tôi thừa nhận điều đó. Josephine hăng hái nói tiếp:

“Mà cho dù, nếu *ông ta* không làm thế, cũng có người khác làm, người mang đôi giày da. Họ lục tìm trên bàn của người ta, đọc các thư từ, phát hiện mọi bí ẩn. Chỉ có điều họ thật là ngốc. Họ không biết cần tìm ở nơi nào!”

Josephine nói với vẻ bề trên lạnh lùng. Tôi cũng ngốc chẳng kém khi để sống mất khả năng suy luận. Con nhỏ khó chịu đó tiếp tục nói:

“Eustace và em biết rất nhiều chuyện – nhưng em biết nhiều hơn Eustace. Và em không nói cho anh ấy biết. Eustace bảo phụ nữ không bao giờ là thám tử tài ba. Nhưng em bảo em có thể. Em sẽ viết mọi thứ trong sổ tay và sau đó, nếu cảnh sát hoàn toàn bí lối, em sẽ ra mặt và nói: ‘Tôi có thể nói cho các ông biết ai đã làm việc đó.’”

“Josephine, có phải em đọc rất nhiều sách trinh thám?”

“Hằng khối.”

“Anh cho rằng em nghĩ em biết ai giết ông em?”

“Vâng, em *nghĩ* thế – nhưng em sẽ phải tìm thêm ít nhiều manh mối nữa.” Con bé dừng lại rồi nói: “Chánh thanh tra Taverner cho rằng bà Brenda làm việc đó, đúng không? Hay cả Brenda và Laurence cùng làm vì họ yêu nhau.”

“Josephine, em không nên nói thế.”

“Tại sao không? Hai người đó yêu nhau.”

“Em không thể suy đoán.”

“Em có thể đây. Họ đã viết thư cho nhau. Những bức thư tình.”

“Josephine, làm sao em biết?”

“Bởi vì em đã đọc chúng. Những bức thư mùi mẫn. Nhưng Laurence là kẻ yếu đuối. Y sợ ra trận chiến đấu. Y chui xuống các tầng hầm và đun thùng nước. Khi máy bay thả bom bay qua đây, mặt y xanh như tàu lá – xanh lè luôn. Eustace và em cười hết biết.”

Sau đó tôi không nhớ mình nói tiếp gì, vì vào lúc đó, một chiếc xe hơi trở đến bên ngoài. Josephine nhanh như chớp chạy tới bên cửa sổ, cái mũi héch của con bé áp sát khung kính.

“Ai vậy?” tôi hỏi.

“Ông Gaitskill, luật sư của nội. Em cho rằng ông ấy đến vì tờ di chúc.”

Con bé hồi hộp thở, bỏ chạy ra khỏi phòng, có lẽ để thực hiện các hoạt động trinh thám của nó.

Magda Leonides bước vào phòng, và trước sự sững sờ ngạc nhiên của tôi, bà đến bên tôi và nắm lấy tay tôi.

“Cám ơn Chúa cậu còn ở đây,” bà nói, “Rất *cần* sự có mặt của một người đàn ông.”

Bà buông tay tôi, bước ngang qua một chiếc ghế lưng tựa cao, chỉnh lại cái ghế một tí, liếc nhìn mình trong gương, sau đó cầm lên một cái hộp trắng men pháp lam vùng Battersea đang để trên bàn, bà đứng đó mở hộp ra rồi đóng lại một cách trầm ngâm.

Dáng đứng của bà trông thật đẹp mắt.

Sophia thò đầu vào cửa, thì thào giọng cảnh báo, “Gaitskill!”

“Mẹ biết.”

Lát sau, Sophia vào phòng, theo sau là một người lớn tuổi, nhỏ bé, bà Magda đặt cái hộp trắng men xuống và đi tới để chào đón ông ta.

“Xin chào, bà Philip. Tôi vừa mới đến. Hình như có vài sự hiểu lầm về bản di chúc. Chồng bà đã viết thư có đóng dấu gửi cho tôi nói rằng tôi giữ bản di chúc. Nhưng qua ông Leonides tôi biết di chúc được cất trong hầm ngầm của ông ấy. Tôi cho rằng bà không biết gì cả về chuyện ấy?”

“Về di chúc của ông già khôn khở?” Magda mở to đôi mắt ngạc nhiên. “Không, dĩ nhiên là không. Đừng nói với tôi là mẹ đàn bà quý quái ở trên đó đã hủy nó rồi đây chứ?”

“Bà Philip,” – ông đưa một ngón tay chỉ vào bà – “đừng phỏng đoán nữa. Vấn đề chủ yếu là tìm nơi cha chồng của bà cất nó.”

“Nhưng ông ấy đã đưa cho ông – chắc chắn như thế – sau khi ký tên. Ông đã nói với chúng tôi như vậy.”

“Theo chỗ tôi biết, cảnh sát đã có những ‘giấy tờ riêng tư’ của ông Leonides,” ông Gaitskill nói. “Tôi phải đi trao đổi đôi lời với Chánh thanh tra Taverner.” Ông rời phòng.

“Con gái ơi,” Magda la lên. “À đã hủy nó. Mẹ biết mẹ nói đúng mà.”

“Không đâu, mẹ, bà ấy không làm một việc khờ dại như thế đâu.”

“Không có gì là khờ dại cả. Nếu không có di chúc, ả sẽ có tất cả.”

“Suýt – ông Gaitskill trở lại kia.”

Luật sư trở vào phòng. Chánh thanh tra Taverner đi cùng ông, theo sau là ông Philip. Gaitskill đang nói:

“Tôi hiểu ông Leonides. Ông ấy đã để di chúc trong ngân hàng cho an toàn.”

Taverner lắc đầu.

“Tôi đã liên hệ với ngân hàng. Họ không có giữ giấy tờ riêng tư gì của ông Leonides ngoại trừ một số chứng khoán.”

Ông Philip nói:

“Tôi tự hỏi có phải Roger – hay dì Edith... Sophia, con gọi họ xuống đây.”

Roger Leonides cùng với mọi người trong gia đình được mời đến họp.

“Nhưng thật vô lý – tuyệt đối vô lý,” ông Roger nói. “Cha đã ký vào di chúc và nói rõ ông gửi bưu điện cho ông Gaitskill vào ngày hôm sau.”

“Nếu tôi nhớ không lầm,” ông Gaitskill nói, ngả người ra sau và lim dim mắt, “đó là ngày 24 tháng 11 năm rồi, tôi đã soạn một bản thảo theo chỉ thị của ông Leonides. Ông chấp nhận bản thảo và trả lại cho tôi, và trong một

thời gian ngắn, tôi gửi ông bản di chúc để ông ký. Khoảng độ một tuần sau, tôi đánh liều nhắc ông tôi chưa nhận được bản di chúc có ký tên và công chứng, tôi hỏi ông có điều gì cần thay đổi không. Ông trả lời ông hoàn toàn hài lòng và nói rằng sau khi ký di chúc ông sẽ gửi vào ngân hàng của ông.”

“Hoàn toàn đúng,” ông Roger hăng hái nói. “Cuối tháng 11 năm rồi – Philip, chú nhớ không? Cha đã triệu tập tất cả chúng ta và đọc cho chúng ta nghe bản di chúc.”

Taverner quay sang Philip Leonides.

“Có đúng với những gì ông nhớ không, ông Leonides?”

“Đúng,” Philip đáp.

“Giống vở kịch *Voysey Inheritance*^[6] quá vậy,” bà Magda nói. Bà thở dài thích chí. “Tôi luôn nghĩ có cái gì không ổn về bản di chúc mà.”

“Cô Sophia?”

“Vâng, tôi nhớ rõ ràng,” Sophia đáp.

“Vậy các điều khoản của bản di chúc đó là gì?” Taverner hỏi.

Ông Gaitskill sắp trả lời theo kiểu cách chính xác của ông, thì Roger Leonides đã nói trước.

“Đó là một di chúc hoàn toàn đơn giản. Electra và Joyce đã chết, phần tài sản được chia trả về cha. Con trai của Joyce, William, chết trận ở Burma, tiền thừa kế trả về cha của nó. Philip và tôi và các con là những người thân thuộc duy nhất còn sống. Cha đã giải quyết vấn đề này. Ông để 50 ngàn bảng không chịu thuế cho dì Edith, 100 ngàn bảng không chịu thuế cho bà Brenda, ngôi nhà này hay mua một ngôi nhà vừa phải tại London cho bà Brenda tùy bà lựa chọn. Số còn lại chia làm ba phần, một cho tôi, một cho Philip, phần thứ ba chia cho Sophia, Eustace và Josephine, các phần dành cho hai đứa sau được gửi bảo hiểm cho đến lúc chúng trưởng thành. Tôi nghĩ tôi nói đúng, phải không ông Gaitskill?”

“Đó chính là – gần như đúng – các điều khoản của văn kiện tôi đã phác thảo,” Gaitskill thừa nhận, giọng tỏ ra hơi khó chịu vì không được tự nói.

“Cha đọc cho chúng tôi nghe,” Roger nói tiếp. “Cha hỏi chúng tôi có ý kiến gì không. Dĩ nhiên không ai có ý kiến gì.”

“Bà Brenda có ý kiến,” bà dì de Haviland nói.

“Đúng,” bà Magda sôi nổi nói. “Bà ấy bảo bà không chịu nổi việc ông chồng già thân yêu của bà nói đến cái chết. Bà bảo ‘rợn hết cả người’. Và sau khi ông ấy lìa trần, bà không muốn có tí gì trong số tiền kinh khiếp ấy cả.”

Bà dì de Haviland nói: “Đó là cách nói từ chối kiểu cọ của tầng lớp bà ta.”

Một lời nhận xét châm chọc và thô bạo! Tôi chợt nhận ra Edith de Haviland không ưa bà Brenda đến cỡ nào.

Gaitskill đánh lảng: “Một sự phân bố cân bằng và hợp lý tài sản của ông ấy.”

“Sau khi đọc xong di chúc, điều gì đã xảy ra?” Chánh thanh tra Taverner hỏi.

Roger nói: “Sau khi đọc xong, cha ký tên.”

Taverner nghiêng mình tới trước.

“Như thế nào và khi nào ông ấy ký di chúc?”

Ông Roger nhìn vợ như nhờ vợ trả lời. Bà Clemency đáp trả cái nhìn của ông. Tất cả những người còn lại trong gia đình dường như bằng lòng để bà trả lời.

“Ngài muốn biết chính xác ký ở đâu?”

“Nếu bà vui lòng, bà Roger.”

“Cha chồng tôi để di chúc lên bàn và bảo một người trong chúng tôi – Roger, nếu em nhớ không lầm – nhấn chuông. Roger vâng lời. Khi Johnson nghe chuông chạy đến, cha chồng bảo y đi tìm Janet Wolmer, cô hầu bàn ăn. Khi cả hai có mặt tại đây, ông ký di chúc và bảo hai người đó ký tên họ bên dưới chữ ký của ông.”

“Thật đúng thủ tục,” Gaitskill nói. “Một di chúc do người để lại di chúc ký phải có mặt hai nhân chứng. Họ phải cùng ký với người để lại di chúc cùng chỗ và cùng lúc.”

“Và sau đó?” Taverner hỏi.

“Cha chồng tôi cảm ơn họ, và họ đi ra ngoài. Cha chồng tôi cầm tờ di chúc lên, bỏ vào một phong bì lớn và nói sẽ gửi cho ông Gaitskill vào ngày hôm sau.”

Chánh thanh tra Taverner nhìn chung quanh nói: “Tất cả mọi người đồng ý vụ việc đã xảy ra chính xác như thế?”

Có tiếng thì thầm đồng ý.

“Di chúc nằm trên bàn, ông nói thế. Có ai đứng gần bàn không?”

“Không ai đứng quá gần. Gần nhất, có lẽ, khoảng 5 hay 6 thước^[7].”

“Khi ông Leonides đọc chúc thư, ông ấy ngồi tại bàn?”

“Vâng.”

“Ông ấy có đứng dậy hay rời khỏi bàn sau khi đọc chúc thư và trước khi ký tên?”

“Không.”

“Hai người làm có đọc chúc thư khi họ ký tên?”

“Không,” Clemency đáp. “Cha chồng tôi để một tờ giấy lên trên phần nội dung của di chúc.”

“Hoàn toàn đúng,” Philip nói. “Nội dung của di chúc không liên quan chi đến người làm.”

“Tôi biết,” Taverner nói. “Nhưng – tôi không hiểu.”

Bằng một động tác cực nhanh, anh lấy ra một phong bì dài, nghiêng người đưa cho ông luật sư.

“Ông hãy đọc cái này,” anh nói. “Và cho tôi biết đó là cái gì.”

Ông Gaitskill rút tài liệu ra khỏi phong bì. Ông đọc nó với sự ngạc nhiên dữ dội, đôi tay ông xoay qua xoay lại bản tài liệu.

“Cái này,” ông nói, “thật đáng ngạc nhiên. Tôi không hiểu gì hết. Tôi xin phép hỏi: nó ở đâu ra vậy?”

“Trong két sắt, giữa ‘các giấy tờ khác’ của ông Leonides.”

“Nhưng đó là cái gì vậy?” Roger hỏi. “Chuyện gì mà âm ỉ thế?”

“Roger, đây là bản di chúc tôi soạn cho cha ông ký – nhưng – sau khi mọi người đều nói ông đã ký thì tôi không thể hiểu tại sao bản này – không có

chữ ký của ông.”

“Sao? Tôi cho rằng đây là bản dự thảo.”

“Không đúng,” ông luật sư nói. “Ông Leonides đã đưa trả tôi bản dự thảo gốc. Tôi đã soạn bản di chúc – *chính bản này*,” ông chỉ ngón tay lên tờ di chúc – “và tôi đã gửi nó cho ông để ông ký. Theo như lời chứng của các người, ông ký tờ di chúc trước mặt tất cả mọi người – và hai người làm chứng với cả chữ ký của họ – thế mà bản di chúc này lại không có chữ ký.”

“Nhưng thật không thể,” Philip Leonides kêu lên, sôi nổi hơn giọng nói mà tôi đã nghe từ ông.

Taverner hỏi: “Thị giác của ông Leonides có còn tốt không?”

“Ông bị bệnh cườm nước. Dĩ nhiên phải dùng kính có độ cao để đọc.”

“Chiều hôm đó ông có mang kính không?”

“Có chứ. Ông không lấy kính ra cho đến khi ký xong. Tôi cho rằng tôi nhớ đúng.”

“Hoàn toàn đúng,” Clemency nói.

“Và không ai – tất cả mọi người đều chắc chắn – đứng gần bàn trước khi ông ký bản di chúc?”

Magda nheo mắt nói: “Giờ tôi thắc mắc không biết có ai đã đọc toàn bộ bản di chúc đó một lần nữa không.”

“Không một ai đến gần bàn,” Sophia nói. “Ông ngồi đó suốt cả thời gian.”

“Cái bàn vẫn ở chỗ hiện nay chứ? Nó không nằm gần cửa vào, cửa sổ hay bất cứ bức rèm che nào chứ?”

“Nó nằm ngay tại chỗ hiện nay.”

“Tôi đang cố nghĩ xem một sự đánh tráo nào đó đã xảy ra,” Taverner nói. “Chắc hẳn phải có sự đánh tráo. Ông Leonides đã tưởng mình đang ký bản di chúc mà ông đã đọc to.”

“Chữ ký có thể bị xóa đi không?” Roger gợi ý.

“Không thể, ông Leonides. Không có dấu vết tẩy xóa. Có một khả năng khác. Đó không phải là di chúc do ông Gaitskill gửi cho lão gia Leonides.

Ông đã ký tên vào đó trước mặt các người.”

Gaitskill nói: “Tôi quả quyết bản này là bản di chúc gốc. Có một vết nhỏ trên tờ giấy – nằm góc trái bên trên – giống như, một nét vẽ chơi, một chiếc máy bay. Tôi đã nhận thấy ngay.”

Mọi người trong gia đình ngơ ngẩn nhìn nhau.

“Một trong những trường hợp rất kỳ lạ,” Gaitskill nói.

“Không có tiền lệ trong kinh nghiệm của tôi.” Bà di de Haviland ho khan một tiếng.

“Không rành hơi nói cái chuyện đã xảy ra mà lại không có xảy ra,” bà nhận xét. “Giờ thì vấn đề nằm ở đâu? Đó là điều tôi muốn biết.”

Gaitskill liền trở thành một luật sư thận trọng.

“Vấn đề cần phải xem xét rất tỉ mỉ. Văn kiện này, dĩ nhiên, rút lại tất cả những ý muốn và di chúc trước đây. Có rất nhiều nhân chứng cho rằng họ đã thấy ông Leonides đã ký điều mà ông hoàn toàn tin tưởng là bản di chúc hợp lệ. Hừ. Rất hay. Một vấn đề khá là hợp pháp.”

Taverner nhìn đồng hồ. Anh nói:

“Tôi tiếc đã làm lỡ bữa ăn trưa của gia đình.”

“Ngài thanh tra, mời ngài dùng bữa trưa với chúng tôi?” Philip đề nghị.

“Cám ơn, ông Leonides, nhưng tôi phải gặp bác sĩ Gray tại Swinly Dean.”

Philip quay sang ông luật sư.

“Ông dùng bữa trưa với chúng tôi chứ, Gaitskill?”

“Cám ơn, ông Philip.”

Mọi người cùng đứng dậy. Tôi đến bên Sophia.

“Anh nên đi hay ở?” tôi hỏi nhỏ. Giọng nói nghe ngò ngộ giống như một bài hát thời Victoria.

“Em nghĩ anh nên đi,” Sophia nói.

Tôi linh ra khỏi phòng theo sau Taverner.

Josephine đang đu tới đu lui tại bức màn len cửa dẫn ra khu vực phía sau. Con bé có vẻ đang khoái chí chuyện gì.

“Cảnh sát thật ngốc,” nó nhận xét.

Sophia ra khỏi phòng khách.

“Josephine, em đang làm gì vậy?”

“Giúp Nannie.”

“Chị cho rằng em đang nghe lén ngoài cửa.”

Josephine ngênh mặt nhìn chị rồi rút lui.

“Con bé đó,” Sophia nói, “hơi có vấn đề.”

Tôi vào phòng có gắn máy điều hòa của Scotland Yard để tìm Taverner đang hoàn tất báo cáo về một câu chuyện có vẻ là đau buồn lớn.

“À, anh đây rồi,” Taverner nói. “Tôi đã xới tung từ trong ra ngoài – nhưng tôi đã tìm được gì nào – không gì cả. Không một ai trong bọn họ giúp được cái gì. Và tất cả những gì chúng ta có được giữa bà vợ và chàng trai là cái nhìn đăm đúi của chàng trai dành cho bà Brenda khi bà rót cà phê cho y.”

“Nào, nào, Taverner,” tôi nói. “Tôi có thể làm tốt hơn như thế cho anh.”

“Anh có thể sao? Nào, Charles, anh đã tìm được gì?”

Tôi ngồi xuống, đốt điều thuốc, ngả lưng ra sau và nói cho anh biết:

“Roger Leonides và vợ đã có kế hoạch đi ra nước ngoài vào thứ năm. Roger và cha ông đã có trận cãi nhau dữ dội vào ngày ông lão chết. Ông lão Leonides đã phát hiện có điều gì sai trái và Roger đã nhận tội.” Mặt Taverner tái tím.

“Anh lấy đâu ra các sự kiện chết tiệt đó vậy?” anh hỏi. “Từ những người làm à?”

Tôi đáp: “Không phải từ người làm. Từ một thám tử tư.”

“Ý anh là?”

“Tôi phải nói như thế này, căn cứ quy tắc của các truyện trinh thám hay nhất, anh ta hay cô ta – hay tôi nên gọi là *nó* thì đúng hơn – đã cho cảnh sát đo ván!” Tôi tiếp tục, “Tôi cũng nghĩ tay thám tử tư của tôi có vài con bài tẩy.”

Taverner há miệng rồi ngậm lại ngay. Anh muốn hỏi liền một lúc nhiều câu nhưng khó bắt đầu.

“Roger!” anh nói. “Vậy Roger đã làm sai, đúng không?”

Tôi cảm thấy hơi miễn cưỡng bộc lộ tâm tình. Tôi thích Roger Leonides.

Nhớ lại căn phòng tiện nghi, ấm cúng và vẻ duyên dáng thân thiện của người đàn ông đó, tôi không thích dùng công lý săn đuổi dấu vết ông ta. Dĩ nhiên, có thể thông tin của Josephine là không đáng tin cậy, nhưng tôi thật sự không nghĩ thế.

“Vậy là con bé nói với anh?” Taverner hỏi.

“Nó có vẻ biết nhiều chuyện xảy ra trong ngôi nhà đó.”

“Trẻ con thường là như vậy,” cha tôi lên tiếng, giọng khô khan.

Nếu thông tin đó đúng, nó thay đổi toàn bộ tình hình. Nếu Roger, theo như Josephine tiết lộ, đã thâm lạm quỹ của Công ty Cung cấp thực phẩm và nếu như lão già đã phát hiện thì cần phải làm cho ông Leonides già đó câm miệng và rời khỏi nước Anh trước khi sự thật bị phơi bày.

Roger có thể bị truy tố về tội giết người.

Tất cả đều đồng ý không nên chậm trễ cần tiến hành điều tra công việc tại Công ty Cung cấp thực phẩm.

“Nếu quả như thế, sẽ là một vụ phá sản long trời,” cha tôi nhận xét. “Liên quan đến hàng triệu, triệu bảng.”

“Nếu thật sự xảy ra chuyện tại Queer Street, nó cho chúng ta cái chúng ta muốn,” Taverner nói. “Ông bố triệu tập Roger. Roger hết đường chối cãi và thú nhận. Brenda Leonides ra ngoài đi xem chiếu bóng. Roger ra khỏi phòng cha, đi vào phòng tắm, đổ chai insulin và thay vào đó hỗn hợp eserine mạnh. Hoặc có thể vợ ông ta làm việc đó. Bà ta đi vào phòng tắm bằng một lối khác sau khi bà ta về nhà trong ngày hôm đó – và nói là đi tìm ông điều cho Roger đã để quên. Hoặc có thể bà ta đi ngang qua để đổi thuốc trước khi bà Brenda về nhà và tiêm thuốc cho ông lão. Bà ta thuộc loại người máu lạnh nên có thể làm việc đó.”

Tôi gật đầu. “Vâng, tôi cho rằng bà ta đúng là người làm chuyện đó. Bà ta có đủ máu lạnh để làm mọi chuyện. Tôi không nghĩ ông Roger Leonides có ý đầu độc bằng cách như thế – một thủ đoạn mang tính cách phụ nữ.”

“Khỏi đàn ông là kẻ đầu độc,” cha tôi nói khô khan.

“Ồ, tôi biết chứ,” Taverner nói. “Sao tôi không biết!” anh nói thêm đầy cảm xúc.

“Dù sao đi nữa tôi cũng không nói Roger thuộc loại đó.”

“Pritchard^[8] là kẻ giỏi pha chế đầy thôi,” cha tôi nhắc.

“Hãy nói là họ cũng có trong vụ này đi.”

Cha tôi nói ngay khi Taverner đi ra: “Bằng giọng của Quý bà Macbeth. Đó là cách bà ta gây ấn tượng với con, phải không Charles?”

Tôi nhớ đến dáng vẻ thon thả thanh tú đứng bên cửa sổ trong căn phòng đơn sơ đó.

“Không hẳn,” tôi nói. “Quý bà Macbeth bản chất là một phụ nữ tham lam. Con không nghĩ bà Clemency Leonides là một người như vậy. Con không cho bà ta mong muốn hay quan tâm đến của cải.”

“Nhưng có thể bà ta quan tâm, rất quan tâm đến sự an toàn của chồng mình.”

“Vâng. Và chắc chắn bà ta có thể – là người tàn nhẫn.”

“*Nhiều loại nhân tâm khác nhau*”... Sophia đã nói như thế.

Tôi nhìn lên thấy Ông Già đang nhìn tôi.

“Con nghĩ gì đó, Charles?”

Nhưng tôi không trả lời cha ngay lúc đó.

* * *

Tôi được triệu tập vào ngày hôm sau và gặp Taverner cùng với cha tôi.

Taverner có vẻ hài lòng và hơi hứng khởi.

“Công ty Cung cấp thực phẩm đang trên bờ vực phá sản,” cha tôi nói.

“Phá sản bất cứ lúc nào,” Taverner tiếp lời.

“Tôi thấy đêm qua cổ phiếu của nó rớt mạnh,” tôi nói. “Nhưng sáng nay có vẻ đã hồi phục.”

“Chúng ta phải nghiên cứu kỹ vấn đề này,” Taverner nói. “Không điều tra trực tiếp. Không nên gây hoảng loạn – hay để lọt thông tin khiến cho quý

ông của chúng ta bỏ trốn. Chúng ta đã có nguồn tin riêng chắc chắn và thông tin khá xác đáng. Công ty Cung cấp thực phẩm đang trên bờ phá sản. Nó không thể đáp ứng những bổn phận của mình. Sự thực dường như là công ty bị quản lý sai lầm bao năm nay.”

“Do Roger Leonides?”

“Đúng, ông ta có quyền hành tối cao, anh biết mà.”

“Và ông ta đã sử dụng tiền cho bản thân...”

“Không,” Taverner nói. “Chúng tôi không nghĩ ông ta làm thế. Nói một cách thẳng thừng, ông ta có thể là kẻ sát nhân, nhưng tôi cho rằng ông ta không phải là một tên lừa đảo. Nói trắng ra, ông ta chỉ là – một gã độn. Ông ta dường như chẳng phải là loại người biết đánh giá. Ông ta lao vào chỗ không nên lao vào – chân chừ không chịu rút khỏi chỗ không nên lao vào. Ông ta ủy thác quyền hành cho loại người mà ông ta buộc phải ủy thác. Ông ta là loại người dễ tin nên tin lầm người. Trong mọi lúc và trong mọi trường hợp, ông ta đều làm sai bét.”

“Quả có loại người như thế,” cha tôi nói. “Và thật ra chẳng phải họ ngu ngốc đâu. Họ chỉ là những thẩm phán dở tệ trong việc đánh giá con người thôi. Và họ lại rất nhiệt tâm không đúng lúc.”

“Một người như thế không nên làm ăn kinh doanh gì,” Taverner nói.

“Có thể không nên,” cha tôi nói. “Ngặt nỗi, tai họa chính vì ông ta là con trai của Aristide Leonides.”

“Ông Leonides già giao công ty cho ông ta lúc nó đang ăn nên làm ra thấy rõ. Đó phải là một mỏ vàng! Các vị nghĩ xem ông ta chỉ ngồi đó và để mặc cho doanh nghiệp tự vận hành.”

“Không,” cha tôi lắc đầu. “Doanh nghiệp không tự vận hành. Luôn có những quyết định – chỗ này có người bị đuổi – chỗ kia có người được chọn – một số vấn đề về chính sách. Và với Roger Leonides, giải pháp dường như luôn luôn sai.”

“Đúng thế,” Taverner nói. “Ông ta là kiểu người trung nghĩa, vì một điều. Ông ta cứ giữ bên mình những kẻ vô dụng kinh khủng nhất – chỉ vì ông ta thương tình bọn chúng hoặc vì bọn chúng đã làm ở đó lâu năm. Đôi khi ông

ấy có những ý nghĩ rồ dại, không thực tế và khăng khăng thực hiện các ý tưởng đó bất kể hao tổn chi phí khổng lồ.”

“Nhưng có phạm tội gì đâu?” cha tôi hỏi.

“Không có phạm tội gì cả.”

“Vậy tại sao giết người?” tôi hỏi.

“Ông ta có thể ngu chứ không bất lương,” Taverner nói. “Nhưng kết quả thì như nhau – hay gần như như nhau. Chỉ có một việc có thể cứu Công ty Cung cấp thực phẩm khỏi bị phá sản là phải có một số tiền thực sự khổng lồ vào ngày” (anh xem lại sổ tay) “ngày thứ tư là trễ nhất.”

“Đó là số tiền ông ta được thừa hưởng hay nghĩ là sẽ được thừa hưởng, theo như di chúc của người cha?”

“Đúng thế.”

“Nhưng ông ta sẽ không thể có số tiền đó bằng tiền mặt.”

“Đúng. Nhưng ông ta được vay. Cũng tương đương thôi.”

Cha tôi gật đầu.

“Thế chẳng phải đến chỗ ông lão Leonides cầu cứu thì có đơn giản hơn không?” cha tôi giả định.

“Tôi cho rằng ông ta đã làm vậy,” Taverner đồng tình. “Tôi nghĩ đó chính là chuyện con bé nghe lỏm được. Ông lão đã từ chối thẳng thừng. Tôi hình dung, đó là ném tiền qua cửa sổ. Các vị biết đấy, ông lão cũng hình dung thế.”

Tôi nghĩ Taverner nói đúng. Ông Aristides từ chối bỏ tiền vào vở kịch của Magda – ông đã nói nó sẽ không thành công ở phòng vé. Các sự kiện đã chứng minh ông có lý. Ông là người rất hào phóng đối với gia đình, nhưng ông không là người phung phí tiền bạc vào những vụ làm ăn không sinh lợi. Công ty Cung cấp thực phẩm gây hao tổn hàng ngàn hay có thể hàng mấy trăm ngàn. Ông đã từ chối thẳng thừng và cách duy nhất để Roger không bị sụp đổ tài chính là người cha chết đi.

Đúng, đó chắc chắn là động cơ đúng nhất.

Cha tôi nhìn đồng hồ.

“Tôi đã mời y đến đây,” cha nói. “Y sẽ có mặt ở đây trong vòng vài phút

nữa.”

“Roger à?”

“Đúng.”

“Mi vào chỗ ta đi, con nhện nói với con ruồi^[9]?” tôi lẩm bẩm.

Taverner nhìn tôi, vẻ không bằng lòng.

“Chúng ta sẽ tiếp y với tất cả sự thận trọng,” Taverner nghiêm giọng.

Sân khấu đã chuẩn bị, tay viết tốc ký đã bố trí. Ngay lúc ấy, có tiếng chuông reo, và vài phút sau, Roger Leonides bước vào phòng.

Ông ta hăng hái bước vào – và khá là vụng về – ông vấp phải một chiếc ghế. Tôi chợt nghĩ đến một con người dễ thương trước khi thất cơ lỡ vận. Đồng thời tôi quả quyết nhất định không phải ông ta đã thực hiện việc đổi eserine vào chai insulin. Ông có thể làm vỡ, làm đổ hay làm hỏng việc đó bằng cách này hay cách khác. Không, chính Clemency, tôi cảm chắc, mới là người ra tay thực hiện, nhưng Roger biết hành vi đó.

Roger hấp tấp nói:

“Các ông muốn gặp tôi? Các ông đã tìm ra điều gì? Chào Charles. Tôi đã không thấy cậu. Thật vui khi có cậu tham gia. Nhưng mà ngài Arthur, làm ơn cho tôi biết...”

Quả là con người tử tế – thật sự là một con người tử tế. Nhưng rất nhiều kẻ giết người là người tử tế – do vậy bạn bè của chúng về sau này mới chùng hững. Cảm giác giống như tên phản đồ Judas, tôi mỉm cười chào ông.

Cha tôi cân nhắc từng lời, lạnh lùng nghi thức. Những cụm từ được thốt ra, nào là: tình huống... tháo gỡ... không cưỡng bách... luật sư...

Vẫn với thái độ nôn nóng thiếu kiên nhẫn, Roger không quan tâm đến tất cả những điều đó.

Tôi thấy gương mặt Chánh thanh tra Taverner phảng phất nụ cười mỉa mai, và đọc được ý nghĩ trong đầu anh.

“*Bọn này luôn tin chắc vào bản thân.* Bọn chúng không thể phạm sai lầm. Chúng rất khôn khéo!”

Tôi ngồi nép vào một góc và lắng nghe.

Cha tôi nói, “Ông Leonides, tôi mời ông đến đây không phải để cung cấp cho ông tin tức gì mới, mà để hỏi vài thông tin từ ông – thông tin trước đó ông giấu diếm.”

Roger Leonides hoang mang.

“Giấu diếm? Nhưng tôi đã kể cho các ông hết mọi chuyện – tất cả mọi chuyện!”

“Tôi nghĩ rằng chưa. Ông đã có cuộc nói chuyện với người quá cố vào buổi chiều ngày ông ấy mất?”

“Đúng, đúng, tôi đã dùng trà với ông ấy, tôi đã nói với ông rồi.”

“Ông đã nói, đúng, nhưng ông không nói cho chúng tôi nghe nội dung cuộc trò chuyện.”

“Hai cha con – chỉ – trò chuyện thôi.”

“Về chuyện gì?”

“Những chuyện trong ngày, nhà cửa, Sophia...”

“Còn về Công ty Cung cấp thực phẩm? Có được đề cập đến không?”

Tôi nghĩ mình đã hy vọng Josephine bịa đặt toàn bộ câu chuyện; nhưng hy vọng đó nhanh chóng tắt ngấm.

Mặt Roger biến sắc. Trong phút chốc từ nôn nóng thành một vẻ gằn như tuyệt vọng.

“Ôi, Chúa ơi,” ông kêu lên. Ông rơi mình xuống một chiếc ghế, hai tay ôm lấy mặt.

Taverner mỉm cười giống như một con mèo vồ được chuột.

“Ông Leonides, ông thừa nhận ông đã không thành thật với chúng tôi?”

“Làm sao các ông biết chuyện đó? Tôi tưởng không ai biết – tôi không hiểu làm sao lại có người *có thể* biết.”

“Chúng tôi có cách phát hiện những chuyện như thế, ông Leonides ạ.” Một sự ngưng nghỉ nặng nề. “Tôi nghĩ giờ tốt hơn cả là ông nên nói thật với chúng tôi.”

“Vâng, vâng, dĩ nhiên tôi sẽ nói. Thế các ông muốn biết gì?”

“Sự thực là Công ty Cung cấp thực phẩm đang ở bên bờ vực sụp đổ đúng

không?”

“Đúng, giờ không thể cứu vãn được rồi. Sự sụp đổ đã gần kề. Phải chi cha tôi mất đi mà không biết chuyện đó. Tôi thật xấu hổ – thật nhục nhã...”

“Có khả năng truy tố hình sự?”

Roger ngồi bật dậy.

“Không, không phải đâu. Đó sẽ là vụ phá sản – một vụ phá sản trong danh dự. Các chủ nợ sẽ được trả hai mươi shilling trên mỗi đồng bảng nếu tôi sử dụng tài sản riêng, mà đó là chuyện tôi sẽ làm. Điều tôi cảm thấy tồi tệ là làm cho cha tôi thất vọng. Ông tin tưởng tôi. Ông đã giao cho tôi, cơ nghiệp lớn nhất của ông – và là cơ nghiệp ông cung nhất. Ông không bao giờ can thiệp, ông không bao giờ hỏi tôi đang làm gì. Ông quá tin tưởng tôi... Và tôi làm cho ông thất vọng.”

Cha tôi nói khô khan:

“Ông nói đây có khả năng không phải truy tố hình sự? Thế tại sao ông và vợ ông có kế hoạch đi ra nước ngoài mà không cho ai biết?”

“Ông cũng biết chuyện đó à?”

“Vâng, ông Leonides.”

“Nhưng ông không hiểu à?” Roger chồm người tới trước một cách thiết tha. “Tôi không thể đối mặt với cha tôi trước sự thật như vậy. Ông thấy đấy, sẽ như thể tôi đang xin xỏ tiền bạc. Mặc dù tôi muốn cha tôi đỡ tôi lên lần nữa. Ông ấy – ông ấy rất thương tôi. Ông đã muốn giúp tôi. Nhưng tôi không thể – không thể tiếp tục như thế – điều đó có nghĩa lại làm rối tung như trước. Tôi là người không tốt. Tôi chẳng có khả năng. Tôi không là người như cha tôi. Tôi đã cố gắng. Nhưng chẳng có gì tốt đẹp cả. Tôi rất khốn khổ – Chúa ơi! Ông không biết tôi khốn khổ thế nào đâu! Cố gắng vượt qua khủng hoảng, hy vọng mình giải quyết được nợ nần, hy vọng cha già thương yêu không bao giờ phải nghe chuyện đó. Và rồi chuyện đó đến – không còn hy vọng thoát khỏi sụp đổ. Clemency – vợ tôi – nàng hiểu, nàng đồng ý với tôi. Chúng tôi lên kế hoạch. Không nói gì với ai. Phải ra đi. Hãy để cho giông tố tạm lắng. Tôi để lại cho cha một bức thư, kể cho ông biết mọi việc – nói cho ông biết tôi đã vô cùng xấu hổ và cầu xin ông tha thứ cho tôi. Các ông biết không – cha luôn quá tốt đối với tôi! Nhưng đã quá trễ để ông có

thể làm gì giúp tôi. Tôi muốn thế. Không yêu cầu ông – hay trông như yêu cầu ông giúp đỡ. Hãy bắt đầu sự nghiệp của chính mình ở nơi nào đó. Sống giản dị và an phận. Trồng một cái gì đó. Cà phê – trái cây. Đủ cho nhu cầu cuộc sống bình thường hàng ngày – cực cho Clemency, nhưng nàng đã thế chẳng quan tâm. Nàng thật tuyệt vời – hết sức tuyệt vời.”

“Tôi hiểu,” cha tôi vẫn khô khan. “Vậy tại sao ông thay đổi ý định?”

“Tôi thay đổi ý định?”

“Đúng, điều gì khiến ông đến chỗ cha ông và yêu cầu cha ông giúp đỡ tài chính?”

Roger nhìn cha tôi chăm chăm.

“Tôi không có làm vậy!”

“Thôi nào, ông Leonides.”

“Các ông nắm tin ấy hoàn toàn sai. Tôi không đi tìm ông ấy. Ông ấy tìm tôi. Bằng cách nào đó, cha đã biết chuyện ở công ty. Tôi nghĩ là tin đồn. Nhưng ông luôn biết mọi chuyện. Ai đó đã nói cho ông nghe. Ông cất vấn tôi. Sau cùng, dĩ nhiên, tôi thừa nhận... Tôi kể cho ông nghe mọi chuyện. Tôi nói vấn đề không phải là số tiền quá lớn – mà vấn đề là tôi cảm thấy đã làm cho cha thất vọng trong khi ông tin tưởng tôi.”

Roger nuốt nước bọt một cách khó nhọc. Ông nói:

“Người cha già thân yêu của tôi. Các vị không biết ông ấy tốt với tôi như thế nào. Không một lời khiển trách. Chỉ có an ủi. Tôi nói với ông tôi không muốn ông giúp và tôi chọn không để ông giúp – tôi chọn ra đi theo đúng như kế hoạch của tôi. Nhưng ông không nghe. Ông khẳng khẳng sẽ cứu giúp – đưa Công ty Cung cấp thực phẩm đứng vững trở lại.”

Taverner nói thẳng thừng:

“Ông yêu cầu chúng tôi tin rằng cha ông định bỏ tiền ra giúp ông?”

“Ông ấy đã làm điều đó. Cha viết thư cho người môi giới của ông, và đây là các chỉ dẫn của ông gửi cho họ.”

Tôi cho rằng Roger đã nhận thấy vẻ hoài nghi trên hai gương mặt của cha tôi và Taverner. Ông ta đỏ bừng mặt.

“Các vị xem đây,” Roger nói.” Tôi vẫn còn giữ bức thư. Tôi sẽ gửi nó đi.

Nhưng sau này – bị sốc và bối rối – tôi đã quên gửi. Có khả năng giờ nó còn nằm trong túi của tôi.”

Ông móc cái bóp của ông ra, bắt đầu lục tìm. Sau cùng ông tìm thấy cái ông muốn. Một phong bì nhỏ có con tem dán trên đó. Phong bì có địa chỉ, tôi nhìn thấy khi chồm người tới đọc, gửi cho các ông Greatorex và Hanbury.

“Các vị hãy tự đọc lấy,” Roger nói, “nếu các vị không tin tôi.”

Cha tôi mở phong bì. Taverner ra đứng sau ông. Tôi không được đọc bức thư ngay lúc ấy nhưng sau đó tôi cũng đã đọc. Thư đề nghị các ông Greatorex và Hanbury thực hiện vài cuộc đầu tư và yêu cầu bãi miễn một nhân vật của hãng *liên quan* đến chuyện làm ăn của Công ty Cung cấp thực phẩm. Có vài chi tiết tôi không nắm nhưng mục tiêu của bức thư thì khá rõ ràng. Ông Aristide Leonides sẵn sàng cho công ty phục hồi trở lại.

Taverner nói:

“Ông Leonides, tôi sẽ đưa cho ông biên nhận cho lá thư này.”

Roger nhận tờ biên nhận. Ông đứng dậy và nói: “Xong rồi chứ? Các vị đã thấy toàn bộ vụ việc, đúng không?”

Taverner nói:

“Ông Leonides trao cho ông bức thư này thế rồi ông rời đi? Vậy tiếp theo ông làm gì?”

“Tôi đi vội về bên nhà của tôi. Vợ tôi chắc cũng đã về. Tôi đã kể cho cô ấy nghe chuyện cha tôi đề nghị giúp đỡ. Cha tôi là một người tuyệt vời! Tôi – phải biết mình nên làm gì.”

“Rồi cha ông bị bệnh – bao lâu sau thì xảy ra chuyện đó?”

“Để tôi nhớ lại – nửa giờ, hay một giờ. Bà Brenda chạy sang. Bà hoảng hốt. Bà bảo trông ông rất kỳ cục. Tôi chạy đến cùng bà. Nhưng tôi đã thuật cho các vị nghe mọi chuyện rồi.”

“Trong cuộc thăm viếng trước đó, ông có đi vào phòng tắm liền kề với phòng của cha ông không?”

“Tôi cho rằng không. Không – không có, tôi chắc chắn là không. Tại sao các vị có thể nghĩ *tôi*...”

Cha tôi cắt cơn phẫn nộ đột ngột bùng lên. Ông đứng dậy và bắt tay.

“Cám ơn ông, ông Leonides,” cha tôi nói. “Ông đã giúp đỡ chúng tôi nhiều. Nhưng lẽ ra ông nên kể cho chúng tôi nghe tất cả chuyện này trước.”

Cánh cửa đóng lại sau lưng ông Roger. Tôi đứng dậy và đến đọc bức thư để trên bàn cha tôi.

“Đó *có thể* là một bức thư giả mạo,” Taverner nói vớt vát.

“Có thể,” cha tôi đáp, “nhưng tôi không nghĩ thế. Tôi nghĩ chúng ta nên chấp nhận đúng như hiện trạng. Ông Leonides già sẵn sàng cứu con trai thoát khỏi tai họa. Ông ta còn sống để làm cái việc giải cứu đó thì hiệu quả hơn Roger làm sau khi cha chết – đặc biệt giờ không có tờ di chúc nào được tìm thấy, và hậu quả là số tiền thừa kế hiện nay của Roger có vấn đề. Có nghĩa nó sẽ bị hoãn – và các khó khăn nảy sinh. Nếu mọi việc giờ đây đình lại, sự phá sản sẽ không tránh khỏi. Không đâu Taverner – Roger Leonides và vợ ông ta không có lý do để cho ông cụ ra đi sớm như vậy. Ngược lại...”

Cha tôi dừng lời và lặp lại một cách ngẫm ngợi như thể một ý tưởng bất chợt đến với ông: “Ngược lại...”

“Ông nghĩ gì trong đầu vậy, sếp?” Taverner hỏi.

Ông Già chậm rãi nói:

“Aristide Leonides chỉ cần sống thêm hai mươi bốn giờ nữa, Roger đã không sao. Nhưng ông lão không sống đủ hai mươi bốn tiếng. Ông mất đột ngột và bị thảm chỉ trong vòng chưa đến một tiếng.”

“Hừ,” Taverner nói. “Phải chăng ông nghĩ có người trong nhà *muốn* Roger phá sản. Một ai đó có sự quan tâm về tiền bạc đối nghịch với Roger. Dường như không thể.”

“Ai có vị thế quan tâm đến di chúc? Ai hiện nay thực sự nắm tiền của ông lão Leonides?”

Taverner thở ra một cái thở mệt nhọc.

“Các vị biết luật sư là ai mà. Ta không thể có câu trả lời dễ hiểu từ họ đâu. Đó là một di chúc cũ. Được làm khi ông ta cưới bà hai Leonides. Di chúc ấy tặng cùng số tiền đó cho bà vợ thứ hai, hơi ít hơn cho bà dì de Haviland, phần còn lại cho Philip và Roger. Tôi đã nghĩ nếu như di chúc này

không được ký, rồi sau ông lão lại thực hiện, nhưng dường như sự việc không đơn giản thế. Thứ nhất, việc làm di chúc mới đòi hỏi phải hợp pháp, phải có các nhân chứng ký tên vào đó, và ‘ý định của người để lại di chúc’. Chuyện có vẻ chưa ngã ngũ nếu như ông ấy chết mà không có di chúc. Thế là người vợ góa hiền nhiên có số tài sản nhiều – hay hưởng lợi suốt cả đời.”

“Như vậy nếu di chúc biến mất, bà Brenda là người có lợi lớn hơn cả?”

“Đúng. Nếu có bất cứ mảnh khóe đánh lạc hướng gì, thì bà ta hẳn là nguyên nhân. Hiền nhiên đây là một mảnh khóe đánh lạc hướng, nhưng tôi không ngại làm tới để xem nó được thực hiện như thế nào.”

Tuy nhiên tôi không thấy thế. Tôi đồ rằng tất cả chúng tôi vô cùng ngu ngốc. Chúng tôi đang xem xét từ một góc độ sai lầm, tất nhiên.

Một khoảng im lặng ngắn sau khi Taverner đi ra.

Rồi tôi nói:

“Cha à, những kẻ giết người trông thế nào?”

Ông Già trầm ngâm nhìn tôi. Hai cha con hiểu nhau đến nỗi ông biết rõ trong đầu tôi nghĩ gì khi tôi đặt câu hỏi. Và ông trả lời hết sức nghiêm túc.

“Lúc này điều quan trọng,” ông nói, “rất quan trọng – cho con... Kẻ giết người đến rất gần con. Con không thể từ bên ngoài mà xem xét.”

Tôi luôn quan tâm, bằng cái kiểu nghiệp dư, một vài ‘vụ án’ đình đám mà Cục Điều tra Hình sự xử lý, nhưng như cha tôi nói, tôi chỉ quan tâm từ góc độ bên ngoài – và nhìn vào như thể ngắm hàng. Nhưng giờ đây, như Sophia đã thấy nhanh hơn tôi, kẻ sát nhân đã trở thành một nhân tố áp đảo cuộc đời tôi.

Ông Già tiếp tục:

“Cha không biết cha có đúng là người để con hỏi không. Cha có thể đưa con đến chỗ chuyên viên tâm lý làm việc cho chúng ta. Họ sẽ làm cho mọi chuyện dễ hiểu. Hoặc Taverner có thể cho con tất cả thông tin nội bộ. Nhưng cha hiểu là con muốn biết cá nhân cha nghĩ về việc ấy như thế nào, qua kinh nghiệm của cha về tội phạm phải không?”

“Chính là điều con muốn,” tôi nói, giọng biết ơn.

Cha tôi dùng ngón tay vẽ một vòng tròn trên mặt bàn.

“Kẻ giết người trông như thế nào? Một vài đứa...” – một nụ cười buồn thoáng hiện trên gương mặt ông – “được cho là những gã dễ thương.”

Tôi nhìn cha, hơi ngạc nhiên.

“Đúng vậy,” ông nói. “Những gã dễ thương giống như cha và con – hay giống như người vừa mới đi ra – Roger Leonides. Con thấy đấy, kẻ giết người là một tội phạm nghiệp dư. Dĩ nhiên, cha đang nói về loại tội phạm

con có ở trong đầu – không phải loại găngxto. Người ta thường cảm thấy những người rất đỗi bình thường trở thành sát nhân khi họ mất kiểm soát vì một sự việc bất chợt nào đó. Họ ở vào hoàn cảnh bị bắt buộc hoặc ham muốn thứ gì đó rất dữ dội, tiền bạc hay đàn bà – và họ giết người để có được thứ đó. Chúng ta có thể không chế được ham muốn còn họ thì không. Con có biết, một đứa trẻ biến sự ham thích thành hành động không hối tiếc. Nó giận một chú mèo con, nên thét: ‘Tao sẽ giết mày!’ rồi lấy búa đập đầu con mèo – sau đó khóc lóc vì con mèo không sống lại. Nhiều thằng nhóc cố lôi em bé ra khỏi xe đẩy và quăng em xuống đất vì em bé chiếm sự chú ý của cha mẹ – hay làm mất cuộc vui của chúng. Chúng hoảng hồn – rất sớm – khi nhận ra chúng đã làm sai, sau đó sẽ bị trừng phạt. Sau này, chúng *cảm thấy* việc làm đó không đúng. Nhưng cha cho rằng, có một số người vẫn không trưởng thành về đạo đức. Họ vẫn biết rằng giết người là sai nhưng họ không cảm thấy thế. Theo kinh nghiệm của cha, cha nghĩ mọi kẻ giết người đều cảm thấy ân hận... Đó có lẽ là dấu nhận diện Cain^[10]. Những kẻ giết người được tách riêng ra, người ta thì ‘khác’ – giết người là sai – nhưng chuyện đó không sai với họ – với họ đó là điều cần thiết – nạn nhân ‘đòi bị giết’ và đó là ‘cách duy nhất’.”

“Cha có nghĩ,” tôi hỏi, “nếu có ai đó ghét ông lão Leonides, hay ghét ông ấy từ lâu, đó có thể là lý do không?”

“Chỉ là ghét thôi à? Rất không có thể, cha sẽ nói thế.” Ông tò mò nhìn tôi. “Khi con nói thù ghét, cha cho rằng con muốn nói sự không ưa thích đã vượt quá mức. Một sự thù ghét vì ganh tị – xuất phát từ sự yêu mến và sự bực mình. Mọi người đều nói: Constance Kent rất thương yêu em trai nhưng đã giết nó. Người ta đặt giả thiết cô ta muốn có sự quan tâm và tình thương đã được dành cho cậu bé. Cha cho rằng người ta thường giết người họ thương yêu hơn là người họ ghét. Có thể chỉ vì người con thương yêu khiến cho cuộc sống không thể chịu đựng nổi với con.”

“Nhưng tất cả những điều đó không giúp ích gì nhiều cho con, phải không?” cha tôi tiếp tục. “Điều con muốn, nếu cha đoán không lầm, là biểu hiện, dấu hiệu phổ quát nào đó sẽ giúp con tìm ra kẻ giết người từ một ngôi nhà có vẻ bình thường và những con người thú vị?”

“Vâng, đúng vậy.”

“Cha tự hỏi, có mẫu số chung không? Con biết đó,” cha tôi dừng lời, suy nghĩ, “mẫu số chung nếu có, theo cha đó là sự tự phụ.”

“Tự phụ?”

“Đúng, cha chưa hề gặp một tên giết người nào không là kẻ tự phụ... Chính sự tự phụ đã đưa đến sự tệt hại, mười lần hết chín. Họ có thể sợ bị bắt, nhưng không dừng được vênh váo và khoe khoang và luôn tin chắc mình quá khôn ngoan không thể nào bị bắt.” Ông nói thêm: “Và có một chuyện khác, đó là kẻ giết người muốn *thỏ lộ*.”

“Muốn thỏ lộ?”

“Đúng, con nên biết, phạm tội giết người đặt con vào sự cô đơn cùng cực. Con muốn cho một ai đó biết tất cả mọi chuyện – nhưng con không thể. Điều đó càng làm cho con muốn hơn. Và như vậy – nếu con không thể nói về chuyện con đã làm, con có thể, ít ra là, nói về việc giết người – tranh cãi, đặt giả thuyết – lật đi lật lại. Nếu cha là con, Charles à, cha sẽ nhìn xa hơn. Con hãy đến đó lần nữa, làm thân với họ, và gọi cho họ nói. Dĩ nhiên đó không phải việc dễ dàng. Tội lỗi hay ngây thơ, họ đều thích có dịp để nói với một người lạ vì họ có thể nói với con nhiều điều họ không thể nói với nhau. Nhưng cha nghĩ, có thể, con sẽ phát hiện sự bất đồng. Một kẻ có điều gì cần giấu có thể không nói *tất cả*. Cơ quan tình báo trong chiến tranh biết vậy. Nếu con bị địch bắt, con chỉ cho địch biết tên họ, cấp bậc, số quân, ngoài ra *không gì nữa*. Kẻ cô cho thông tin giả gần như lúc nào cũng có sơ suất. Charles, hãy để cho người trong nhà đó nói, và phát hiện sơ suất hay một tia chớp của sự lộ tẩy.”

Tôi kể cho cha nghe Sophia đã nói về sự nhẫn tâm trong gia đình – các loại nhẫn tâm khác nhau. Cha đặc biệt hứng thú.

“Đúng,” ông nói. “Cô bạn gái của con có biết chuyện gì ở đó đấy. Hầu như gia đình nào cũng có khuyết điểm, một chỗ rạn trên tấm khiên che của họ. Phần đông con người ta có thể đối phó với một điểm yếu – nhưng không thể đối phó với hai điểm yếu khác loại nhau. Chuyện này hay đây, tính di truyền. Lấy ví dụ sự nhẫn tâm của bà cô de Haviland, và cái mà chúng ta có thể gọi là sự giả dối của dòng họ Leonides – dòng họ Haviland thì ổn vì họ

không vô liêm sỉ, còn dòng họ Leonides cũng đúng vì, tuy giả dối nhưng họ tử tế – nhưng hãy tìm một hậu duệ của họ có cả hai tính cách trên – con hiểu ý cha không?”

Tôi không nghĩ như vậy. Cha tiếp tục:

“Nhưng cha không lo con chú ý về chuyện di truyền. Một đề tài quá tinh vi và phức tạp. Con trai à, hãy đến đó và hãy để *họ nói cho con nghe*. Sophia của con hoàn toàn đúng về một chuyện. Chỉ có sự thật mới tốt cho cô ấy hay cho con. Con phải *biết*.”

Ông nói thêm khi tôi bước ra khỏi phòng.

“Và coi chừng con nhỏ đó.”

“Josephine? Cha muốn nói đừng để nó biết con định làm gì.”

“Không, ý cha không phải thế. Ý cha – hãy trông chừng con bé. Chúng ta không muốn nó có chuyện.”

Tôi nhìn ông.

“Đi nào, đi nào, Charles. Đó là một kẻ giết người máu lạnh, ở trong ngôi nhà đó. Con bé Josephine có vẻ biết khá nhiều chuyện đang xảy ra.”

“Nó chắc chắn biết mọi chuyện về Roger – ngay cả đi đến kết luận ông ta là một kẻ lừa đảo. Câu chuyện mà nó nghe lén dường như hoàn toàn chính xác.”

“Đúng, đúng. Ra đường hỏi già, về nhà hỏi trẻ. Cha luôn tin tưởng như vậy. Dĩ nhiên, không sử dụng ở tòa. Trẻ con không thể giữ vững lời khai trước những câu hỏi trực tiếp. Chúng lúng búng hay trông ngu ngốc và nói những điều chúng không biết. Chúng chỉ giỏi nhất khi đang giả vờ. Con nhỏ đó đang làm vậy với con. Giả vờ có năng lực. Làm y cách đó, con sẽ nắm được nhiều thông tin hơn. Đừng đặt câu hỏi với nó. Hãy giả bộ con nghĩ rằng nó không biết gì hết. Vậy sẽ có tác dụng với nó.” Ông nói thêm: “Nhưng hãy trông chừng nó. Nó có thể biết hơi bị quá nhiều cho sự an toàn của ai đó.”

Tôi đi đến Ngôi nhà Quái dị (tôi đặt tên theo ý riêng) với một cảm giác hơi tội lỗi. Mặc dù tôi đã thuật cho Taverner nghe những lời kể lể của Josephine về Roger, nhưng tôi không nói chuyện con bé bảo Brenda và Laurence Brown có thư từ qua lại với nhau.

Tôi tự thứ lỗi cho mình vì đó chỉ là chuyện tình cảm và cũng không có lý do để tin là sự thật. Nhưng giờ đây, tôi thấy mình miễn cưỡng một cách kỳ lạ trong việc thu thập thêm chứng cứ chống lại bà Brenda. Lúc ở trong ngôi nhà đó, tôi đã cảm thương vai trò vị trí của bà – bị một gia đình đoàn kết chặt chẽ vây quanh thù địch. Nếu các bức thư đó quả có thật, Taverner và các thuộc hạ của anh sẽ tìm ra chúng. Tôi không muốn mình là kẻ mang mối nghi ngờ mới cho người đàn bà đang ở trong một tình thế khó khăn. Hơn nữa, bà đã long trọng đảm bảo với tôi không có chuyện như thế giữa bà và Laurence, tôi cảm thấy thiên về tin tưởng bà hơn là tin con nhóc ma lanh Josephine. Brenda đã chẳng nói Josephine ‘ngớ ngẩn điên khùng’ đó sao?

Tôi đập đi cái sự thực khó chịu là Josephine điên khùng hết cỡ. Tôi nhớ đôi mắt đen tuyền tròn xoe thông minh của nó.

Tôi gọi điện thoại cho Sophia và hỏi nàng tôi có thể đến nữa hay không.

“Đến đi, anh Charles.”

“Tình hình thế nào?”

“Em không biết. Mọi sự đều ổn. Họ tiếp tục lục lọi căn nhà. Họ tìm cái gì thế?”

“Anh không rõ.”

“Cả nhà đang rất căng thẳng. Anh đến càng sớm càng tốt. Nếu em không có ai để nói chuyện chắc em phát điên mất.”

Tôi nói tôi sẽ đến ngay.

Khi tôi đến cửa nhà thì không thấy ai. Tôi trả tiền taxi, xe chạy đi. Tôi

cảm thấy ngần ngại không biết nên nhấn chuông hay đi thẳng vào. Cửa nhà đang mở.

Khi tôi đang đứng đó phân vân thì bỗng nghe có tiếng động nhỏ sau lưng. Tôi quay đầu lại. Josephine, một phần mặt bị một trái táo rất to che khuất, đang đứng bên hàng rào cây thủy tùng nhìn tôi.

Khi tôi quay đầu, nó quay lưng đi.

“Chào em, Josephine.”

Nó không trả lời mà biến mất sau hàng rào. Tôi băng qua đường và đi theo nó. Nó ngồi trên cái ghế dài xù xì bất tiện gần một hồ cá kiếng, hai chân đưa tới đưa lui, miệng cắn trái táo. Bên trên trái táo đó, đôi mắt con bé nhìn tôi vẻ u ám, khiến tôi không thể không cảm thấy vẻ thù địch.

“Anh lại đến nè, Josephine,” tôi nói.

Một cách bắt chuyện yếu ớt, nhưng sự im lặng và cái nhìn chăm chăm không chớp mắt của Josephine khiến tôi khá nản lòng.

Với chiến lược khôn ngoan đó, nó vẫn không nói một lời.

“Táo có ngon không?” tôi hỏi.

Lần này Josephine mới chịu trả lời. Từng từ một:

“Có lông tơ.”

“Khổ thật,” tôi nói vuốt. “Anh không thích táo có lông.”

Josephine khinh khỉnh đáp:

“Không ai thích.”

“Tại sao em không nói chuyện với anh khi anh chào em?”

“Em không muốn.”

“Tại sao thế?”

Josephine lấy quả táo ra khỏi miệng để nói rõ lời buộc tội của nó.

“Anh đến và mách lẻo với cảnh sát,” nó nói.

“Ôi! Sao kỳ vậy. Ý em – là về...”

“Bác Roger.”

“Nhưng tất cả đều đúng mà, Josephine.” tôi trấn an nó. “Hoàn toàn đúng.

Họ biết bác Roger không làm điều gì sai – ý anh là – bác không biến thủ bất cứ số tiền nào hay làm chuyện gì loại đó.”

Josephine ném cho tôi một cái nhìn khó chịu.

“Anh ngu ngốc quá chừng.”

“Anh xin lỗi.”

“Em không lo gì về bác Roger. Đơn giản chỉ vì đó không phải là cách làm của công tác trinh thám. Anh có biết là anh *không hề* kể cho cảnh sát cho hết không?”

“Ôi, anh hiểu,” tôi nói. “Anh xin lỗi, Josephine. Anh thật sự rất xin lỗi.”

“Anh đáng thế.” Nó nói, giọng đầy trách móc. “Em đã tin tưởng anh.”

Tôi nói xin lỗi đến lần thứ ba. Josephine có vẻ hơi nguôi ngoai. Nó cắn một miếng táo.

“Nhưng cảnh sát buộc phải tìm ra tất cả mọi thứ,” tôi nói. “Em – anh – chúng ta không thể giữ bí mật.”

“Ý anh là vì bác ấy sắp phá sản?”

Con bé Josephine lại nắm được thông tin chính xác như thường lệ.

“Anh cho rằng chuyện đó sẽ xảy ra.”

“Tối nay họ sẽ bàn bạc đây,” Josephine nói. “Cha và mẹ, bác Roger và bà dì Edith. Bà dì Edith sẽ cho bác Roger số tiền của bà – chỉ có điều bà chưa có số tiền ấy – nhưng em không nghĩ cha em sẽ làm như bà. Cha nói nếu bác Roger bị nguy khốn thì bác ấy chỉ nên tự trách mình và phí thêm tiền vào chỗ thua lỗ cũng chẳng ích gì. Mẹ sẽ không chịu cho bác ấy tiền bởi vì mẹ muốn cha bỏ tiền cho vợ *Edith Thompson*^[11]. Anh có biết gì về Edith Thompson không? Cô ta lập gia đình, nhưng không ưa chồng. Cô ta yêu một chàng trai trẻ tên Bywaters đã bỏ tàu, đi vào một con đường khác sau buổi coi hát và đâm vào sau lưng.”

Lần nữa tôi ngạc nhiên về sự hiểu biết rộng và đầy đủ của Josephine; về cái giác quan nhạy bén, chỉ cần một số lời mù mờ, đã trình bày tất cả các sự kiện nổi bật bên trong một bí ẩn.

“Có vẻ thế,” Josephine nói, “nhưng em không cho rằng vở kịch sẽ diễn ra y như thế. Nó sẽ lại giống vở *Jezebel*.” Con bé thờ dãi. “Em ước em biết tại

sao lũ chó không ăn bàn tay của bà ấy.”

“Josephine,” tôi nói. “Em nói em hầu như biết chắc ai là kẻ giết người phải không?”

“Đúng vậy!”

“Ai vậy?”

Con bé nhìn tôi khinh khỉnh.

“Anh biết,” tôi nói. “Tới hồi kết mới biết chứ gì? Ngay cả khi anh hứa không kể gì cho Thanh tra Taverner nghe thì em cũng không cho anh biết ư?”

“Em muốn có thêm một vài manh mối.” Josephine nói. “Tuy nhiên,” nó vừa nói vừa quăng hột táo vào hồ cá kiếng, “em sẽ không nói với *anh*. Anh là người không quan trọng, anh là Watson^[12].”

Tôi nuột lấy lời sỉ nhục đó.

“Được rồi,” tôi nói. “Anh là Watson. Nhưng Watson cũng được cho dữ liệu.”

“Dữ liệu gì?”

“Các dữ kiện. Sau đó ông ta đã suy diễn sai lầm các dữ kiện đó. Em sẽ khoái chí khi thấy anh phạm một lô một lốc những suy diễn sai lầm phải không?”

Josephine trầm ngâm một lúc, sau đó lắc đầu.

“Không đâu,” nó nói, xong rồi thêm: “Dẫu sao, em cũng không mê Sherlock Holmes. Ông ta dùng phương pháp quá xưa. Họ đi trên xe chó kéo.”

“Còn về chuyện các bức thư?”

“Các bức thư nào?”

“Các bức thư mà em nói Laurence Brown và Brenda viết cho nhau.”

“Em dựng chuyện đó.”

“Anh không tin.”

“Em thường dựng chuyện. Nó làm em vui.”

Tôi nhìn nó chòng chọc. Nó chòng chọc nhìn lại tôi.

“Thôi nào, Josephine. Anh biết một người ở Viện Bảo tàng Anh, ông ấy biết nhiều chuyện trong Kinh Thánh. Nếu qua ông ấy anh biết tại sao lũ chó không ăn bàn tay của Jezebel thì em có nói cho anh nghe chuyện các bức thư đó không?”

Lần này Josephine thực sự do dự.

Bỗng ở đâu đó, không xa lắm, một nhánh cây nhỏ gãy kêu một tiếng ‘rắc’ khô khan. Josephine nói dứt khoát:

“Không, em không nói.”

Tôi đành chịu thua. Hơi muộn màng, tôi sực nhớ lời khuyên của cha tôi.

“Thôi được,” tôi nói, “chỉ là trò chơi thôi mà. Dĩ nhiên em thật sự không biết gì hết.”

Mắt Josephine chớp chớp, nhưng nó không mắc bẫy.

Tôi đứng dậy. “Giờ anh phải đi,” tôi nói, “tìm chị Sophia. Đi cùng không?”

“Em ở lại đây,” Josephine đáp.

“Không được, em nên đi với anh.”

Tôi không nhân nhượng, kéo con bé đi. Nó có vẻ bất ngờ, định phản đối, nhưng nhượng bộ một cách dễ thương – có lẽ, nó muốn trông thấy phản ứng của người nhà nó trước sự hiện diện của tôi.

Vào lúc đó, tôi không thể nói tại sao tôi quá lo lắng phải buộc nó đi theo tôi. Câu trả lời chỉ đến khi chúng tôi đi ngang qua cửa trước.

Chính là vì tiếng nhánh cây đột ngột gãy.

Có tiếng thì thầm nói chuyện từ phòng khách lớn. Tôi do dự nhưng không đi vào. Tôi lơ đãng trên hành lang, theo một thôi thúc nào đó, tôi đẩy một cánh cửa có bọc len tuyệt. Hành lang bên ngoài thì tối, nhưng bên trong cửa là một gian nhà bếp lớn sáng choang. Một người đàn bà đứng trên lối vào cửa – một người đàn bà lớn tuổi khá to con. Bà mang chiếc tạp dề trắng sạch thốt quanh hông. Lúc tôi nhìn thấy bà tôi biết mọi sự đều thuận lợi. Đó là cái cảm giác mà bà Nannie tốt bụng luôn mang đến cho bạn. Tôi ba mươi lăm tuổi, nhưng trước bà tôi cảm thấy mình chỉ là đứa trẻ bốn tuổi.

Theo như tôi biết, Nannie chưa hề gặp tôi, nhưng bà nói ngay:

“Cậu là cậu Charles, phải không? Vào bếp đi, tôi sẽ đãi cậu một tách trà.”

Đúng là nhà bếp mang lại cảm giác dễ chịu. Tôi ngồi gần cái bàn trung tâm, Nannie mang đến cho tôi một tách trà và hai chiếc bánh quy ngọt để trên đĩa. Tôi cảm thấy như thể mình lại đi nhà trẻ. Mọi thứ đều ổn – nỗi sợ hãi bóng tối và cái chưa biết không còn nữa.

“Cô Sophia sẽ rất vui khi thấy cậu đến,” Nannie nói. “Cô ấy đang quá xúc động.” Đoạn không có ý, bà nói thêm: “Tất cả mọi người đều quá xúc động.”

Tôi ngoái nhìn qua vai.

“Josephine đâu rồi? Nó vào cùng với tôi.”

Bà Nannie, tặc lưỡi có vẻ không vừa ý. “Đứng nghe lên ngoài cửa và viết gì đó trong cuốn sổ tay nhỏ mà nó luôn mang theo chứ đâu,” Nannie nói. “Nó phải đi học và chơi đùa với bọn trẻ cùng lứa tuổi mới được. Tôi đã nói thế với bà Edith và bà đã đồng ý – nhưng ông chủ cho rằng nó học ở nhà tốt hơn.”

“Tôi cho rằng ông chủ rất thương nó,” tôi nói.

“Đúng vậy. Ông chủ đã thương yêu tất cả mọi người.”

Tôi có vẻ hơi kinh ngạc, tự hỏi tại sao tình thương của Philip dành cho

con cái lại đặt chính xác ở thì quá khứ. Bà Nannie trông thấy biểu hiện của tôi và hơi đỏ mặt, bà nói:

“Khi tôi nói ông chủ, ý tôi là lão gia Leonides.”

Tôi chưa kịp đỡ lời bà thì cánh cửa chợt mở và Sophia bước vào.

“Ồ, Charles,” nàng kêu lên, sau đó nói nhanh: “Nannie, cháu mừng vì anh ấy đã đến.”

“Dì biết, cháu yêu.”

Bà gom nồi niêu xoong chảo đem vào phòng rửa bát. Bà đóng cửa lại.

Tôi đứng dậy rời khỏi bàn, đến bên Sophia. Tôi đưa hai tay ôm lấy nàng và giữ chặt.

“Cung ơi,” tôi nói. “Em đang run rẩy. Chuyện gì thế?”

Sophia đáp:

“Em sợ quá, Charles ơi. Em sợ.”

“Anh yêu em,” tôi nói. “Giá anh có thể đưa em đi...”

Nàng giang ra khỏi tôi và lắc đầu.

“Không, không thể. Chúng ta cần phải biết. Nhưng như anh thấy đây, Charles, em không thích điều đó. Em không thích cảm thấy một người nào đó – một người nào đó trong nhà này – một người em gặp và nói chuyện mỗi ngày lại là kẻ đầu độc máu lạnh, có tính toán.”

Tôi không biết nên trả lời thế nào. Với một người như Sophia, người ta không thể cho những lời đảm bảo vô nghĩa.

Nàng nói: “Giá mà *biết*...”

“Đó hẳn là điều tồi tệ nhất,” tôi đồng ý.

“Anh có biết điều gì thật sự làm cho em sợ không?” nàng thì thầm. “Chính là chúng ta có thể *không bao giờ* biết...”

Tôi có thể hình dung một cơn ác mộng là như thế nào... Và theo tôi dường như rất có thể sẽ không bao giờ biết được ai là người giết ông lão Leonides.

Nhưng nó cũng nhắc cho tôi nhớ mình muốn hỏi Sophia về một mẩu chốt mà tôi đã để ý.

“Nói cho anh nghe đi, Sophia,” tôi nói. “Bao nhiêu người trong nhà này biết về thuốc nhỏ mắt eserine – anh muốn nói là (a) ông nội em có thuốc này, và (b) nó rất độc và cần liều lượng bao nhiêu thì nó có tác dụng chết người?”

“Em thấy anh dần nắm được vấn đề rồi đó, Charles. Nhưng không giúp ích gì đâu. Anh biết không, mọi người trong nhà đều biết.”

“À, anh cho rằng biết một cách mơ hồ, chứ còn biết cụ thể...”

“Cả nhà đều biết cụ thể. Một ngày nọ, sau bữa ăn trưa, cả nhà cùng với ông nội dùng cà phê. Anh biết mà, ông nội thích cả nhà quây quần bên ông. Mắt của ông làm ông rất khó chịu. Bà Brenda lấy eserine nhỏ vào mỗi mắt ông một giọt, còn Josephine, nó luôn đặt các câu hỏi về mọi chuyện, nó hỏi: tại sao lại viết – ‘Thuốc nhỏ mắt – không được chích’ trên chai. Ông nội mỉm cười và nói: ‘Nếu một ngày nào đó, bà Brenda bị nhầm lẫn, chích thuốc nhỏ mắt cho ông thay vì insulin – ông đồ rằng ông sẽ bị sốc nặng, mặt mày tái xanh và sau đó sẽ chết, bởi vì như cháu thấy đây, tim ông không khỏe lắm.’ Josephine kêu lên: ‘Ồ.’ Rồi nội nói tiếp: “Do vậy chúng ta phải cẩn thận đừng để cho Brenda chích nhầm eserine thay vì insulin, phải thế không?”” Sophia dừng lời, đoạn nói: “Cả nhà đều nghe ông nói. Anh hiểu không? Cả nhà đều nghe!”

Tôi đã hiểu. Tôi đã có một ý nghĩ mơ hồ ở trong đầu rằng chỉ cần một chút hiểu biết cụ thể thôi cũng đủ xài rồi. Nhưng giờ xảy ra tình huống ông lão Leonides đã cung cấp phương pháp giết người cho kẻ giết ông. Hung thủ không cần phải nghĩ đến lập sơ đồ, lên kế hoạch hay sáng chế gì gì. Một phương pháp dễ dàng, đơn giản làm nên cái chết đã được chính nạn nhân cung cấp.

Tôi hít mạnh một hơi. Hiểu ý tôi, Sophia nói: “Thật khủng khiếp, phải không anh?”

“Em biết không, Sophia,” tôi nói chậm rãi. “Chỉ có một điều làm anh ấn tượng.”

“Điều gì?”

“Là em có lý, rằng đó không phải bà Brenda. Bà ta không thể thực hiện đúng theo cách đó – khi cả nhà cùng nghe – cả nhà cùng nhớ.”

“Em không biết. Bà ta khá ngu xuẩn, anh biết mà.”

“Không phải là ngu xuẩn trong mọi chuyện đâu,” tôi nói. “Không, không thể là Brenda.” Sophia rời khỏi tôi.

“Anh không muốn đó là Brenda, phải thế không?”

Tôi có thể nói gì đây? Tôi không thể – không, tôi không thể – đành nói: “Đâu phải, anh mong đó là Brenda.”

Tại sao tôi lại thế? Vì cảm thấy Brenda đơn độc một bên, và bên kia là sự thù ghét của cả gia đình quyền lực Leonides tập trung chống lại bà. Minh là hiệp sĩ chăng? Bảo vệ kẻ yếu đuối hơn? Kẻ vô phương tự vệ? Tôi lại nhớ bà ngồi trên tràng kỷ với cái vẻ bi lụy, giọng nói tuyệt vọng – đôi mắt sợ hãi.

Nannie tình cờ quay lại từ phòng rửa bát. Tôi không biết nhờ đâu bà cảm thấy có một sự căng thẳng nào đó giữa tôi và Sophia.

Bà nói vẻ không bằng lòng:

“Cứ nói mãi về chuyện giết người. Hãy quên đi. Để cho cảnh sát lo. Đó là công việc khó chịu của họ, không phải của cô cậu.”

“Ôi, Nannie – bộ dì không hiểu rằng phải có ai trong nhà này là kẻ sát nhân...”

“Thật vô lý, cô Sophia. Tôi không thể chịu nổi cô. Chẳng phải cửa trước mở suốt – tất cả các cửa đều mở, không cửa nào bị khóa – mời kẻ cắp, bọn trộm đến hay sao?”

“Không thể nào là trộm, không vật gì bị mất. Hơn nữa, tại sao trộm lại vào và đầu độc ai đó?”

“Cô Sophia, tôi không nói đó là một tên trộm. Tôi chỉ nói mọi cửa đều mở. Bất cứ ai cũng có thể vào. Nếu cô hỏi tôi thì đó là bọn ăn mày.”

Nannie gật gật đầu vẻ hài lòng.

“Vậy tại sao ăn mày lại muốn giết ông nội tội nghiệp của tôi?”

“Vì bọn họ là những kẻ ở tận đáy xã hội. Nhưng nếu không phải ăn mày, hãy nhớ lời tôi, là những tên Công giáo.”

Với cái vẻ là người nói sau cùng, Nannie lại biến vào phòng rửa bát.

Sophia và tôi bật cười to.

“Đúng là Bà Da đen Tin Lành.”

“Bà ta chẳng thể là gì? Thôi nào, Charles, chúng ta vào phòng khách đi. Ở đó có cuộc họp gia đình. Tính họp vào buổi chiều – nhưng sẽ bắt đầu sớm hơn.”

“Tốt hơn anh không nên xía vào, Sophia à.”

“Nếu anh định làm rở trong gia đình này, tốt hơn anh nên chứng kiến sự thể khi ngửa bài.”

“Họp về chuyện gì?”

“Chuyện làm ăn của bác Roger. Dường như anh đã rõ tất cả rồi mà. Nhưng có điên mới nghĩ bác Roger đã giết ông. Tại sao chứ, bác Roger rất tôn kính ông.”

“Anh thật sự không nghĩ bác Roger giết ông nội. Clemency thì có thể.”

“Chỉ tại vì em gieo nó vào trong đầu anh. Nhưng anh cũng lầm nốt. Em không cho rằng Clemency quan tâm tí gì đến việc bác Roger có mất hết tiền bạc không. Em nghĩ lúc này bác gái khá hài lòng. Bác gái có một loại đam mê kỳ lạ là *không* có đồ đạc. Chúng ta đi nào.”

Khi tôi và Sophia vào phòng khách, những tiếng nói ngưng ngay lập tức. Mọi người nhìn chúng tôi.

Tất cả đều ở đây. Philip ngồi trong chiếc ghế dựa có tay đỡ to lớn bọc gấm thêu kim tuyến màu gạch tôm nằm giữa hai cửa sổ, gương mặt đẹp của ông mang vẻ lạnh lùng, nghiêm khắc. Ông trông giống một quan tòa sắp sửa tuyên án. Roger ngồi trên tấm nệm dày gần lò sưởi. Ông dùng các ngón tay cào mạnh mái tóc đến đổi tóc ông dựng đứng cả lên. Ông quần ông nhăn nhó, cà vạt thì xộc xệch. Ông trông có vẻ hơi căng thẳng và sẵn sàng tranh cãi. Clemency ngồi cách xa ông, cái dáng nhỏ nhắn của bà trông có vẻ nhỏ nhắn hơn so với cái ghế dựa to lớn. Bà không nhìn ai và như đang nghiên cứu các bức vẽ trên tường với cái nhìn thần nhiên. Bà Edith ngồi thẳng lưng trong ghế dựa của ông nội. Bà đang cặm cụi đan, môi bà mím chặt. Cái đẹp đáng nhìn nhất ở trong phòng là Magda và Eustace. Trông họ giống như một bức chân dung do Gainsborough^[13] vẽ. Cả hai ngồi chung trên tràng kỷ – cậu bé đẹp trai với bộ mặt râu rĩ, và bên cạnh cậu ta, Magda, nữ Công tước

của Ba Đầu Hôi, mặc bộ váy bằng vải bóng như tơ lụa, một cánh tay gác dài lên lưng trang kỳ, một bàn chân nhỏ nhắn mang đôi dép lê bằng gấm thêu kim tuyến thả lỏng trước mặt bà.

Ông Philip chau mày.

“Sophia,” ông nói, “cha rất tiếc, nhưng chúng ta đang bàn chuyện gia đình, chuyện mang tính chất riêng tư.”

Cặp kim đan của bà dì de Haviland kêu lách cách. Tôi định xin lỗi và rút lui. Sophia ngăn tôi lại. Giọng nàng rõ ràng và cả quyết.

“Charles và con,” nàng nói, “sẽ cưới nhau. Con muốn có Charles ở đây.”

“Tại sao lại không chứ?” Roger nói to, đứng bật lên khỏi tấm nệm với sức mạnh không ngờ. “Tôi đã nói với chú, ở đây không có gì riêng tư cả. Mai kia gì cả thế giới đều biết. Do vậy, chàng trai thân yêu của ta,” ông đến chỗ tôi và đặt bàn tay thân thiện lên vai tôi, “cậu biết tất cả. Sáng nay cậu đã ở đó.”

“Làm ơn nói cho tôi biết,” bà Magda chồm người tới trước và nói lớn. “Đây có phải là Scotland Yard không nhỉ? Người ta luôn thắc mắc. Một cái bàn? Ghế ngồi? Kiểu rèm nào? Không có hoa chứ, tôi cho là thế? Máy nghe lén?”

“Mẹ đừng nổi nóng lên như vậy,” Sophia nói. “Thế mà lúc nào mẹ cũng nói Vavasour Jones cắt cảnh Scotland Yard. Mẹ nói làm mất cao trào.”

“Họ làm thế cho giống một vở kịch trinh thám,” bà Magda nói. “Edith Thompson là một vở kịch tâm lý – hay một vở kịch tâm lý ly kỳ – con có thấy nghe hay hơn không?”

“Cậu đến đó sáng nay?” ông Philip sẵng giọng hỏi tôi. “Tại sao? Ồ, dĩ nhiên – cha cậu...”

Ông cau mày. Tôi hiểu rõ hơn bao giờ hết sự hiện diện của tôi không được hoan nghênh, nhưng bàn tay Sophia nắm chặt cánh tay tôi.

Clemency đẩy tới một cái ghế.

“Mời cậu ngồi,” bà nói.

Tôi nhìn bà biết ơn và ngồi xuống.

“Anh nói gì tùy thích,” bà dì de Haviland nói, chúng tôi bà theo dõi tất cả những gì đang bỏ dở, “nhưng ta nghĩ chúng ta phải tôn trọng những nguyện

vọng của Aristide. Nếu bản di chúc đem ra thi hành, Roger, dù ta được nhiều ít thế nào, phần thừa hưởng của ta con tùy nghi sử dụng.”

Roger cào mái tóc dữ dội.

“Không đâu dì Edith. *Không!*” ông kêu lên.

“Tôi ước mình cũng nói như thế,” Philip nói, “nhưng người ta phải cân nhắc mọi yếu tố...”

“Chú Phil thân mến, chú không hiểu sao? Tôi sẽ không lấy một xu của *bất kỳ ai.*”

“Tất nhiên anh ấy không thể!” Clemency ngắt lời.

“Dù sao, dì Edith,” Magda nói. “*Nếu* bản di chúc được thực hiện, Roger có phần thừa kế của anh ấy mà.”

“Nhưng giờ di chúc không thể thực hiện, thì làm sao?” Eustace hỏi.

“Con không biết chi về chuyện đó, Eustace,” Philip nói.

“Thằng nhỏ nói hoàn toàn đúng,” Roger kêu lên. “Nó nói đúng vấn đề rồi đó. Không gì ngăn cản được sự phá sản. Không gì.”

Ông nói với vẻ say sưa.

“Thật sự không có gì phải bàn bạc,” Clemency nói.

“Dù sao thì, chuyện này có gì quan trọng chứ?” Roger nói.

“Em thiết nghĩ là quan trọng,” ông Philip nói, đôi môi mím chặt.

“Không,” Roger nói. “*Không!* Có gì quan trọng hơn việc cha từ trần? Cha đã *mất!* Còn chúng ta ở đây để chỉ bàn chuyện tiền bạc!”

Một màu hồng nhẹ ửng lên trên đôi má tái xanh của Philip.

“Chúng tôi chỉ muốn cố giúp,” ông nói cứng.

“Anh biết, Phil, cậu em già của anh, anh biết. Nhưng không ai có thể làm gì. Do vậy, không bàn nữa.”

“Em giả sử,” Philip nói, “em *có thể* huy động một số tiền. Chúng khoán đã giảm giá dữ dội và một số vốn của em bị phong tỏa nên em không rớ tới được; phần tiền của Magda thì – nhưng...”

Magda nói nhanh:

“Dĩ nhiên anh không thể huy động tiền của em, anh thân yêu. Cố gắng

thật là không tưởng – và lại là không công bằng với các con.”

“Tôi đã nói với các người tôi không xin ai *cái gì hết!*” Roger quát lên. “Tôi đã *khản cả tiếng* để nói điều đó. Tôi hoàn toàn hài lòng để mọi sự diễn biến theo đường đi của nó.”

“Đây là vấn đề thanh danh của Cha Chúng ta,” Philip nhấn mạnh.

“Đó không phải doanh nghiệp gia đình. Nó là *của riêng* tôi.”

“Đúng,” Philip nói, nhìn ông anh. “Nó là doanh nghiệp của anh hoàn toàn.”

Edith de Haviland đứng dậy và nói: “Ta nghĩ chúng ta bàn chuyện đến đây đã đủ.”

Giọng nói của bà có cái vẻ uy quyền đáng tin cậy chưa bao giờ không có tác dụng.

Philip và Magda đứng dậy. Eustace bước ra khỏi phòng và tôi nhận thấy dáng đi cứng đờ của nó. Cậu ta không hẳn què nhưng bước đi cà nhắc từng bước một.

Roger câu tay ông vào tay Philip và nói:

“Chú là người trung hậu, nghĩ cả một việc như thế.”

Hai anh em cùng bước ra ngoài.

Magda lầm bầm, “Một trò lố bịch!” khi bà đi theo sau họ. Sophia nói nàng phải đi xem phòng của tôi.

Edith de Haviland đứng thu lại cuộn len đan. Bà đưa mắt nhìn tôi và tôi cho rằng bà sẽ nói chuyện với tôi. Có cái gì gần như là khăn khăn trong ánh mắt của bà. Tuy nhiên, bà đổi ý, thờ dài, và đi theo những người khác.

Clemency tiến tới bên cửa sổ và nhìn ra khu vườn. Tôi cũng đến đứng cạnh bà. Bà hơi xoay đầu về phía tôi.

“Cám ơn Chúa lòng lành, mọi sự đã qua,” bà nói – rồi nói thêm vẻ chán ghét: “Gian phòng cầu kỳ làm sao!”

“Bà có thích nó không?”

“Ở trong phòng này tôi không thể thở được. Luôn có mùi của hoa sắp tàn và đầy bụi bặm.”

Tôi nghĩ bà bắt công với gian phòng. Nhưng tôi hiểu ý bà. Rõ ràng là do nội thất.

Đây là phòng của đàn bà, dịu dàng, đẹp kỳ cục, đóng kín cửa để tránh những cơn lốc dữ dội do thời tiết ở bên ngoài. Đây không phải là căn phòng mà người đàn ông thích ở lâu. Không phải là căn phòng để bạn thư giãn hay đọc báo, hút ống điếu và nghỉ chân. Tuy nhiên tôi thích nó hơn là gian phòng thể hiện trù tượng của bà Clemency ở tầng trên.

Nói chung tôi thích khuê phòng hơn cảnh trên sân khấu.

Bà nhìn quanh, nói:

“Đúng là một sân khấu. Một phòng nền để Magda lại diễn.” Bà nhìn tôi. “Cậu có biết, chúng tôi vừa mới làm gì không? Hội II – cuộc họp gia đình. Magda sắp xếp nó. Không có ý nghĩa gì cả. Không có gì đáng nói, không có gì để bàn bạc. Tất cả đã được sắp đặt – hết.”

Không có sự buồn khổ trong giọng nói của bà. Trái lại có sự hài lòng. Bà bắt gặp cái nhìn của tôi.

“Ồi dào, cậu không hiểu à?” bà nói một cách thiếu kiên nhẫn. “Rốt cuộc, chúng tôi đã được *tự do*! Cậu có biết Roger rất khôn khổ – *khôn khổ* tột cùng – bao năm nay? Anh ấy không có khiếu kinh doanh. Anh ấy thích các thứ như cưỡi ngựa, nuôi bò, đi lang thang vòng quanh đất nước. Nhưng anh tôn kính cha già – tất cả bọn họ đều như thế. Đó chính là điều sai lầm trong ngôi nhà này – quá gắn bó với gia đình. Tôi không có ý nói ông lão là bạo chúa, giày vò họ hay đàn áp họ. Ông không làm thế. Ông cho họ tiền và sự tự do. Ông hết lòng với họ. Và họ cứ phải tận tụy vì ông.”

“Có gì sai trong chuyện đó?”

“Tôi nghĩ là có. Tôi thiên nghĩ, khi bọn trẻ đã trưởng thành, cậu nên cắt đứt với chúng, nấu mình đi, rời xa chúng, *buộc* chúng phải quên cậu đi.”

“Buộc chúng? Khá quyết liệt, phải không? Có cách nào khác tốt hơn ép buộc không?”

“Giá ông già đừng biến mình thành một nhân vật như thế...”

“Bà không thể tự biến mình thành nhân vật,” tôi nói. “Ông ấy *đã* là một nhân vật.”

“Ông là một nhân vật quá lớn đối với Roger. Roger tôn kính cha. Anh ấy muốn làm cái gì cha anh muốn anh làm, anh muốn là loại người con như cha mong muốn. Nhưng anh không thể. Cha giao cho anh ấy Công ty Cung cấp thực phẩm – công ty là niềm vui và tự hào đặc biệt của cha anh ấy, và Roger cố gắng hết mình để theo bước cha. Nhưng anh ấy không có khả năng đó. Trong chuyện kinh doanh, Roger – tôi nói thẳng – là một kẻ ngốc. Và chuyện đó làm anh ấy gần như tan nát. Anh ấy khôn khổ bao năm, cố gắng gương, nhìn mọi việc lao dốc, chợt nảy ra các ‘ý tưởng’ và ‘kế hoạch’ tuyệt vời luôn luôn đổ bể và làm cho sự tình càng tệ hại hơn. Thật là khủng khiếp khi cảm thấy thất bại năm này qua năm khác. Cậu không hiểu anh ấy đau khổ biết ngần nào. Nhưng tôi hiểu.”

Bà lại quay sang nhìn thẳng vào mặt tôi.

“Cậu nghĩ, cậu đã gợi ý cho cảnh sát rằng Roger có thể đã giết cha anh ấy – vì tiền! Cậu không biết là chuyện ấy thật *dị hợm!*”

“Giờ tôi mới biết,” tôi nói một cách nhún nhường.

“Khi Roger biết không thể ngăn chặn việc ấy nữa – rằng sự phá sản ắt đến, anh thực sự nhẹ lòng. Đúng thế. Anh đã lo cha sẽ biết – chứ chẳng lo gì khác. Anh đang trông đợi cuộc sống mới mà chúng tôi sẽ sống.” Mặt bà rung nhẹ và giọng bà dịu đi.

“Thế ông bà đi đâu?” tôi hỏi.

“Đi Barbados. Một người em họ xa của tôi vừa mới mất không lâu và để lại cho tôi một mảnh đất nhỏ bên đó – ồ, không nhiều lắm. Nhưng cũng có chỗ để đi. Chúng tôi sẽ rất nghèo khổ nhưng sẽ xoay xở để sống – chỉ để sống thì đâu tốn kém gì. Cả hai chúng tôi sẽ bên nhau – không lo lắng, cách xa tất cả bọn họ.” Bà thở dài.

“Roger là một người kỳ lạ. Anh ấy lo cho *tôi* – lo *tôi phải* nghèo khổ. Tôi cho rằng trong đầu của anh ấy khắc sâu quan điểm về tiền bạc của ông Leonides. Khi người chồng đầu của tôi còn sống, chúng tôi nghèo kinh khủng – và Roger nghĩ tôi rất quả cảm và tuyệt vời! Anh không biết tôi đã *hạnh phúc* – thật sự hạnh phúc! Từ lúc ấy trở đi tôi chưa bao giờ rất hạnh phúc. Tuy nhiên – tôi chưa hề yêu Richard như yêu Roger.”

Mắt bà hơi khép lại. Tôi nhận biết cảm xúc mãnh liệt của bà.

“Do vậy, cậu thấy đấy, tôi sẽ không bao giờ giết người vì tiền. Tôi không thích tiền.”

Tôi hoàn toàn tin điều bà nói. Clemency Leonides là một trong những người hiếm hoi mà đối với họ, đồng tiền không có gì hấp dẫn. Họ không ưa sự xa hoa, thích sự đơn sơ và thờ ơ với của cải.

Tuy nhiên vẫn còn có nhiều người tiền bạc không quyền rũ được họ, nhưng quyền lực lại quyền rũ được họ.

Tôi nói: “Bà có thể không muốn tiền cho bản thân – nhưng nói cho ngay, tiền bạc có thể làm được khối việc hay ho. Chẳng hạn như trợ cấp nghiên cứu.”

Tôi ngờ rằng bà Clemency có thể là người cuồng công việc, nhưng bà chỉ nói:

“Tôi không tin sự trợ cấp giúp được gì nhiều. Thường họ chi tiền không đúng chỗ. Những việc đáng làm thường được hoàn thành bởi người có niềm say mê và thôi thúc – có một tầm nhìn trời phú. Trang thiết bị đắt tiền và việc đào tạo và kinh nghiệm không hề như cậu tưởng tượng đâu. Việc chi tiêu thường rơi vào những tay không biết làm.”

“Bà không ngại từ bỏ công việc của bà khi đi Barbaros sao?” tôi hỏi. “Tôi cho rằng bà vẫn đi.”

“Đúng, ngay khi cảnh sát cho chúng tôi đi. Đúng, tôi sẽ không ngại từ bỏ công việc. Tại sao lại thế? Tôi không thích nhàn rỗi, nhưng ở Barbaros tôi đâu có ăn không ngồi rồi.” Bà vội nói thêm: “Ồ, chỉ khi sự việc được làm sáng tỏ sớm và chúng tôi có thể ra đi.”

“Bà Clemency,” tôi nói, “bà có nghĩ ra ai đã làm chuyện này không? Coi như bà và Roger không nhúng tay vào (và thật sự tôi không thấy có lý do nào để nghĩ ông bà đã làm), chắc chắn, với sự thông minh của bà, bà hẳn phải có ý tưởng nào đó về ai đã làm chứ?”

Bà đưa mắt nhìn tôi một cái nhìn kỳ lạ, một cái nhìn soi mói, cạnh khóe. Khi bà nói, giọng bà mất đi vẻ tự nhiên. Nó lúng túng, hơi bối rối.

“Người ta không thể phỏng đoán, vậy là phản khoa học,” bà nói. “Người ta chỉ có thể nói Brenda và Laurence là những nghi phạm hiển nhiên.”

“Bà nghĩ họ đã làm chuyện đó?” Clemency nhún vai.

Bà đứng dậy một lúc như thể lắng nghe, đoạn bước ra khỏi phòng, đi ngang qua bà Edith trên đường ra cửa.

Bà Edith đi thẳng đến chỗ tôi.

“Ta muốn nói chuyện với cậu,” bà bảo.

Những lời cha tôi nói chợt nảy ra trong đầu tôi. Đây có phải là...

Nhưng bà Edith de Haviland đã nói tiếp:

“Ta mong cậu đừng có ấn tượng sai lầm,” bà nói. “Về Philip, ta muốn nói, Philip là người khá khó hiểu. Nó có thể có vẻ dè dặt và lạnh lùng với cậu, nhưng không phải thế đâu. Đó chỉ là cung cách xử sự. Nó không khắc phục được.”

“Cháu thật sự không nghĩ...” tôi mở lời.

Nhưng bà át đi:

“Còn bây giờ – về Roger. Thực sự không phải là nó không có thiện chí. Nó không bao giờ nghĩ đến tiền bạc. Nó rất chân tình – luôn luôn là một người chân tình – nhưng nó cần được thông cảm.”

Tôi nhìn dáng điệu của bà, hy vọng tìm thấy ở đó một con người sẵn lòng thông cảm. Bà tiếp tục:

“Ta nghĩ, chuyện này có phần vì là đứa con thứ hai trong gia đình. Thường hay có chuyện với đứa con thứ. Cậu thấy rồi đó, nó tôn kính cha nó. Tất cả các đứa con đều tôn kính Aristide và ông thương yêu chúng. Nhưng Roger là niềm tự hào và niềm vui của ông. Nó là đứa con cả – đứa con đầu. Ta nghĩ Philip cảm thấy điều đó. Nó thu mình lại. Nó bắt đầu thích sách và quá khứ và những thứ tách khỏi cuộc sống hàng ngày. Ta nghĩ nó đau khổ – con cái có những chịu đựng đau khổ...”

Bà dừng lời, đoạn nói tiếp:

“Điều ta thực sự muốn nói đó là nó luôn ganh tị với Roger. Ta nghĩ, có lẽ nó cũng không hiểu chính mình. Nhưng ta nghĩ việc Roger thất bại thảm hại – ôi, thật đáng ghét khi phải nói như vậy, và ta chắc chắn nó cũng không ý thức được bản thân – nhưng ta nghĩ có lẽ Philip không buồn về chuyện mà lẽ ra nó nên buồn.”

“Ý bà là Philip khá vui khi thấy Roger tự biến mình thành ra lỗ bịch.”

“Đúng,” bà dì de Haviland xác nhận. “Ý ta đúng là như thế đấy.”

Bà nói thêm, hơi cau mày:

“Cậu biết không, nó không đề nghị giúp anh nó ngay làm ta buồn quá.”

“Tại sao ông ấy phải làm thế?” tôi nói. “Suy cho cùng, Roger *đã* làm hỏng chuyện. Ông ta là người lớn. Không có con cái để lo lắng. Nếu ông ta bị bệnh hoặc cần tiền sinh hoạt, dĩ nhiên gia đình sẽ giúp ông ta – nhưng cháu không hề nghi ngờ ông Roger thật sự thích tự mình bắt đầu lại từ đầu hơn.”

“Ôi, nó là như thế. Nó chỉ nghĩ đến Clemency. Clemency là một sinh vật kỳ lạ. Cô ta rất thích sống không tiện nghi và chỉ dùng một tách trà tiện dụng để uống. Cô ta không có cảm giác về quá khứ, về sắc đẹp. Ta chỉ biết nói: tân thời.”

Tôi cảm thấy đôi mắt sắc sảo của bà nhìn tôi từ trên xuống dưới.

“Đó là một thử thách tốt độ cho Sophia,” bà nói. “Ta cảm thấy tội nghiệp cho tuổi trẻ của nó bị u ám vì chuyện này. Ta yêu thương tất cả bọn chúng, cậu biết mà. Roger và Philip, giờ thì Sophia, Eustace và Josephine. Tất cả bọn trẻ thương yêu, con cháu của Marcia. Đúng, ta thương chúng vô cùng.” Bà dừng lời, rồi đột nhiên nói thêm: “Nhưng, cậu nên nhớ, đây là khía cạnh sùng bái thần tượng.”

Bà đột ngột quay lưng và bước đi. Tôi cảm thấy có gì đó trong lời nhận xét cuối cùng của bà mà tôi không hiểu hết.

“Phòng của anh đã chuẩn bị xong rồi,” Sophia nói.

Nàng đứng bên tôi nhìn ra khu vườn. Giờ trông nó xám xịt, tiêu điều với những hàng cây rụng lá hết phân nửa đang lung lay trong gió.

Sophia đồng cảm với suy nghĩ của tôi, nàng nói:

“Trông nó hoang tàn làm sao...”

Trong khi chúng tôi đang nhìn, một dáng người, rồi một dáng người nữa từ khu vườn đã đi qua hàng rào thủy tùng.

Cả hai trông xám xịt và không thật trong ánh sáng tàn dần.

Bà Brenda Leonides đi trước. Bà choàng trên người chiếc áo khoác lông sóc màu xám. Cách bước đi rón rén của bà trông giống như mèo. Bà lướt đi trong ánh chiều tà với một vẻ duyên dáng siêu nhiên.

Tôi nhìn thấy mặt bà khi bà đi ngang qua cửa sổ. Một cái cười nửa miệng trên gương mặt, môi hơi nhếch lên, một nụ cười kỳ lạ tôi đã để ý lúc gặp trên tầng của bà. Vài phút sau, Laurence Brown, trông mảnh khảnh và teo quắt, cũng lướt đi trong ánh chiều tà. Tôi chỉ có thể mô tả họ như thế. Họ không giống như hai người đang đi, mà giống hai người vừa ra ngoài đi dạo. Họ có cái vẻ gì đó lén lén lút lút và ảo ảnh như hai bóng ma.

Tôi tự hỏi có phải nhánh cây đó gãy dưới chân họ?

Tự dung liên kết ý tưởng, tôi hỏi:

“Josephine đâu?”

“Nó và Eustace có thể còn ở phòng học.” Nàng cau mày. “Em lo lắng về Eustace, anh Charles.”

“Tại sao?”

“Nó rất thất thường và kỳ lạ. Nó đã đổi khác từ khi bị chứng bệnh bại liệt. Em không thể biết điều gì xảy ra trong đầu nó. Đôi khi nó có vẻ thù ghét tất

cả mọi người.”

“Đó có thể là giai đoạn trưởng thành.”

“Vâng, em cũng nghĩ thế. Nhưng em vẫn lo, Charles.”

“Sao vậy, bà chị đáng thương?”

“Em cho là vì cha và mẹ em không hề lo lắng. Họ không giống bậc cha mẹ.”

“Không chừng vậy lại là hay nhất. Nhiều đứa trẻ đau khổ vì cha mẹ can thiệp vào đời sống của con cái hơn là vì không bị can thiệp.”

“Điều đó đúng. Anh biết không, em chưa bao giờ nghĩ vậy cho đến khi em từ nước ngoài về, nhưng họ quả là một cặp đôi kỳ lạ. Cha sống hẳn trong thế giới sử học trừu tượng, còn mẹ thì dùng thời gian quý báu soạn ra các màn kịch. Cuộc họp chẳng ra gì tối nay tất cả là do mẹ. Có cần phải thế đâu. Mẹ muốn diễn màn kịch gia đình họp kín. Anh biết không, ở đây mẹ buồn chán và tìm cách dựng lên một vở kịch.”

Trong thoáng chốc tôi hình dung ra chuyện không tưởng là bà mẹ của Sophia đầu độc cha chồng theo kiểu vô tư nhằm trải nghiệm một vở kịch giết người trong đó bà đóng vai chính.

Một ý nghĩ buồn cười! Tôi vội xóa nó đi – nhưng nó để lại trong tôi một chút khó chịu.

Sophia nói, “Mẹ phải được trông chừng suốt. Anh không bao giờ biết mẹ định làm gì!”

“Sophia, hãy quên gia đình của em đi,” tôi nói kiên quyết.

“Em sẽ quá vui sướng khi làm được điều đó, nhưng trong lúc này có chút khó khăn. Nhưng hồi ở Cairo em đã rất sung sướng khi quên tất cả họ.”

Tôi chợt nhớ tại sao ở Cairo, Sophia không bao giờ nói chuyện nhà và người trong gia đình nàng.

“Có phải vì vậy nên em không hề nói gì đến họ?” tôi hỏi. “Vì em muốn quên họ?”

“Chắc vậy. Gia đình em, tất cả mọi người, đều thân nhau. Tất cả – đều rất thương nhau. Gia đình em không như vài gia đình khác trong đó người người ghét nhau, đào đất đổ đi. Vậy hẳn là rất tệ, nhưng tệ hơn cả là phải sống quần

lấy nhau trong yêu thương đầy mâu thuẫn.” Nàng nói thêm: “Em nghĩ đó là ý của em khi em nói cả gia đình em chung sống trong căn nhà quái dị. Em không nói quái dị theo nghĩa xấu. Ý em là cả nhà không thể trưởng thành một cách độc lập, tự mình đứng được. Cả nhà cứ cuộn vào nhau, quấn lấy nhau.”

Tôi nhìn thấy bà Edith de Haviland nghiêng gót chân lên một đám cỏ trên con đường trong khi Sophia nói thêm: “Giống như đám cỏ bìm bìm...”

Bỗng nhiên bà Magda xuất hiện – vừa mở cửa vừa kêu to:

“Con yêu, sao con không mở đèn. Tối quá.”

Bà nhấn nút, ánh sáng chiếu lòa trên các vách tường và bàn ghế. Bà, tôi và Sophia kéo các màn che nặng nề màu hồng lên, và chúng tôi ở trong căn phòng thoang thoảng hương hoa. Bà Magda gieo mình lên ghế tràng kỷ, la lớn:

“Một tình cảnh không thể tin được, đúng không? Thằng Eustace cái kính đó! Nó nói với ta rằng nó nghĩ toàn bộ chuyện này tuyệt không đáng chút nào. Bọn con trai thật nực cười!”

Bà thở dài.

“Roger là một kẻ được nuông chiều. Tôi yêu anh ấy khi anh vò đầu và bắt đầu làm hư hại mọi chuyện. Bà Edith có đúng là tử tế khi tặng phần thừa kế của bà cho anh ấy không? Cậu biết không, bà di thật sự có ý đó, không giả bộ đâu. Nhưng thật là đại dột khủng khiếp – khi chuyện đó khiến Philip nghĩ mình cũng phải làm y như thế. Bà di Edith, dĩ nhiên, có thể làm *mọi việc* cho gia đình! Tình thương của bà di dành cho các cháu thật là cảm động. Một ngày nào đó ta sẽ diễn vai một bà di tận tụy. Tò mò, ngoan cố và tận tụy.”

“Bà ấy đã rất cực khổ sau khi chị bà chết,” tôi nói, để tránh bàn luận lạc đề về những vai diễn của bà Magda. “Cháu muốn hỏi có phải bà ấy không ưa ông lão Leonides cho lắm.”

Magda cắt lời tôi.

“Không ưa ông ấy à? Ai nói cậu thế? Thật vô lý. Bà di yêu ông ấy.”

“Mẹ!” Sophia kêu lên.

“Sophia, giờ đừng cố cãi mẹ nữa. Dĩ nhiên vào tuổi con, con nghĩ tình

yêu là hai người trẻ hợp nhãn nhau gặp nhau dưới ánh trăng.”

“Bà ấy nói với cháu đây ạ,” tôi nói, “rằng bà luôn không ưa ông lão.”

“Có thể là vậy khi bà ấy mới đến. Bà giận chị mình vì chị bà lấy ông ấy. Tôi dám nói có sự xung khắc giữa hai người – nhưng bà dì yêu ông ấy! Con gái cưng, mẹ biết mình đang nói gì mà! Dĩ nhiên, với cái chết của bà chị và tất cả mọi việc khác, ông lão không thể cưới bà dì, và ta dám nói ông không hề nghĩ đến chuyện ấy – và có lẽ bà dì cũng thế. Bà hoàn toàn hạnh phúc được làm mẹ các đứa trẻ và cùng chung lo với ông. Nhưng khi ông cưới Brenda, bà không ưa chuyện ấy – không ưa *chút nào*.”

“Cả cha và mẹ cũng đâu có thích gì,” Sophia nói.

“Dĩ nhiên là cha mẹ ghét! Lẽ tự nhiên! Nhưng dì Edith ghét hơn cả. Con gái yêu, mẹ đã thấy cái cách bà dì *nhìn* Brenda!”

“Thôi nào, mẹ.”

Magda ném một cái nhìn vừa thương yêu vừa có vẻ tội lỗi về phía con gái, một cái nhìn của một đứa trẻ vừa hư hỏng vừa tinh nghịch.

Bà ta nói tiếp, bắt kể tính thiếu liên tục của câu chuyện. “Mẹ định đưa Josephine đến trường học.”

“Josephine? Đến trường à?”

“Đến Thụy Sĩ. Mẹ sẽ đi xem xét chuyện ấy vào ngày mai. Mẹ thật sự nghĩ chúng ta nên đưa nó *đi liền*. Để nó dính líu tới câu chuyện khủng khiếp ở đây thì dở quá. Nó sẽ trở nên bệnh hoạn vì chuyện giết người. Điều nó cần là những đứa trẻ cùng trang lứa. Đó là cuộc sống ở trường học. Mẹ luôn luôn nghĩ thế.”

“Ông nội không muốn nó đi học ở trường đâu,” Sophia chậm rãi nói. “Ông phản đối dữ lắm.”

“Nga hoàng già thân thương của chúng ta thích tất cả chúng ta nằm trong tầm nhìn của ông ấy. Rất nhiều lão già thường ích kỷ kiểu đó. Một đứa trẻ phải được sống cùng những đứa trẻ khác. Thụy Sĩ là nơi rất tốt cho sức khỏe – tất cả các trò chơi thể thao mùa đông, không khí trong lành, thức ăn ngon hơn ở đây nhiều!”

“Sẽ khó khăn trong việc sắp xếp đi Thụy Sĩ lúc này với cả mớ quy định

về tiền tệ, đúng không à?” tôi hỏi.

“Không đâu, Charles. Có mẹo đi học – hoặc là cậu trao đổi với một đứa trẻ Thụy Sĩ – có rất nhiều cách. Rudolph Alstir đang ở Lausanne, mai tôi sẽ đánh điện báo ông ta sắp xếp *mọi việc*. Chúng tôi có thể đưa nó đi vào cuối tuần này!”

Magda đắm vào một cái gối, mỉm cười với chúng tôi, rồi đi ra cửa. Bà đứng ở đấy một lúc, nhìn lại chúng tôi với một phong cách hoàn toàn tươi vui.

“Chỉ có tụi trẻ mới vậy,” bà nói. Khi bà nói thế, giọng bà êm dịu. “Cứ phải đến sớm mới chịu. À này, con gái – hãy chăm sóc các cây hoa – hoa long đởm xanh, hoa thủy tiên...”

“Vào tháng 10 sao?” Sophia hỏi, nhưng Magda đã đi rồi.

Sophia thở hắt ra một hơi dài bực tức.

“Thật ra,” nàng nói. “Mẹ đang rất cố gắng. Mẹ chọt nảy ra những ý nghĩ này và gửi hàng ngàn bức điện tín, mọi việc phải được thu xếp một cách gấp rút. Tại sao Josephine phải được đưa đi Thụy Sĩ một cách đột ngột như vậy chứ?”

“Có thể có gì đó liên quan đến trường học. Anh nghĩ bọn trẻ con cùng lứa tuổi là điều tốt cho Josephine.”

“Ông nội không nghĩ thế,” Sophia ngoan cố cãi.

Tôi cảm thấy hơi bực.

“Sophia thân yêu, có thật sự em nghĩ một lão gia hơn tám mươi lại là phán quan tốt nhất về việc chăm sóc một đứa trẻ?”

“Ông nội là phán quan tốt nhất cho mọi người trong gia đình này.”

“Tốt hơn cả bà dì Edith?”

“Không, có thể không. Bà cũng thích con bé tới trường hơn. Em công nhận Josephine là trường hợp khó – nó có tật rình mò khủng khiếp. Nhưng em nghĩ chỉ vì nó thích đóng vai thám tử.”

Đây có phải chỉ vì lo cho sự yên vui của Josephine khiến bà Magda quyết định đột ngột không? Tôi tự hỏi. Josephine đã nắm được nhiều thông tin xác thực đáng kể về tất cả những chuyện xảy ra trước khi có vụ giết người, và

chắc chắn không liên quan đến nó. Cuộc sống lành mạnh ở trường có thể là một thế giới tốt đẹp cho con bé. Nhưng tôi lại thối mắ quyết định đột ngột và khẩn cấp của bà Magda – Thụy Sĩ thật quá xa xôi.

Ông Già đã bảo: “Hãy để họ nói với con.”

Buổi sáng trong lúc cạo râu, tôi kiểm điểm xem mình đã tiến đến đâu.

Edith đã nói chuyện với tôi – bà tìm đến tôi vì mục đích đặc biệt. Clemency đã trao đổi với tôi (hay tôi trao đổi với bà ta?). Magda đã nói chuyện với tôi theo cái nghĩa – tôi là khán giả của một trong những chương trình phát thanh của bà. Sophia dĩ nhiên là nói chuyện với tôi rồi. Cả bà bếp Nannie cũng đã nói chuyện với tôi. Tôi có trở nên sáng suốt hơn sau khi nghe tất cả mọi người nói không? Có từ nào hay cụm từ nào quan trọng không? Hơn nữa, có chứng cứ nào về sự tự phụ bất thường mà cha tôi đã nhấn mạnh?

Tôi không thấy có gì hết.

Người duy nhất biểu lộ tuyệt đối không muốn nói chuyện với tôi về bất cứ chuyện gì hay bất cứ chủ đề nào chính là Philip. Vậy có phải là bất bình thường không? Giờ đây hẳn ông biết tôi muốn cưới con gái ông. Tuy vậy ông tiếp tục xem tôi không phải là người trong gia đình tí nào. Chừng có vẻ ông không ưa sự có mặt của tôi ở nơi này. Bà Edith đã xin lỗi giùm cho ông. Bà nói đỡ đó là ‘cung cách’ của ông. Bà cho thấy chính bà cũng phiền Philip. Tại sao?

Tôi tìm hiểu cha của Sophia. Ông có tâm trạng của người bị thất sủng. Ông đã là một đứa trẻ ganh tị và không hạnh phúc. Ông buộc phải thu mình lại. Ông tìm cách trốn lánh vào thế giới của sách vở – vào quá khứ của lịch sử. Điều đó cho thấy sự lạnh lùng có chủ ý và sự thu mình lại của ông có thể che giấu những cảm xúc sôi sục rất mạnh mẽ. Cái động cơ do ông không được thụ hưởng toàn bộ số tài sản người cha để lại không đủ khả năng thuyết phục – trong lúc này đây, tôi không nghĩ Philip Leonides giết cha vì ông không có số tiền nhiều như ông muốn. Nhưng đây có thể có nguyên nhân tâm lý sâu xa nào đó trong việc ông muốn cha mình chết. Philip đã trở về

nhà cha mình để sống, và sau đó, Roger cũng về ở – và Philip buộc phải thấy ngày này qua tháng nọ Roger được cha ưu ái hơn... Có phải tâm trí đã bị hành hạ của ông chỉ có thể nhẹ nhõm đi bằng cái chết của cha ông. Giả sử cái chết đó sẽ buộc tội người anh cả của ông? Roger đang hết tiền – đang bên bờ vực phá sản. Không hay biết gì về cuộc trò chuyện cuối cùng giữa Roger và cha ông, và đề nghị cứu giúp của người cha, phải chăng Philip tin rằng động cơ đó có vẻ đủ mạnh để khiến Roger sẽ lập tức bị nghi ngờ? Có phải tâm trí bán loạn đẩy Philip ra tay giết người?

Tôi bị dao cạo cắt phải cằm và lau bàu nguyên rửa.

Tôi đang cố gắng làm chuyện quái quỷ gì vậy? Buộc tội cha của Sophia giết người? Quả là một việc làm hay ho!

Chẳng phải đó là điều mà Sophia muốn tôi đến nơi này sao?

Ôi – đúng vậy không? Có cái gì đó, suốt bao lâu nay, đằng sau sự khản khoản của Sophia. Nếu có sự nghi ngờ dài lâu trong tâm trí nàng rằng cha nàng là kẻ giết người, nàng sẽ không bao giờ chịu lấy tôi – trong trường hợp nghi ngờ đó thành sự thật. Vì nàng là Sophia, với đôi mắt tinh anh và là người đởm lược, nàng muốn có sự thật, vì nỗi mơ hồ sẽ là rào cản mãi mãi và suốt đời giữa hai chúng tôi. Chẳng phải nàng đã nói đi nói lại với tôi: “Phải chứng minh cái điều đáng sợ mà em đang hình dung không là sự thật – nhưng nếu là thật, hãy chứng minh nó là thật – để em có thể biết sự xấu xa tốt cùng đó và đương đầu với nó!”

Phải chăng bà Edith biết, hay nghi ngờ Philip là kẻ phạm tội. Ý bà là gì khi nói ‘khía cạnh tôn sùng thần tượng’?

Và ý của Clemency là gì lúc bà nhìn tôi với cái nhìn kỳ lạ khi tôi hỏi bà nghi ngờ ai và bà đã trả lời: “Laurence và Brenda là những nghi phạm hiển nhiên, đúng không?”

Cả gia đình đều muốn việc giết người do Laurence và Brenda làm, hy vọng có thể là Laurence và Brenda, nhưng thật sự không tin đó là Laurence và Brenda...

Dĩ nhiên, cả gia đình có thể sai, và rốt cuộc không chừng đúng là là Laurence và Brenda.

Hoặc, có thể là Laurence, mà không là Brenda...

Giải đáp đó có thể hay hơn cả.

Tôi vồ vồ cái cầm bị cắt và đi xuống nạp bữa ăn sáng với quyết tâm phải có cuộc phỏng vấn Laurence càng sớm càng tốt.

Uống đến tách cà phê thứ hai thì tôi mới chợt nhận ra Ngôi nhà Quái dị đã tác động đến tôi. Tôi cũng muốn tìm, không phải lời giải đúng, mà là lời giải phù hợp với *tôi* nhất.

Sau khi ăn điểm tâm, tôi băng qua đại sảnh và bước lên thang lầu. Sophia đã bảo tôi phải tìm Laurence ở phòng học của Eustace và Josephine.

Tôi ngập ngừng đứng bên ngoài cửa khu vực của Brenda Tôi nên bấm chuông hay gõ cửa, hay đi thẳng vào? Tôi quyết định xem đây là nhà của ông Leonides, không phải nhà riêng của Brenda.

Tôi mở cửa và đi vào. Mọi thứ im ắng, dường như không có ai. Bên trái, cửa vào phòng khách lớn bị đóng. Bên phải, hai cánh cửa mở cho thấy một phòng ngủ liền kề một phòng tắm. Tôi biết đây là phòng tắm liền kề với phòng ngủ của ông Aristide Leonides, nơi cất eserine và insulin.

Cảnh sát giờ đã xong việc với chỗ này. Tôi đẩy cửa bước nhẹ vào trong. Tôi nhận thấy bất cứ ai trong nhà cũng có thể vào đây rồi qua phòng tắm dễ dàng (hay cả với người ngoài nếu muốn làm chuyện đó) mà không ai trông thấy.

Tôi đứng trong phòng tắm nhìn quanh. Thật sang trọng với gạch lát bóng ngời và bồn tắm rất sâu. Một bên có rất nhiều loại đồ điện gia dụng; ví nướng, ấm điện – một chảo nhỏ, một lò nướng đều bằng điện – mọi thứ mà người hầu hạ lão gia có thể cần. Trên tường là một tủ ly trắng men trắng. Tôi mở tủ. Bên trong chứa dụng cụ y khoa, hai kính thuốc, cốc rửa mắt, ống nhỏ mắt và vài cái chai có dán nhãn. Aspirin, bột boracic, thuốc đỏ, băng cá nhân v.v... Trên một kệ riêng chứa nhiều insulin, hai kim tiêm và một chai rượu mạnh dùng cho phẫu thuật. Trên kệ thứ ba có một chai ghi ‘*Thuốc viên – uống một hay hai viên vào buổi tối theo chỉ dẫn*’. Trong kệ này ắt đã chứa chai thuốc nhỏ mắt. Tất cả đều rõ ràng, sắp xếp ngăn nắp, rất dễ lấy thuốc khi cần, và cũng rất dễ lấy để giết người.

Tôi có thể làm gì tùy thích với mấy cái chai sau đó đi ra nhẹ nhàng và xuống thang lầu, không một ai biết tôi đã ở trên này. Dĩ nhiên, không có gì

mới, nhưng nó làm cho tôi hiểu công việc của cảnh sát khó khăn đến thế nào.

“Hãy làm cho họ nói hươu nói vượn,” Taverner đã bảo tôi. “Khiến cho họ nháo nhào. Làm cho họ nghĩ chúng ta đang tìm ra cái gì đó. Giữ cho ta nổi đình nổi đám. Nếu chúng ta làm như vậy, sớm muộn gì kẻ giết người cũng sẽ thôi đề phòng và tìm cách chứng tỏ hấn khôn ngoan hơn – thế là – chúng ta tóm hấn.”

Được rồi, cho đến giờ kẻ giết người không phản ứng theo kiểu đó.

Tôi ra khỏi phòng tắm. Vẫn không có một ai. Tôi đi dọc hành lang. Đi ngang qua phòng ăn tối bên trái, phòng ngủ và phòng tắm của Brenda bên phải. Một cô người làm đang từ đó đi ra. Cửa phòng ăn tối đóng. Bên trong phòng, vọng ra tiếng bà Edith de Haviland gọi điện thoại cho bà bán cá quen thuộc. Một dãy bậc thang xoắn đưa xuống tận tầng trệt bên dưới. Tôi đi thang lên trên. Phòng ngủ của bà Edith và phòng khách ở đây, tôi biết, còn có hai phòng tắm và phòng của Laurence Brown. Bên kia là những bậc thang ngắn dẫn xuống một phòng lớn nằm phía sau khu vực dành cho người hầu được dùng làm phòng học.

Tôi đứng lại ngoài cửa. Tôi nghe Laurence Brown lên giọng nhẹ bên trong. Tôi liền nghĩ mình đã nhầm cái tật rình mò của Josephine. Không một chút ngại ngùng, tôi nghiêng người áp vào cửa và lắng nghe.

Đó là một bài học về lịch sử, thời gian đang nói là thời *Đốc chính* ở Pháp.

Càng nghe tôi càng ngạc nhiên. Một sự ngạc nhiên đáng kể khi tôi khám phá Laurence Brown là một thầy giáo tuyệt vời.

Tôi không hiểu tại sao tôi lại ngạc nhiên đến vậy. Nhìn chung, ông Aristide Leonides luôn là người biết thu dụng nhân tài. Mặc dù bề ngoài trông giống con chuột nhút nhát, Laurence có biệt tài khơi dậy sự say mê và trí tưởng tượng của học trò. Bi kịch Thermidor, sắc lệnh chống lại phe Robespierre, bản lĩnh của Barras, sự xảo quyết của Fouché – Trung úy pháo binh trẻ suýt chết đuối Napoleon – được kể rất thật và rất sống động.^[14]

Bỗng nhiên Laurence dừng lại, anh ta hỏi Eustace và Josephine mỗi đứa một câu. Anh cho chúng đặt mình vào một nhân vật, đứa này vào nhân vật này và đứa kia vào nhân vật khác. Tuy nhiên anh không thu được nhiều nhận gì từ Josephine, giọng nói của con bé nghe như phát ra từ cái đầu lạnh tanh.

Giọng của Eustace thì khác hoàn toàn với tính cách bình thường của nó. Nó chứng tỏ có đầu óc và sự thông minh, cảm thụ lịch sử nhạy bén khiến ta không nghi ngờ nó đã được di truyền từ người cha.

Sau đó tôi nghe tiếng ghé bị đẩy lui, kêu lạch cạch trên sàn nhà. Tôi lùi trở lại chỗ cầu thang và làm ra vẻ mới đến khi cửa mở.

Eustace và Josephine bước ra.

“Chào,” tôi nói.

Eustace ngạc nhiên khi trông thấy tôi.

“Anh muốn gì?” nó lễ phép hỏi.

Josephine, không thêm quan tâm đến sự hiện diện của tôi, đi lướt qua.

“Anh chỉ muốn xem phòng học,” tôi trả lời hơi yếu ớt.

“Anh có thể xem vào ngày khác được không? Đây chỉ là chỗ của lũ nhóc con. Dùng để làm nhà trẻ. Còn rất nhiều đồ chơi trong đó.”

Nó giữ cửa mở và tôi đi vào.

Laurence đứng bên bàn. Anh ta nhìn lên, hơi đỏ mặt, lăm lăm điều gì như để đáp trả lời chào của tôi và vội bước ra.

“Anh làm thầy sợ rồi,” Eustace nói. “Thầy rất dễ sợ hãi.”

“Em có thích thầy không, Eustace?”

“Ồ! Thầy ấy cũng được. Một kẻ ngốc, tất nhiên.”

“Nhưng không là ông thầy dở tệ?”

“Phải, nói thật tình, thầy rất hấp dẫn. Thầy cho chúng em thấy các sự kiện ở một góc độ khác. Em không hề biết Henry VIII làm thơ – gửi Ann Boleyn – một bài thơ tao nhã.

Chúng tôi nói chuyện một lúc lâu về các đề tài như *The Ancient Mariner*, [15] Chaucer [16], các hàm ý chính trị đằng sau các cuộc thập tự chinh, các khảo cứu về thời Trung cổ và theo Eustace, sự kiện đáng ngạc nhiên là Oliver Cromwell cấm tổ chức lễ Giáng sinh. Tôi nhận thấy, đằng sau cái vẻ khinh khỉnh và khá khó chịu Eustace là một người hay tìm hiểu và có đầu óc.

Rất nhanh, tôi bắt đầu hiểu duyên do sự khó tính của nó. Sự khó tính đó không chỉ là một thử thách đáng sợ, mà còn là một thất bại và sự thoái hóa

ngay khi nó đang vui sống.

“Em phải học lớp mười một vào học kỳ tới – và em có ngôi nhà đầy màu sắc, thế mà em phải ở nhà và học chung con bé hư đốn như con Josephine. Nó chỉ mới mười hai tuổi.”

“Nhưng em đâu có học chung bài.”

“Dĩ nhiên là không, nó đâu làm nổi những bài toán cao cấp – hay tiếng Latinh. Nhưng anh có muốn học chung gia sư với một đứa *con gái* không?”

Tôi tìm cách xoa dịu tính tự cao phái mạnh bị tổn thương của thằng nhỏ bằng nhận xét rằng Josephine là một con bé rất thông minh ở tuổi của nó.

“Anh nghĩ thế sao? Em lại cho nó là một con nhóc chán chết. Nó khoái như điên việc khám phá vụ án này – nó đi khắp nơi, chỗ mũi vào bất cứ đâu, viết quái gì trong cuốn sổ tay màu đen, và cho rằng nó đã biết được nhiều điều. Đúng là một con nhỏ dở hơi,” Eustace khinh khỉnh nói.

Eustace nói tiếp:

“Vả lại, con gái không thể nào làm thám tử. Em đã bảo nó thế. Em nghĩ mẹ có lý khi đưa Jo sang Thụy Sĩ càng sớm càng tốt.”

“Thế em không nhớ nó sao?”

“Nhớ một con nhóc vào tuổi ấy à?” Eustace cao ngạo nói. “Dĩ nhiên là không. Ôi trời, nhà này đã đủ chuyện rồi! Mẹ lúc nào cũng hối hả ngược xuôi London và bắt các biên kịch viết lại kịch bản cho mình, làm nặng xì kinh khiếp về những chuyện không đâu. Cha thì đắm mình vào các quyển sách, đôi khi không nghe anh nói gì cả nếu anh nói chuyện với ông. Em không biết tại sao em lại phải chịu đựng các bậc cha mẹ kỳ lạ như thế. Còn bác Roger – luôn quá nhiệt tình khiến cho anh phải rùng mình. Bác gái Clemency thì được, bác không quấy rầy ai nhưng đôi khi em thấy bác ấy hơi gàn. Bà dì Edith không quá tệ, nhưng bà đã già. Mọi việc hơi tươi vui hơn từ khi chị Sophia về nhà – mặc dầu có lúc chị ấy quá thẳng tính. Nhưng đây là một ngôi nhà kỳ lạ, anh có nghĩ thế không? Khi có một bà nội kế trẻ gàn như bằng dì hay bằng chị cả. Thật nực cười!”

Tôi hơi thông cảm với suy nghĩ của Eustace. Tôi nhớ (một cách mơ hồ) cái tính nhạy cảm thái quá của tôi hồi ở tuổi Eustace. Nỗi sợ hãi về sự xuất

hiện bất bình thường hoặc sự ra đi bình thường của những người bà con thân thích.

“Còn ông nội thì sao?” tôi hỏi. “Em có thương ông nội không?”

Một biểu hiện kỳ cục lướt qua trên gương mặt Eustace. “Ông nội à,” Eustace nói, “ông hoàn toàn ‘phi-xã hội’!”

“Như thế nào?”

“Ông không nghĩ gì khác ngoài mục tiêu lợi nhuận. Laurence nói việc đó hoàn toàn sai. Ông là một người theo chủ nghĩa cá nhân vĩ đại. Tất cả mọi việc đều phải đi theo hướng đó, anh nghĩ có phải không?”

“Đúng,” tôi nói, hơi thô bạo, “ông đã đi rồi.”

“Thực sự là điều tốt,” Eustace nói. “Không phải là em nhẫn tâm, nhưng anh không thể vui sống ở cái tuổi ấy.”

“Ông không vui sao?”

“Đúng thế. Dù sao, đã đến lúc ông nên đi...”

Eustace dừng lời khi Laurence Brown trở lại phòng học Laurence bắt đầu sắp soạn sách vở, nhưng tôi cảm thấy anh ta đang nhìn tôi qua khước mắt.

Anh ta xem đồng hồ tay rồi nói:

“Eustace, đúng mười một giờ em quay lại đây nhé. Máy ngày gần đây chúng ta đang đã lãng phí quá nhiều thời giờ.”

“Vâng, thưa thầy.”

Eustace lững thững đi ra cửa, vừa đi vừa huýt sáo.

Laurence Brown phóng một cái nhìn xoáy vào tôi. Anh ta liếm môi vài lần. Tôi tin anh ta trở lại phòng học chỉ để nói chuyện với tôi.

Sau khi xếp lại chồng sách rồi lại giở ra một cách không chủ ý như giả bộ tìm một quyển sách đang thiếu, anh ta lên tiếng:

“Này – Họ đã làm được gì rồi?”

“Ai?”

“Cảnh sát.”

Mũi anh ta phập phồng. Con chuột đã vào bẫy, tôi nghĩ, con chuột đã vào bẫy.

“Họ không tiết lộ gì với tôi,” tôi nói.

“Ô, tôi tưởng cha anh là trợ lý ủy viên.”

“Đúng vậy, nhưng ông ấy không tiết lộ bí mật công vụ.” Tôi làm giọng quan trọng.

“Vậy là anh không biết bằng cách nào – ra sao – nếu...” Lawrence dài giọng. “Họ sẽ không bắt ai chứ?”

“Cho đến giờ tôi không biết gì cả. Như đã nói, tôi có thể sẽ không biết.”

Hãy làm cho họ nháo nhào, Thanh tra Taverner đã nói. Cho họ nói huyền thuyên. Tốt, Laurence Brown huyền thuyên rồi đây.

Anh ta bắt đầu nói nhanh và căng thẳng:

“Anh không biết thế nào là... Căng thẳng... Không biết nói sao nữa – Ý tôi là, họ cứ đến rồi đi – Đặt nhiều câu hỏi... Những câu hỏi dường như chẳng liên quan gì đến vụ việc...”

Anh ta đã thổ lộ. Tôi chờ đợi. Anh ta muốn nói – tốt – hãy để anh ta nói.

“Hôm trước anh đã ở đây khi ông chánh thanh tra đưa ra gợi ý quái đản? Về chuyện tôi và bà Leonides... Thật là quái đản. Làm cho người ta cảm thấy vô phương tự vệ. Người ta bất lực không cản được *suy nghĩ* của người khác! Và sai sự thật một cách độc địa. Chỉ vì bà ấy nhỏ tuổi hơn ông chồng nhiều quá. Người ta có những ý nghĩ đáng sợ – đầu óc đáng sợ. Tôi cảm thấy – tôi không thể không cảm thấy tất cả là một *âm mưu*.”

“Âm mưu à? Hấp dẫn đấy.”

Hấp dẫn, dù không theo cách anh ta nghĩ.

“Gia đình, anh biết đấy; gia đình ông Leonides không hề có cảm tình với tôi. Họ luôn luôn xa cách. Tôi luôn cảm thấy họ khinh thường tôi.”

Hai tay Laurence bắt đầu run rẩy.

“Chỉ vì họ luôn luôn giàu có và – quyền lực. Họ nhìn tôi vẻ bề trên. Tôi là gì đối với họ? Chỉ là một gia sư. Một kẻ từ chối nhập ngũ đáng ghét. Sự chống đối của tôi đều là do đạo lý. Đúng như thế!”

Tôi không nói lời nào.

“Thôi được,” anh ta bùng nổ. “Dù tôi có là thế thì – họ sợ gì? Sợ tôi làm

rối rắm công việc. Sợ rằng khi tôi phải quyết định bóp cò – thì tôi lại không dám làm. Anh có thể đoán chắc người mà anh sắp giết là một tên phát xít không? Không chừng lại là một người đảng hoàng nào đó – một trai làng – không biết gì về chính trị vừa bị bắt lính để phục vụ quốc gia. Tôi cho rằng chiến tranh là *sai lầm*, anh có hiểu thế không? Tôi tin chiến tranh là *sai lầm*.”

Tôi vẫn tiếp tục giữ im lặng. Tôi tin sự im lặng kết thúc tốt hơn bất kỳ sự đồng tình hay sự tranh cãi nào. Laurence Brown đang biện luận với chính mình và làm vậy sẽ khiến anh ta tiết lộ bản thân nhiều hơn.

“Mọi người luôn cười nhạo tôi.” Giọng anh ta run rẩy. “Tôi như có sở trường làm cho mình trở nên lố bịch. Không phải tôi thiếu can đảm – nhưng lúc nào tôi cũng làm hỏng chuyện. Tôi đến một ngôi nhà đang cháy để cứu một người đàn bà mắc kẹt bên trong. Nhưng ngay tức khắc tôi bị lạc lối và khói làm tôi ngất đi, và lính cứu hỏa vất vả kinh khủng mới tìm ra tôi. Tôi nghe họ nói: “Tại sao cái gã ăn hại đàn độn này không để chúng tôi làm?” Tôi có cố gắng mấy người ta cũng chống lại tôi. Kẻ giết ông Leonides đã sắp xếp sao cho tôi sẽ bị nghi ngờ. Ai đó đã giết ông ấy để hại *tôi*.”

“Thế còn bà Leonides?” tôi hỏi.

Laurence hơi đỏ mặt. Anh ta đỡ nhút nhát đi và trở nên đàn ông hơn.

“Bà Leonides là một thiên thần,” anh ta nói, “một thiên thần. Sự dịu dàng, tử tế của bà ấy với ông chồng lớn tuổi thật là kỳ diệu. Ai nghĩ bà ấy liên quan đến việc hạ độc thật nực cười – nực cười quá! Mà cái ông chánh thanh tra đàn độn đó không thể thấy được đâu!”

Tôi nói, “Ông ấy thành kiến bởi số lượng vụ án ông chồng già bị cô vợ trẻ dịu dàng đầu độc trong hồ sơ của ông ấy.”

“Thật ngu xuẩn không chịu nổi,” Laurence Brown giận dữ nói.

Anh ta đi đến kệ sách ở góc phòng và bắt đầu lục lọi. Tôi nghĩ mình sẽ không khai thác được gì thêm ở anh ta. Thế nên tôi lẳng lặng rời khỏi phòng.

Lúc tôi đang đi dọc hành lang, một cánh cửa bên trái tôi chợt mở và Josephine suýt nữa đâm sầm vào tôi. Con bé có cái kiểu xuất hiện bất thành linh của một con quỷ trong kịch câm cổ điển.

Mặt mũi tay chân của nó lấm lem và một mạng nhện lớn còn dính ở bên

tai.

“Em ở đâu ra vậy, Josephine?”

Tôi liếc nhìn qua cánh cửa hé mở. Một cặp đôi bậc thang dẫn lên không gian kiểu gác mái hình chữ nhật mà trong bóng tối trên đó người ta có thể nhìn thấy nhiều bể chứa lớn.

“Ồ trong phòng bể chứa nước.”

“Tại sao lại ở trong đó?”

Josephine trả lời gọn kiêu thành thạo:

“Khám phá.”

“Khám phá cái quái gì trong các bể chứa nước?”

Trước câu hỏi đó, Josephine chỉ đáp:

“Em phải đi rửa ráy.”

“Anh muốn nói cho ra lẽ.”

Josephine lách mình vào cửa phòng tắm gần bên. Nó ngoái nhìn để nói:

“Em có thể nói đã đến lúc xảy ra một vụ giết người kế tiếp rồi, anh có thấy thế không?”

“Ý em là gì – một vụ giết người kế tiếp sao?”

“Đúng, trong nhiều quyển sách luôn có vụ giết người kế tiếp ngay sau đó. Ai đó biết điều gì sẽ bị giết người diệt khẩu.”

“Josephine, em đọc quá nhiều chuyện trinh thám rồi đó. Cuộc đời thật không giống thế đâu. Nếu có ai trong nhà này biết điều gì thì đừng như còn lâu họ mới muốn nói ra.” Câu trả lời của Josephine văng đến tai tôi lờ mờ do tiếng vòi nước phun ra át đi.

“Đôi khi có những chuyện họ không biết rằng họ biết.”

Tôi chớp chớp mắt, cố hiểu ý câu nói đó. Rồi tôi đi xuống tầng bên dưới để cho con bé tắm rửa.

Đúng lúc tôi sắp đi qua cửa dẫn vào thang lầu, Brenda nhẹ nhàng lướt nhanh qua cửa phòng khách. Bà đến gần tôi, đặt bàn tay bà lên cánh tay tôi, nhìn thẳng vào mặt tôi.

“Cậu khỏe không?”

Cùng cách hỏi tin tức như Laurence, chỉ là câu từ khác đi. Và câu từ của bà có hiệu quả hơn xa.

Tôi lắc đầu nói:

“Không có gì.”

Bà thở dài.

“Tôi sợ lắm,” bà nói. “Cậu Charles à, tôi sợ lắm...”

Sự sợ hãi của bà rất thật. Nó truyền qua người tôi trong khoảng cách gần. Tôi muốn trấn an bà, giúp đỡ bà. Một lần nữa, tôi cảm nhận cảm giác cô đơn khủng khiếp của bà trước sự thù ghét vây quanh.

Nếu bà kêu lên: “*Ai là người đứng về phía tôi?*”

Câu trả lời sẽ là gì? Laurence Brown ư? Và suy cho cùng, Laurence Brown là ai chứ? Không đủ sức bảo vệ giữa lúc ngặt nghèo. Một người phụ nữ yếu đuối. Tôi nhớ đến cảnh hai người vật vờ trong khu vườn đêm hôm trước.

Tôi muốn giúp đỡ bà. Tôi rất muốn giúp. Nhưng tôi không thể nói hay làm được gì. Trong sâu thẳm tâm hồn tôi, có một cảm giác rồi ren tội lỗi như thể Sophia đang nhìn tôi với đôi mắt khinh bỉ. Tôi nhớ giọng nói của Sophia: “Bà ấy đã mê hoặc anh.” Và Sophia không thấy, nàng không muốn hiểu hoàn cảnh của Brenda. Đơn độc, bị nghi giết người, không một ai bên cạnh.

“Ngày mai sẽ cho lời khai chính thức,” Brenda nói.

“Điều – điều gì sẽ xảy ra?”

Với câu hỏi này, tôi có thể làm bà an tâm.

“Không có gì đâu,” tôi nói. “Bà đừng lo. Buổi lấy lời khai chính thức sẽ được dời lại để cảnh sát làm các cuộc thẩm vấn. Tuy nhiên, vậy sẽ khiến cho báo chí tha hồ đưa tin. Đến giờ, chưa báo nào nói đó không phải là một cái chết tự nhiên. Nhà Leonides có ảnh hưởng rất lớn. Nhưng với việc dời lại – trò vui sẽ bắt đầu.”

(Sao lại nói gì lạ vậy! Trò vui! Tại sao tôi lại phải dùng cái từ đó?)

“Thế họ có – có đáng sợ không?”

“Nếu tôi là bà tôi sẽ không để họ phỏng vấn. Bà biết không, Brenda, bà

phải có luật sư...” Brenda co người lại, thở dốc vì hoảng sợ. “Không – không – không phải như ý bà hiểu đâu. Bà cần một ai đó trông nom quyền lợi và cố vấn cho bà trong thủ tục kiện tụng, điều gì nên nói và nên làm, điều gì không nên nói và không nên làm.” Tôi nói thêm, “Bà thấy đấy, bà rất cô độc.”

Bàn tay bà siết chặt cánh tay tôi hơn.

“Vâng,” bà nói. “Cậu đã hiểu điều đó. Charles, cậu đã giúp, cậu đã giúp đỡ...”

Tôi đi xuống cầu thang với cảm giác ấm áp, hài lòng... Sau đó tôi thấy Sophia đứng bên cửa chính. Giọng nàng lạnh lẽo và khô khan.

“Sao anh lâu vậy,” nàng nói. “Họ gọi điện thoại cho anh từ London. Cha của anh muốn gặp anh.”

“Tại trụ sở Scotland Yard?”

“Vâng.”

“Không biết họ muốn gì ở anh. Họ không có nói à?”

Sophia lắc đầu. Ánh mắt nàng lộ vẻ lo lắng. Tôi kéo nàng đến bên tôi.

“Đừng lo em yêu,” tôi nói, “anh sẽ trở lại ngay.”

Có bầu không khí căng thẳng trong phòng của cha tôi.

Ông ngồi sau bàn làm việc. Chánh thanh tra Taverner nghiêng người ra khung cửa sổ. Luật sư Gaitskill ngồi trong ghế dựa dành cho khách, có vẻ phật ý.

“...muốn có sự tin tưởng đặc biệt,” ông chua chát nói.

“Dĩ nhiên, dĩ nhiên.” Cha tôi nhẹ nhàng nói. “Charles đó à, con đến đúng lúc lắm. Một diễn biến đáng ngạc nhiên đã xảy ra.”

“Chưa từng có tiền lệ,” Gaitskill nói.

Rõ ràng đã có chuyện gì làm rối bời tận thâm tâm ông luật sư nhỏ bé. Sau lưng ông, Chánh thanh tra Taverner cười toe toét với tôi.

“Cho phép tôi tóm tắt nhé?” cha tôi nói. “Sáng nay ông Gaitskill vừa nhận được một liên lạc khá kỳ lạ. Từ ông Agrodopolous, chủ nhà hàng Delphos. Ông này rất già, người gốc Hy Lạp. Khi còn trẻ, ông được Aristide Leonides giúp đỡ và kết bạn. Ông luôn vô cùng nhớ ơn người bạn và nhà hảo tâm Aristide và dường như ông được sự tin cậy và tín nhiệm của ông Aristide.”

“Tôi không bao giờ tin ông Leonides lại là có tính nghi ngờ và bí mật đến thế,” Gaitskill nói. “Dĩ nhiên, ông ta thuộc thế hệ già – có thể nói là lắm cẩm.”

Cha tôi nhẹ nhàng: “Gaitskill, ông biết đấy, khi về già, đầu óc anh lại nhớ những ngày trẻ trung và bạn bè thời tuổi trẻ của mình.”

“Nhưng các công việc làm ăn của Leonides ở trong tay tôi đã hơn bốn mươi năm,” Gaitskill nói. “Chính xác là bốn mươi ba năm sáu tháng.”

Taverner lại cười toe toét.

“Thế chuyện gì đã xảy ra?” tôi hỏi.

Gaitskill định nói, nhưng cha tôi chặn lại.

“Ông Agrodopolous nói rằng ông ấy tuân theo các chỉ dẫn của ông bạn Aristide Leonides. Vào khoảng một năm trước Leonides đã tin nhiệm giao cho ông một bì thư có niêm phong. Ông Agrodopolous đã giao ngay cho ông Gaitskill sau khi ông Leonides chết. Trong trường hợp ông Agrodopolous chết trước, con trai của ông ấy, cũng là con trai đỡ đầu của Aristide, sẽ thực thi đúng theo các chỉ dẫn. Ông Agrodopolous xin lỗi đã đưa phong thư đến trễ, ông giải thích ông bị bệnh viêm phổi và chỉ mới biết ông bạn già mất chiều hôm qua.”

“Toàn bộ việc này hết sức không chuyên nghiệp!” Gaitskill nói.

“Khi luật sư Gaitskill mở phong bì niêm phong và đọc hiểu nội dung, ông quyết định đó là nhiệm vụ của ông...”

“Trong hoàn cảnh này,” Gaitskill nói.

“Hãy cho chúng tôi xem nội dung. Nó là một di chúc, được ký và chứng nhận hợp pháp, nằm trong một bì thư niêm kín.”

“Di chúc sau cùng có bị thay đổi không?” tôi hỏi.

Mặt ông Gaitskill hơi tím tái.

“Đây không phải là cùng một di chúc,” ông ta quát tháo. “Không phải là di chúc do ông Leonides bảo tôi làm. Di chúc này do chính tay ông ấy viết ra, một việc rất nguy hiểm cho bất cứ người bình thường nào. Có vẻ ý định của ông Leonides là biến tôi thành một kẻ hoàn toàn ngu ngốc.”

Chánh thanh tra Taverner cố gắng tiêm một mũi thuốc xoa dịu vào con thính nộ đầy cay đắng.

“Ông Gaitskill ơi, ông ta đã quá già,” Taverner nói. “Khi già người ta trở nên kỳ cục, ông biết mà – không phải điên, dĩ nhiên, mà là hơi lập dị.”

Gaitskill khịt mũi.

“Ông Gaitskill gọi điện thoại cho chúng ta,” cha tôi nói, “và cho chúng ta biết nội dung chính của di chúc. Ta bảo ông ấy đến đây và mang theo cả hai tài liệu. Ta cũng điện thoại cho con, Charles.”

Tôi không hiểu tại sao tôi cũng bị gọi. Theo tôi, dường như đó là một thủ tục bất thường với cả cha tôi lẫn Taverner. Thực tế chuyện ông Leonides để lại tài sản như thế nào đâu phải là việc của tôi.

“Có phải là một di chúc khác?” tôi hỏi. “Ý tôi là: ông ấy phân chia tài sản một cách khác?”

“Quả đúng như vậy,” Gaitskill nói.

Cha nhìn tôi. Chánh thanh tra Taverner rất cẩn trọng không nhìn tôi. Tôi mơ hồ cảm thấy khó chịu thế nào ấy...

Có cái gì đó đang diễn ra trong đầu hai người họ – mà tôi không hay biết.

Tôi nhìn Gaitskill dò hỏi.

“Không liên quan đến tôi. Nhưng...” Ông đáp. “Việc phân bổ di chúc của ông Leonides, dĩ nhiên, là một bí mật. Tôi thấy nhiệm vụ của mình là trình bày các sự kiện cho cảnh sát có thẩm quyền và được họ hướng dẫn thủ tục liên quan,” ông ngừng lại, “có thể nói chúng tôi cần hiểu, chuyện giữa anh và cô Sophia Leonides?”

“Tôi mong sẽ cưới cô ấy,” tôi nói. “Nhưng cô ấy không đồng ý hứa hẹn vào lúc này.”

“Rất đúng,” Gaitskill nói.

Tôi không đồng tình với ông ta. Nhưng giờ không phải là lúc để tranh cãi.

“Qua bản di chúc này,” Gaitskill nói tiếp, đề ngày 29 tháng 11 năm rồi, ông Leonides, sau khi để lại cho bà vợ một trăm ngàn bảng, còn toàn bộ tài sản, bất động sản và tài sản cá nhân, giao hết cho cô cháu lớn Sophia Katherine Leonides.”

Tôi há hốc mồm. Tôi có mong đợi chuyện gì đi nữa cũng không phải là chuyện này.

“Ông để lại tất cả cho Sophia,” tôi nói. “Kỳ lạ quá. Lý do gì?”

“Ông ấy trình bày rất rõ ràng các lý do trong bức thư này,” cha tôi nói. Ông nhặt tờ giấy để trên bàn trước mặt ông lên. “Ông Gaitskill, ông không phản đối cho Charles đọc bức thư này chứ?”

“Tôi nằm trong tay các ông,” Gaitskill lạnh lùng nói. “Bức thư ít ra cũng cung cấp lý giải – và có thể là (dù tôi nghi ngờ điều đó) một lời xin lỗi theo cách ứng xử kỳ lạ của ông Leonides.”

Ông Già đưa bức thư cho tôi. Thư viết tay bằng mực rất đen, chữ viết thể hiện tính cách và cá nhân của người viết. Đó hoàn toàn không phải là một

bức thư viết kỹ lưỡng, mà chữ viết mang tính cách của thời đã qua thì đúng hơn, nắn nót và có giá trị thông tin.

Gaitskill thân mến,

Ông sẽ ngạc nhiên khi nhận bức thư này, và có thể bực mình. Nhưng tôi có những lý do để xử sự mà theo ông có thể là một cung cách giấu giếm không cần thiết. Từ lâu tôi là kẻ tin vào cá nhân. Trong một gia đình (tôi đã nhận thấy hồi còn nhỏ và không bao giờ quên) luôn cần một người có tính cách mạnh mẽ và thường rơi vào một người biết chăm lo và chịu gánh vác hơn tất cả những người khác trong gia đình. Trong gia đình tôi, tôi là người đó. Tôi đến London, lập nghiệp ở đây, chu cấp cho mẹ tôi và các ông bà già ở Smyrna, cứu một trong những người anh em thoát khỏi bàn tay của pháp luật, giải phóng em gái thoát khỏi một đám cưới không hạnh phúc và v.v... Chúa đã rất nhân từ cho tôi một cuộc sống dài lâu, và tôi có thể trông nom và chăm sóc các con tôi và các con của chúng. Nhiều đứa đã rời bỏ tôi (chúng đã chết). Số còn lại, tôi rất sung sướng mà nói, đang sống dưới mái nhà tôi. Khi tôi chết, gánh nặng mà tôi đang mang sẽ truyền lại cho một đứa nào đó. Tôi đã phân vân trong việc phân chia tài sản cho những người thân của tôi sao cho công bằng – nhưng làm như thế hậu quả là sẽ không công bằng. Người ta sinh ra vốn không như nhau – để bù trừ cho sự bất bình đẳng tự nhiên của Thiên nhiên, người ta phải tái lập cân bằng. Nói cách khác, ai đó là người kế thừa của tôi, nam hay nữ, phải nhận lãnh trách nhiệm lo cho những người còn lại của gia đình. Sau khi nhận xét kỹ lưỡng, tôi không thấy đứa con trai nào phù hợp với trách nhiệm đó. Đứa con trai thân thương, Roger, không có khiếu kinh doanh, và tư chất quá bốc đồng nên không khả năng suy xét tốt. Thằng con Philip lại quá thiếu tự tin nên không làm được gì ngoài rút lui khỏi cuộc sống. Thằng cháu trai lớn, Eustace, còn rất nhỏ và tôi cho rằng nó không có phẩm chất cảm nhận và phán đoán cần thiết. Nó rất lười biếng và rất dễ chịu ảnh hưởng ý kiến của bất kỳ ai mà nó gặp. Chỉ có cháu gái lớn của tôi, Sophia, theo ý tôi, dường như có đủ những phẩm chất tin cậy mà tôi cần. Nó có đầu óc, khả năng phán đoán, can đảm, suy nghĩ công bằng và không thành kiến, tôi cho rằng nó có tâm hồn quảng đại. Tôi phó thác phúc lợi của cả gia đình – và phúc lợi của em vợ tôi, Edith de Haviland, sự tận tụy của dì ấy khiến tôi vô cùng biết ơn – cho nó.

Điều này giải thích cho văn bản đính kèm đây. Điều sẽ khó giải thích hơn – đúng hơn là giải thích với ông, ông bạn già của tôi – là sự đánh lừa mà tôi đã làm. Tôi cho rằng khôn ngoan là đừng gây suy đoán về việc phân chia tài sản, và tôi không có ý định để cho gia đình tôi biết Sophia là người thừa kế của tôi. Vì hai con trai của tôi đã có số tài sản đáng kể dành cho chúng rồi, tôi không cảm thấy sự phân chia thừa kế của tôi sẽ đặt chúng vào vị thế xấu hổ.

Để tránh sự tò mò và suy đoán, tôi nhờ anh lập cho tôi một bản di chúc. Bản di chúc này tôi đã đọc to cho cả gia đình cùng nghe. Tôi đặt bản di chúc lên bàn, để lên đó một tờ giấy thấm và bảo hai người làm đến. Khi họ đến, tôi kéo tờ giấy thấm lên một chút, để lộ phần dưới của bản di chúc, tôi ký tên và bảo hai người làm cùng ký. Tôi cần phải nói tôi và hai người làm đã ký vào bản di chúc đính kèm ở đây chứ không phải bản di chúc do ông soạn mà tôi đã đọc to.

Tôi không thể hy vọng được ông thông cảm cho lý do khiến tôi giờ trở thành tráo này. Tôi chỉ biết xin ông tha lỗi cho tôi vì đã giấu ông việc này. Một lão già khủ để thích giữ gìn các bí mật nhỏ nhoi của riêng mình. Cảm ơn, ông bạn già của tôi, vì sự tận tụy mà ông đã luôn dành cho các công việc của tôi. Nói với Sophia rằng thôi rất thương nó. Bảo nó chăm lo gia đình thật tốt và che chở cho họ không bị tổn hại.

Chân thành cảm ơn.

Aristide Leonides.

Tôi đọc tài liệu rất đáng chú ý này với sự quan tâm mãnh liệt.

“Thật kỳ lạ,” tôi nói.

“Qua đổi kỳ lạ,” Gaitskill lên tiếng. “Tôi xin lặp lại, tôi tưởng ông bạn già Leonides đã rất tin nhiệm tôi.”

“Không đâu, Gaitskill ạ,” cha tôi nói. “Ông ta là một kẻ lừa đảo bẩm sinh. Ông ta thích làm việc theo cách quái dị, tôi có thể nói vậy.”

“Đúng đó sếp,” Chánh thanh tra Taverner nói. “Ông ta là tay lừa đảo có một không hai.” Taverner nói đầy cảm xúc.

Gaitskill vẫn không nguôi giận. Ông ấy bị tổn thương nghề nghiệp sâu

sắc.

“Chuyện này là một đòn nặng,” Taverner nói tiếp. “Một hãng cực kỳ uy tín, Gaitskill, Calhum & Gaitskill. Đã không trung thực với hãng. Khi ông lão Leonides làm công việc đáng ngờ này, ông không hề giao cho hãng Gaitskill, Calhum & Gaitskill. Ông ta có cả nửa tá hãng cố vấn pháp luật khác nhau làm việc cho ông ta. Ôi, ông ta đúng là một kẻ lừa đảo.”

“Và không nên làm như thế khi lập di chúc,” cha tôi nói.

“Chúng ta đều ngốc nghếch,” Taverner nói. “Giờ mới nghĩ ra, người duy nhất *có thể* giờ trò với bản di chúc chính là lão già đó. Quả là chúng ta không nghĩ lão ta muốn làm thế!”

Tôi chợt nhớ đến nụ cười kẻ cả của Josephine khi nó nói: “Cảnh sát có *ngụ* không chứ?”

Nhưng Josephine không có mặt trong buổi đọc di chúc.

Và dù đứng nghe lén ngoài cửa (tôi bắt đầu hoàn toàn tin chuyện đó!) nó khó có thể đoán được ông nó đang làm gì. Vậy thì sao lại có vẻ kẻ cả? Con nhỏ đã biết điều gì nên mới bảo cảnh sát là ngu ngốc? Hay chẳng lẽ chỉ để lên mặt ta đây?

Chợt nhận ra sự im lặng trong căn phòng tôi ngẩng phắt lên – cả Taverner và cha tôi đều đang nhìn tôi. Không hiểu có gì trong cung cách của hai người họ khiến tôi vụt nói một cách thách thức:

“Sophia không biết gì về chuyện này! Hoàn toàn không biết gì.”

“Không à?” cha tôi hỏi.

Tôi thật không hiểu đó là câu hỏi hay một sự nhất trí.

“Cô ấy sẽ vô cùng ngạc nhiên!”

“Thế à?”

“Ngạc nhiên à!”

Một chút im lặng. Bỗng chuông điện thoại trên bàn của cha tôi reo lên chói tai.

Cha tôi nhắc máy lên – lắng nghe rồi nói: “Đúng, nói máy cho cô ta.”

Ông nhìn tôi.

“Cô bạn gái của con. Cô ấy muốn nói chuyện với chúng ta. Khẩn cấp.”

Tôi đón lấy ống nghe.

“Sophia?”

“Charles, anh đó phải không? Chuyện – Josephine!” Giọng nàng hơi suy sụp.

“Josephine làm sao?”

“Em nó bị đập vào đầu. Chấn thương não. Tình trạng trầm trọng... Người ta nói con bé có thể không hồi phục...”

Tôi quay sang Taverner và cha tôi.

“Josephine bị đập đầu,” tôi nói.

Cha tôi lấy ống nghe từ tay tôi. Ông nói rành rọt lời ông đã nói:

“Cha đã bảo con để mắt đến con bé đó rồi...”

Không chậm một phút giây nào, Taverner và tôi lên xe của cảnh sát chạy nhanh về hướng Swinly Dean.

Tôi nhớ Josephine xuất hiện giữa các bể chứa nước, và cái nhận xét mơ hồ của nó ‘tới lúc có vụ giết người thứ hai’. Con bé tội nghiệp đã không biết chính nó lại có thể là nạn nhân của ‘vụ giết người thứ hai’.

Tôi nhận chịu hoàn toàn sự trách cứ mà cha tôi đã ngầm quy cho tôi. Dĩ nhiên, tôi phải để mắt đến Josephine. Tuy tôi và Taverner đều không có bất cứ manh mối thực sự nào về kẻ hạ độc ông lão Leonides, rất có thể Josephine có. Cái mà tôi cho là trẻ con vô lý và ‘ta đây’ rất có thể là một cái gì khác hoàn toàn. Josephine, với cái thú chơi trò rình mò, không chừng có biết một số thông tin mà bản thân con bé không thể đánh giá đúng giá trị.

Tôi lại nhớ đến cành cây nhỏ kêu rắc trong vườn.

Tôi đã nghi ngờ nguy hiểm sắp xảy ra. Tôi đã có phản ứng ngay lúc ấy, nhưng sau đó có vẻ sự nghi ngờ của tôi là cường điệu và không thật. Ngược lại, đáng lẽ tôi phải nhận ra đó là kẻ giết người, rằng kẻ phạm tội giết người thấy nguy hiểm cho mình, và rằng hậu quả là cũng kẻ đó sẽ không ngần ngại lặp lại tội ác nếu làm vậy có thể đảm bảo an toàn cho hắn.

Có lẽ, bằng linh cảm của người mẹ, Magda đã biết Josephine đang gặp nguy nên bà có đột nhiên ngót lên muốn đưa con gái đi Thụy Sĩ.

Sophia đến gặp chúng tôi ngay khi chúng tôi tới nơi. Nàng nói, Josephine đã được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Market Basing. Bác sĩ Gray bảo sẽ báo cho họ biết ngay khi có kết quả chụp X quang.

“Đã xảy ra chuyện gì?” Taverner hỏi.

Sophia dẫn chúng tôi vòng qua phía sau nhà và qua một cánh cửa vào khu vườn nhỏ bỏ hoang. Một cánh cửa mở hé ở góc vườn.

“Đây là nhà giặt cũ,” Sophia giải thích. Cánh cửa có khoét lỗ cho mèo

chui ra chui vào và Josephine thường đứng vô đó để đu đưa cánh cửa.”

Tôi nhớ lại khi còn nhỏ tôi cũng chơi trò đu đưa cánh cửa.

Nhà giặt nhỏ và khá tối. Trong có nhiều thùng gỗ, vài ống dẫn nước cũ, một ít dụng cụ làm vườn bỏ phế, một số bàn ghế gãy. Ngay bên trong là bộ chốt cửa hình sư tử bằng cẩm thạch.

“Đó là bộ chốt cửa cổng chính,” Sophia giải thích. “Nó phải nằm cân bằng bên trên cửa.”

Taverner đưa tay lên thành trên của cánh cửa. Đây là một cánh cửa thấp, thành trên chỉ cao hơn đầu của Taverner khoảng ba phân.

“Một cái bẫy treo,” anh nói.

Anh đẩy cánh cửa tới lui. Sau đó anh cúi xuống khỏi cẩm thạch nhưng không sờ vào.

“Có ai đụng đến cái này chưa?”

“Chưa,” Sophia nói. “Tôi không cho ai sờ vào.”

“Rất đúng. Ai tìm thấy con bé?”

“Chính tôi. Lúc một giờ không thấy con bé ăn trưa. Nannie gọi nó. Nó băng qua bếp và đi vào chuồng ngựa lúc khoảng một giờ thiếu mười lăm. Nannie nói: ‘Con nhỏ sẽ chơi bật bóng và lại đu cửa cho coi.’ Tôi nói tôi sẽ đi tìm em nó về.”

Sophia dừng lời.

“Cô nói con bé có thói quen chơi như vậy à? Những ai biết điều đó?”

Sophia nhún vai.

“Tôi nghĩ tất cả mọi người trong nhà đều biết.”

“Còn ai khác sử dụng nhà giặt bỏ hoang này? Những người làm vườn?”

Sophia lắc đầu.

“Chẳng ai lại đi vào đó.”

“Và khu vườn nhỏ này nằm ngoài tầm nhìn của ngôi nhà?” Taverner tóm tắt. “Bất kỳ ai cũng có thể lên ra khỏi nhà hoặc đi vòng ra cửa trước, sau đó đặt cái bẫy. Nhưng nếu chẳng may....”

Anh dừng lời, nhìn cánh cửa, sau đó đẩy nhẹ cửa tới lui.

“Không có gì chắc chắn. Rơi đúng hoặc sai. Và có khả năng rơi sai nhiều hơn đúng. Nhưng cô bé không may. Nó rơi trúng cô bé.”

Sophia rùng mình.

Anh sẫm soi cánh cửa. Có nhiều vết sứt trên đó.

“Trông như thể có ai đã thử trước... để xem vật đó rơi như thế nào... Tiếng động sẽ không vang tới bên nhà.”

“Vâng, chúng tôi không nghe gì cả. Chúng tôi nghĩ không có gì bất thường cho đến khi tôi ra ngoài và phát hiện em tôi nằm úp mặt – tay chân sưng soài.” Giọng Sophia hơi nức nở. “Đầu em ấy đầy máu.”

“Kia có phải là khăn choàng cổ của con bé không?” Taverner chỉ một cái khăn choàng cổ bằng lông cừu nằm trên sàn nhà.

“Vâng.”

Anh dùng chiếc khăn choàng cổ bọc lấy khối cẩm thạch một cách cẩn thận.

“Có thể có dấu tay,” anh nói, nhưng giọng không mấy hy vọng. “Nhưng tôi cho rằng kẻ làm điều này – rất cẩn thận.” Taverner hỏi tôi: “Anh thấy thế nào?”

Tôi đang nhìn cái ghế dựa bằng gỗ lưng bị gãy ở trong bếp, thuộc đồ phế liệu. Trên mặt ghế có vài mẩu đất.

Taverner nói: “Thật kỳ lạ. Ai đó chân dính bùn đã đứng lên ghế. Tại sao thế?” Anh lắc đầu. “Cô Leonides, cô tìm thấy em cô lúc mấy giờ?”

“Khoảng một giờ năm phút.”

“Và bà Nannie thấy con bé ra ngoài hai mươi phút trước đó. Ai là người sau cùng biết có người ở trong ngôi nhà hoang?”

“Tôi không biết. Có lẽ chính Josephine biết. Sáng nay sau bữa điếm tâm Josephine đã chơi đu cửa.”

Taverner gật đầu.

“Vậy giữa hai khoảng thời gian đó, chỉ cần mười lăm phút *có người đã đặt cái bẫy*. Cô nói khối cẩm thạch này thuộc bộ chốt cửa dùng cho cửa chính? Cô có ý kiến gì khi nó biến khỏi cửa chính?”

Sophia lắc đầu.

“Lúc này cửa đóng suốt ngày. Trời quá lạnh.”

“Cô có biết mọi người ở đâu cả buổi sáng nay không?”

“Tôi ra ngoài đi dạo. Eustace và Josephine học đến mười hai giờ rưỡi – có nghỉ giải lao lúc mười giờ ba mươi. Cha tôi, tôi nghỉ, ở trong thư viện suốt cả buổi sáng.”

“Còn mẹ cô?”

“Mẹ vừa ra khỏi phòng tắm lúc tôi đi tản bộ về – lúc đó là mười hai giờ mười lăm. Mẹ không quen dậy quá sớm.”

Chúng tôi trở vào nhà. Tôi theo Sophia vào thư viện. Philip trông trắng bệch và hốc hác, ngồi trên chiếc ghế thường dùng. Magda tựa vào gối ông, khóc lặng lẽ. Sophia hỏi: “Có điện thoại từ bệnh viện chưa?”

Ông Philip lắc đầu.

Magda nức nở.

“Tại sao không cho tôi đi với con tôi? Con bé – con bé lắm trò, kỳ dị của tôi. Tôi hay bảo là nó bị tráo đổi và làm cho nó nổi giận. Tôi có quá bạo ngược với nó không? Giờ thì nó sắp chết rồi. Tôi biết nó sẽ chết.”

“Im đi nào, em ơi,” Philip nói. “Im đi.”

Tôi cảm thấy mình không có chỗ trong hoàn cảnh lo lắng và đau buồn của gia đình này. Tôi lẳng lặng rút lui và đi tìm bà Nannie. Bà đang ngồi trong bếp lặng lẽ khóc.

“Cậu Charles, đây là một sự trừng phạt dành cho tôi vì luôn nghĩ những điều không hay. Một sự trừng phạt, đúng thế đấy.”

Tôi không cố thăm dò ý bà.

“Có điều quái dị trong ngôi nhà này. Đúng vậy đó. Tôi không mong trông thấy hay tin. Nhưng thấy rồi sẽ tin. Ai đó đã giết ông chủ và cũng người đó muốn giết Josephine.”

“Tại sao họ muốn giết Josephine?”

Nannie nhắc góc khăn tay ra khỏi mắt và liếc tôi sắc lẹm.

“Cậu đã biết khá đủ nó là người như thế nào. Nó thích biết mọi chuyện.

Nó luôn luôn như thế, ngay cả những chuyện nhỏ nhất. Thường chui xuống gầm bàn ăn tối để nghe đám hầu gái nói chuyện rồi lấy những chuyện đó khống chế họ. Con bé cho mình là người quan trọng. Cậu biết không, nó bị các bà chủ, nói sao đây, bỏ lơ. Nó không phải là đứa bé gái xinh xắn, giống như hai đứa kia. Nó luôn bị coi là một đứa nhỏ xấu xí. Các bà chủ thường gọi nó là con bé bị tráo đổi. Tôi hay thầm trách các bà chủ về chuyện đó. Theo như tôi hiểu, điều đó làm con bé trở nên bần tính. Nhưng số phận trớ trêu thay, con bé trả đũa bằng cách phát hiện ra nhiều điều về họ và cho họ biết nó biết những chuyện đó. Nhưng làm vậy là không an toàn cho nó khi có kẻ hạ độc ở nơi đây.”

Đúng, không an toàn. Và điều đó làm nảy ra trong đầu tôi một ý khác. Tôi hỏi Nannie: “Dì có biết nó cất quyển sổ tay nhỏ màu đen ở đâu không – quyển sổ tay mà nó thường viết mọi thứ?”

“Tôi biết cậu muốn nói đến cái gì, cậu Charles. Con bé rất xảo quyệt. Tôi đã thấy nó ngậm bút chì và viết vào quyển sổ rồi lại ngậm bút chì. Tôi bảo nó: ‘Đừng ngậm bút chì, cháu sẽ ngộ độc chì’ và nó trả lời: ‘Ồ, không sao đâu, vì bút chì không thực sự có chì. Nó làm bằng than.’ Tôi không hiểu tại sao người ta gọi là bút chì mà lại không làm bằng chì.”

“Dì nghĩ thế cũng phải,” tôi đồng tình. “Nhưng con bé nói đúng.” (Josephine luôn luôn đúng!) “Còn quyển sổ tay, dì có biết nó giấu chỗ nào không?”

“Tôi không biết. Đó là một trong những trò ranh ma của con bé.”

“Khi người ta tìm thấy con bé, không có quyển sổ tay trong người nó à?”

“Ồ không, cậu Charles, không có quyển sổ tay nào hết.”

Có người đã lấy quyển sổ tay? Hay là nó giấu trong phòng riêng? Tôi nảy ý đến đó tìm xem. Tôi không biết phòng nào là phòng của Josephine. Trong khi tôi đang đứng phân vân ở hành lang thì có tiếng Taverner gọi tôi:

“Vào đây đi,” anh nói. “Đây là phòng của con nhóc. Anh có thấy cảnh tượng như thế này chưa?”

Tôi bước qua thêm cửa và đứng sững sờ.

Căn phòng nhỏ trông như bị một cơn bão lớn ập vào.

Các tủ nhiều ngăn bị kéo hết ra và đồ đạc trong đó vãi khắp sàn nhà. Nệm và khăn trải giường bị lôi lên. Thảm trải nhà lật tung chát thành đống. Các ghế ngồi bị lật úp, tranh bị giật ra khỏi tường, ảnh chụp bị lôi ra khỏi khung.

“Chúa ơi,” tôi kêu lên. “Chuyện quái quỷ gì thế này?”

“Anh nghĩ sao?”

“Có ai đang tìm kiếm cái gì đó.”

“Đúng vậy.”

Tôi nhìn quanh và huýt sáo.

“Nhưng ai trên đời này – chắc chắn không ai có thể đến đây và lục tung như vậy mà không bị nghe thấy – hay bị trông thấy?”

“Tại sao không? Bà Leonides cả buổi sáng ở trong phòng ngủ, chăm sóc móng tay móng chân, gọi điện thoại cho bạn bè và thử quần thử áo. Philip ngồi trong thư viện đọc sách. Bà vú ở trong bếp gọt khoai tây và lột đậu. Trong một gia đình người này biết thói quen của người kia là khá dễ. Và tôi cho anh biết nhé. Bất kỳ ai trong nhà này cũng có thể làm – có thể đặt bẫy và lục lọi căn phòng. Nhưng phải làm vội vã, không có thời gian để tìm kiếm một cách êm thấm đâu.”

“Ý anh là một người trong nhà này?”

“Đúng tôi đã kiểm tra. Ai cũng có khoảng thời gian không giải thích được. Philip, Magda, bà vú, bạn gái của anh. Ở cùng tầng trên. Brenda gần như cả buổi sáng ở một mình. Eustace và Laurence có nửa tiếng nghỉ giải lao – từ mười giờ ba mươi đến mười một giờ – anh ở với họ một lúc chứ không phải toàn bộ thời gian. Bà di de Haviland ở một mình trong vườn. Roger ở trong phòng nghiên cứu của ông ta.”

“Chỉ có bà Clemency ở London làm việc.”

“Không, cả bà ấy cũng không đi ra ngoài. Hôm nay bà ở nhà – bà ở một mình trong phòng do bị nhức đầu. Bất kỳ ai trong bọn họ – một kẻ chết tiệt trong bọn họ! Tôi không biết kẻ nào! Phải chi tôi biết họ tìm gì ở đây...”

Taverner đưa mắt nhìn quanh căn phòng tang hoang...

“Tôi không biết họ có tìm ra cái gì không.”

Bỗng đầu óc tôi chợt lóe ra – một hồi tưởng...

Taverner bám sát vấn đề bằng cách hỏi tôi: “Con bé đang làm gì khi nó gặp anh lần chót?”

“Chờ đã,” tôi nói.

Tôi chạy vội ra khỏi phòng và lên cầu thang. Tôi rẽ vào cánh cửa bên trái và lên tầng gác mái. Tôi đẩy cửa phòng chứa các bể chứa nước, bước lên hai bậc thang, cúi đầu xuống vì trần nhà thấp và ướt át. Tôi nhìn chung quanh.

Khi tôi hỏi nó đang làm gì ở đây, thì Josephine đã nói nó đang làm ‘công việc trinh thám’.

Tôi không biết có gì để khám phá trong một gác mái đầy mạng nhện và các bể chứa nước. Nhưng đây đúng là chỗ giấu đồ. Tôi cho rằng Josephine có thể đã giấu cái gì đó ở đây, mà nó biết thừa là nó không có việc gì để giữ. Nếu vậy, sẽ không mất nhiều thời gian tìm ra.

Tôi chỉ mất đúng ba phút. Lách vào sau cái bể to nhất, từ trong cái bể đó có một cái ống kêu xì xì kỳ quái, tôi tìm thấy túi chứa các thư từ được bọc trong tờ giấy rách màu nâu.

Tôi đọc bức thư đầu.

Ôi Laurence – người yêu, người yêu đầu của em... Đêm qua thật là tuyệt vời khi anh trích dẫn bài thơ đó. Em biết là dành cho em, mặc dù anh không nhìn em. Aristide đã khen: “Cậu đọc rất hay.” Ông không đoán biết cảm nhận của đôi ta. Anh thân yêu, em cảm thấy mọi việc sẽ đâu vào đó. Chúng ta sung sướng vì ông ấy không hề biết, và sẽ chết trong hạnh phúc. Ông ấy rất tốt đối với em. Em không muốn ông chết trong đau khổ. Nhưng thực sự em không nghĩ có bất cứ niềm vui sống nào sau tuổi tám mươi. Em không muốn thế! Em muốn chúng ta sớm cùng nhau mãi mãi. Thật kỳ diệu làm sao khi em có thể gọi anh: “Người chồng yêu quý của em...” Anh yêu quý nhất của em, chúng ta sinh ra để dành cho nhau. Em yêu anh, em yêu anh, em yêu anh – em có thể nói tình yêu của chúng ta là vô tận, em...

Thư còn dài nữa, nhưng tôi không muốn đọc tiếp. Tôi chạy ngay xuống tầng dưới và giao xấp thư cho Taverner.

“Có thể,” tôi nói, “đây là thứ người bạn mà chúng ta chưa biết là ai đang tìm kiếm.”

Taverner đọc một vài đoạn, huýt sáo và lướt qua một số bức thư. Rồi anh nhìn tôi với vẻ của một con mèo đã được cho ăn kem ngon.

“Tốt,” anh nói khẽ. “Cái này thừa sức hạ bà Brenda Leonides. *Và* ông Laurence Brown. Vậy chính *là* họ, từ đầu đến cuối...”

Khi nhìn lại, thật là kỳ lạ, bỗng nhiên sự thương hại và thông cảm tôi dành cho bà Brenda Leonides hoàn toàn biến mất sau khi phát hiện các bức thư bà viết gửi cho Laurence Brown. Có phải tính tự cao của tôi không thể chịu nổi khi phát hiện bà Brenda yêu Laurence thắm thiết và say đắm, và đã cố tình nói dối tôi? Tôi không biết. Tôi không phải là nhà tâm lý học. Tôi thích tin đó là suy nghĩ của con bé Josephine. Nó đưa ra để bảo vệ lập luận của nó, nó làm điều đó để tôi hết thông cảm cho Brenda.

“Nếu anh hỏi tôi thì Brown đã gắn cái bẫy treo đó,” Taverner nói, “và giải thích cho điều đã khiến tôi điên đầu.”

“Điều gì khiến anh điên đầu?”

“A, đây là một việc làm ngu xuẩn hết sức. Nghe này, nếu cho rằng con bé có những bức thư đó – những bức thư tuyệt đối nguy hại! Điều đầu tiên anh phải làm là cố tìm cách lấy lại (suy cho cùng, nếu con nhỏ nói về những bức thư mà lại không có gì để trưng ra, thì mọi việc được xem là bịa đặt), nhưng anh không lấy lại được vì tìm không ra. Sau đó việc duy nhất là loại trừ con bé vĩnh viễn. Anh đã làm một vụ giết người và anh không cần làm thêm một vụ giết người nữa. Con bé rất thích đu đưa cánh cửa trong khu vườn bỏ hoang. Lý tưởng là đứng sau cánh cửa và hạ thủ bằng một thanh que cời hay một thanh sắt hay một đoạn ống dẫn nước. Tất cả những cái đó đều có sẵn ở đây. Tại sao lại dùng chi đến khối cẩm thạch hình sư tử đặt trên thành cửa, có khả năng không rơi trúng đầu con nhỏ và ngay cả nếu như rơi trúng, có thể không đúng theo ý muốn thì sao (mà thực tế là như vậy). Tôi hỏi anh – *tại sao?*”

“Vậy câu trả lời là gì?” tôi hỏi.

“Ý nghĩ duy nhất mà tôi có để bắt đầu đó là làm vậy nhằm gắn với chứng cứ ngoại phạm của ai đó. Ai đó sẽ có chứng cứ ngoại phạm rõ ràng khi Josephine bị nạn. Nhưng không hiệu quả vì, thứ nhất, dường như không một

ai có bất cứ chứng cứ ngoại phạm nào, và thứ hai, mọi người sẽ đi tìm con bé vào giờ ăn trưa, và họ sẽ phát hiện ra cái bẫy ngu ngốc và khối cẩm thạch, toàn bộ *thủ đoạn phạm tội* hiển hiện ngay trước mắt. Dĩ nhiên, *nếu* kẻ giết người đem khối cẩm thạch đi trước khi con bé được tìm thấy, thì chúng ta đã điên đầu rồi. Nhưng nếu như thế thì toàn bộ sự việc thật vô lý.”

Anh dang rộng hai tay.

“Và lời giải thích hiện nay của anh là gì?”

“Yếu tố cá nhân. Tính khí cá nhân. Tính khí của Laurence Brown. *Y không thích bạo lực – y không thể tự mình làm chuyện bạo lực.* Y thật sự không thể đứng sau cửa và đập đầu con bé. Y có thể lắp đặt cái bẫy ngu ngốc ghêch, rồi đi chỗ khác để không nhìn thấy điều gì xảy ra.”

“Vâng, tôi hiểu,” tôi chậm rãi nói. “Cả việc eserine trong lọ insulin cũng thế?”

“Chính xác.”

“Có phải anh nghĩ y làm thế mà Brenda không biết?”

“Điều đó giải thích tại sao Brenda không ném chai insulin đi. Dĩ nhiên, họ có thể thông đồng với nhau – hay bà ta tự mình nghĩ ra việc sử dụng chất độc – một cái chết êm đẹp, dễ dàng cho ông chồng già mỗi mết và là điều tốt nhất trong những khả năng tốt nhất trên đời! Nhưng tôi dám chắc bà ta không đặt cái bẫy ngu ngốc ghêch đó. Đàn bà không bao giờ tin mấy thứ cơ học sẽ hoạt động đúng. Và họ có lý. Tôi cho rằng eserine là ý tưởng của bà ấy, nhưng bà để cho gã si tình tráo đổi. Bà là loại người luôn tìm cách tránh làm bất cứ gì khả nghi. Sau đó họ làm như không có chuyện gì.”

Anh dừng lại, rồi nói tiếp:

“Với những bức thư này Viện trưởng Viện công tố sẽ bảo chúng ta có trong tay một vụ án. Họ sẽ luận ra. Nếu con bé qua khỏi, mọi việc trong vườn sẽ rất hấp dẫn.” Anh liếc tôi qua khóe mắt. “Người ta cảm thấy thế nào khi liên quan đến cả triệu bảng Anh nhỉ?”

Tôi cau mặt. Với các diễn biến trong mấy giờ qua, tôi quên phứt việc tiết lộ bản chúc thư.

“Sophia chưa biết gì,” tôi nói. “Anh có muốn tôi nói cho cô ấy nghe?”

“Tôi nghĩ ông Gaitskill sẽ báo tin buồn (hay vui) sau buổi thăm vấn ngày mai.” Taverner dừng lời và trầm ngâm nhìn tôi. “Tôi tự hỏi,” anh nói, “gia đình đó sẽ có những phản ứng như thế nào?”

Buổi thăm vấn chính thức dời lại lâu hơn tôi dự đoán. Do yêu cầu của cảnh sát.

Tối hôm trước các tin tức từ bệnh viện khiến cho tâm trạng chúng tôi phấn khởi, thương tích của Josephine đã đỡ nghiêm trọng hơn lo sợ lúc ban đầu và sự hồi phục của con bé sẽ nhanh chóng. Có lúc, bác sĩ Gray nói, không ai được vào thăm – ngay cả mẹ nó.

“Đặc biệt là mẹ em,” Sophie thì thầm với tôi. “Em sẽ hỏi bác sĩ Gray cho rõ. Dù sao, ông ấy biết mẹ em mà.”

Hắn trông tôi khá ngờ vực nên Sophia hỏi thẳng:

“Sao anh có vẻ không đồng tình vậy?”

“À – chắc vì là bà mẹ...”

“Em rất vui vì anh có một vài ý kiến dễ thương kiểu xưa. Nhưng anh hoàn toàn không biết mẹ em có khả năng gì. Người mẹ thương con không giúp được gì cả, mà đơn giản đây hẳn sẽ là một cảnh xúc động lớn. Mà cảnh xúc động không phải là điều tốt nhất cho người đang phục hồi vết thương trên đầu.”

“Em đã lo liệu mọi thứ, em yêu.”

“Đúng, mọi người giờ đây buộc phải nghĩ rằng nội đã ra đi.”

Tôi nhìn nàng một cách suy xét. Tôi nhận thấy ông Leonides không mất đi sự nhạy bén. Chiếc áo choàng trách nhiệm của ông đã khoác lên đôi vai của Sophia rồi.

Sau buổi thăm vấn, luật sư Gaitskill đi theo chúng tôi về Ba Đầu Hôi. Ông háng giọng rồi trịnh trọng nói:

“Tôi có nhiệm vụ thông báo cho tất cả mọi người trong gia đình.”

Đề nghe thông báo, tất cả gia đình tụ họp tại phòng của bà Magda. Đây là dịp cho tôi cảm giác thích thú của người đứng ở hậu trường. Tôi đã biết

trước ông Gaitskill phải nói gì.

Tôi chuẩn bị quan sát phản ứng của từng người.

Gaitskill nói ngắn gọn và khô khan. Không bộc lộ bất kỳ dấu hiệu cảm xúc và bực tức cá nhân nào. Ông đọc bức thư của ông Aristide Leonides trước rồi đọc bản di chúc.

Quan sát thật là thú vị. Tôi chỉ ước gì mắt tôi có thể nhìn khắp nơi cùng một lúc.

Tôi không để ý nhiều đến Brenda và Laurence.

Tiền thừa kế cho Brenda trong di chúc vẫn như cũ. Tôi ưu tiên nhìn Roger và Philip, sau đó là Magda và Clemency.

Cảm nhận đầu tiên của tôi là họ xử sự rất tốt.

Đôi môi của Philip mím chặt, đầu ngả trên lưng dựa cao của chiếc ghế ông đang ngồi. Ông không nói lời nào.

Ngược lại, bà Magda, ngay sau khi ông Gaitskill đọc dứt, đã bùng ra một tràng, cái giọng cao the thé của bà bật đi giọng nói nhỏ nhẹ của Gaitskill như một đợt thủy triều lên ập vào con suối nhỏ.

“Sophia con cưng – thật là kỳ diệu – *lãng mạn* làm sao. Nga hoàng Pie quả là xảo trá và quý quyết – đáng mặt lão gia. Tại sao ông không tin chúng ta? Có phải ông ấy nghĩ chúng ta sẽ chống đối? Ông không bao giờ tỏ vẻ thương yêu Sophia hơn chúng ta. Quả là một màn kịch.”

Bà bất thần hơi nhảy lên, bước đi như khiêu vũ đến chỗ Sophia và khuyu gối cúi chào.

“Thưa bà Sophia, mẹ già ốm yếu và không tiền đến xin bà bố thí.” Giọng bà khàn khàn như vừa uống rượu Cookney. “Quý bà thân thương, hãy cho chúng tôi ít tiền. Mẹ của bà muốn đi xem phim.” Khum khum các ngón lại, bàn tay bà chìa vào Sophia.

Philip, không nhúc nhích, nói rít qua đôi môi:

“Thôi nào Magda, không ai cản trở hề nữa.”

“Ôi, nhưng anh Roger à,” bà Magda ré lên, đột ngột quay sang Roger. “Anh Roger tội nghiệp ời. Lão gia sắp sửa đến cứu anh và rồi, trước khi làm được điều đó, ông đã chết. Giờ anh Roger *không được* gì. Sophia,” bà quay

sang vẻ hồng hách, “con phải làm điều gì cho bác Roger nhé.”

“Không,” Clemency nói. Bà bước tới trước một bước. Vẻ mặt thách thức. “Không. Không cần gì hết.”

Roger lóng ngóng bước tới chỗ Sophia như một con gấu to lớn hiền lành. Ông trườm mền nắm lấy hai tay cô.

“Bác không muốn lấy một xu, cháu gái thương yêu của bác. Chừng nào doanh nghiệp đó được thanh lý – hay sụp đổ, có vẻ thế thì đúng hơn – bác và Clemency sẽ đi Tây Ấn và sống một cuộc sống giản dị. Bác mà là kẻ quá khích thì đã ứng cử chức vụ lãnh đạo gia đình rồi” – ông cười toét miệng với Sophia – “nhưng chừng nào còn chưa làm được chuyện đó bác không muốn lấy một xu. Bác thực sự là người giản dị – cháu hỏi bác Clemency xem có đúng thế không.”

Một giọng nói không mong đợi vang lên. Đó là bà Edith de Haviland.

“Vây là tốt đẹp cả rồi,” bà nói. “Nhưng cháu cần quan tâm đến một việc. Nếu cháu bị phá sản, Roger, và sau đó cháu lánh đi đến nơi tận cùng trái đất mà Sophia không đưa tay ra giúp đỡ cháu thì sẽ có lời ra tiếng vào khiến cho Sophia không vui.”

“Miệng thế gian thì sao chứ?” bà Clemency nói giọng khinh thị.

“Clemency, chúng ta biết miệng thế gian không hề hấn gì tới cháu,” bà Edith de Haviland nói sắc nhọn, “nhưng Sophia sống trong thế giới này. Nó có trí có tâm tốt, và ta không nghi ngờ anh Aristide hoàn toàn có lý khi chọn nó gìn giữ tài sản của gia đình – không qua tay của hai đứa con trai mà cuộc sống của chúng có vẻ lạ kỳ đối với quan niệm của người Anh chúng ta. Nhưng ta nghĩ sẽ là vô phúc nếu con bé xử sự tham lam – và mặc cho Roger sụp đổ mà không tìm cách giúp đỡ bác nó.”

Roger đi qua chỗ bà đi. Ông ôm choàng lấy bà.

“Dì Edith ơi,” ông nói. “Dì là người con thương yêu – là người chiến đấu kiên cường, nhưng dì đã bắt đầu không hiểu. Clemency và cháu biết chúng cháu muốn gì và không muốn gì.”

Clemency, đột nhiên má hơi ửng đỏ, đứng lên thách thức mọi người.

“Không ai trong các người,” bà nói, “hiểu anh Roger. Không hề hiểu! Và

tôi cho rằng sẽ không bao giờ hiểu! Chúng ta đi nào, Roger.”

Hai người rời khỏi phòng trong khi ông Gaitskill hắng giọng và sắp xếp lại giấy tờ. Nét mặt của ông lộ rõ vẻ phản đối. Ông rất không thích cảnh tượng đã xảy ra. Rõ là thế.

Sau cùng đôi mắt tôi hướng về phía Sophia. Nàng đứng thẳng và đẹp bên lò sưởi, cảm hơi hắt lên, đôi mắt cương nghị. Nàng vừa được để lại một tài sản lớn, nhưng theo suy nghĩ của riêng tôi nàng bỗng trở nên cô độc làm sao. Giữa nàng và gia đình đã dựng lên một rào cản. Từ đây nàng bị tách biệt với họ, và tôi cho rằng nàng đã biết và đối mặt với điều đó. Ông lão Leonides đã đặt gánh nặng lên đôi vai nàng – ông biết điều đó và nàng cũng biết điều đó. Ông đã tin đôi vai nàng đủ vững chắc để chịu đựng, nhưng ngay lúc này đây tôi cảm thấy thương hại nàng mà không nói nên lời.

Cho đến bây giờ nàng không nói – quả thật nàng không có cơ hội để nói, giờ đây sớm muộn gì nàng cũng phải nói.

Tuy nhiên, bên dưới tình cảm yêu mến của gia đình nàng, tôi cảm thấy có sự thù địch ngấm ngầm. Ngay cả cái trò diễn xuất điệu dàng của bà Magda, tôi vẫn thấy có phảng phất ác ý. Và còn rất nhiều sóng ngầm đen tối chưa lộ lên trên mặt.

Luật sư Gaitskill lại hắng giọng dọn đường để phát biểu một cách chính xác và chuẩn mực.

“Cho phép tôi chúc mừng cô, cô Sophia.” Ông nói. “Cô là người phụ nữ rất giàu có. Tôi sẽ không khuyên cô làm gì vội. Tôi có thể ứng trước tiên cho sự chi tiêu thông thường. Nếu cô muốn trao đổi với tôi về những sắp xếp tương lai, tôi sẽ rất sung sướng cho cô những lời khuyên tốt nhất theo năng lực của tôi. Hãy cho tôi một cuộc hẹn tại khách sạn Lincoln khi cô đã có thời gian nghỉ xong mọi việc.”

“Còn Roger,” bà Edith de Haviland bắt đầu kéo nài.

Ông Gaitskill gật nhanh.

“Roger phải tự lo cho mình,” ông nói. “Anh ta đã trưởng thành rồi – à, năm mươi tư tuổi, nếu tôi nhớ không lầm. Bà biết đấy, ông Leonides hoàn toàn đúng. Roger không phải là nhà kinh doanh. Và sẽ không bao giờ.” Ông nhìn sang Sophia. “Nếu cô chống đỡ cho Công ty Cung cấp thực phẩm lại

trụ được, thì không nên có ảo tưởng rằng Roger sẽ quản lý nó thành công.”

“Tôi không nghĩ đến việc chống đỡ cho Công ty Cung cấp thực phẩm nữa,” Sophia nói.

Đây là lần đầu tiên Sophia nói. Giọng nàng dứt khoát và thực tế.

“Đó sẽ là một việc làm ngu ngốc,” nàng nói tiếp.

Gaitskill phóng một cái nhìn về phía nàng dưới cặp lông mày của ông và cười với chính mình. Sau đó ông giã từ mọi người và đi ra.

Một khoảnh khắc im lặng, nhận ra chỉ còn người trong nhà với nhau thôi.

Philip đứng thẳng người dậy.

“Tôi phải trở về thư viện,” ông nói. “Tôi đã mất rất nhiều thời giờ.”

“Cha...” Sophia nói ngập ngừng, gần như van nài.

Tôi cảm thấy nàng hơi run và lùi nhẹ khi ông Philip quay lại nhìn nàng bằng đôi mắt lạnh lùng căm ghét.

“Con phải tha lỗi cho cha vì không chúc mừng con,” ông nói. “Nhưng chuyện này khá sốc với cha. Cha không tin cha của cha lại làm nhục cha như vậy – ông ấy xem thường lòng tận tụy cả đời – đúng – lòng tận tụy của cha.”

Đây là lần đầu tiên, con người thực đã phá vỡ lớp vỏ kiềm chế lạnh lùng.

“Chúa ơi,” ông kêu lên. “Sao ông ấy lại làm vậy với tôi? Ông ấy luôn – luôn luôn – bất công với tôi.”

“Không, không đâu, Philip, cháu đừng nghĩ thế,” bà Edith de Haviland la lên. “Đừng xem điều đó lại là một sự sỉ nhục. Không phải đâu. Khi người ta già, họ trở nên như một đứa trẻ... Dì cam đoan với cháu chỉ là như thế... và lại, anh Aristide là người sắc sảo trong việc làm ăn. Dì thường nghe anh ấy nói có hai trách nhiệm chết...”

“Ông ấy không bao giờ quan tâm đến tôi,” Philip nói. Giọng ông trầm khàn. “Lúc nào cũng Roger – Roger. Được, ít ra” – một biểu hiện tức giận kỳ lạ trong dáng vẻ điển trai của ông – “cha cũng nhận ra Roger là một người khờ dại và thất bại. Nên ông cũng gạt Roger ra.”

“Còn con thì sao?” Eustace hỏi.

Giờ tôi mới để ý đến Eustace, tôi nhận thấy nó run rẩy vì giận dữ. Mắt nó

đỏ ngầu, và tôi cảm thấy có nước mắt trong đó. Giọng nó run rẩy vút lên cuồng loạn.

“Thật là nhục nhã!” Nó nói. “Một sự nhục nhã đáng nguyên rủa! Sao ông nội nữ làm thế với tôi? Sao ông nữ? Tôi là đứa cháu trai duy nhất. Sao ông nữ chọn Sophia thay vì tôi? Thật không công bằng. Tôi ghét ông ấy. Tôi ghét ông ấy. Tôi không bao giờ tha thứ cho ông ấy ngày nào tôi còn sống. Lão già bạo ngược chuyên chế. Tôi muốn ông ta chết đi. Tôi muốn thoát khỏi cái nhà này. Tôi muốn làm chủ lấy mình. Vậy mà giờ đây tôi phải bị Sophia bắt nạt và đối xử tàn tệ, và bị xem như một thằng ngốc. Tôi muốn chết đi...” Nó nghẹn ngào và vùng chạy ra khỏi phòng.

Bà Edith de Haviland tặc lưỡi một cái rõ to.

“Mất kiểm soát!” bà lầm bầm.

“Tôi hiểu cảm giác của nó,” Magda thét lên.

“Chắc chắn là hiểu rồi,” bà Edith nói giọng chanh chua. “Đứa con khốn khổ tội nghiệp! Tôi phải đi trông chừng nó.”

“Coi nào, Magda...” bà Edith vội chạy theo.

Những giọng nói khua hấn. Sophia vẫn đang nhìn Philip. Tôi nhận thấy một sự khản nài trong cái nhìn của nàng. Nếu đúng thế, sự khản nài của nàng không được đáp lại. Ông nhìn nàng lạnh lùng, hoàn toàn kiềm chế bản thân trở lại.

“Sophia, con chơi nước bài rất hay,” ông nói và bước ra khỏi phòng.

“Lời lẽ thật tàn nhẫn,” tôi kêu lên. “Sophia...”

Nàng dang hai tay đón tôi. Tôi ôm lấy nàng.

“Em yêu, thật nặng nề cho em.”

“Em biết họ nghĩ gì,” Sophia nói. “Ông nội già quái quỷ của em không nên đặt em vào tình huống này.”

Nàng vươn vai.

“Ông tin em có thể đảm đương được. Và em có thể. Em mong – em mong Eustace đừng suy nghĩ lung tung.”

“Nó sẽ qua được thôi.”

“Nó qua được à? Em nghi lắm. Nó thuộc loại người ủ ê nghiên ngẫm khủng khiếp. Và em không muốn cha em cảm thấy bị xúc phạm.”

“Mẹ em hẳn ổn.”

“Bà phiền đấy. Thật trái khoáy khi phải hỏi xin tiền con gái để đổ vào máy vở kịch. Anh còn chưa kịp trở lại lần nữa thì bà đã đeo bám em xin tiền để dựng vở Edith Thompson rồi.”

“Thế em sẽ nói sao? Nếu điều đó làm bà vui sướng...”

“Em sẽ nói *Không!* Đó là một vở kịch dở còn mẹ thì không diễn được vai đó. Làm vậy là ném tiền qua cửa sổ.” Tôi bật cười nhẹ. Tôi không thể không cười.

“Cười gì thế?” Sophia hỏi vẻ nghi ngờ.

“Anh đã bắt đầu hiểu tại sao ông nội em để lại tiền cho em. Sophia, em là một vị thần giữ cửa.”

Một cảm giác tiếc rẻ của tôi trong giờ phút này là Josephine nằm ngoài mọi việc. Con bé sẽ rất vui về những gì đã xảy ra.

Nó hồi phục nhanh và hy vọng sẽ trở về nhà một ngày gần đây, tiếc thay nó lại bỏ lỡ một sự kiện quan trọng.

Một buổi sáng, tôi, Sophia và Brenda đang ở trong khu vườn đá thì một chiếc xe hơi dừng trước cổng chính. Taverner và trung sĩ Lamb ra khỏi xe. Họ bước lên các bậc thềm và đi vào nhà.

Brenda vẫn đứng yên, nhìn chiếc xe chăm chăm.

“Lại những người đó nữa,” bà nói. “Họ trở lại, tôi tưởng họ đã thôi rồi – tôi tưởng mọi chuyện đã xong rồi.” Tôi thấy bà rùng mình.

Bà mới đến với hai chúng tôi mười phút trước. Vận chiếc áo khoác bằng lông sóc Mỹ, bà nói: “Nếu tôi không được thở khí trời và tập thể dục, tôi sẽ điên mất. Nếu tôi đi ra thì ngoài cửa, luôn có một phóng viên chờ phỏng vấn tôi. Tôi giống như bị giam lỏng. Không biết chuyện này tiếp tục đến bao giờ?”

Sophia nói cô cho rằng các phóng viên sẽ sớm mỏi mệt thôi.

“Bà có thể đi ra ngoài bằng xe hơi,” Sophia gợi ý.

“Tôi bảo cô là tôi muốn đi tập thể dục mà.” Rồi bất thần bà nói: “Cô sẽ sa thải Laurence phải không, Sophia. Tại sao?”

Sophia bình thản đáp:

“Nhà cháu đang có sắp xếp khác cho Eustace. Còn Josephine sẽ đi Thụy Sĩ.”

“Cô làm cho Laurence suy sụp. Ý cảm thấy cô không tin tưởng y.”

Sophia không trả lời, và đó là lúc chiếc xe của Taverner dừng lại trước cổng chính.

Đứng đó, rùng mình trong cái ẩm ướt của mùa thu, Brenda lẩm bẩm: “Họ muốn gì đây? Tại sao họ lại đến?”

Tôi nghĩ tôi biết tại sao họ đến. Tôi đã không nói gì với Sophia về những bức thư tôi tìm thấy chỗ các bể chứa nước, nhưng tôi biết họ đã đến gặp Viện trưởng Viện công tố.

Taverner bước ra khỏi nhà, băng qua lối cho xe chạy vào và bãi cỏ tiến về chỗ chúng tôi. Brenda run rẩy dữ dội hơn. “Anh ta muốn gì?” Bà lặp lại căng thẳng. “Anh ta muốn gì?”

Taverner đến trước mặt chúng tôi. Anh nói ngắn gọn bằng cái giọng công quyền, dùng những từ ngữ công quyền.

“Tôi có lệnh bắt giữ bà – bà bị buộc tội dùng eserine đầu độc ông Aristide Leonides vào ngày 19 tháng 9 vừa qua. Tôi phải cảnh báo để bà biết rằng bất cứ gì bà nói sẽ được dùng làm bằng chứng trước tòa.”

Bà Brenda hoảng loạn. Bà kêu lên thất thanh. Bà bám vào tôi. Bà khóc thét. “Không, không, không, không đúng! Charles, hãy bảo họ điều đó không đúng! Tôi không có làm. Tôi không biết gì về chuyện đó. Tất cả là một âm mưu. Đừng để họ bắt tôi. Tôi đã nói với cậu điều đó không đúng... *Không đúng*... tôi không có làm gì cả...”

Thật là khủng khiếp – khủng khiếp không thể tưởng. Tôi cố an ủi bà. Tôi gỡ mấy ngón tay bà bấu vào cánh tay tôi. Tôi nói với bà sẽ sắp xếp tìm một luật sư cho bà – bà hãy yên lòng – luật sư sẽ lo mọi chuyện...

Taverner nhẹ nhàng nắm lấy khuỷu tay bà.

“Đi nào, bà Leonides,” anh nói. “Bà có muốn lấy mũ không? Không à? Vậy ta đi ngay bây giờ.”

Bà ghì lại, nhìn Taverner với cái nhìn của đôi mắt mèo mở to.

“Còn Laurence,” bà nói. “Các ông đã làm gì Laurence?”

“Ông Laurence Brown cũng bị bắt,” Taverner nói.

Bà rũ xuống. Người bà dường như đổ sụp và co rút lại. Nước mắt tuôn xuống mặt bà. Bà lặng lẽ đi với Taverner băng qua bãi cỏ đến chỗ chiếc xe hơi. Tôi thấy Laurence và trung sĩ Lamb ra khỏi nhà. Tất cả lên xe. Xe chạy đi.

Tôi hít một hơi thật sâu và quay sang Sophia. Mặt nàng tái nhợt và có vẻ đau khổ.

“Charles ơi, thật là khủng khiếp,” nàng nói. “Khủng khiếp quá.”

“Anh biết.”

“Anh phải tìm cho bà ấy một luật sư hạng nhất – giỏi hơn tất cả. Bà ấy – bà ấy phải có được tất cả sự giúp đỡ có thể có.”

Tôi nói, “Người ta không hiểu những chuyện như vậy là thế nào. Anh chưa bao giờ chứng kiến ai bị bắt.”

“Em biết. Người ta không biết gì cả.”

Cả hai chúng tôi lặng thinh. Tôi nghĩ đến gương mặt kinh hoàng tuyệt vọng của Brenda. Tôi cảm thấy có vẻ quen thuộc và bỗng nhiên tôi biết tại sao. Đó là biểu hiện tương tự tôi đã thấy trên gương mặt bà Magda Leonides ngày đầu tiên tôi đến Ngôi nhà Quái dị này lúc bà đang nói về vợ Edith Thompson.

“Và sau đó,” bà đã nói, “*là nỗi khiếp sợ hoàn toàn, cậu có nghĩ thế không?*”

Nỗi khiếp sợ hoàn toàn – điều đó đã thể hiện trên gương mặt Brenda. Brenda không phải là người tranh đấu. Tôi tự hỏi liệu có khi nào bà ta có gan giết người. Có thể bà không có gan. Nhưng có thể là Laurence Brown, vì sự mê đắm hành hạ, với tính cách cá nhân bất ổn, anh ta đã đổi nước chứa của một lọ này sang lọ khác – một hành động hết sức dễ dàng – để giải thoát cho người đàn bà mà anh ta yêu.

“Vậy là qua rồi,” Sophia nói.

Nàng thở dài, rồi hỏi:

“Nhưng tại sao bây giờ lại bắt họ? Em tưởng không đủ chứng cứ.”

“Có một số chứng cứ đã được đưa ra ánh sáng. Những bức thư.”

“Ý anh là những bức thư tình họ viết cho nhau?”

“Đúng.”

“Họ có khủng mới giữ các bức thư đó.”

Quả đúng thế. Họ khủng. Một loại khủng điên có vẻ không bao giờ biết

lợi dụng kinh nghiệm của người khác. Các tờ báo hằng ngày không ngày nào mà không thấy vài trường hợp khủng khiếp như thế – say mê gìn giữ thư tình, những chứng từ bảo đảm tình yêu.

“Quả thật là đại đột,” tôi nói. “Nhưng bạn tâm làm gì. Chẳng phải chúng ta lâu nay đã luôn hy vọng là điều này sao? Đó chẳng phải là lời em nói ngay đêm đầu tiên tại khách sạn Mario sao? Em đã nói tất cả điều hợp lý nếu có đúng người phải giết chết ông nội em. Brenda là đúng người rồi, phải không? Brenda hay Laurence?”

“Đừng, Charles, anh làm em cảm thấy khủng khiếp quá.”

“Nhưng chúng ta phải có óc xét đoán. Sophia, giờ chúng ta có thể cười nhau rồi. Em không thể bắt anh chờ đợi lâu hơn nữa. Gia đình Leonides không còn có thể cản trở.”

Nàng nhìn tôi chăm chăm. Trước giờ tôi chưa từng nhìn thấy đôi mắt xanh sáng long lanh của nàng.

“Đúng,” nàng nói. “Em cho rằng gia đình em đã thoát khỏi chuyện này. Chúng ta *cũng* thế, phải không. Anh có chắc không?”

“Em thân yêu của anh, trong gia đình em không còn một ai bị nghi là có động cơ đen tối nữa.”

Mặt nàng đột nhiên trở nên trắng bệch.

“Charles, ngoại trừ em. *Em* có động cơ.”

“Đúng, dĩ nhiên...” tôi bác lại. “Nhưng thật sự không phải. Em đâu biết gì về bản di chúc.”

“Nhưng em biết, Charles,” nàng thì thầm.

“Sao?” tôi chăm chú nhìn nàng. Đột nhiên tôi cảm thấy lạnh.

“Em đã biết ông nội để tài sản lại cho em lâu nay rồi.”

“Bằng cách nào?”

“Ông nói với em. Khoảng nửa tháng trước khi ông bị giết. Ông bỗng nói với em: ‘Sophia, ông để tất cả tài sản lại cho cháu. Cháu phải chăm lo cho gia đình khi ông không còn nữa.’”

Tôi nhìn nàng chăm chăm.

“Em không hề nói với anh.”

“Không. Anh thấy đấy, khi mọi người nghe đọc bản di chúc và thấy ông ký tên, em tưởng có lẽ ông đã nhầm lẫn – ông chỉ tưởng tượng ra việc để tài sản lại cho em. Hoặc nếu ông có lập di chúc để tài sản lại cho em, thì chắc là ông đã làm mất và không bao giờ lập lại. Em không muốn có bản di chúc lập lại đó – em sợ.”

“Em sợ? Tại sao?”

“Em cho là em – sợ bị giết.”

Tôi nhớ đến vẻ kinh hoàng trên gương mặt bà Brenda – một nỗi kinh hoàng vô căn cứ. Tôi nhớ đến cái hoảng loạn hoàn toàn giả tạo mà bà Magda đã làm trò khi bà nghĩ cách diễn vai một kẻ giết người. Không có sự hoảng loạn trong đầu của Sophia, nhưng là một con người thực tế nên nàng có thể thấy rõ những người còn lại trong gia đình sẽ nghi ngờ nàng. Giờ tôi hiểu rõ hơn (hay tôi tưởng thế) việc từ chối hứa hôn và khăng khăng buộc tôi phải tìm ra sự thật. Không có gì ngoài sự thật, nàng đã nói thế, là điều tốt cho nàng. Tôi nhớ nàng đã nói về niềm đam mê, về sự xứng đáng.

Chúng tôi đi về nhà và bỗng nhiên, trong một tích tắc, tôi nhớ đến một lời nói khác của nàng.

Nàng đã nói nàng cho rằng nàng có thể giết ai đó, nhưng nếu phải làm thế, nàng nói thêm, thì phải vì chuyện gì thực sự đáng.

Vòng qua khu vườn đá, Roger và Clemency đang bước nhanh về phía chúng tôi. Bộ đồ len của Roger trông vừa vặn hơn bộ đồ ông mặc khi đi làm. Ông có vẻ hăng hái và phấn khích. Clemency thì đang cau mày.

“Chào hai cháu,” Roger lên tiếng. “Bác cứ tưởng họ sẽ không bao giờ bắt người đàn bà ghê tởm đó chứ. Bác không biết họ còn chờ cái gì. Giờ thì họ đã tóm ả và tên bạn trai khốn nạn của ả – bác mong họ treo cổ cả hai.”

Clemency càng cau mày hơn. Bà nói:

“Đừng nhần tâm như vậy, anh Roger.”

“Nhần tâm? Máu lạnh đầu độc một ông già tin cậy mình và vô phương tự vệ – và khi anh vui mừng vì những kẻ giết người bị bắt và sẽ phải đền tội thì em cho là anh nhần tâm! Anh nói cho em biết, anh muốn tự tay treo cổ người đàn bà đó.” Ông lại nói: “Lúc cảnh sát đến bắt bà ấy, có phải bà ta đang ở đây với các cháu không? Bà ta phản ứng ra sao?”

“Khủng khiếp lắm,” Sophia nhỏ giọng nói. “Bà ấy sợ đến mất hết hồn vía.”

“Đáng đời.”

“Đừng quá thù hận,” Clemency nói.

“Ôi, anh biết, em yêu, nhưng em không hiểu đâu. Ông ấy là cha anh. Anh yêu cha anh. Em có hiểu không? Anh yêu ông ấy.”

“Em hiểu mà,” Clemency nói.

Roger nói với vợ, nửa đùa cợt:

“Em không có óc tưởng tượng gì cả, Clemency à. Giả sử anh là người bị đầu độc...”

Tôi thấy một cái chớp nhanh trên đôi mi của bà, đôi bàn tay hơi siết lại. Bà gắt: “Đừng nói như thế kể cả nói đùa.”

Chúng tôi đi về phía ngôi nhà. Roger và Sophia đi trước, còn tôi và Clemency theo sau. Bà nói:

“Tôi nghĩ – giờ họ sẽ cho chúng tôi đi chứ?”

“Bà không lo lắng khi ra đi à?”

“Tôi mệt mỏi quá rồi.”

Tôi nhìn bà ngạc nhiên. Bà tiếp cái nhìn của tôi với một nụ cười phảng phất tuyệt vọng và một cái gật đầu.

“Charles, cậu không thấy sao, tôi chiến đấu suốt? Chiến đấu cho hạnh phúc của tôi. Cho Roger. Tôi đã rất sợ gia đình thuyết phục anh ấy ở lại nước Anh. Chúng tôi tiếp tục hòa lẫn vào giữa bọn họ, bị nghẹt thở vì phải sống chung. Tôi sợ Sophia sẽ lại giao cho anh ấy một số tiền và anh ấy sẽ ở lại nước Anh, vì điều đó có nghĩa đem đến cho tôi sự tiện nghi và thoải mái. Điều khó khăn đối với Roger là anh ấy không chịu nghe. Anh ấy có suy nghĩ riêng trong đầu – những suy nghĩ không bao giờ đúng. Anh ấy ấy không biết gì cả. Là người thuộc dòng họ Leonides nên Roger cho rằng hạnh phúc của một người đàn bà là sự tiện nghi và tiền bạc. Nhưng tôi phải chiến đấu cho hạnh phúc của tôi – tôi sẽ đưa Roger đi khỏi đây và đem đến cho anh ấy một cuộc sống phù hợp với mình, nơi đó Roger không bao giờ cảm thấy thất bại. Tôi muốn tôi và Roger xa lánh tất cả mọi người – ngay bây giờ...”

Bà thấp giọng nói với một vẻ vội vàng tuyệt vọng khiến tôi giật mình. Tôi đã không nhận ra bà lo lắng đến thế nào. Và tôi cũng không hiểu hết cảm giác cần thiết và chiếm hữu mà bà dành cho ông Roger.

Khiến tôi chợt nhớ câu nói của bà Edith de Haviland. Bà đã nói đến ‘khía cạnh tôn sùng thần tượng’ với âm điệu kỳ lạ. Tôi tự hỏi có phải bà ấy nghĩ đến Clemency không.

Còn Roger, tôi nghĩ, yêu thương cha ông hơn bất cứ người nào khác, hơn cả vợ ông, mặc dù ông hết lòng với vợ. Lần đầu tiên tôi nhận ra bà Clemency khao khát muốn giữ lấy ông chồng cho riêng mình khẩn trương đến độ nào. Tôi hiểu tình yêu dành cho Roger chính là toàn bộ cuộc sống của bà. Ông là con trai, là người chồng và người yêu của bà.

Một chiếc xe dừng lại trước cổng chính.

“A,” tôi nói. “Josephine đã trở về kìa.”

Josephine và bà Magda ra khỏi xe. Đầu con bé vẫn còn băng xung quanh nhưng trông nó có vẻ khỏe.

Nó nói ngay: “Con muốn đi xem cá kiểng của con,” và đi liền đến chỗ chúng tôi và hồ cá.

“Con yêu,” bà Magda la con gái. “Con vào nhà và nằm một tí thì tốt hơn, và nên dùng một ít súp dinh dưỡng.”

“Mẹ đừng lo,” Josephine nói. “Con hoàn toàn khỏe, và con ghét súp dinh dưỡng.”

Magda trông có vẻ không biết phải làm sao. Tôi biết Josephine đã khỏe có thể xuất viện từ mấy hôm trước rồi, và chỉ vì gợi ý của Taverner mới khiến con bé phải ở lại đó thêm. Anh nói không được mạo hiểm sự an toàn của Josephine cho đến khi nào những kẻ mà anh ta nghi ngờ được cho vô tù.

Tôi nói với bà Magda: “Cháu dám nói không khí trong lành rất tốt cho con bé. Cháu sẽ trông nó.”

Tôi chặn Josephine lại trước khi nó đến được hồ cá.

“Có rất nhiều chuyện đã xảy ra khi em không ở đây,” tôi nói.

Josephine không trả lời. Nó đưa mắt nhìn vào hồ cá.

“Em không thấy Ferdinand,” nó nói.

“Ferdinand nào?”

“Là con cá bốn đuôi.”

“Loại đó khá lạ. Anh thích con màu vàng sáng này.”

“Loại này thường thôi.”

“Anh không thích con ăn nhậy màu trắng này.”

Josephine ném cho tôi một cái nhìn khinh mạn.

“Đó là con *shubunkin*^[17]. Nó đắt hơn cá vàng rất nhiều.”

“Josephine, bộ em không muốn biết chuyện gì đã xảy ra à?”

“Em nghĩ em biết chuyện gì rồi.”

“Em có biết một bản di chúc khác đã được tìm thấy và ông nội để tất cả

tài sản lại cho chị Sophia không?”

Josephine gật đầu với cái vẻ buồn chán.

“Mẹ đã nói cho em biết. Vả lại, em biết từ lâu.”

“Ý em là em đã nghe ở bệnh viện?”

“Không, ý em là em biết ông nội để tài sản lại cho chị Sophia. Em đã nghe ông nói thế.”

“Em lại nghe lén?”

“Vâng, em thích nghe lén.”

“Làm vậy xấu lắm, và em nên nhớ điều này, nghe lén không tốt cho chính kẻ làm chuyện đó.”

Josephine ném cho tôi một cái nhìn kỳ lạ.

“Em đã nghe họ nói về em với mẹ em, nếu đó là ý anh muốn nói.” Nó nói thêm: “Bà Nannie sẽ nổi sùng nếu bắt gặp em nghe lén ngoài cửa. Bà nói một tiểu thư không nên làm những chuyện như vậy.”

“Bà ấy nói đúng đấy chứ.”

“Ồi giào,” Josephine nói. “Thời bây giờ không có mệnh phụ tiểu thư gì hết. Người ta nói thế vào thời Nhóm Tư vấn^[18] kia.” Nó phát âm các từ một cách trịnh trọng.

Tôi chuyển chủ đề.

“Em về hơi trễ sau một sự kiện lớn,” tôi nói. “Chánh thanh tra Taverner đã bắt Brenda và Laurence.”

Tôi trông đợi thấy Josephine, trong nhân cách thám tử trẻ của con bé, sẽ xúc động trước tin này, nhưng con bé chỉ lặp lại cái vẻ buồn chán làm tôi điên cả người.

“Em biết.”

“Em không thể biết. Chuyện mới xảy ra tức thì.”

“Chiếc xe đó chạy ngang qua em trên đường. Thanh tra và viên thám tử đi đôi ủng da ở trong xe cùng với Brenda và Laurence. Do vậy em biết họ đã bị bắt. Em hy vọng ông Taverner cảnh báo thỏa đáng với họ. Anh cũng thế, anh biết mà.”

Tôi đảm bảo với nó Taverner đã làm đúng nghi thức quy định.

“Anh đã phải cho ông ấy biết về các bức thư,” tôi nói với vẻ xin lỗi. “Anh tìm thấy chúng sau bể chứa nước. Nếu em không bị đánh vào đầu thì anh đã để em tự nói với ông ấy rồi.”

Josephine thận trọng đưa tay lên đầu.

“Em đáng lẽ phải chết,” nó nói giọng tự mãn. “Em đã bảo anh đã đến lúc có vụ giết người thứ hai rồi mà. Bể chứa nước là nơi tệ hại để giấu các bức thư. Em đoán ra ngay điều đó khi một ngày nọ Laurence lò mò đến đây. Ý không phải là người cần làm những việc như sửa vòi nước, ống nước hay cầu chì, do vậy em biết y đang giấu cái gì.”

“Nhưng anh nghĩ...” tôi ngừng bật vì có tiếng gọi đầy quyền uy của bà Edith de Haviland: “Josephine, Josephine, đến đây ngay.”

Josephine thở dài.

“Lại nặng xì nữa rồi,” nó nói. “Nhưng tốt hơn là em phải đi. Anh cũng thế. Đó là bà dì Edith.”

Nó chạy băng qua bãi cỏ. Tôi chậm rãi theo sau.

Sau vài lời trao đổi, Josephine vào nhà. Tôi theo bà Edith de Haviland ra terrace.

Sáng nay trông bà già hẳn. Tôi ngạc nhiên nhận thấy những nét hằn mệt mỏi và đau khổ trên gương mặt bà. Trông bà kiệt sức và suy sụp. Bà nhìn ra vẻ lo âu trên mặt tôi và cố gượng cười.

“Con bé có vẻ không sao cả qua những cuộc phiêu lưu mạo hiểm của nó,” bà nói. “Trong tương lai, chúng ta phải trông chừng con bé nhiều hơn. Cho đến khi – ta nghĩ giờ thì sẽ không cần nữa?” Bà thở dài rồi nói: “Ta sung sướng vì mọi chuyện đã qua. Nhưng quả là một thảm cảnh! Nếu cháu bị bắt vì giết người, ít ra cháu còn có tư thế đảng hoàng. Ta không chịu nổi loại người như Brenda, suy sụp và la ré. Không chút can đảm. Laurence Brown trông giống như một con thỏ bị dồn vào đường cùng.” Một chút thương cảm âm thầm nảy ra trong tôi.

“Tội nghiệp cho họ,” tôi nói.

“Đúng – tội nghiệp cho họ. Cô ta sẽ tự biết lo cho mình mà, ta nghĩ thế?”

Ý ta là có những luật sư giỏi – cho những chuyện như thế.”

Thật là kỳ lạ, tôi nghĩ, cả nhà đều ghét Brenda, và sự lo lắng chân thành của họ muốn cho bà ấy có được sự biện hộ hiệu quả.

Bà Edith tiếp tục:

“Sự việc sẽ kéo dài bao lâu? Toàn bộ sự việc sẽ mất bao lâu?”

Tôi nói tôi không biết chính xác. Họ sẽ bị cảnh sát luận tội, sau đó đưa ra tòa. Tôi ước chừng ba hay bốn tháng. Nếu bị kết tội, họ có thể chống án.

“Cậu có nghĩ họ sẽ bị kết tội không?”

“Cháu không biết. Cháu không biết chính xác cảnh sát có bao nhiêu chứng cứ. Có những bức thư.”

“Những bức thư tình – họ *đã* là tình nhân.”

“Họ đã yêu nhau.”

Mặt bà nghiêm nghị hơn.

“Charles, ta không vui gì chuyện đó. Ta không ưa Brenda. Thời gian qua, ta ghét ả rất nhiều. Ta đã nói nhiều điều không hay về ả. Nhưng giờ thì – ta mong cho ả có cơ may – mọi cơ may có thể có. Aristide chắc cũng mong thế. Ta cảm thấy mình muốn thấy – thấy Brenda được xét xử công bằng.”

“Còn Laurence?”

“Laurence à!” bà nhún vai sốt ruột. “Đàn ông phải biết lo cho mình. Nhưng Aristide không bao giờ tha thứ cho chúng ta nếu...” Bà bỏ lửng câu nói.

Sau đó, bà nói:

“Chắc sắp đến giờ ăn trưa rồi. Chúng ta nên đi vào thì hơn.”

Tôi nói tôi phải đi London.

“Bằng xe của cậu?”

“Vâng.”

“Hừm. Không biết cậu có thể cho ta đi cùng xe với cậu không. Ta nghĩ giờ chúng ta được phép đi ra ngoài rồi.”

“Dĩ nhiên cháu có thể, nhưng cháu nghĩ Magda và Sophia sẽ đi lên London sau bữa ăn trưa. Bà sẽ thoải mái với họ hơn là trong xe hai chỗ ngồi

của cháu.”

“Ta không muốn đi cùng với chúng. Hãy cho ta đi với cậu, và đừng nhiều lời.”

Tôi ngạc nhiên, nhưng tôi làm theo lời bà. Tôi và bà không nói chuyện gì nhiều trên đường đi lên thành phố.

Tôi hỏi bà tôi ngừng xe ở đâu để cho bà xuống.

“Đường Harley.”

Tôi cảm thấy mơ hồ hiểu, nhưng tôi không nói lời nào.

Bà nói tiếp:

“Không, giờ còn quá sớm. Cho ta xuống Debenhams. Ta có thể ăn trưa ở đó rồi sẽ đến đường Harley.”

“Cháu hy vọng...” tôi vừa mở lời thì ngưng ngang.

“Đó là lý do tại sao ta không đi cùng Magda. Nó bị kịch hóa mọi chuyện. Quan trọng hóa quá đáng.”

“Cháu rất tiếc,” tôi nói.

“Không cần phải thế. Ta đã có một cuộc sống tốt đẹp. Một cuộc sống rất tốt đẹp.” Bà bỗng cười toét miệng. “Và nó chưa hết.”

Tôi không gặp cha tôi đã mấy ngày. Tôi thấy ông bận rộn với những vụ án khác không phải vụ Leonides, do vậy tôi đi tìm Taverner.

Taverner đang tận hưởng một đợt nhàn rỗi và sẵn lòng đi ra ngoài cùng uống với tôi. Tôi chúc mừng anh đã làm sáng tỏ vụ án, anh nhận lời khen ngợi của tôi, nhưng thái độ của anh chẳng có vẻ gì hơn hờ.

“Đúng, vụ án đã qua,” anh nói. “Chúng ta đã phá được vụ án. Không ai có thể phủ nhận chúng ta đã phá được vụ án.”

“Anh có nghĩ họ sẽ bị kết tội?”

“Khó nói. Chúng có lẽ gián tiếp – gần như khá sát cho một vụ giết người. Còn tùy thuộc rất nhiều vào ấn tượng mà họ thể hiện trước bồi thẩm đoàn.”

“Các bức thư đó có giá trị đến đâu?”

“Charles à, thoát nhìn, chúng rất bất lợi cho họ. Chúng nói đến tình cảm giữa họ với nhau khi ông chồng của Brenda mất. Các câu như ‘sẽ không bao lâu đâu’, anh nên biết, luật sư bào chữa cho họ sẽ cố vặn theo hướng khác – ông chồng đã quá già, dĩ nhiên, họ có lý khi mong ông chết. Thực sự không có đề cập đến việc hạ độc – trên giấy trắng mực đen – nhưng quả là có những đoạn có thể có ý nghĩa đó. Còn tùy thuộc chúng ta gặp quan tòa nào. Nếu là già Carberry, ông ta sẽ phán họ phạm tội. Ông ấy rất nghiêm khắc với chuyện yêu đương bất chính. Tôi nghĩ nếu họ có luật sư Eagles hay Humphrey Keer bào chữa – Humphrey rất nổi tiếng trong các vụ án như vậy – ông ấy thích những vụ án yêu đương hay việc gì đại loại như thế để ông ta gỡ hết ngón nghề. Một phản biện có lương tâm sẽ bẻ gãy kiểu làm của ông ta. Vấn đề sẽ là bồi thẩm đoàn có thích họ hay không. Anh không bao giờ có thể trao đổi với các vị bồi thẩm. Charles, anh biết đấy, cả hai người đó đều không có tính cách dễ gây cảm tình. Brenda là một phụ nữ xinh đẹp lấy một ông lão quá già vì tiền. Brown là một gã đầu óc có vấn đề. Tội ác quá quen thuộc – rất phù hợp với cái kiểu khiến bạn tin rằng họ làm việc đó. Dĩ nhiên,

tòa án có thể phán quyết gã đã làm việc đó còn bà ta thì không biết gì – hoặc bà ấy làm việc đó còn gã thì không biết gì – hoặc cả hai cùng làm việc đó.”

“Nhưng bản thân anh thì anh nghĩ gì?” tôi hỏi.

Anh ngậy mặt ra nhìn tôi.

“Tôi không nghĩ gì hết. Tôi đã lật đi lật lại các sự kiện và chuyển nó lên Viện trưởng Viện công tố. Và ở đây người ta cho đó là một vụ án. Chỉ thế thôi. Tôi đã làm hết bổn phận của mình và thế là xong. Charles, giờ anh hiểu rồi đấy.”

Nhưng tôi không hiểu. Tôi thấy có lý do gì đó khiến Taverner không vui mừng.

Mãi ba ngày sau tôi mới làm phiền cha tôi. Ông không hề nói cho tôi biết về vụ án. Đó là giới hạn bắt buộc giữa cha và tôi – tôi nghĩ là mình hiểu lý do. Nhưng tôi phải phá vỡ rào cản.

“Chúng ta phải xem như vụ án đã chấm dứt,” tôi nói. “Taverner không hài lòng về việc cho rằng hai người đó đã gây án – cả cha cũng không thỏa mãn.”

Cha tôi lắc đầu. Ông nói cái điều mà Taverner đã nói: “Nó nằm ngoài tầm tay của chúng ta. Có một vụ án phải giải quyết. Đừng hỏi gì về chuyện đó.”

“Nhưng cha không – Taverner cũng không – nghĩ rằng họ có tội.”

“Để cho tòa quyết định đi.”

“Ôi trời,” tôi kêu lên, “đừng làm con mất hứng bằng những thuật ngữ nghề nghiệp. Cha – và cả Taverner – nghĩ gì với *tư cách cá nhân*?”

“Ý kiến cá nhân của cha không hơn gì ý kiến của con đâu, Charles.”

“Hơn chứ. Cha có nhiều kinh nghiệm mà.”

“Vậy cha sẽ thành thật với con. Đúng là cha – không biết.”

“Họ *có thể* bị kết tội?”

“Đúng.”

“Nhưng cha không chắc họ đã phạm tội.” Cha tôi nhún vai.

“Ai có thể chắc được?”

“Cha, đừng giấu con. Những lần khác thì cha tin chắc mà, phải không?”

Như đinh đóng cột ấy? Không một chút nghi ngờ trong đầu.”

“Đôi khi thôi. Không phải luôn luôn.”

“Con hy vọng lần này cha tin chắc.”

“Cha cũng thế.”

Chúng tôi im lặng. Tôi nghĩ đến hai dáng người vật vờ trong khu vườn mù sương. Đơn độc, bị săn đuổi và sợ hãi. Họ đã sợ ngay từ đầu. Đó có phải là biểu hiện của lương tâm tội lỗi?

Nhưng tôi tự trả lời. “Không nhất thiết.” Cả Brenda và Laurence đều sợ cuộc đời – họ không tin vào bản thân mình, không tin họ có khả năng tránh được nguy hiểm và thất bại, và họ có thể thấy, rất rõ ràng, tình yêu bất chính tất yếu đưa đến việc họ có thể dính vào một vụ giết người bất cứ lúc nào.

Cha tôi nói, giọng ông trầm xuống nhưng dịu dàng:

“Nào, Charles, con hãy đổi mặt đi. Trong đầu con, vụ án vẫn còn. Có phải con cho rằng một người khác trong gia đình Leonides mới là kẻ thủ ác thực sự?”

“Không hẳn. Con chỉ tự hỏi...”

“Con đã nghĩ thế mà. Con có thể sai, nhưng con đã nghĩ thế.”

“Vâng,” tôi đáp.

“Tại sao?”

“Bởi vì” – tôi ngẫm nghĩ, cố nhận định cho rõ ràng – đem hết trí tuệ ra sử dụng – “bởi vì” (đúng, quả là vậy), “bởi vì chính họ cũng nghĩ như vậy.”

“Chính họ cũng nghĩ như vậy? Thú vị đây. Rất thú vị. Ý con là tất cả mọi người đều nghi ngờ lẫn nhau, hoặc là thực ra họ biết ai làm việc đó.”

“Con không chắc,” tôi nói. “Mọi chuyện rất tù mù và mơ hồ. Con nghĩ – nói chung – họ cố che giấu hiểu biết của mình về những người khác.”

Cha tôi gật đầu.

“Không phải Roger,” tôi nói. “Roger cả quyết chính là Brenda và muốn treo cổ bà ta. Nên con phải loại ông ta. Bởi vì ông ta là người đơn giản, trung thực, trong đầu ông ta không che giấu điều gì. Nhưng những người khác thì hôi tiếc, họ bứt rứt – họ giục con đảm bảo rằng Brenda có người bào chữa tốt

nhất – rằng bà có được mọi lợi thế có thể có – tại sao vậy?”

Cha tôi trả lời: “Bởi vì, trong thâm tâm họ, họ thực sự không tin Brenda phạm tội... Đúng, có vẻ vậy.”

Sau đó ông bình tĩnh hỏi: “Ai *có thể* làm điều đó? Con đã nói chuyện với tất cả bọn họ chưa? Ai là người có khả năng nhất?”

“Con không biết,” tôi nói. “Và điều đó làm con điên đầu. Không có ai phù hợp với ‘phác họa kẻ giết người’ của cha và con có cảm thấy – cảm thấy – một người trong bọn họ là kẻ giết người.”

“Sophia?”

“Không. Chúa ơi, không!”

“Charles, trong đầu con thì chuyện ấy có thể – đúng vậy đấy, con đừng phủ nhận. Và có sức thuyết phục hơn cả vì con sẽ không chấp nhận. Thế còn những người khác? Như Philip?”

“Có động cơ hoang đường nhất.”

“Động cơ có thể hoang đường – hoặc có thể chỉ là mơ hồ. Động cơ của ông ta là gì?”

“Ông ta ganh tị dữ dội với Roger – suốt cả cuộc đời. Sự ưu ái của ông già dành cho Roger làm cho Philip mất tự chủ. Roger gần như phá sản, ông lão biết chuyện đó. Ông hứa sẽ cho Roger làm lại sự nghiệp. Con giả sử Philip biết tin đó. Nếu ông lão chết đi, sẽ không có sự giúp đỡ cho Roger. Roger sẽ tiêu tủng. Ôi! Con biết đó chỉ là mơ hồ...”

“Ồ, không, không mơ hồ đâu. Bất bình thường, nhưng nó cũng xảy ra. Còn Magda?”

“Bà ta như trẻ con. Bà ta – bà ta quan trọng hóa mọi chuyện. Nhưng con sẽ không bao giờ nghĩ lại rằng bà ta có liên quan đến vụ án nếu như bà ta không vội vã muốn đưa Josephine đi Thụy Sĩ. Con không được được mà phải thấy là bà ta sợ Josephine biết hay có thể nói điều gì đó...”

“Sau đó Josephine bị đập vào đầu?”

“Vâng, nhưng không thể là mẹ nó!”

“Tại sao không?”

“Cha à, một bà mẹ không thể...”

“Con không có đọc tin tức của cảnh sát sao, Charles? Rất nhiều bà mẹ không ưa một trong những đứa con. Bà ta chăm lo cho những đứa khác – trừ một đứa. Có mối liên hệ, có lý do nào đó, nhưng thường thì rất khó hiểu. Nhưng khi nó xảy ra, đó là một sự tàn ác không lý giải được, và rất mạnh mẽ.”

“Bà ta gọi Josephine là đứa bị đánh tráo,” tôi miễn cưỡng thừa nhận.

“Con bé có phiền bực điều đó không?”

“Con không nghĩ nó phiền.”

“Còn ai khác? Roger thì sao?”

“Roger không giết cha. Con hoàn toàn chắc như thế.”

“Bỏ qua Roger. Còn bà vợ – tên bà ta là gì – Clemency?”

“Vâng,” tôi đáp. “Nếu bà ta giết ông Leonides thì đó là một lý do quái đản.”

Tôi thuật cho ông nghe cuộc đối thoại giữa tôi và Clemency. Tôi nói tôi cho rằng do quá yêu Roger, muốn đưa chồng rời khỏi nước Anh nên bà ta có ý nghĩ đầu độc cha chồng.

“Clemency thuyết phục Roger ra đi mà không nói cho cha chồng biết. Nhưng rồi ông lão cũng biết. Mọi hy vọng và kế hoạch của bà bị bể. Bà ta hết sức chăm lo cho Roger – quá cả thần tượng.”

“Con vừa lặp lại từ mà Edith de Haviland đã nói!”

“Vâng. Và bà Edith là một người nữa – không chừng đã gây án – mà con cần nhắc. Nhưng con không biết tại sao. Con chỉ biết tin rằng bà Edith tự cho mình có lý do thỏa đáng để làm việc đó. Bà ta có thể xem thường luật pháp. Bà ta thuộc loại người đó.”

“Và bà ta cũng đã rất lo Brenda không được bào chữa đàng hoàng?”

“Vâng, đúng thế. Con cho rằng đó là vì lương tâm. Con không nghĩ vào lúc này đây, bà có ý định buộc tội họ giết người.”

“Có thể không phải thế. Nhưng liệu bà ta có đập đầu con bé Josephine không?”

“Không đâu,” tôi nói chậm rãi. “Con không tin. Con nhớ Josephine đã nói

với con cái gì đó, cứ lảng vảng trong đầu con mà con không nhớ ra là cái gì. Con quên mất rồi. Điều duy nhất con có thể nhớ...”

“Đừng lo. Con sẽ nhớ lại thôi. Còn điều gì hoặc ai đó khác nữa trong đầu con không?”

“Còn ạ,” tôi nói. “Rất nhiều. Cha biết gì về bệnh bại liệt trẻ con. Hậu quả của bệnh đó đối với tính cách con người?”

“Eustace?”

“Vâng. Càng nghĩ về Eustace, con càng cho rằng dường như Eustace là người phù hợp hơn. Nó không ưa và thù ghét ông nội. Tính tình kỳ quặc và hay nổi cáu. Nó không bình thường. Nó là người duy nhất trong gia đình đó mà con cho rằng có thể đập đầu Josephine một cách lạnh lùng nếu như con bé biết chuyện chi liên quan đến nó – hay rất có khả năng biết về nó. Con bé biết mọi chuyện. Nó viết trong một cuốn sổ tay...”

Tôi dừng lời.

“Chúa ơi,” tôi kêu lên. “Con thật ngu quá.”

“Chuyện gì thế?”

“Giờ con mới biết cái gì sai lầm. Con và Taverner đã giả định sự tan hoang trong phòng Josephine, một sự sục sạo dữ dội, là vì tìm các bức thư. Con đã nghĩ con bé lấy được các bức thư đó và giấu chúng trong phòng chứa các bể nước. Nhưng bữa trước nói chuyện với con, nó nói rất rõ ràng là chính *Laurence* đã giấu các bức thư trong đó. Nó thấy Laurence từ trong phòng bể chứa nước đi ra, nó tò mò vào xem và tìm thấy các bức thư đó. Dĩ nhiên là nó đọc. Nó đọc được mà! Nhưng nó để các bức thư lại chỗ cũ.”

“Thì sao?”

“Cha không hiểu ư? *Không phải ai đó lục lọi phòng của Josephine để tìm các bức thư.* Phải là cái gì khác.”

“Và cái gì khác đó là...”

“Là quyển sổ màu đen con bé viết về ‘nghề trinh thám’ của nó. Đó mới chính là thứ mà người ta tìm kiếm! Con nghĩ người đó đã không tìm thấy. Con cho rằng Josephine vẫn còn giữ. Nhưng nếu vậy...” Tôi hơi nhồm dậy.

“Nếu quả như thế,” cha tôi nói, “con bé vẫn không an toàn. Con muốn nói

vậy chứ gì?”

“Vâng. Chừng nào chưa đi Thụy Sĩ thì con bé còn chưa thoát khỏi nguy hiểm. Cha biết đấy, họ đã lên kế hoạch đưa con bé qua đó.”

“Nó có muốn đi không?”

Tôi ngẫm nghĩ.

“Con không cho là nó muốn đi.”

“Như vậy có thể nó không đi,” cha tôi nói, giọng khô khan. “Nhưng ta nghĩ con có lý về sự nguy hiểm. Tốt hơn con nên đi xuống đó đi.”

“Eustace?” tôi kêu lên tuyệt vọng. “Hay Clemency?”

Cha tôi nhỏ nhẹ nói: “Theo ý cha, các sự kiện rõ là đang chỉ về một hướng... cha tự hỏi con không thấy điều đó à. Cha...”

Glover mở cửa.

“Xin lỗi, anh Charles, anh có điện thoại. Cô Leonides gọi từ Swinly Dean. Khẩn cấp.”

Có vẻ như lặp lại sự khủng khiếp. Có phải Josephine lại là nạn nhân. Và lần này kẻ giết người đã không phạm sai lầm...?

Tôi chạy vội đến chỗ điện thoại.

“Sophia? Charles đây.”

Giọng Sophia biểu lộ nỗi tuyệt vọng tột cùng. “Charles, chuyện chưa chấm dứt. Kẻ giết người vẫn còn ở đây.”

“Em nói gì thế? Đã xảy ra chuyện gì? Có phải – Josephine?”

“Không phải Josephine. Mà là Nannie.”

“Nannie?”

“Vâng, có tách cacao – cacao của Josephine, nó không uống. Nó để trên bàn. Vú Nannie nghĩ không nên bỏ phí. Thế là vú uống.”

“Tội nghiệp Nannie. Vú bị nặng lắm à?”

Sophia nức nở.

“Anh Charles ơi, vú đã *chết*.”

Chúng tôi lại trở về cơn ác mộng.

Tôi đã nghĩ như thế khi tôi và Taverner lái xe rời khỏi London. Có sự tái lập như chuyến đi ban đầu.

Taverner thỉnh thoảng lên tiếng nguyên rủa.

Còn tôi, từng lúc một, cứ lặp đi lặp lại một cách ngớ ngẩn vô ích: “Vậy thì không phải là Brenda và Laurence. Không phải Brenda và Laurence.”

Tôi đã thật sự nghĩ như thế sao? Tôi đã rất vui mừng khi nghĩ như thế. Vui mừng để sống kẻ khác, độc ác hơn...

Hai người họ đã phải lòng nhau. Họ đã viết cho nhau những bức thư tình lãng mạn. Họ đã cho phép họ có hy vọng người chồng già của Brenda sớm chết yên bình và hạnh phúc – nhưng tôi tự hỏi họ có thật sự mong muốn ông lão chết hay không. Tôi có cảm giác rằng những thất vọng và khao khát của cuộc tình bất hạnh phù hợp với họ hơn cuộc sống hôn nhân bình thường. Tôi không nghĩ Brenda thật sự yêu say đắm. Bà ta quá xanh xao, quá lãnh đạm. Bà ta thèm khát sự lãng mạn đó. Và tôi nghĩ Laurence cũng là dạng người vui sướng với thất bại và những ước mơ hạnh phúc mơ hồ trong tương lai hơn là thỏa mãn xác thịt.

Họ tự đưa mình vào bẫy, họ khiếp sợ nhưng không có đủ khôn ngoan để tìm đường thoát ra. Laurence, với sự đại dột khó tin, đã không tiêu hủy các bức thư của Brenda. Còn Brenda đã hủy các bức thư của y nên người ta không tìm thấy. Và không phải Laurence là người đặt cái chốt bằng cẩm thạch lên trên thành cánh cửa căn nhà bỏ hoang. Đó là một người khác còn ẩn sau chiếc mặt nạ.

Chúng tôi dừng xe trước cửa. Taverner đi ra và tôi theo sau anh. Có một người đàn ông ăn mặc đơn giản bên trong đại sảnh mà tôi không biết. Ông ta chào Taverner và Taverner kéo ông ta qua một bên.

Một đồng hành lý làm cho tôi chú ý. Chúng đã được dán nhãn và sẵn sàng để đưa đi. Khi tôi đang nhìn đồng hành lý, bà Clemency đi xuống thang lầu và băng qua cánh cửa mở ở cuối đại sảnh. Bà mặc váy dài đỏ bên ngoài khoác áo len cùng màu. Bà đội mũ dạ đỏ.

“Charles, cậu đến đúng lúc để chúng tôi già từ,” bà nói.

“Bà đi à?”

“Chúng tôi đi London tối nay. Máy bay của chúng tôi bay vào sáng sớm ngày mai.”

Bà ta bình tĩnh và mỉm cười, nhưng tôi thấy đôi mắt bà cảnh giác.

“Nhưng chắc chắn bà không thể đi ngay bây giờ.”

“Tại sao không?” Giọng bà cứng rắn.

“Vì với cái chết...”

“Cái chết của Nannie không liên can gì đến chúng tôi.”

“Có thể không. Nhưng cũng giống như...”

“Tại sao cậu nói ‘có thể không’? Việc đó *không* liên can gì đến chúng tôi. Tôi và Roger ở trên lầu, sắp xếp cho xong hành lý. Chúng tôi không có xuống đó bất cứ lúc nào khi tách ca cao để trên bàn trong đại sảnh.”

“Bà có thể chứng minh không?”

“Tôi có thể làm chứng cho Roger. Và Roger có thể làm chứng cho tôi.”

“Không ai nữa à... Nên nhớ, hai người là vợ chồng.”

Bà nổi giận.

“Charles, hết chịu nổi cậu rồi! Roger và tôi đi ra nước ngoài – để sống cuộc sống của chúng tôi. Vậy hà cớ gì chúng tôi đầu độc một bà già ngu ngơ dễ thương không làm gì hại chúng tôi?”

“Có thể bà không có ý đầu độc bà ta.”

“Chúng tôi cũng chẳng có gì phải đầu độc một đứa trẻ.”

“Điều đó tùy thuộc vào đứa trẻ, phải vậy không?”

“Cậu muốn nói gì?”

“Josephine hoàn toàn không phải là một đứa bé bình thường. Nó biết khá

nhiều về mọi người. Nó...”

Tôi ngừng nói. Josephine đã xuất hiện từ chỗ cửa dẫn vào phòng khách. Nó đang ăn quả táo quen thuộc và bên trên quả táo, đôi mắt nó lấp lánh một niềm vui lém lỉnh.

“Nannie bị đầu độc,” nó nói. “Giống y như ông nội. Sôi động khủng khiếp, phải không?”

“Em không thấy sợ gì cả à?” Tôi nghiêm nghị hỏi nó. “Em không ưa bà ta à?”

“Không đặc biệt lắm. Bà ta luôn la rầy em hết việc này đến việc khác. Bà ta phiền lắm.”

“Josephine, cháu có ưa thích ai không?” bà Clemency hỏi.

Josephine xoay đôi mắt lém lỉnh nhìn bà Clemency.

“Cháu thương bà dì Edith,” nó đáp. “Cháu thương bà dì Edith lắm. Cháu có thể thương anh Eustace, dù anh ấy luôn đối xử tệ bạc với cháu và không quan tâm đến việc tìm ra sự thật ai là thủ phạm.”

“Josephine, em đừng cố tìm ra sự thật là tốt hơn cả,” tôi nói. “Không an toàn chút nào.”

“Em không tìm ra sự thật gì nữa,” Josephine nói. “Em biết mà.”

Có một lúc yên lặng. Đôi mắt của Josephine nhìn dán vào Clemency, trang nghiêm và không chớp. Một tiếng như tiếng thở dài vọng đến tai tôi. Tôi quay ngoắt nhìn quanh. Bà Edith de Haviland đứng giữa chùng thang lầu – nhưng tôi không nghĩ bà là người đã thở dài. Tiếng động đó đến từ phía sau cánh cửa mà Josephine vừa mới đi qua.

Tôi bước vội đến cánh cửa ấy và bất ngờ kéo mạnh. Không có ai cả.

Tuy nhiên tôi rất bối rối. Có ai đó vừa đứng sau cánh cửa và đã nghe những lời Josephine nói. Tôi quay trở lại và nắm cánh tay Josephine. Nó đang ăn táo và thản nhiên nhìn Clemency. Đằng sau cái sự thản nhiên đó, tôi cho rằng có một sự khoái trá hiểm ác.

“Đi nào, Josephine,” tôi nói. “Chúng ta cần phải nói chuyện một chút.”

Tôi nghĩ Josephine sẽ phản đối, nhưng tôi sẽ không đời nào để yên cho nó. Tôi kéo mạnh con nhỏ về phần nhà dành cho nó. Có một căn phòng nhỏ

không dùng tới, ở đây chúng tôi chắc không bị quấy rầy. Tôi đưa nó vào phòng, đóng chặt cửa, và bảo nó ngồi lên một chiếc ghế. Tôi lấy một chiếc ghế khác và kéo lại ngồi đối diện với nó. “Josephine,” tôi nói, “giờ chúng ta sẽ phải thẳng thắn. Chính xác em đã biết những gì?”

“Cả đồng chuyện.”

“Anh không nghi ngờ điều đó. Cái đầu của em nhồi nhét quá thừa thãi thông tin liên quan hay không liên quan. Nhưng em có hiểu rõ ý anh không?”

“Dĩ nhiên em hiểu. *Em đâu có ngu.*”

Tôi không biết tôi hay cảnh sát bị chê bai, nhưng tôi không quan tâm và tôi tiếp tục:

“Em biết ai bỏ thuốc độc vào tách ca cao của em?”

Josephine gật đầu.

“Em biết ai đầu độc ông em?”

Josephine lại gật đầu

“Và ai đập lên đầu em?”

Josephine lại gật đầu.

“Như vậy em biết hết . Em phải nói cho anh nghe tất cả những việc đó – ngay bây giờ.”

“Không đâu.”

“Em phải nói. Bất cứ thông tin nhỏ nhoi nào em có được hay tìm thấy được đều phải báo cho cảnh sát.”

“Em không báo gì cho cảnh sát cả. Họ ngốc lắm. Họ cho rằng Brenda làm chuyện đó – hoặc Laurence. Em không ngu như thế đâu. Em biết rõ họ không làm điều đó. Em biết ngay từ đầu ai đã làm, sau đó em làm một loại trắc nghiệm – và giờ em biết em đúng.” Nó kết thúc với vẻ đắc thắng.

Tôi cầu trời cho tôi sự bình tĩnh và bắt đầu lại.

“Nghe này, Josephine, anh dám nói em là người rất khôn ngoan...” Nó nhìn tôi vẻ hài lòng. “Nhưng sự khôn ngoan của em không có lợi cho em đâu nếu em không còn sống để thụ hưởng các sự kiện. Bộ em không thấy sao hả,

con bé điên rồ này, em mà đại dốt giữ bí mật của em càng lâu, em càng nguy hiểm đến nơi?”

Josephine gật đầu đồng ý. “Dĩ nhiên em biết.”

“Giờ em có hai lối thoát rất nhỏ hẹp. Một là số phận của chính em. Hai là số phận của một ai khác. Em không thấy nếu em tiếp tục bỏ mặc gia đình và không chịu nói ra ai là kẻ giết người thì người ta sẽ mất công truy tìm lâu hơn nữa – và có thể em sẽ bị giết hay là một người khác sẽ bị?”

“Trong một số quyển sách, người ta bị giết lần lượt,” Josephine cao giọng giảng giải. “Anh xác định được thủ phạm bởi vì y hay ả là người duy nhất còn sống.”

“Đó chỉ là chuyện trinh thám. Còn đây là Ba Đầu Hối, Swinly Dean, em là con nhỏ ngốc nghếch đọc quá nhiều nên ngộ chữ. Anh sẽ buộc em phải nói ra những gì em biết. Nếu không anh sẽ tra hỏi em cho đến chừng nào em chịu há miệng.”

“Em có thể kể cho anh nghe những điều không đúng sự thật.”

“Em có thể, nhưng em không làm thế. Thế em đang chờ đợi điều gì?”

“Anh không hiểu gì cả,” Josephine nói. “Có thể em không bao giờ nói. Anh xem, em có thể – thương yêu một người.” Nó ngừng lại như để lời nói thấm sâu. “Và nếu em nói ra,” nó tiếp tục, “em sẽ nói một cách đàng hoàng. Em sẽ mời mọi người ngồi xung quanh, sau đó em nói ra tất cả – với các bằng chứng, sau đó em sẽ nói, hết sức đột ngột: ‘Người đó chính là *anh*...’”

Bất thần nó đưa ngón tay trở ra đúng lúc bà Edith de Haviland bước vào phòng.

“Josephine, quăng hột táo vào giỏ đựng rác đi,” bà Edith nói. “Cháu đã có khăn tay chưa? Các ngón tay của cháu nhớp quá. Bà sẽ đưa cháu ra xe.” Đôi mắt bà nhìn tôi đầy ý nghĩa khi bà nói: “Cháu sẽ an toàn hơn khi không ở đây trong vòng một vài tiếng.” Thấy Josephine có vẻ phản đối, bà Edith nói thêm: “Chúng ta sẽ đi Longbridge và ăn kem xôđa lạnh.”

Mắt Josephine sáng lên, nó nói: “Hai phần.”

“Có thể,” bà Edith nói. “Giờ ta đi, nhớ lấy mũ, áo khoác và chiếc khăn choàng cổ màu xanh đậm. Hôm nay trời lạnh. Charles, cậu nên đi với nó cho

đến khi nó lấy xong đồ là tốt hơn. Đừng rời xa nó. Tôi cần viết mấy cái thư.”

Bà ngồi vào bàn. Tôi hộ tống Josephine ra khỏi phòng. Cho dù không có lời cảnh báo của bà Edith, tôi vẫn theo sát Josephine như đĩa đeo.

Tôi tự nhủ sự hiểm nguy của con bé là rất gần kề.

Lúc tôi kết thúc việc canh chừng Josephine tại phòng vệ sinh thì Sophia đi vào phòng. Nàng ngạc nhiên thấy tôi ở đây.

“Charles, sao anh lại trở thành bảo mẫu vậy? Em không biết anh ở đây.”

“Em đi Longbridge với bà dì Edith,” Josephine nói, giọng quan trọng. “Em sẽ được ăn nhiều kem.”

“Rừ, vào một ngày lạnh như thế này á?”

“Kem xôđa lạnh lúc nào cũng ngon,” Josephine nói. “Khi bị lạnh bên trong, sẽ cảm thấy nóng bên ngoài.”

Sophia chau mày. Nàng có vẻ lo lắng, và tôi đau lòng thấy vẻ xanh xao và đôi mắt quầng thâm của nàng.

Chúng tôi trở lại căn phòng ban sáng. Bà Edith vừa dán xong hai phong bì. Bà nhanh nhẩu đứng dậy.

“Chúng ta đi nào,” bà nói. “Ta đã bảo Evans đưa chiếc xe Ford tới.”

Bà bước ra khỏi đại sảnh. Chúng tôi đi theo bà.

Tôi lại chú ý nhìn những chiếc vali và các nhãn dán màu xanh. Không hiểu sao, trong tôi xuất hiện một nỗi lo sợ mơ hồ.

“Quả là một ngày đẹp trời,” bà Edith nói, bà mang găng tay vào, và nhìn lên bầu trời. Chiếc Ford 10 đang chờ trước cửa. “Lạnh – nhưng dễ chịu. Đúng là một ngày mùa thu nước Anh. Những cành cây rụng lá vươn lên bầu trời trông đẹp làm sao – và vài chiếc lá vàng còn treo lơ lửng...”

Bà im lặng một lúc, sau đó quay sang Sophia và hôn nàng.

“Tạm biệt, cháu yêu,” bà nói. “Chắc chắn có những chuyện phải đương đầu và chịu đựng. Cháu đừng lo lắng quá.”

Sau đó bà nói, “Đi nào, Josephine,” và bước vào trong xe. Josephine lên ngồi cạnh bà.

Cả hai vẫy tay chào khi xe chuyển bánh.

“Anh nghĩ bà có lý, nên đưa Josephine ra khỏi chỗ này một lúc thì tốt hơn. Nhưng Sophia nè, chúng ta phải làm sao cho con bé nói ra những gì nó biết.”

“Có thể nó không biết gì hết. Nó chỉ khoe khoang. Josephine thích làm ra vẻ quan trọng, anh biết mà.”

“Còn hơn vậy nữa. Họ đã biết được là chất gì trong tách ca cao chưa?”

“Họ cho rằng đó là digitalin. Bà di dùng digitalin để trị bệnh tim. Bà có một lọ đựng đầy các viên thuốc nhỏ để trong phòng. Giờ cái lọ đó không còn gì.”

“Lẽ bà phải giữ những thứ như thế trong tủ khóa lại chứ.”

“Bà có làm thế. Nhưng em cho rằng ai đó đã không khó khăn gì tìm thấy chỗ bà cất giấu chìa khóa.”

“Ai đó? Ai?” Tôi lại nhìn đồng hành lý. Tôi chợt nói to: “Họ không thể đi. Họ không được phép đi.”

Sophia có vẻ ngạc nhiên.

“Bác Roger và Ckemency à? Charles, anh không nghĩ...”

“Vậy, *em* nghĩ thế nào?”

Sophia dang hai tay ra tỏ vẻ bất lực.

“Charles, em không biết,” nàng nói nhỏ. “Em chỉ biết em lại bị – lại bị ác mộng...”

“Anh biết. Đó là những lời anh tự nói khi cùng Taverner xuống đây.”

“Quả đúng là ác mộng. Đi giữa những người mình quen biết, nhìn vào mặt họ – bỗng nhiên mặt họ thay đổi – trở thành người xa lạ – một người xa lạ ác độc...” Nàng la lên: “Charles, mình ra ngoài đi – ra ngoài đi. Bên ngoài an toàn hơn... Em sợ ở lại trong ngôi nhà này quá...”

Chúng tôi ở trong vườn một lúc lâu. Như có thỏa thuận ngầm, chúng tôi không nói đến nỗi kinh hoàng đang đè nặng chúng tôi. Tuy nhiên Sophia nói nhiều về bà vú Nannie đã chết. Nàng nói những chuyện bà đã làm, những trò chơi cùng với lũ trẻ – các câu chuyện bà thường kể cho chúng nghe về Roger và cha của chúng, các anh các chị khác.

“Bà xem bọn trẻ như con ruột. Bà trở lại giúp nhà em trong thời gian chiến tranh lúc Josephine còn ẵm ngửa và Eustace là một cậu bé con nghịch ngợm.”

Sophia thấy được an ủi trong những ký ức đó, nên tôi khuyến khích nàng nói.

Tôi tự hỏi Taverner đang làm gì. Đang thăm vấn các người làm, tôi cho là vậy. Một chiếc xe chở người chụp ảnh của cảnh sát và hai người khác chạy đi và một xe cứu thương chạy tới.

Sophia hơi rùng mình. Xe cứu thương chạy đi, tôi biết xe đưa thi thể bà Nannie đi làm pháp y.

Và chúng tôi vẫn ở lại trong vườn, đi tới đi lui và nói chuyện với nhau – những lời nói càng lúc càng trở thành bức màn che đậy những suy nghĩ thật của chúng tôi.

Sau cùng, với một cái rùng mình, Sophia nói:

“Đã quá trễ rồi – gần như đã tối. Chúng ta nên vào nhà thôi. Bà dì Edith và Josephine cũng chưa về... Giờ chắc trên đường trở về?”

Sự bất an mơ hồ trở dậy trong tôi. Đã có chuyện gì chẳng? Có phải bà Edith cố tình đưa con bé đi khỏi Ngôi nhà Quái dị?

Chúng tôi vào nhà. Sophia kéo tất cả các rèm cửa. Lò sưởi đã được đốt lên và căn phòng khách rộng lớn trông có vẻ hài hòa với không gian sang trọng của một thời đã qua. Những chậu hoa cúc màu nâu vàng lớn đặt trên

bàn.

Sophia bầm chuông, một cô hầu gái mà tôi đã biết mang trà ra. Mắt cô ta đỏ và thút thít liên tục. Tuy nhiên tôi nhận thấy cô vẫn còn sợ hãi nên đôi mắt cứ nhìn qua nhìn lại láo liên.

Magda vào với chúng tôi, nhưng trà dành cho Philip được đem đến thư viện. Vai diễn của bà Magda là một hình tượng chết đuối vì đau buồn. Bà chẳng nói gì cả, chỉ hỏi: “Dì Edith và Jesophine đâu? Trễ quá rồi?” Bà hỏi cho có hỏi.

Nhưng sự bất an càng lúc càng tăng lên trong chính bản thân tôi. Tôi hỏi Taverner còn ở trong nhà không, Magda trả lời bà nghĩ rằng còn. Tôi đi tìm anh. Tôi nói với anh tôi lo cho bà Edith và Josephine.

Anh lập tức bước tới chỗ điện thoại và đưa ra một số chỉ thị.

“Khi có tin gì tôi sẽ báo cho anh biết,” anh nói.

Tôi cảm ơn anh và trở lại phòng khách. Sophia đang ở cùng với Eustace. Bà Magda đã đi ra.

Tôi nói với Sophia: “Anh ấy sẽ báo cho chúng ta nếu có tin.”

Nàng nói giọng nhỏ nhẹ:

“Có chuyện gì vậy, Charles, *hẳn là* có chuyện gì đã xảy ra.”

“Sophia yêu dấu, chưa quá trễ mà.”

“Anh chị lo âu điều gì vậy?” Eustace hỏi. “Biết đâu họ đi xem xinê.”

Nó đi ra khỏi phòng. Tôi nói với Sophia: “Bà dì có thể đưa Josephine đi khách sạn – hay lên tận London. Anh nghĩ bà biết con bé đang trong tình trạng nguy hiểm – có thể bà biết rõ hơn chúng ta.”

Sophia trả lời bằng một cái nhìn âm đạm mà tôi hoàn toàn không thể hiểu nổi.

“Bà hôn em và nói già từ.”

Tôi hoàn toàn không hiểu ý của nàng trong nhận xét rời rạc ấy, hay nó thể hiện điều gì. Tôi hỏi bà Magda có lo lắng không.

“Mẹ à? Không, mẹ vẫn như thường. Mẹ không có ý thức về thời gian. Mẹ đang đọc kịch bản mới của Vavasour Jones tên gọi *The Woman Disposes*.

Đó là một vở hài kịch về một vụ giết người – vợ của Yêu Râu Xanh – cóp từ vở *Arsenic and Old Lace*. Nhưng đó không phải là người đàn bà lương thiện, bà ta là một góa phụ có chứng cuồng điên.”

Tôi không nói gì thêm. Chúng tôi ngồi đọc báo.

Lúc sáu giờ rưỡi, Taverner mở cửa phòng bước vào. Nét mặt anh cho chúng tôi biết điều anh sẽ nói.

Sophia đứng dậy. Nàng hỏi: “Sao rồi?”

“Tôi rất tiếc. Tôi có tin buồn báo cho các bạn. Tôi đã gửi lệnh báo động về chiếc xe. Một người đi mô tô báo là nhìn thấy chiếc xe Ford có biển số giống như các con số đó đã rẽ ra khỏi con đường chính tại Flackspur Heath – đi xuyên qua rừng.”

“Không – con đường mòn đi Mỏ đá Flackspur?”

“Đúng, cô Leonides.” Anh dừng lời đoạn nói tiếp, “Chiếc xe được tìm thấy trong mỏ đá. Cả hai người trên xe đều chết. Cô sẽ mừng vì họ bị chết ở bên ngoài.”

“Josephine!” Bà Magda đang đứng ở lối cửa vào. Bà kêu lên giọng thảm thiết. “Josephine... con yêu bé bỏng của mẹ.”

Sophia đến bên đưa hai tay ôm lấy bà. Tôi nói: “Hãy chờ một chút.”

Tôi chợt nhớ ra điều gì! Bà Edith de Haviland đã viết hai bức thư tại bàn, sau đó đi vào đại sảnh với hai bức thư trên tay. Nhưng thư lại không có trong tay bà khi bà lên xe hơi.

Tôi lao vào đại sảnh và đến chỗ cái tủ dài bằng gỗ sồi. Tôi tìm thấy hai bức thư – để hờ hững phía sau một bình trà lớn bằng đồng thau.

Bức thư trên gửi Chánh thanh tra Taverner.

Taverner đi theo sau tôi. Tôi đưa bức thư cho anh và anh xé phong bì. Tôi đứng bên cạnh anh và đọc nội dung ngắn gọn của bức thư.

Mong ước của tôi là thư này sẽ được mở ra sau khi tôi chết. Tôi không đi vào các chi tiết, nhưng tôi nhận chịu hoàn toàn trách nhiệm về cái chết của anh rể tôi, Aristide Leonides và Janet Rows (tức Nannie). Tôi long trọng tuyên bố Brenda Leonides và Laurence Brown vô can trong vụ giết ông Aristide Leonides. Theo lời của bác sĩ Michael Chavasse, 783 đường Harley,

tôi chỉ còn sống thêm vài tháng. Tôi thích lối thoát này, bảo vệ hai con người vô tội bị buộc tội giết người mà họ không có làm. Đầu óc tôi minh mẫn và tôi ý thức hoàn toàn về những gì tôi viết.

Edith Elfrida de Haviland.

Khi tôi đọc xong bức thư, tôi biết Sophia cũng đã đọc xong – dù có sự chấp thuận hay không của Taverner, tôi không biết.

“Bà dì Edith...” Sophia lẩm bẩm.

Tôi nhớ gót chân tàn bạo của bà Edith nghiền nát đám cỏ bìm bìm trên mặt đất. Tôi nhớ, kỳ thực là tưởng tượng, tôi đã sớm nghi ngờ bà. Nhưng, tại sao...

Sophia nói ra ý nghĩ trong đầu tôi trước khi tôi nhận ra.

“Nhưng Josephine? Tại sao bà lại đưa Josephine đi cùng bà?”

“Tại sao bà lại làm tới mức này?” tôi hỏi. “Động cơ của bà là gì?”

Ngay cả khi nói thế, tôi đã biết sự thực. Tôi thấy mọi việc rõ ràng. Tôi nhận ra mình đang cầm trong tay bức thư thứ hai. Tôi nhìn xuống và thư đề tên tôi.

Phong bì dày hơn và cứng hơn bức thư kia. Chưa mở ra tôi nghĩ mình đã biết cái gì đựng trong đó. Tôi xé phong bì theo chiều dọc, quyển sổ tay nhỏ màu đen của Josephine rơi xuống đất. Tôi cúi xuống nhặt nó lên – tôi mở ra và đọc thấy ngay ở trang đầu...

Tôi nghe tiếng của Sophia, như từ xa vọng lại, giọng nói rõ ràng và kiên chế.

“Tất cả chúng ta đều sai,” nàng nói. “Bà Edith không có làm.”

“Đúng,” tôi nói.

Sophia đến gần tôi hơn – nàng thì thầm:

“Là Josephine – phải không? Chính là Josephine.”

Tất cả chúng tôi nhìn vào trang đầu của quyển sổ tay màu đen, chữ viết còn nguệch ngoạc của một đứa trẻ:

“*Hôm nay tôi giết ông nội.*”

Sau đó tôi tự hỏi sao mình lại đui mù đến thế. Sự thật đã lộ rõ từ lâu. Josephine và chỉ Josephine mới phù hợp với các phẩm chất cần thiết đó. Tự phụ, luôn cho mình là người quan trọng, khoái nói, luôn tỏ ra *mình* khôn ngoan còn cảnh sát là ngu ngốc.

Tôi không bao giờ nghi ngờ Josephine vì nó là một đứa trẻ. Nhiều đứa trẻ đã phạm tội giết người nhưng vụ giết người này đặc biệt giỏi hơn các đứa trẻ giết người khác. Ông của nó đã chỉ ra phương pháp chính xác – thực tế ông đã cho nó một bản kế hoạch chi tiết. Điều nó cần làm là không để lại dấu vân tay, một hiểu biết sơ đẳng trong nghề thám tử sẽ dạy nó biết như thế. Mọi việc khác chỉ là mớ hồ lớn, nhặt nhanh một cách ngẫu nhiên từ cả đồng truyện trinh thám ly kỳ. Quyển sổ tay – công việc thám tử – sự ngờ vực giả vờ, khăng khăng sẽ không nói gì cho đến khi nào nó chắc chắn...

Và sau cùng là tự làm mình bị tấn công. Một màn dàn cảnh không thể tin được có thể làm con nhỏ tự giết mình. Nhưng vì là trẻ con, nó không hề nghĩ đến khả năng đó. Nó là một nữ anh hùng. Nữ anh hùng không bị giết. Có một chứng cứ ở nơi đây – những dấu vết trên mặt ghế trong ngôi nhà bị bỏ hoang. Josephine là người duy nhất đã leo lên ghế để đặt khối cẩm thạch lên thành cửa. Dễ nhận thấy lần đầu nó bị thất bại (các vết lõm trên sàn nhà). Nó kiên nhẫn leo lên ghế làm lần thứ hai, nó gói khối cẩm thạch trong khăn choàng để tránh để lại dấu vân tay. Lần này khối cẩm thạch rơi xuống – nó thoát chết trong gang tấc.

Một sự dàn cảnh tuyệt hảo – đúng theo ý đồ của nó! Nó ‘biết điều gì đó’, nó đang gặp nguy, nó bị tấn công.

Tôi hiểu nó đã cố tình làm cho tôi chú ý việc nó có mặt tại phòng chứa các bể nước. Nó đã hoàn thành việc lục tung đồ đạc trong phòng mình trước khi đi ra nhà giặt bỏ hoang.

Khi nó từ bệnh viện trở về, khi biết Brenda và Laurence bị bắt, hẳn là nó

không vừa ý. Vụ án xem như đã xong – và nó – Josephine nằm ngoài vụ án.

Thế nên nó ăn cắp thuốc digitalin trong phòng của bà Edith và bỏ vào tách ca cao của chính mình và để tách ca cao chưa ai đụng tới trên bàn.

Làm sao nó biết bà Nannie sẽ uống tách ca cao đó? Rất có thể. Từ những lời nó nói sáng hôm nay, nó thù ghét bà Nannie chỉ trích nó. Có lẽ, bà Nannie, có nhiều kinh nghiệm về cuộc sống của trẻ con, nên đã nghi ngờ chẳng? Tôi cho rằng bà Nannie luôn biết Josephine là một con bé không bình thường. Phát triển trí tuệ đã đi chậm hơn ý thức đạo đức của nó. Còn có thể, các yếu tố khác về di truyền – cái mà Sophia gọi là ‘sự nhẫn tâm của gia đình’ – đã cùng nhau hội tụ.

Con bé thừa hưởng sự nhẫn tâm sâu đậm từ gia đình của bà nó, sự ích kỷ tự cao tự đại của Magda, chỉ biết có quan điểm của mình. Nó có sự nhạy cảm của Philip, nó chịu sự nhục nhã khi bị cho là đứa bé không xinh đẹp – một đứa con bị đánh tráo – của gia đình. Sau cùng, trong con người nó có dòng máu của ông lão Leonides. Nó là cháu nội ông Leonides, nó giống ông về trí tuệ và tính xảo quyệt – nhưng tình thương của nó không hướng về gia đình và bạn bè, mà hướng về bản thân nó.

Tôi nghĩ ông lão cảm nhận được điều mà cả gia đình không cảm nhận được: Josephine có thể là nguồn tai họa cho người khác và cho chính nó. Ông giữ không cho nó đến trường vì sợ những điều mà nó có thể làm. Ông che chở cho nó và giữ nó trong nhà. Và giờ tôi cũng hiểu vì sao ông khẩn trương bảo Sophia trông chừng con bé.

Quyết định đột ngột của Magda gửi Josephine ra nước ngoài – có phải cũng vì sợ cho con bé? Chắc không phải, có thể, đó là một sự lo sợ từ trong tim, bản năng của tình mẫu tử mơ hồ nào đó.

Còn bà Edith de Haviland? Phải chăng bà là người nghi ngờ đầu tiên, bà sợ hãi – sau cùng biết rõ?

Tôi đọc tiếp bức thư trong tay tôi.

Cậu Charles thân mến!

Đây là lời tâm tình với cậu – và với Sophia nếu cậu quyết định thế. Rất cần cho ai muốn biết sự thật. Ta tìm thấy quyển sổ tay này trong chuồng chó đã không dùng nữa bên ngoài cửa sau. Con bé đã giấu ở đấy. Nó xác nhận

điều mà ta đã nghi ngờ. Hành động mà ta làm có thể đúng hay sai – ta cũng không biết nữa. Nhưng dù sao đi nữa, cuộc sống của ta sắp sửa kết thúc, và ta không muốn con bé chịu đựng cái mà ta tin nó phải chịu đựng cho những việc nó đã làm.

Thường là một kẻ rác rưởi ‘hoàn toàn sai trái’. Nếu như ta sai, Chúa sẽ tha thứ cho ta – nhưng ta làm điều này bằng tình yêu. Cầu Chúa phù hộ cho cả hai cháu.

Edith de Haviland.

Hơi do dự một lúc đoạn tôi đưa bức thư cho Sophia.

Cả hai chúng tôi cùng mở ra quyển sổ tay nhỏ màu đen.

Hôm nay tôi đã giết ông nội.

Tôi lật một số trang. Đó là một sản phẩm đáng ngạc nhiên. Thật hấp dẫn, tôi hình dung, cho một nhà tâm lý học. Rõ ràng một cách khủng khiếp, thể hiện cơn thịnh nộ của sự ích kỷ lệch lạc. Duyên do của vụ giết người được làm rõ, rất trẻ con và không thỏa đáng một cách đáng thương.

Ông nội không cho tôi học múa ballet nên tôi quyết định tôi sẽ giết chết ông. Sau đó chúng tôi đi London sống, mẹ sẽ không phiền chuyện tôi học múa ballet.

Tôi lật thêm vài trang nữa. Tất cả đều có ý nghĩa.

Tôi không muốn đi Thụy Sĩ – tôi sẽ không đi. Nếu mẹ bắt tôi đi tôi cũng sẽ giết mẹ – chỉ có điều tôi không có thuốc độc. Có lẽ tôi sẽ làm ra thuốc độc với youberries. Nó là loại cây có độc, sách nói thế.

Hôm nay Eustace làm tôi rất nổi sùng. Anh bảo tôi chỉ là con gái vô dụng và việc làm thám tử của tôi là ngốc nghếch. Anh sẽ không cho tôi là ngốc nghếch nếu anh biết tôi là kẻ giết người.

Tôi thích anh Charles – nhưng anh ấy khá ngu. Tôi chưa quyết định tôi sẽ giết ai. Có thể là Brenda và Laurence – Brenda không tử tế với tôi – bà ta nói tôi không là gì cả ở nhà này, nhưng tôi thích Laurence – anh kể cho tôi nghe chuyện Charlot Korday – bà này giết ai đó trong bồn tắm. Bà ta không khôn khéo tí nào.

Lần cập nhật cuối cùng đã cho biết.

Tôi ghét Nannie... tôi ghét bà ta... tôi ghét bà ta... Bà ta nói tôi chỉ là một cô con gái nhỏ. Bà nói tôi hay khoe khoang... Bà ta khiến mẹ đưa tôi ra nước ngoài... Tôi cũng sẽ giết bà ta – tôi nghĩ thuốc của bà Edith có thể làm được chuyện đó. Nếu có một vụ giết người khác, cảnh sát sẽ lại đến, nhà sẽ lại bán loạn nữa. Nannie đã chết. Tôi sung sướng, tôi chưa quyết định giấu cái lọ chứa các viên thuốc bé tí xíu ở chỗ nào. Có thể trong phòng của bác Clemency hay phòng của Eustace. Khi tôi già chết đi tôi sẽ để lọ thuốc lại và gửi cho Cảnh sát trưởng và họ sẽ biết tôi thật sự là một tội phạm vĩ đại như thế nào.

Tôi đóng cuốn sổ tay lại. Nước mắt của Sophia tuôn nhanh.

“Ôi Charles – ôi Charles ơi – khủng khiếp quá. Em nó đúng là con quý nhỏ – nhưng quả thật vô cùng đáng thương.”

Tôi cũng cảm thấy như thế.

Tôi rất thích Josephine... Tôi vẫn cảm thấy thương yêu nó... Bạn không bớt ưa thích ai nếu người đó bị bệnh lao hay bị bệnh nguy hiểm nào khác. Josephine thì, như Sophia đã nói, là con quý nhỏ, nhưng mà là con quý nhỏ đáng thương. Nó sinh ra với tính khí lập dị – một đứa bé quái dị trong Ngôi nhà Quái dị.

Sophia hỏi: “Nếu – nó còn sống – chuyện gì sẽ xảy ra?”

“Anh cho rằng nó sẽ được gửi đến một trại cải tạo hay một trường chuyên biệt. Sau đó nó có thể được thả – hay bị giữ lại, anh không biết.”

Sophia nhún vai.

“Còn tốt hơn là như vậy. Nhưng bà dì Edith – em không thích bà bị quy tội.”

“Bà đã chọn cách làm đó. Anh nghĩ chuyện này sẽ không công bố. Anh cho rằng khi Brenda và Laurence ra tòa, không có chứng cứ nào buộc tội họ và họ sẽ được trắng án.”

“Còn em, Sophia,” tôi nói, nắm lấy hai tay nàng, lần này giọng tôi khác hẳn, “em sẽ lấy anh chứ. Anh vừa nghe tin anh được bổ nhiệm đi Ba Tư. Chúng ta sẽ cùng nhau đến đó, và em sẽ quên Ngôi nhà Quái dị. Mẹ em sẽ tiếp tục diễn kịch, cha em có thể mua nhiều sách hơn và Eustace sẽ sớm vào

một trường đại học. Em đừng nghĩ đến họ nữa. Hãy nghĩ đến anh.”

Sophia nhìn thẳng vào mắt tôi.

“Charles, anh không sợ cưới em sao?”

“Tại sao anh lại sợ? Những điều khủng khiếp nhất của gia đình đã hội tụ trong con bé đáng thương Josephine. Còn trong em, Sophia, anh hoàn toàn tin rằng những điều tốt đẹp nhất và dũng cảm nhất của gia đình Leonides đã truyền lại cho em. Ông em đã đánh giá cao về em và ông có vẻ là người thường quyết đoán đúng. Em hãy ngẩng đầu lên, em thân yêu. Tương lai nằm trong tay chúng ta.”

“Charles, em sẽ như thế. Em yêu anh và sẽ lấy anh, và làm cho anh hạnh phúc.”

Nàng nhìn xuống quyền sở tay.

“Josephine đáng thương.”

“Tội nghiệp Josephine,” tôi nói.

* * *

“Charles, sự thật là như thế nào?” cha tôi hỏi.

Tôi không hề nói dối ông Già.

“Không phải bà Edith de Haviland,” tôi đáp. “Là Josephine.”

Cha tôi nhẹ nhàng gật đầu.

“Đúng vậy,” ông nói. “Lâu nay cha đã nghĩ thế. Tội nghiệp con bé...”

HẾT

• Chú thích •

[1] Topsy Nhân vật trong truyện *Túp lều của bác Tom* của nhà văn Mỹ Harriet Beecher Stowe.

[2] Athene Seyler (1889-1990) là nữ diễn viên người Anh, nổi tiếng trong nhiều phim ảnh của Anh từ 1930 đến 1960.

[3] Vua Cophetua với cô hầu nghèo: theo truyền thuyết, Cophetua và một vị vua ở châu Phi nổi tiếng kém hấp dẫn đối với phụ nữ. Một hôm nhìn qua cửa sổ lâu đài hoàng cung ông thấy một người ăn xin trẻ (nàng Penelophon) thiếu quần áo. Bị tiếng sét ái tình, Cophetua quyết định phải lấy cô ăn xin đó làm vợ không thì sẽ tự tử. Bước ra đường, ông rải những đồng tiền cho những người ăn xin nhặt và khi Penelophon tiến tới, ông bảo cô hãy làm vợ ông. Cô đồng ý và trở thành hoàng hậu, và mau chóng giũ bỏ mọi dấu vết nghèo khổ và tầng lớp thấp của mình. Nhà vua và hoàng hậu sống “cuộc đời yên ả” nhưng được thần dân vô cùng yêu mến. Cuối cùng họ chết và an táng trong cùng một nấm mộ.

[4] Jezebel : Theo Cựu ước, Jezebel là vợ của vua Ahab. Vị vua này thích một vườn nho gần cung điện của mình nhưng chủ vườn nho nhất định không chịu bán. Hoàng hậu Jezebel dùng thủ đoạn vu cáo chủ vườn nho khiến ông này bị ném đá đến chết, và Jezebel chiếm lấy vườn nho cho chồng mình. Khi tội ác của bà bị phanh phui, Jezebel bị triều đình ném qua cửa sổ lâu đài và xác bà bị chó hoang ăn thịt.

[5] Thủ tướng và buổi chiều: Trong tiếng Anh, prime minister nghĩa là thủ tướng viết tắt là P.M; ngoài ra P.M. là viết tắt của *post meridiem* theo tiếng Latinh có nghĩa là “post noon” nghĩa là sau 12 giờ trưa, tức là buổi chiều.

[6] *Voysey Inheritance* là vở kịch năm màn của nhà viết kịch người Anh Harley Granville-Barker (1877-1946) viết trong khoảng năm 1903-1905. Vở kịch được trình diễn lần đầu ở Nhà hát Hoàng gia (Royal Court Theatre) năm 1905, và được tái dựng ở Royal Court năm 1965, ở Nhà hát Quốc gia năm 1989 và trong năm 2006. Cốt truyện nói về một người thừa kế phát hiện doanh nghiệp gia đình mà anh thừa hưởng lừa đảo thân chủ đã nhiều năm vì ông bố anh lấy tiền của họ đầu cơ bất hợp pháp. Tệ hơn nữa, anh phát hiện gia đình lớn sợ tai tiếng của anh biết rõ việc này nhưng cứ để cho nó tiếp

diễn còn hơn là đối mặt với nhục nhã vì bại lộ trước công luận.

[7] Thước là đơn vị đo của Anh, yard, tương đương 0,914m.

[8] Pritchard - tức Edward William Pritchard (1825-1865) - là một bác sĩ người Anh bị kết tội giết vợ và mẹ vợ bằng cách đầu độc. Ông ta còn bị tình nghi đã giết một hầu gái, nhưng chưa bao giờ bị đưa ra tòa xét xử.

[9] Con nhện nói với con ruồi *The Spider and the Fly* (*Nhện và ruồi*) là bài thơ của Mary Howitt (1799-1888), xuất bản năm 1829. Câu đầu tiên của bài thơ là câu Nhện nói với Ruồi: “Will you walk into my parlour?” (“Vào chỗ của ta đi?”) Bài thơ kể chuyện một con nhện gian xảo gài bẫy một con ruồi ngây thơ bằng cám dỗ và nịnh bợ. Bài thơ là câu chuyện cảnh giác với những kẻ dùng lời đường mật để che giấu ý đồ xấu xa thực sự của mình.

[10] Cain là con thứ tư của Adam và Eva, đã giết em trai mình là Abel. Thiên Chúa trừng phạt Cain bằng sự lưu đày vĩnh viễn không bao giờ có được cuộc sống yên ổn. Thiên Chúa còn phán rằng bất cứ ai giết Cain sẽ bị trừng phạt gấp bảy, và đánh dấu lên Cain để mọi người đều nhận ra.

[11] Edith Thompson (1893-1923) và Frederick Edward Francis Bywaters (1902-1923): đôi tình nhân người Anh bị xử tử vì tội giết chết chồng của Thompson là Percy.

[12] Watson là bạn của thám tử Sherlock Holmes trong các tiểu thuyết trinh thám của nhà văn Anh Arthur Conan Doyle.

[13] Gainsborough tức Thomas Gainsborough (1727-1788), họa sĩ người Anh.

[14] Các nhân vật và sự kiện xảy ra trong thời Cách mạng Tư sản Pháp (1789).

[15] *The Ancient Mariner* là bài thơ dài nhất của nhà thơ người Anh Samuel Taylor Coleridge (1772-1834), viết từ năm 1797-1798 và xuất bản năm 1798 trong ấn bản *Lyrical Ballads* đầu tiên.

[16] Chaucer tức Geoffrey Chaucer (1343-1400), nổi tiếng là cha đẻ của văn chương Anh, được xem là nhà thơ người Anh vĩ đại nhất thời Trung cổ và là nhà thơ đầu tiên được an táng trong Góc thơ (Poets' Corner) của Tu viện Westminster.

[17] Shubunkin, nghĩa đen là “kim tuyến đỏ”, là một giống cá vàng có vảy ánh xà cừ, nguồn gốc từ Nhật Bản.

[18] Nhóm Tư vấn nguyên văn “Brains Trust” là thuật ngữ chỉ nhóm tư vấn của Tổng thống Franklin Roosevelt, tổng thống thứ 32 của Hoa Kỳ (nhiệm kỳ từ 4 tháng 3 năm 1933 đến 12 tháng 4 năm 1945). *Crooked House* là tiểu thuyết trinh thám của Agatha Christie xuất bản lần đầu ở Mỹ năm 1949.